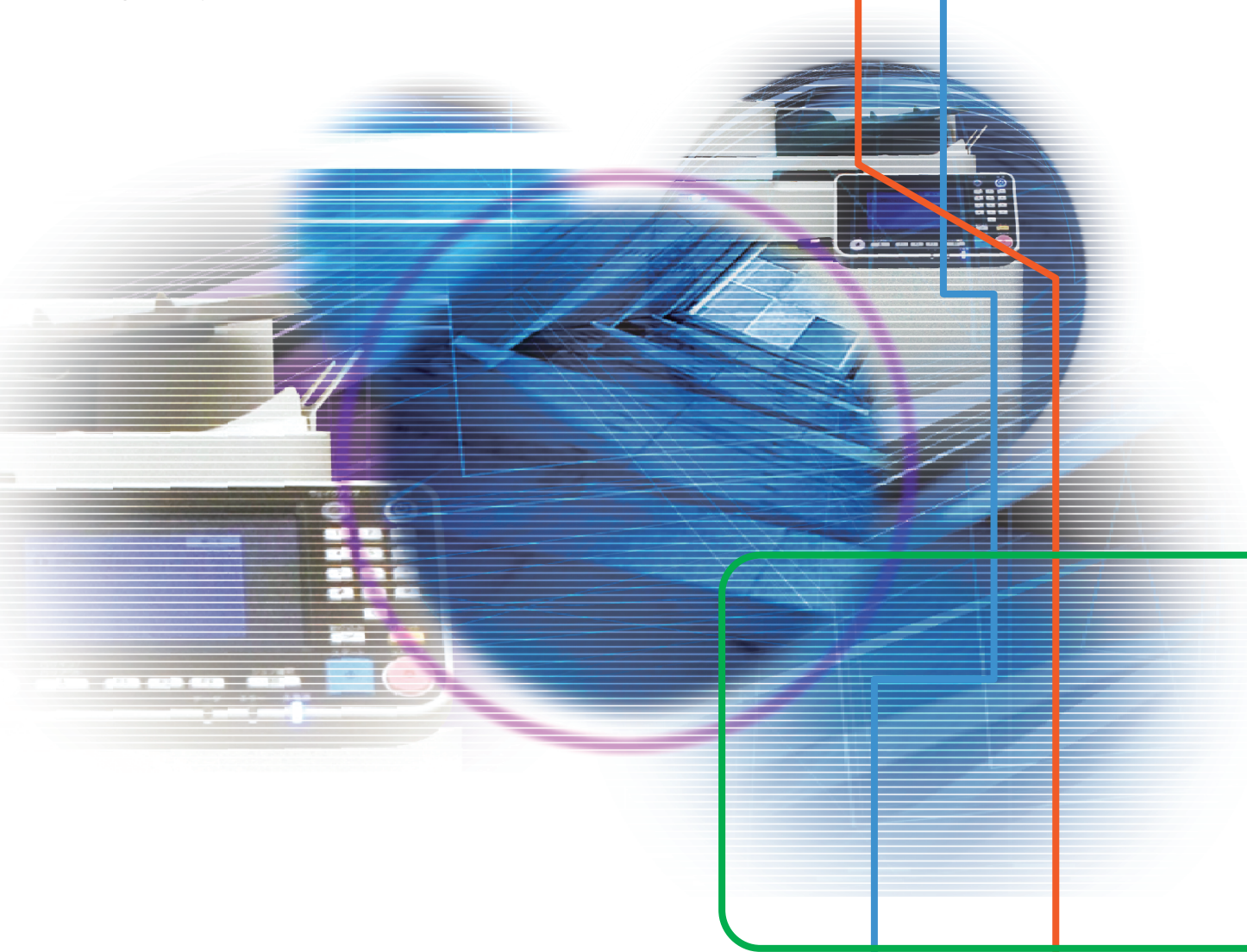


Hướng dẫn Sử dụng

Hướng dẫn này mô tả toàn bộ tính năng vận hành và thông số kỹ thuật.



ComColor GD Series
9630/9630R/9631/9631R/7330/7330R

Các tùy chọn và chức năng thay đổi tùy theo model.

	ComColor GD9630/GD9630R ComColor GD7330/GD7330R	ComColor GD9631/GD9631R
Khay Nạp (1,2 và 3)	✓	N/A*
Khả năng kết nối Wrapping Envelope Finisher (tùy chọn)	✓	N/A

✓: Có

N/A: Không có

* Chức năng [B.gốc K.cỡ.khộp], [Thêm Bìa], [Tám Nệm] và [Ch.tiếp Khay Giấy] ở chế độ Sao chép, chế độ In và chế độ Bộ nhớ không khả dụng. Chức năng [In Giấy Nhiều phần] của trình điều khiển máy in không khả dụng. Chức năng [B.gốc K.cỡ.khộp] ở chế độ Quét chỉ khả dụng để đọc.

Thiết bị này tuân thủ yêu cầu của các cuộc kiểm tra phế thải theo nhãn môi trường Đức "RAL-UZ171".



THẬN TRỌNG

Sau khi đọc hướng dẫn này, hãy lưu giữ hướng dẫn ở vị trí thuận tiện để tham khảo sau này.

"Lưu ý về An toàn" được cung cấp trong phần Thông tin An toàn bổ sung. Hãy đảm bảo đọc kỹ các lưu ý này trước khi sử dụng.

Giới thiệu về Hướng dẫn này

Lời nói đầu

Cảm ơn bạn đã mua sản phẩm ComColor GD Series.

Sản phẩm ComColor GD Series này là máy in phun mực tương thích với mạng và in màu tốc độ cao.

Máy này sử dụng năm màu mực - lục lam, đỏ tươi, vàng, đen và xám - để biểu thị mức độ thay đổi màu trơn tru, đồng thời cải thiện khả năng tái tạo những vùng sáng và mật độ màu đen khi in màu. Bên cạnh khả năng in ra dữ liệu và quản lý máy in từ máy tính, bạn có thể sử dụng máy này cùng với máy quét tùy chọn để có các chức năng khác nhau, như sao chép bản gốc và lưu hoặc sử dụng dữ liệu đã quét.

Năm hướng dẫn mô tả sau đây được cung cấp kèm theo máy này.

● Hướng dẫn nhanh

Hướng dẫn này mô tả các hoạt động cơ bản của máy và cách thay thế vật tư tiêu hao.

Hãy cất hướng dẫn này ở vị trí thuận tiện, như ở gần máy, để dễ tham khảo.

Bắt đầu bằng cách đọc hướng dẫn này.

● Hướng dẫn Sử dụng (hướng dẫn này)

Hướng dẫn này mô tả các lưu ý khi xử lý và thông số kỹ thuật cũng như các thao tác và cài đặt của mỗi chức năng.

Hãy đọc hướng dẫn này để hiểu chi tiết hơn về máy.

● Hướng dẫn Quản trị

Hướng dẫn này mô tả các cài đặt của máy và thiết bị tùy chọn do quản trị viên cấu hình.

● Hướng dẫn Khắc phục Sự cố

Hướng dẫn này mô tả hành động cần thực hiện khi kẹt giấy hoặc xảy ra các sự cố khác.

● Thông tin An toàn

Hướng dẫn này mô tả các lưu ý và thông số kỹ thuật an toàn.

Giới thiệu về Hướng dẫn này

(1) Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần hướng dẫn này mà không có sự cho phép của RISO KAGAKU CORPORATION.

(2) Nội dung của hướng dẫn này có thể thay đổi mà không có thông báo trước do những cải tiến về sản phẩm.

(3) RISO KAGAKU CORPORATION sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ hậu quả nào do sử dụng hướng dẫn hoặc máy này.


Uy tín của Nhãn hiệu

Microsoft, Windows và Windows Server là những nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Mac, Mac OS và Safari là các nhãn hiệu của Apple Inc.

Adobe, logo Adobe, PostScript và PostScript 3 là những nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

ColorSet là nhãn hiệu của Monotype Imaging Inc. được đăng ký tại Văn phòng Sáng chế & Nhãn hiệu Hoa Kỳ và có thể được đăng ký tại một số khu vực tài phán nhất định.

 RISO, ComColor và FORCEJET là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của RISO KAGAKU CORPORATION tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Tên công ty và/hoặc nhãn hiệu khác là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của mỗi công ty tương ứng.



Đạt Chứng nhận Thiết kế Màu Phổ dụng

ComColor GD series (máy và thiết bị tùy chọn*) được tổ chức Color Universal Design Organization (CUDO) cấp chứng nhận sản xuất có xem xét đến Thiết kế Màu Phổ dụng. Thiết kế này cải thiện tầm nhìn cho nhiều người hơn bất kể sự khác biệt về khả năng cảm nhận màu sắc của từng cá nhân.

* Thiết bị tùy chọn đạt chứng nhận:

Máy quét / Bộ hoàn thiện úp xuống / Bộ nạp sức chứa lớn / Bộ xếp giấy sức chứa lớn

Biểu tượng, Ký hiệu và Ảnh chụp màn hình được Sử dụng trong Hướng dẫn này

■ Biểu tượng được Sử dụng trong Hướng dẫn này



Chỉ các cảnh báo thận trọng cần lưu ý để sử dụng máy này an toàn.



Chỉ những mục quan trọng cần lưu ý hoặc nghiêm cấm.

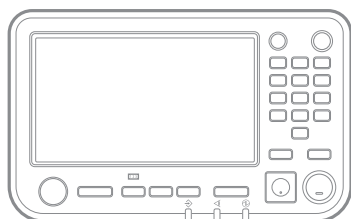


Chỉ thông tin hữu ích hoặc bổ sung.

■ Tên Phím và Nút

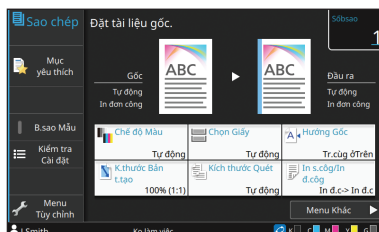
Tên của các phím cứng trên bảng vận hành và nút trên màn hình bảng cảm ứng hoặc cửa sổ máy tính được biểu thị bằng dấu ngoặc vuông [].

● Bảng vận hành



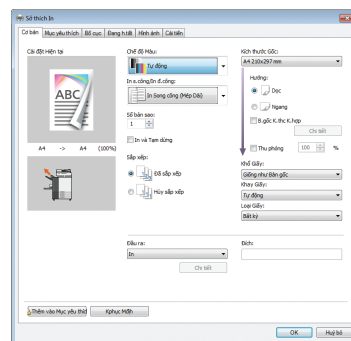
Ví dụ: Nhấn phím [Dừng].

● Màn hình Bảng Cảm ứng



Ví dụ: Chạm vào [Chế độ Màu].

● Cửa sổ Máy tính



Ví dụ: Chọn hộp kiểm [B.góc K.thc K.hợp].

■ Tên Thiết bị Tùy chọn

Trong hướng dẫn này, tên của thiết bị tùy chọn được mô tả bằng thuật ngữ chung sau đây. Tên cụ thể của mỗi thiết bị được sử dụng khi các tính năng riêng của thiết bị được giải thích.

Tên được Sử dụng trong Hướng dẫn này	Thiết bị Tùy chọn
Khay Tiêu chuẩn	Bộ nạp sức chứa lớn
Khay Xếp chồng*	Khay xếp chồng tự động kiểm soát
	Khay xếp chồng rộng
	Bộ xếp giấy sức chứa lớn

* Khay xếp chồng tùy chọn được kết nối vào bên phải máy.

■ Hình minh họa và các Quy trình Vận hành trong Hướng dẫn này

- Quy trình vận hành, ảnh chụp màn hình và hình minh họa trong hướng dẫn này dành cho ComColor GD9630/ GD9630R được kết nối với máy quét tùy chọn. Hướng dẫn này cũng giả định rằng mỗi chức năng được đặt ở cài đặt ban đầu và [Cài đặt Đăng nhập] được đặt thành [ON].
- Ảnh chụp màn hình và hình minh họa trong hướng dẫn này có thể thay đổi theo model máy và môi trường sử dụng, bao gồm thiết bị tùy chọn được kết nối.

Chức năng Có thể Sử dụng khi Cài đặt Thiết bị Tùy chọn

Nhiều thiết bị tùy chọn được cung cấp để mở rộng chức năng của máy này.
Danh sách dưới đây hiển thị thiết bị tùy chọn cần có để mở rộng mỗi chức năng.

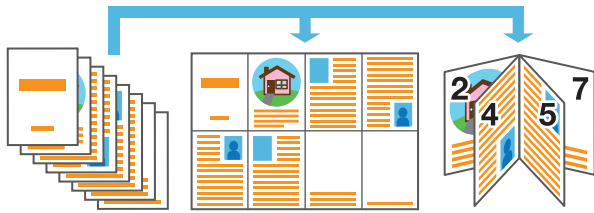
Chức năng Mở rộng	Thiết bị Tùy chọn Phải có (một trong những thiết bị sau)
Dập ghim	Bộ hoàn thiện Bộ hoàn thiện đa chức năng
Đục lỗ	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Gập đôi	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Gập ba, gập chữ Z	Bộ hoàn thiện đa chức năng được cài đặt thiết bị gập
Tạo sách nhỏ bằng cách dập ghim tại gáy	Bộ hoàn thiện đa chức năng
Bản ra sole	Bộ hoàn thiện Bộ xếp giấy sức chứa lớn Bộ hoàn thiện đa chức năng
Chọn khay giấy ra	Khay xếp chồng tự động kiểm soát Khay xếp chồng rộng Bộ xếp giấy sức chứa lớn Bộ hoàn thiện đa chức năng
Tự động chuyển đổi khay giấy ra (chuyển tiếp khay giấy ra)	Khay xếp chồng tự động kiểm soát Bộ xếp giấy sức chứa lớn Bộ hoàn thiện đa chức năng
Nạp giấy công suất cao	Bộ nạp sức chứa lớn
Xếp giấy công suất cao	Bộ xếp giấy sức chứa lớn
In, tạo bì thư và dán thư cho sẵn trong bì thư	Wrapping Envelope Finisher
Đóng gáy Hoàn hảo	Perfect Binder
Đăng nhập bằng thẻ xác thực	Bộ Xác thực Thẻ IC Bộ kích hoạt đầu đọc thẻ IC
In bằng trình điều khiển máy in PostScript 3	Bộ PS Trình điều khiển in
In tệp PDF lưu trên ổ flash USB	Bộ PS
In từ máy Mac OS	Bộ PS Trình điều khiển in
In từ máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh bằng ứng dụng RISO PRINT-S	Bộ PS

Những điều bạn có thể thực hiện với máy in này

Sắp xếp lại Trang và In

Kết hợp (tr. 1-15, tr. 3-15), Lặp lại Hình ảnh (tr. 1-16, tr. 3-16), Sách (tr. 1-16, tr. 3-16)

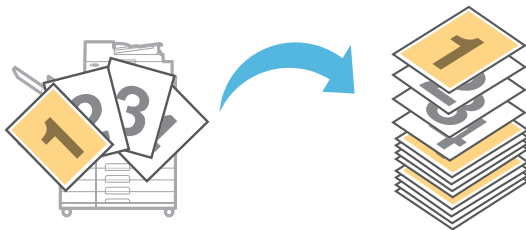
Bạn có thể kết hợp đặt nhiều trang trên một trang in hoặc in dữ liệu sau khi đặt bố cục cho một số tập dữ liệu trên một trang. Bạn cũng có thể sắp xếp lại các trang theo đúng thứ tự khi tờ đã in được gấp làm đôi.



Sắp xếp nhanh khối lượng tài liệu lớn

Sắp xếp (tr. 1-11, tr. 3-10)
Phân tách, Tấm Nệm (tr. 1-27, tr. 3-22)

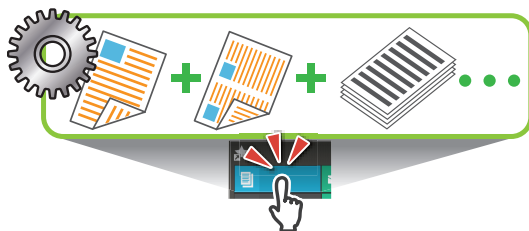
Để sắp xếp nhanh rất nhiều tài liệu, bạn có thể in từng tập mỗi lần hoặc chèn một tờ ở giữa từng tập để dùng làm công cụ dẫn hướng.



Đăng ký và truy xuất cài đặt

Lối tắt Ưu thích (tr. 16)

Bạn có thể đăng ký lối tắt tới các chức năng yêu thích trên màn hình [Trang chủ2]. Việc này sẽ giúp bạn chuyển tới cài đặt yêu thích mà không cần phải chuyển đến từng chế độ.



Kiểm tra kết quả trước khi in số lượng lớn

Bản sao mẫu (tr. 1-32), In và Tạm dừng (tr. 3-10)

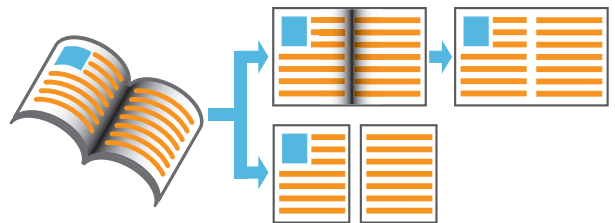
Bạn có thể in một bản mẫu rồi kiểm tra kết quả và cài đặt.



Sao chép bản gốc của sách nhỏ đang mở

Xóa Bóng Sách (tr. 1-13, tr. 2-9),
Chia Trang (tr. 1-14, tr. 2-9)

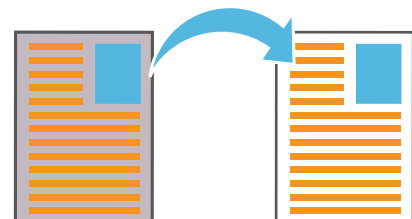
Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra. Bạn cũng có thể sao chép các trang của một cuốn sách nhỏ đang mở và tách hình ảnh ra hai trang.



Cải thiện khả năng đọc bản gốc với màu nền tối

Mức Màu Cơ sở (tr. 1-22, tr. 2-10)

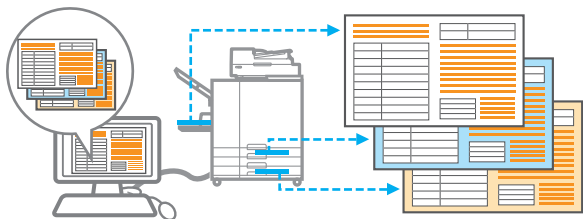
Bạn có thể điều chỉnh màu nền của bản gốc để cải thiện khả năng đọc văn bản.



Tạo biểu mẫu nhiều trang

In Giấy Nhiều phần (tr. 3-30)

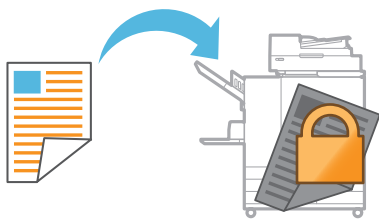
Bạn có thể chuẩn bị biểu mẫu nhiều trang với các trang tạo thành một tập.



Bảo vệ tài liệu bằng mã PIN

Mã PIN (tr. 2-9, tr. 3-28)

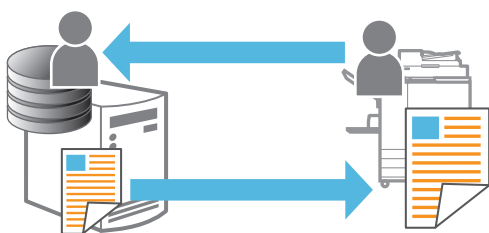
Bạn có thể đặt mã PIN cho lệnh in và dữ liệu đã quét. Cài đặt này sẽ chỉ cho phép một số người nhất định xử lý tài liệu hoặc lệnh in.



Phối hợp với máy chủ và hệ thống bên ngoài

L.kết Hệ thống Bên ngoài (tr. 3-36)

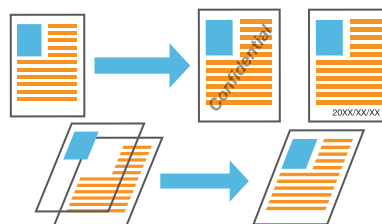
Bạn có thể xác thực người dùng với máy chủ bên ngoài và giới hạn khả năng sử dụng máy này, đồng thời in tài liệu được lưu trên hệ thống bên ngoài.



Sắp xếp bố cục hình ảnh và văn bản trên bản gốc

Tem (tr. 1-17, tr. 3-18), Overlay (tr. 1-23), Hình mờ (tr. 3-17)

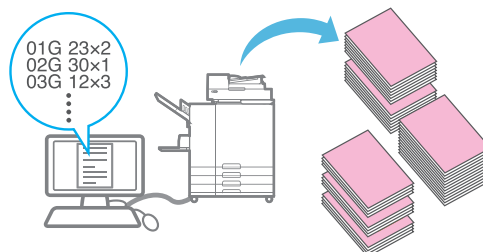
Bạn có thể in tài liệu khi thêm số trang, ngày tháng, văn bản, tem hoặc các mẫu hình trong suốt khác trên bản gốc. Ngoài ra, bạn cũng có thể tạo bản sao sau khi phủ hình ảnh đã lưu trong bộ nhớ.



In số bản sao của số tập cần thiết

Chương trình (tr. 1-24, tr. 3-28)

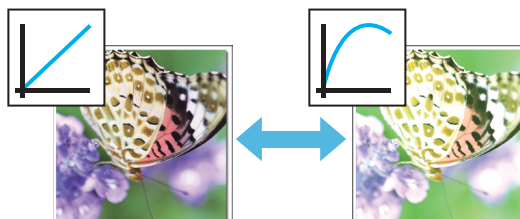
Ngay cả trong các trường hợp khi số bản sao khác nhau tùy theo nơi sẽ phân bổ tài liệu, bạn có thể in nhanh số bản sao của số tập cần thiết mà không cần cài đặt mỗi lần bằng cách cấu hình trước những thông tin đó.



Hiệu chỉnh độ cân bằng màu

Hiệu chỉnh Gamma (tr. 1-21, tr. 2-10, tr. 3-25)

Hiệu chỉnh độ cân bằng màu trong bản gốc để màu trông tự nhiên hơn.



Nội dung

Giới thiệu về Hướng dẫn này	1
Biểu tượng, Ký hiệu và Ảnh chụp màn hình được Sử dụng trong Hướng dẫn này	2
Chức năng Có thể Sử dụng khi Cài đặt Thiết bị Tùy chọn	3
Những điều bạn có thể thực hiện với máy in này	4
Tên Bộ phận và Chức năng	12
Thiết bị Chính và Máy quét Tùy chọn	12
Bảng vận hành	14
Bảng Cảm ứng	15
Màn hình [Trang chủ1]	15
Màn hình [Trang chủ2]	16
Màn hình Chế độ	17
Bảng Cảm ứng	27
Chuẩn bị	29
Nguồn	29
Đăng nhập	30
Nạp Giấy	31
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	35
Môi trường Vận hành	35
Cài đặt	35
Giới thiệu về Lệnh	36
Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi]	36
Màn hình [Đã xong]	37
Chương 1 Sao chép	1-1
Tổng quan về Thao tác Sao chép	1-2
Quy trình	1-2
Danh sách Cài đặt	1-5
Cài đặt Sao chép	1-7
Chế độ Màu	1-7
K.thước Bản t. tạo	1-7
Chọn Giấy	1-8
Kích thước Quét	1-10
Hướng Góc	1-10
2 mặt/1 mặt	1-11
Sắp xếp	1-11

Cấp độ Quét	1-12
Mật độ Bản in	1-12
Quét ADF & tạm dừng	1-12
B.gốc K.cỡk.hợp	1-13
Xóa Bóng Sách	1-13
Chia Trang	1-14
Kết hợp	1-15
Lặp lại Hình ảnh	1-16
Sách	1-16
Tem	1-17
Viền Trang	1-19
Chất lượng H.ảnh	1-20
Loại bản gốc	1-20
Hiệu chỉnh Gamma	1-21
Kiểm soát Hình ảnh	1-21
Mức Màu Cơ sở	1-22
Vị trí Hình ảnh	1-22
Overlay	1-23
Chương trình	1-24
Thêm Bìa	1-27
Phân tách	1-27
Lề đóng nẹp	1-28
Dập ghim/Đục lỗ	1-29
Gập	1-29
In Chậm	1-29
Khay Giấy ra	1-29
Ngửa lên/Úp xuống	1-29
Ch.tiếp Kh.Giấyra	1-29
Ch.tiếp Khay Giấy	1-30
T.động Xoay H.ảnh	1-30
Ngắt Sao chép	1-30
Nút chức năng Chế độ Sao chép	1-31
Mục yêu thích	1-31
Bản sao bổ sung	1-31
Bản sao mẫu	1-32
Kiểm tra cài đặt	1-32
Menu tùy chỉnh	1-33

Chương 2 Quét

Tổng quan về Thao tác Quét

Quy trình	2-2
Danh sách Cài đặt	2-5

Cài đặt Quét	2-6
Tên Tài liệu	2-6
Chế độ Màu	2-7
Kích thước Quét	2-7
Định dạng file	2-7
2 mặt/1 mặt	2-8
Cấp độ Quét	2-8
Hướng Góc	2-8
Độ phân giải	2-8
B.gốc K.cỡk.hợp	2-9
Cỡ Trang	2-9
Xóa Bóng Sách	2-9
Chia Trang	2-9
Mã PIN	2-9
Loại bản gốc	2-10
Hiệu chỉnh Gamma	2-10
Kiểm soát Hình ảnh	2-10
Mức Màu Cơ sở	2-10
K.thước Bản t.tạo	2-10
Nút Chức năng trong Chế độ Quét	2-11
Mục yêu thích	2-11
Kiểm tra cài đặt	2-11
Xem trước khi gửi	2-11
Menu tùy chỉnh	2-12
Chương 3 In	3-1
Tổng quan về Thao tác In	3-2
Quy trình Từ Trình điều khiển Máy in	3-2
Quy trình Từ Chế độ In	3-3
Màn hình Trình điều khiển Máy in	3-5
Danh sách Cài đặt	3-6
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	3-9
Tab [Cơ bản]	3-9
Tab [Mục yêu thích]	3-14
Tab [Bố cục]	3-15
Tab [Đang h.tất]	3-20
Tab [Hình ảnh]	3-24
Tab [Cải tiến]	3-28
Tab [Môi trường]	3-31
Nút Chức năng trong Chế độ In	3-35
Chọn Chế độ xem	3-35
Online/Offline	3-35

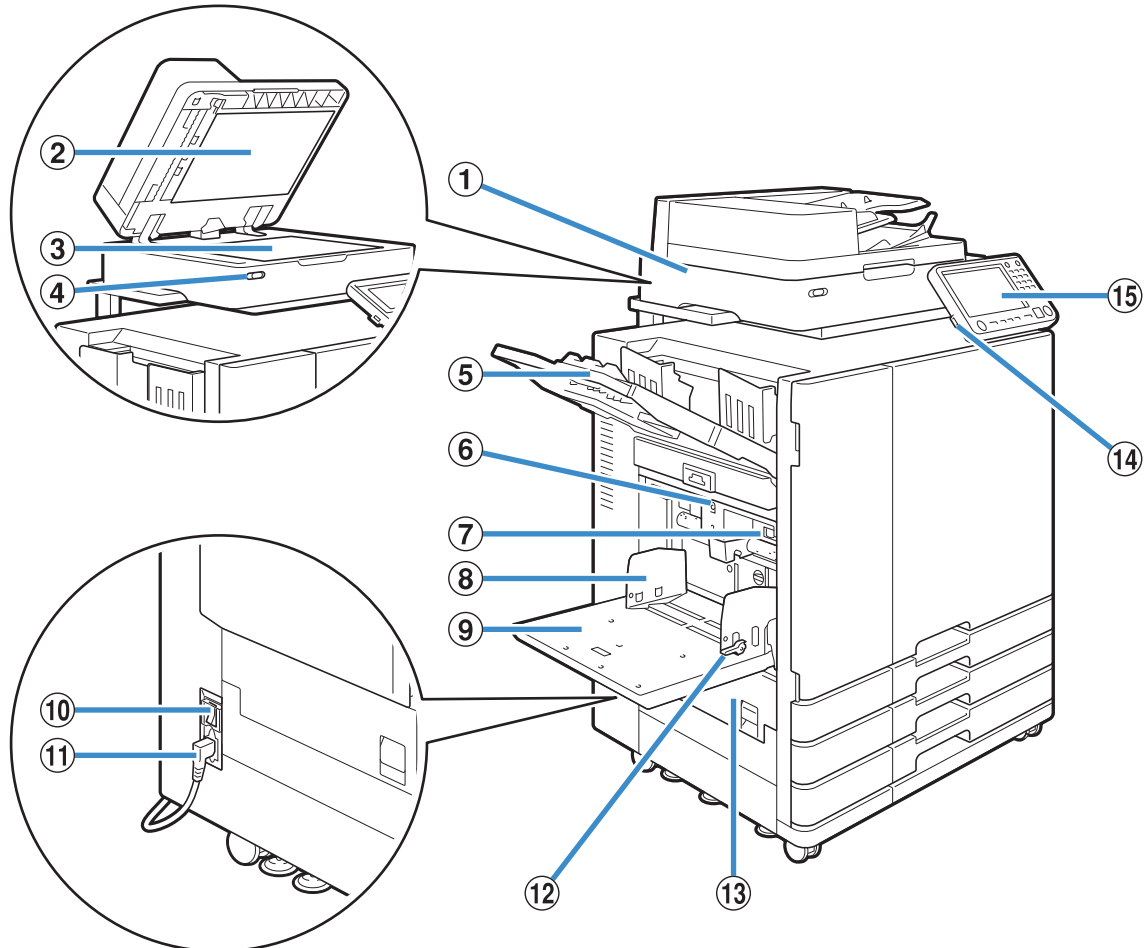
Chon Tất cả	3-35
Chi tiết	3-35
Th/đổi C.đặt	3-35
L.kết Hệ thống Bên ngoài	3-36
Chương 4 Bộ nhớ	4-1
Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ	4-2
Lưu Dữ liệu vào Thư mục	4-2
In Tài liệu trong Thư mục	4-4
Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]	4-5
Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Tải]	4-7
Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớ	4-8
Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Lưu]	4-8
Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Tải]	4-10
Chương 5 USB	5-1
Tổng quan về các Thao tác với USB	5-2
Lưu Dữ liệu Đã quét vào Ổ Flash USB	5-2
In Tài liệu Lưu trên Ổ Flash USB	5-3
Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]	5-5
Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tải]	5-6
Nút Chức năng trong Chế độ USB	5-7
Nút Chức năng trong [USB] - [Lưu]	5-7
Nút Chức năng trong [USB] - [Tải]	5-8
Chương 6 RISO Console.....	6-1
Tổng quan về RISO Console	6-2
Màn hình Trên cùng	6-2
Khởi động RISO Console	6-4
Các Thao tác bằng nút thông thường	6-5
Menu [TT H.thống]	6-6
Màn hình [Vật tư tiêu hao]	6-6
Màn hình [Thông tin Máy]	6-6
Màn hình [T.tin Ng.dùng]	6-7
Màn hình [T.tin licencse]	6-8
Menu [Quét]	6-9
Màn hình Menu [Quét]	6-9
Menu [In]	6-10
Màn hình Menu [In]	6-10

Menu [Bộ nhớ]	6-11
Màn hình [Tải]	6-11
Menu [Trạng thái Lệnh]	6-12
Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi]	6-12
Màn hình [Đã xong]	6-12
Menu [Bảo trì]	6-13
Màn hình Menu [Bảo trì]	6-13
Chương 7 Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-1
Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-2
Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-2
Khởi động Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-3
Màn hình Chính	7-3
Tạo và Đăng ký Tệp Xác định Khu vực Mã vạch	7-5
Quy trình	7-5
Chức năng Lặp lại	7-8
In Bản gốc Mã vạch	7-8
Chương 8 Thiết bị Tùy chọn	8-1
Bộ hoàn thiện	8-2
Nhấn lưu ý	8-3
Danh sách Cài đặt	8-4
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	8-5
Cài đặt Chế độ Sao chép	8-7
Bộ nạp Sức chứa Lớn	8-9
Nạp Giấy	8-10
Thêm Giấy	8-12
Khay Xếp chồng (Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát / Khay Xếp chồng Rộng)	8-14
Nạp Khay Xếp chồng	8-14
Danh sách Cài đặt	8-16
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	8-17
Cài đặt Chế độ Sao chép	8-17
Cài đặt Chế độ Bảo trì	8-18
Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn	8-19
Đặt Bộ tạo gợn sóng	8-20
Lấy Bản in ra	8-20
Đặt Khay Xếp chồng lên trên Bàn trượt	8-23
Danh sách Cài đặt	8-23
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	8-24

Cài đặt Chế độ Sao chép	8-25
Cài đặt Chế độ Bảo trì	8-26
Bộ hoàn thiện Đa chức năng	8-27
Nhấn lưu ý	8-28
Danh sách Cài đặt	8-29
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	8-30
Cài đặt Chế độ Sao chép	8-37
Bộ PS	8-44
Môi trường Vận hành	8-44
Cài đặt vào Windows	8-44
Cài đặt vào Mac OS	8-45
Cài đặt vào Linux	8-47
Cách In	8-48
Cài đặt Trình điều khiển Máy in	8-48
Tab [Cơ bản]	8-49
Tab [Mục yêu thích]	8-50
Tab [Bố cục]	8-50
Tab [Đang h.tất]	8-50
Tab [Hình ảnh]	8-51
Tab [Cải tiến]	8-52
Tab [Môi trường]	8-56
Cài đặt RISO Console	8-56
Tập Có thể In trong Ổ Flash USB	8-57
Danh sách Phông chữ	8-60
Chương 9 Phụ lục.....	9-1
Bảo trì	9-2
Vệ sinh đầu in	9-2
Nhả Nắp Trước	9-3
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy	9-3
Glue Temperature	9-3
Maximum Pages per Mail	9-3
Giới thiệu về Hộp mực	9-4
Thay thế Hộp mực	9-4
Thông số Kỹ thuật	9-5
Vật tư Tiêu hao	9-18
Hộp mực	9-18
Hộp Ghim dập	9-18
Chỉ mục	9-19

Tên Bộ phận và Chức năng

Thiết bị Chính và Máy quét Tùy chọn



① Máy quét (Tùy chọn)

Sử dụng máy quét để sao chép hoặc quét tài liệu được đọc từ kính tẩm ép giấy hoặc ADF.

② Bìa gốc

Kéo xuống để che bản gốc khi đọc bản gốc trên kính tẩm ép giấy.

③ Kính Tẩm ép giấy

Đặt bản gốc úp xuống và căn chỉnh với vị trí mũi tên ở phía trên bên trái.

④ Đèn Máy quét (Xanh lam / Đỏ)

Đèn này cho biết trạng thái của máy quét.

- Đèn xanh lam ở trạng thái ON: Sẵn sàng
- Đèn xanh lam nhấp nháy: Máy đang khởi động hoặc đang quét
- Đèn đỏ nhấp nháy: Đã xảy ra lỗi

⑤ Khay Úp xuống

Bản in ra úp xuống.

⑥ Nút Hạ Khay Tiêu Chuẩn

Sử dụng nút này để di chuyển khay tiêu chuẩn lên hoặc xuống khi thay thế hoặc thêm giấy vào khay.

⑦ Cần gạt Đ.chỉnh Á.lực Nạp Giấy

Sử dụng cần gạt này để điều chỉnh áp lực nạp giấy cho phù hợp với loại giấy trong khay tiêu chuẩn.

⑧ D.hướng Giấy trog Khay T.chuẩn

Dẫn hướng này ngăn giấy trong khay tiêu chuẩn khỏi xô lệch.

⑨ Khay Tiêu chuẩn

Nạp giấy đặc biệt (giấy dày, bì thư, v.v.) ở đây. Bạn cũng có thể nạp giấy phẳng.

⑩ Công tắc Nguồn Chính

Sử dụng công tắc này để bật nguồn. Thông thường, nguồn được để ở trạng thái ON.

⑪ Ổ cắm Thiết bị Chính

Kết nối dây cáp nguồn của thiết bị chính với ổ cắm này.

⑫ Cần gạt Dẫn hướng Nạp Giấy

Sử dụng các cần gạt này để trượt hoặc cố định bộ phận dẫn hướng giấy trong khay tiêu chuẩn. Cần nằm trên cả hai bên của dẫn hướng giấy trong khay tiêu chuẩn ở hai vị trí.

⑬ Nắp Trái

Mở nắp này khi kẹt giấy.

⑭ Cổng USB

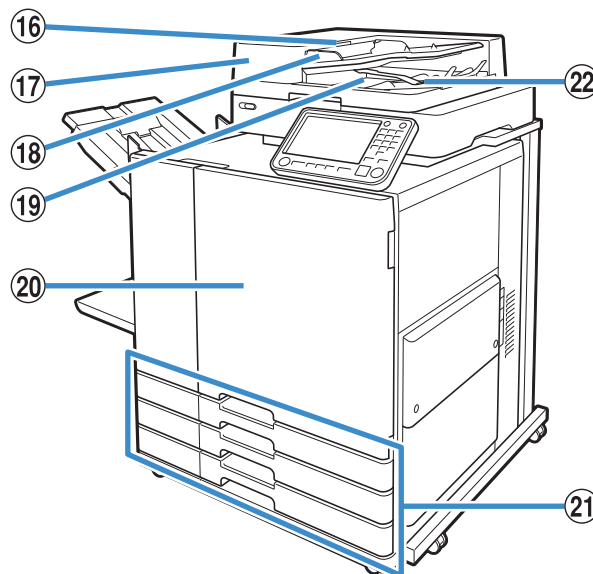
Kết nối ổ flash USB với cổng này để lưu dữ liệu đã quét hoặc để in dữ liệu lưu trên ổ flash USB.



- Sử dụng ổ flash USB tương thích với thông số kỹ thuật của Nhóm Thiết bị lưu trữ Dung lượng lớn và USB 2.0 hoặc 3.0.

⑮ Bảng Vận hành

Sử dụng để thực hiện các thao tác hoặc cài đặt. Bạn có thể điều chỉnh góc cho dễ nhìn hơn.



⑯ Cần gạt Thiết bị Góc ADF

Kéo cần này lên để mở nắp thiết bị góc ADF khi kẹt tài liệu.

⑰ Bộ nạp Tài liệu Tự động (ADF)

Có thể nạp tự động tối đa khoảng 200 tài liệu.

⑱ Dẫn hướng Góc ADF

Trượt để vừa với độ rộng của tài liệu.

⑲ Khay Giấy ra Góc ADF

Tài liệu có thể đọc từ ADF được xuất ra đây.

⑳ Nắp Trước

Bình thường, nắp trước bị khóa và không thể mở được. Khóa này được nhả ra tự động khi xảy ra sự cố kẹt giấy hoặc các sự cố khác.

Để mở nắp trước trong những trường hợp khác, hãy chuyển tới [Bảo trì] từ màn hình [Trang chủ1] và chạm vào [Nhả Nắp Trước].

㉑ Khay Nạp1, Khay Nạp2, Khay Nạp3 (Khay Nạp)

Nạp giấy cần dùng để in tại đây.



- Sử dụng khay tiêu chuẩn cho giấy dày và các loại giấy đặc biệt khác.

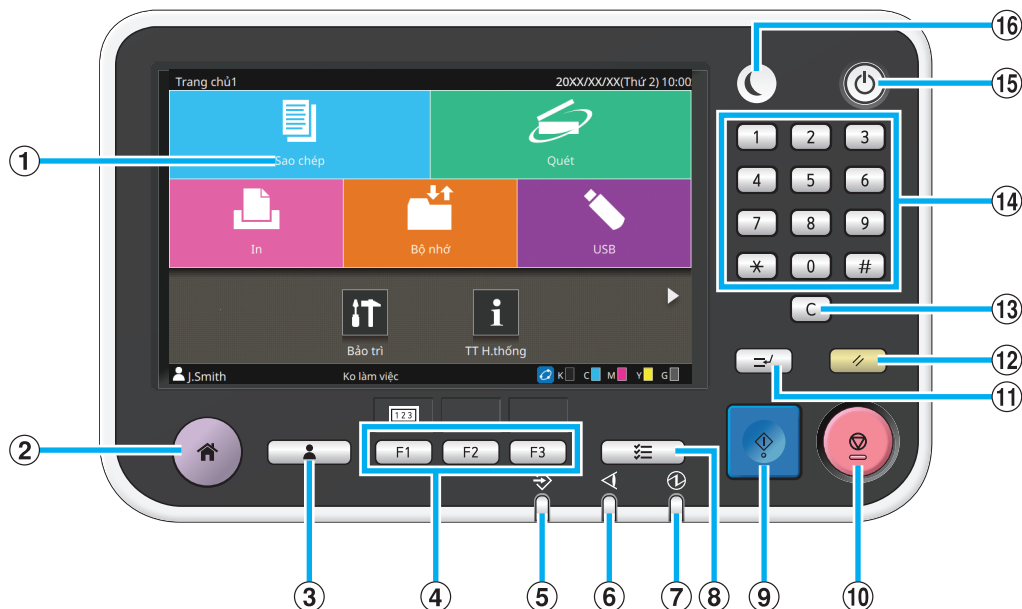
㉒ Cần gạt Căn chỉnh Giấy

Sử dụng cần gạt này để căn chỉnh tài liệu được xuất ra. Nếu cần gạt chạm vào giấy ra, kéo cần gạt lên và khóa lại.

Bảng vận hành

Bạn có thể tiến hành nhiều thao tác và cài đặt khác nhau bằng bảng vận hành.

Màu và tình trạng (sáng lên hoặc nhấp nháy) của đèn cho biết trạng thái của máy hoặc các lỗi như kẹt giấy.



① Bảng Cảm ứng

Sử dụng để thực hiện các thao tác hoặc cài đặt. Bảng này cũng hiển thị thông tin như thông báo lỗi và thông báo xác nhận.

Tùy theo màn hình hoặc danh sách, bạn có thể thực hiện thao tác vuốt bằng cách vuốt ngón tay theo một hướng nhất định trên bảng cảm ứng. (tr. 15 “Bảng Cảm ứng”)

② Phím Trang chủ

Nhấn phím này để mở màn hình [Trang chủ1].

③ Phím Đ.nhập/Đăng xuất

Nhấn phím này để đăng nhập hoặc đăng xuất.

④ Phím Chức năng

Bạn có thể đặt lại các chức năng và cài đặt thường dùng. Sử dụng những phím này làm phím tắt.



- Để biết hướng dẫn cụ thể về cách đăng ký chức năng và cài đặt, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

⑤ Đèn Dữ liệu

Đèn này sáng lên khi có lệnh đang chờ và nhấp nháy khi máy này đang nhận dữ liệu.

⑥ Đèn Lỗi

Đèn này nhấp nháy khi xảy ra lỗi.

⑦ Đèn Nguồn Chính

Đèn này sáng lên khi bật nguồn chính.

⑧ Phím Trạng thái Lệnh

Nhấn phím này để kiểm tra các lệnh đang xử lý hoặc đã xong.

⑨ Phím Bắt đầu

Nhấn phím này để bắt đầu thao tác.

⑩ Phím Dừng

Nhấn phím này để dừng lệnh đang xử lý.

⑪ Phím Ngắt kết nối

Nhấn phím này để tạm dừng lệnh đang xử lý để thực hiện lệnh khác.

⑫ Phím Đặt lại

Nhấn phím này để đưa các cài đặt trở lại giá trị mặc định.



- Chỉ các cài đặt của chế độ đã chọn mới được đặt lại. Thao tác này không làm thay đổi cài đặt của các chế độ khác.

⑬ Phím Xóa

Nhấn phím này để xóa chữ cái hoặc số đã được nhập.

⑭ Phím Số

Nhấn phím này để nhập số.

⑮ Phím Nguồn

Khi bạn nhấn phím này trong khi nguồn chính đang bật, nguồn điện vận hành sẽ bật và phím này sáng lên. Giữ phím này sẽ tắt nguồn điện vận hành và máy chuyển sang chế độ chờ.

⑯ Phím Đánh thức

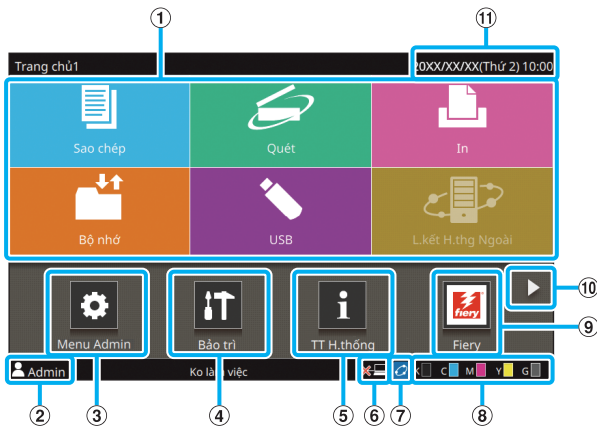
Phím này sáng lên khi máy này ở chế độ tiết kiệm điện. Nhấn phím này khi phím này sáng sẽ làm cho máy sẵn sàng vận hành.



- Nhấn phím này khi phím này không sáng sẽ làm cho máy chuyển sang chế độ ngủ.

Bảng Cảm ứng

Màn hình [Trang chủ1]



Màn hình [Trang chủ1] xuất hiện khi bạn nhấn phím [Trang chủ] trong bảng vận hành.

Để truy cập vào các cài đặt và thao tác, chạm vào nút dành cho chế độ bạn muốn sử dụng.



- Màn hình hiển thị khác nhau tùy theo model của bạn, thiết bị tùy chọn được kết nối và các cài đặt.

① Nút Chế độ

Chạm vào các nút này để mở màn hình chế độ tương ứng.

Biểu tượng khóa ở góc trên bên phải của nút cho biết bạn phải đăng nhập để truy cập chế độ đó.

② Tên Người dùng

Tên của người dùng hiện đã đăng nhập hiển thị.

③ Nút [Menu Admin]

Chạm vào nút này để truy cập vào các cài đặt của quản trị viên.



- Nút này không xuất hiện khi người dùng không đăng nhập với tư cách quản trị viên.

④ Nút [Bảo trì]

Chạm vào nút này để truy cập vào các tính năng bảo trì.

⑤ Nút [TT H.thống]

Chạm vào nút này để hiển thị thông tin về vật tư tiêu hao, máy và người dùng.

⑥ Ngoại tuyến

Biểu tượng này hiển thị khi đặt [Online/Offline] thành [OFF].

⑦ Biểu tượng Liên kết FORCEJET™

Biểu tượng này cho biết tất cả các bộ phận bắt buộc phải có để in có đang hoạt động chính xác hay không. Màn hình sẽ thay đổi tùy theo vật tư tiêu hao hoặc chi tiết được cấu hình.

- Bạn đang sử dụng mực RISO.
- Bạn đang sử dụng mực không phải của RISO. Khi biểu tượng này sáng: Thông tin mực đã được nhập. Khi biểu tượng này nhấp nháy: Thông tin mực chưa được nhập.

Để biết thêm thông tin về cách đặt thông tin mực, hãy xem “Hướng dẫn Khắc phục Sự cố”.

⑧ Lượng Mực Còn lại

Các biểu tượng này cho biết lượng mực còn lại của mỗi màu. Chỉ báo bắt đầu nhấp nháy khi gần đến thời gian thay thế hộp mực. Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.



- Nếu bạn không dùng mực RISO, lượng mực còn lại sẽ không hiển thị.

⑨ Nút [Fiery]

Nút này sẽ hiển thị khi sử dụng trình điều khiển in tùy chọn ComColorExpress FS2000C. Chạm vào nút này để hiển thị màn hình chế độ Fiery. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng trình điều khiển in.

⑩ Nút ▶

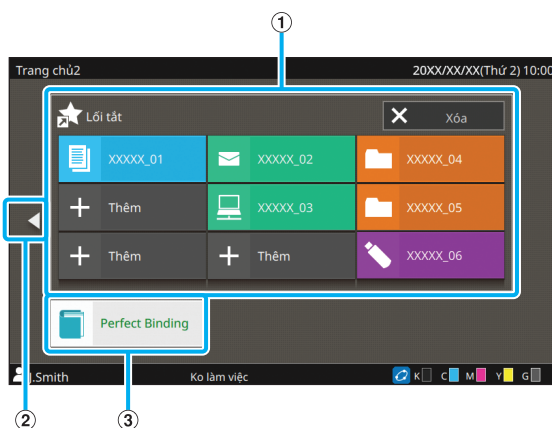
Chạm vào nút này để chuyển sang màn hình [Trang chủ2].

⑪ Ngày/Giờ

Ngày và giờ hiện tại hiển thị.

Màn hình [Trang chủ2]

Hiện thị khi chạm vào [▶] hoặc vuốt màn hình sang trái trên màn hình [Trang chủ1].



① [Lối tắt]

Bạn có thể đăng ký tới 9 lối tắt với mục yêu thích của từng chế độ trên màn hình [Trang chủ2].

② Nút [◀]

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình [Trang chủ1].



• Bạn cũng có thể vuốt sang phải trên màn hình [Trang chủ2] để hiển thị màn hình [Trang chủ1].

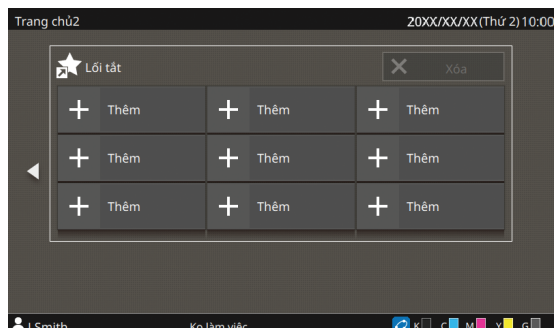
③ Nút [Perfect Binding]

Nút này sẽ hiển thị khi sử dụng Perfect Binder tùy chọn. Bạn có thể đặt các trang nội dung được in và bìa để đóng gáy toàn bộ cuốn sách.

Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Perfect Binder.

Lối tắt Ưu thích

Bạn có thể đăng ký tới 9 lối tắt với [Mục yêu thích] cá nhân cho từng chế độ.



■ Đăng ký lối tắt yêu thích

1 Hiện thị màn hình [Trang chủ2].

2 Chạm vào [Thêm].

Màn hình [Thêm Lối tắt Ưu thích] hiển thị.

3 Chọn chế độ.

4 Chọn một trong số các mục yêu thích.

5 Chạm vào [OK].



• Màu nút và loại biểu tượng của lối tắt yêu thích đã đăng ký với màn hình [Trang chủ2] sẽ khác nhau tùy theo chế độ áp dụng cho mục yêu thích.

■ Xóa lỗi tắt yêu thích

1 Hiển thị màn hình [Trang chủ2].

2 Chạm vào [Xóa].

3 Chọn lỗi tắt mà bạn muốn xóa.
Một dấu kiểm sẽ được đặt vào lỗi tắt đã chọn.

4 Chạm vào [Xóa].
Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

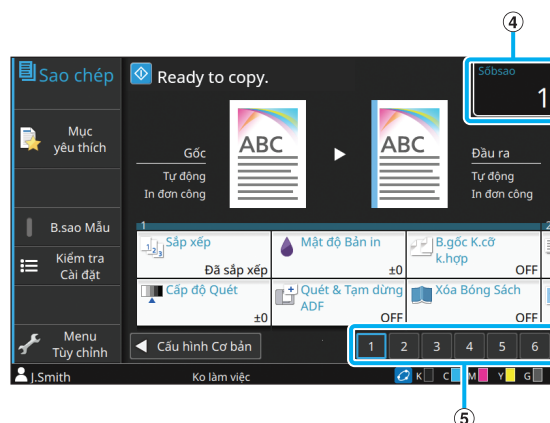
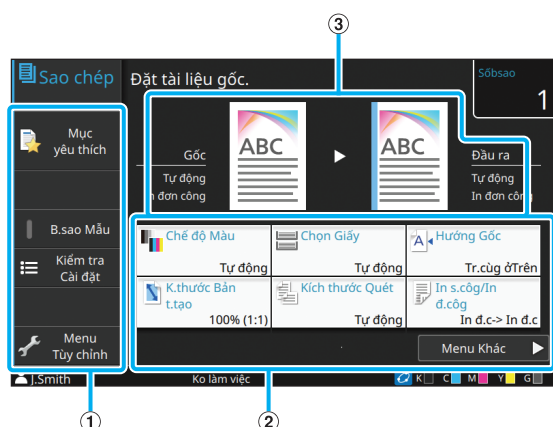
5 Chạm vào [OK].

Màn hình Chế độ

Nhấn nút chế độ trên màn hình [Trang chủ1] sẽ mở màn hình chế độ tương ứng.

Màn hình [Sao chép]

Nếu bạn đang dùng máy quét tùy chọn, bạn có thể thực hiện hoặc kiểm tra các lệnh sao chép trên màn hình này.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Sao chép.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng sao chép.

Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

③ Hình ảnh Gốc và Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

Hình ảnh gốc hiển thị ở bên trái, trong khi hình ảnh hoàn thiện hiển thị ở bên phải.

④ [Số bản sao]

Nhập hoặc kiểm tra số bản sao ở đây.

⑤ Các nút Chuyển đổi Trang

Sử dụng những nút này để chuyển đổi các trang của nút cài đặt.

Bạn cũng có thể chuyển đổi trang bằng cách kéo khu vực của các nút cài đặt sang trái hoặc phải.

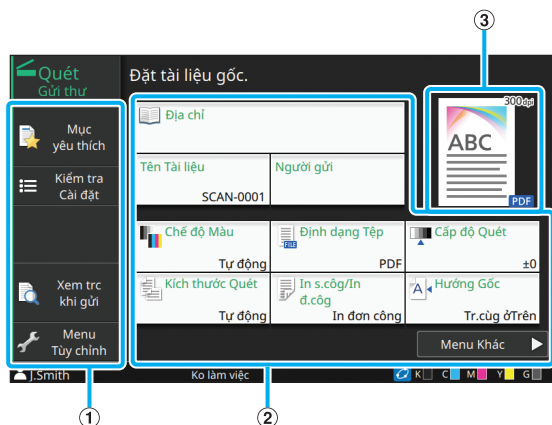
Màn hình [Quét]

Nếu bạn đang dùng máy quét tùy chọn, bạn có thể thực hiện hoặc kiểm tra các lệnh quét trên màn hình này.

Có ba cách truyền dữ liệu quét.

■ Gửi thư

Bạn có thể gửi dữ liệu đã quét qua email.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để nhập [Địa chỉ], [Tên Tài liệu] và [Người gửi] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.

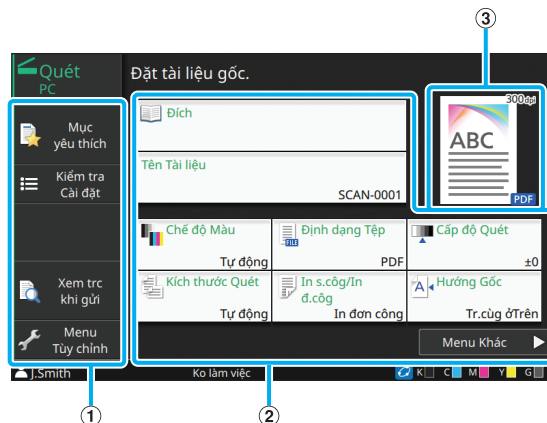
Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

③ Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

■ PC

Bạn có thể gửi dữ liệu đã quét đến máy tính trên mạng.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để nhập [Địa chỉ] và [Tên Tài liệu] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.

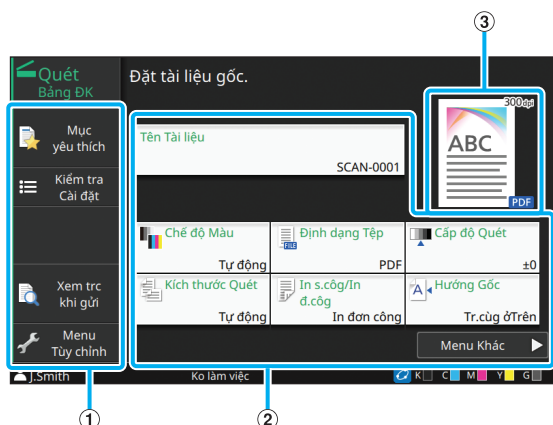
Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

③ Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

■ Bảng ĐK

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào ổ cứng cục bộ của máy này. Dữ liệu đã quét có thể tải xuống được từ RISO Console.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Quét.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để nhập [Tên Tài liệu] cũng như để thiết lập chức năng của máy quét.

Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.

③ Hình ảnh Hoàn thiện

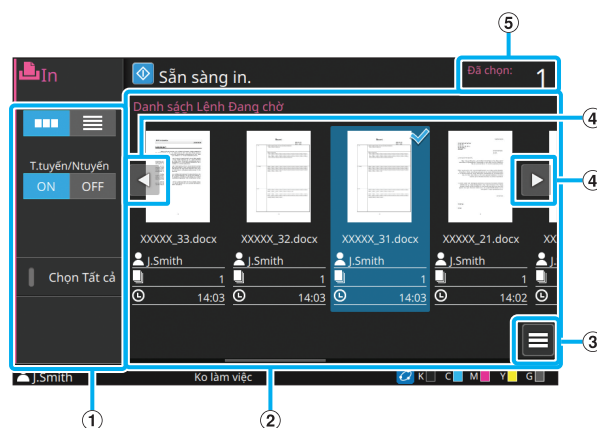
Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

Màn hình [In]

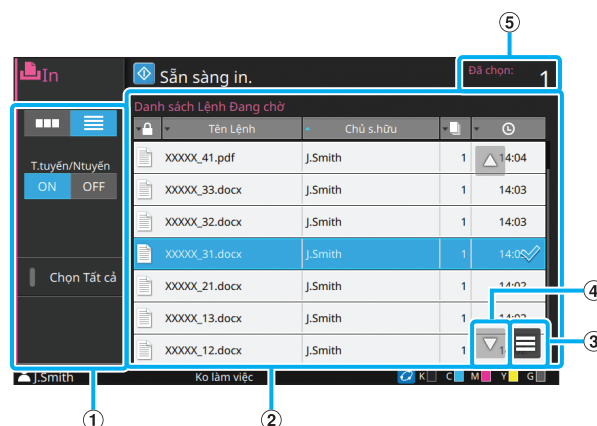
Trên màn hình này, bạn có thể thực hiện và kiểm tra tra lệnh in được gửi từ máy tính.

■ Màn hình Danh sách Lệnh Đang chờ

Màn hình Hình thu nhỏ



Màn hình danh sách



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ In.

② Xem

Các lệnh đang chờ được liệt kê trong chế độ xem này.

③ Menu Phụ

Bạn có thể kiểm tra chi tiết, chỉnh sửa hoặc xóa cài đặt của lệnh đã chọn.

④ Nút ◀ / ▶ / ▲ / ▼

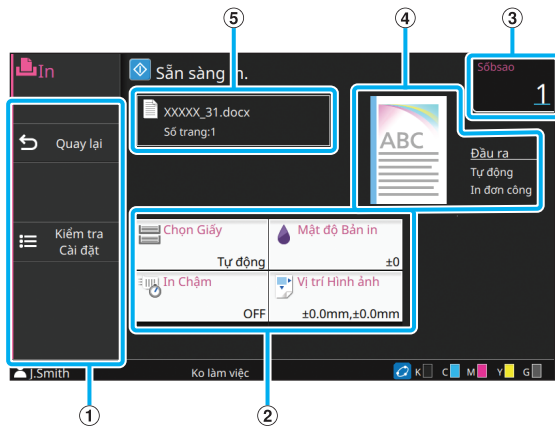
Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

⑤ [Đã chọn]

Số lệnh đã chọn sẽ hiển thị.

■ Màn hình Thay đổi Cài đặt

Màn hình này xuất hiện khi bạn chọn [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ trên màn hình [Danh sách Lệnh Đang chờ].



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trên màn hình thay đổi cài đặt.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng in.

③ [Số sao]

Nhập hoặc kiểm tra số bản sao ở đây.

④ Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

⑤ Tên Tài liệu

Tên của tài liệu đã chọn hiển thị tại đây.

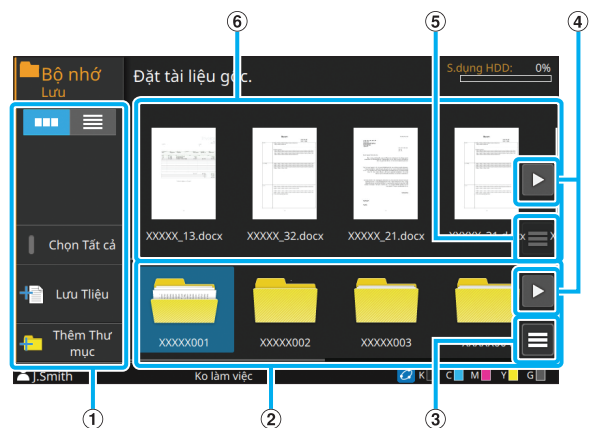
Màn hình [Bộ nhớ]

Bạn có thể thực hiện và kiểm tra các lệnh được lưu trữ trên màn hình này.

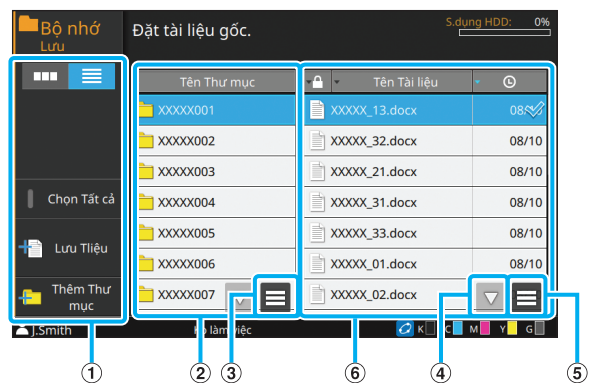
Chế độ Bộ nhớ có hai chức năng: [Lưu], cho phép bạn lưu dữ liệu vào thư mục và [Tải], giúp in tài liệu lưu trong thư mục.

■ Màn hình Chế độ xem trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Hiện thị biểu tượng



Màn hình danh sách



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

② Hiển thị Thư mục

Những thư mục có thể sử dụng được sẽ hiển thị trong danh sách ở chế độ xem này.

③ Menu Phụ

Nhấp vào nút này để thay đổi màu hoặc tên của thư mục đã chọn.

④ Nút < / > / ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

⑤ Menu Phụ

Các cài đặt sau khả dụng đối với tài liệu đã chọn:

- Chi tiết
- Đổi tên
- Xóa

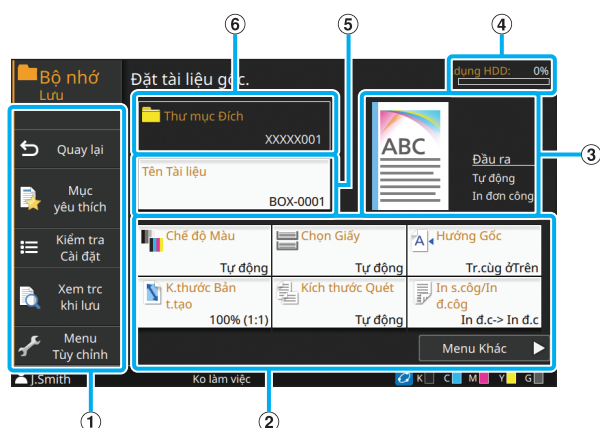
⑥ Danh sách Tài liệu

Tài liệu lưu trong thư mục đã chọn sẽ hiển thị trong danh sách.

- Trên màn hình hiển thị danh sách, bạn có thể chạm vào một trong các tiêu đề để sắp xếp các mục trên danh sách. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần dựa trên tên thư mục, cấu hình mã PIN, tên tài liệu hoặc ngày giờ lưu.

■ Màn hình Lưu Tài liệu trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Lưu Tài liệu] trên màn hình danh sách.



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng lưu trữ (lưu).

③ Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

④ Chỉ báo [S.dụng HDD]

Dung lượng ổ cứng cục bộ hiện đã được sử dụng được hiển thị dưới dạng phần trăm.

⑤ Nút [Tên Tài liệu]

Nhấn nút này để mở màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu]. Sử dụng nút này để đặt tên tài liệu.

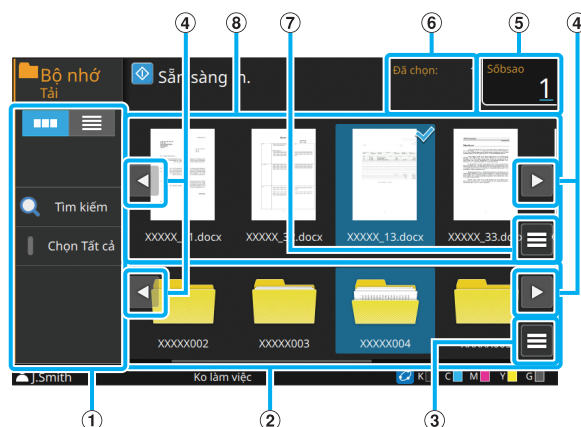
⑥ [Thư mục Đích]

Tên thư mục đích đã chọn trên màn hình danh sách hiển thị tại đây.

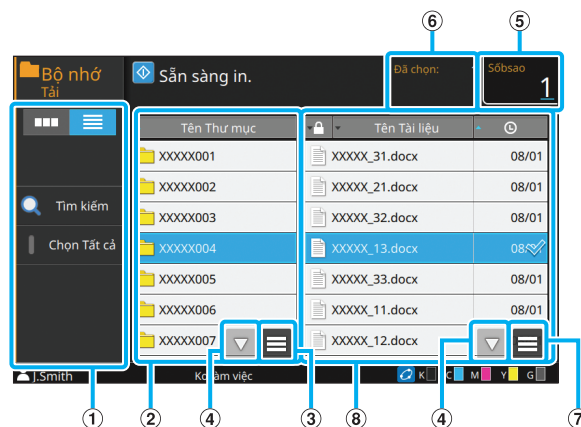
- Nếu dung lượng khả dụng trên ổ cứng cục bộ thấp, hãy xóa tài liệu không cần thiết trong thư mục để tăng dung lượng khả dụng.

■ Màn hình Chế độ xem trong [Bộ nhớ] - [Tải]

Hiện thị biểu tượng



Màn hình danh sách



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ Bộ nhớ.

② Hiển thị Thư mục

Những thư mục có thể sử dụng được sẽ hiển thị trong danh sách ở chế độ xem này.

③ Menu Phụ

Nhấp vào nút này để thay đổi màu hoặc tên của thư mục đã chọn.

④ Nút < / > / ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

⑤ [Số sao]

Nhập hoặc kiểm tra số bản sao để in.

⑥ [Đã chọn]

Số tài liệu đã chọn sẽ hiển thị tại đây.

⑦ Menu Phụ

Các cài đặt sau khả dụng đối với tài liệu đã chọn:

- Chi tiết
- Th/đổi C.đặt
- Đổi tên
- Xóa
- Sao chép sang USB
- Sao chép sang thư mục

⑧ Hiển thị Tài liệu

Tài liệu lưu trong thư mục đã chọn sẽ hiển thị trong danh sách.



- Trên màn hình hiển thị danh sách, bạn có thể chạm vào một trong các tiêu đề để sắp xếp các mục trên danh sách. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần dựa trên tên thư mục, cấu hình mã PIN, tên tài liệu hoặc ngày giờ lưu.

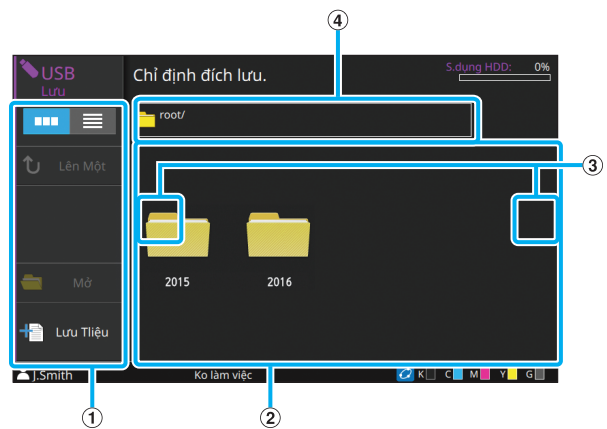
Màn hình [USB]

Bạn có thể thực hiện và kiểm tra các lệnh từ USB trên màn hình này.

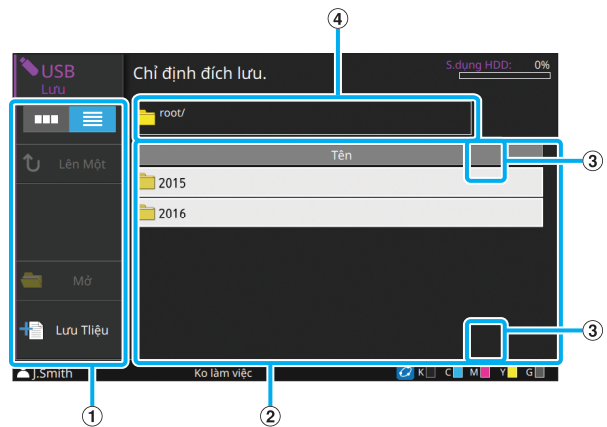
Chế độ USB có hai chức năng: [Lưu], cho phép bạn lưu dữ liệu đã quét vào ổ flash USB và [Tải], giúp bạn in tài liệu (tệp PRN) được lưu vào ổ flash USB từ trình điều khiển máy in.

■ Màn hình Chế độ xem trong [USB] - [Lưu]

Hiện thị biểu tượng



Màn hình danh sách



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.

② Hiện thị Thư mục

Những thư mục có thể sử dụng được sẽ hiển thị trong danh sách ở chế độ xem này.

③ Nút ◀ / ▶ / ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

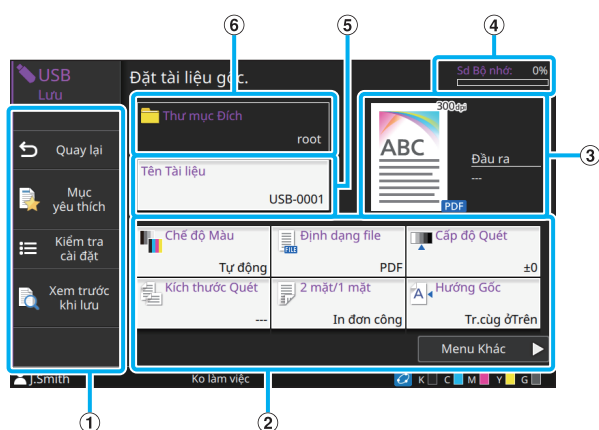
④ Hiện thị Đường dẫn Thư mục

Hiện thị đường dẫn đầy đủ của vị trí thư mục đã chọn trong ổ flash USB.



- Trên màn hình hiển thị danh sách, bạn có thể chạm vào một trong các tiêu đề để sắp xếp các mục trên danh sách. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần dựa trên tên thư mục.

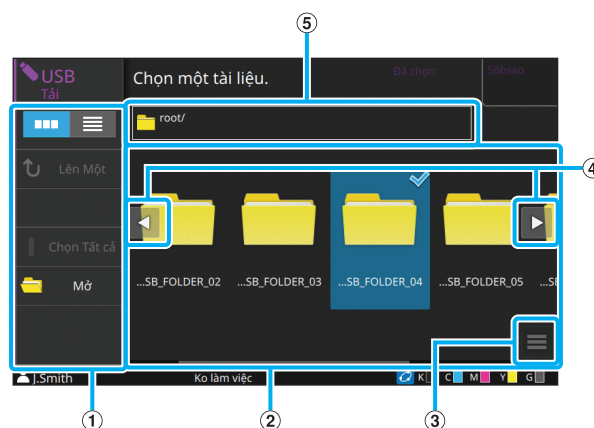
■ Màn hình Lưu Tài liệu trong [USB] - [Lưu]



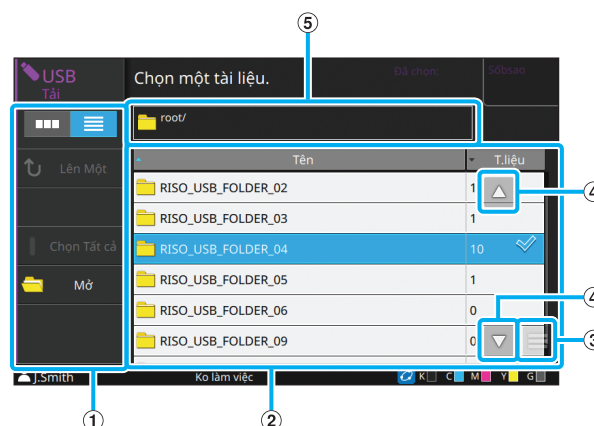
- 1 Nút Chức năng**
Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.
- 2 Các nút Cài đặt**
Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng Lưu vào USB.
Chạm vào [Menu Khác] để hiển thị các nút cài đặt khác.
- 3 Hình ảnh Hoàn thiện**
Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.
- 4 Chỉ báo [Sd Bộ nhớ]**
Dung lượng ổ flash USB hiện đang dùng được hiển thị dưới dạng phần trăm.
- 5 Nút [Tên Tài liệu]**
Nhấn nút này để mở màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu]. Sử dụng nút này để đặt tên tài liệu.
- 6 Thư mục Đích**
Tên thư mục đích đã chọn trên màn hình danh sách hiển thị tại đây.

■ Màn hình Chế độ xem trong [USB] - [Tải]

Hiển thị biểu tượng



Màn hình danh sách



- 1 Nút Chức năng**
Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.
- 2 Xem**
Các thư mục và tài liệu được lưu trên ổ flash USB sẽ hiển thị trong danh sách.
- 3 Menu Phụ**
Các cài đặt sau khả dụng đối với tài liệu đã chọn:
 - Chi tiết
 - Th/đổi C.đặt
 - Sao chép sang thư mục
- 4 Nút < / > / ▲ / ▼**
Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.
- 5 Hiển thị Đường dẫn Thư mục**
Hiển thị đường dẫn đầy đủ của vị trí thư mục đã chọn trong ổ flash USB.



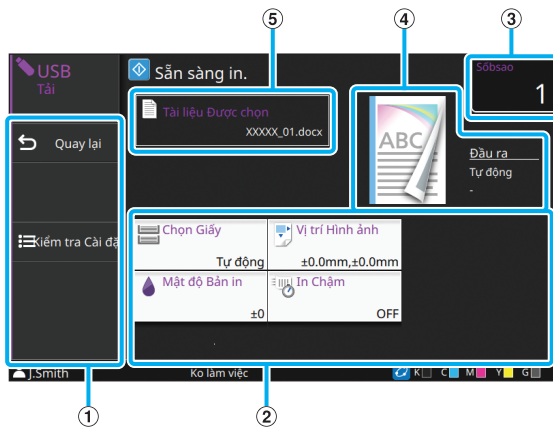
- Trên màn hình hiển thị danh sách, bạn có thể chạm vào một trong các tiêu đề để sắp xếp các mục trên danh sách. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần dựa trên tên thư mục hoặc số lượng tài liệu.

■ Màn hình Thay đổi Cài đặt trong [USB] - [Tài]

Màn hình này xuất hiện khi bạn chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ trên màn hình danh sách tài liệu.



- Khi sử dụng bộ PS tùy chọn, hãy chọn tệp PDF và chạm vào [Cài đặt In].



① Nút Chức năng

Chọn chức năng có thể sử dụng trong chế độ USB.

② Các nút Cài đặt

Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng Tài USB. Khi bạn chọn tệp PDF và chạm vào nút [Menu Khác], các nút cài đặt khác sẽ xuất hiện.

③ [Số sao]

Nhập hoặc kiểm tra số bản sao để in.

④ Hình ảnh Hoàn thiện

Bạn có thể xác nhận các chi tiết cài đặt bằng các biểu tượng hiển thị.

⑤ [Tài liệu Được chọn]

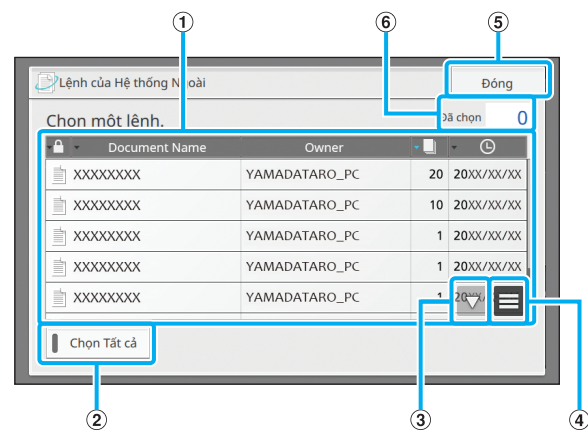
Tên của tài liệu đã chọn hiển thị tại đây.

Màn hình [L.kết Hệ thống Bên ngoài]

Khi sử dụng liên kết hệ thống bên ngoài, bạn có thể thao tác trên tài liệu được lưu ở hệ thống bên ngoài.

Màn hình hiển thị trên máy này sẽ thay đổi tùy theo hệ thống bên ngoài mà bạn sử dụng. Phần giải thích sau đây là ví dụ khi bạn liên kết với hệ thống bên ngoài bằng phần mềm MPS.

■ Màn hình tài liệu



① Hiển thị Tài liệu

Các tài liệu có thể sử dụng được sẽ hiển thị.



- Bạn có thể chạm vào một trong các tiêu đề để sắp xếp các mục trên danh sách. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần dựa trên tên tài liệu, tên chủ sở hữu, số trang hoặc ngày giờ lưu.

② Nút [Chọn Tất cả]

Chạm vào nút này để chọn tất cả tài liệu hiển thị trong danh sách tài liệu.

③ Nút ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

④ Menu Phụ

Xóa những tài liệu đã chọn hoặc hiển thị thông tin chi tiết và tổng số tài liệu đã chọn.

⑤ Nút [Đóng]

Đóng màn hình và ngắt kết nối với hệ thống bên ngoài.

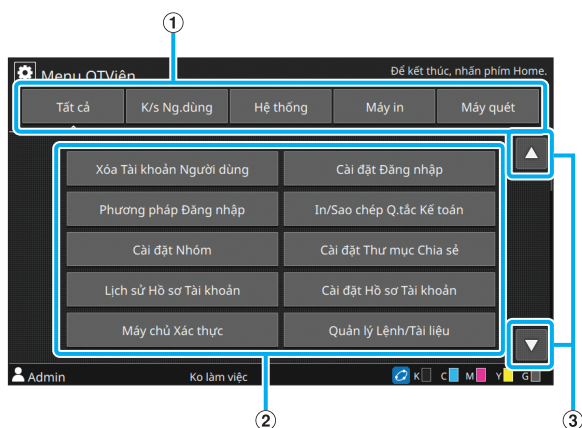
⑥ [Đã chọn]

Số tài liệu đã chọn sẽ hiển thị tại đây.

- Tùy theo cài đặt của quản trị viên, nút [L.kết H.thg Ngoài] có thể bị ẩn hoặc sẽ hiển thị bằng tên khác. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

Màn hình [Menu Admin]

Màn hình này chỉ hiển thị khi bạn đăng nhập với tư cách quản trị viên. Bạn có thể truy cập cài đặt mà quản trị viên có thể sử dụng và sửa đổi. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị”.



① Nút Chọn Danh mục

Danh mục các nút cài đặt trong menu quản trị viên hiển thị tại đây.

Chạm vào [Tất cả] để hiển thị tất cả các nút cài đặt trong menu quản trị viên.

② Các nút Cài đặt

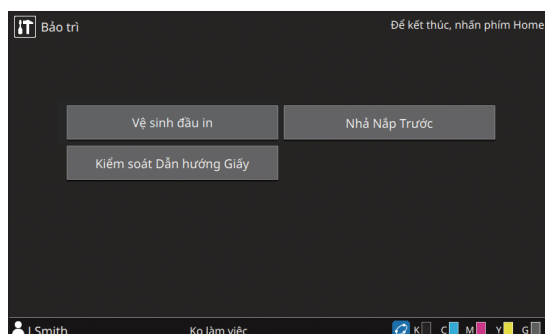
Sử dụng các nút này để thiết lập chức năng menu quản trị viên.

③ Nút ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

Màn hình [Bảo trì]

[Vệ sinh đầu in], [Nhà Nấp Trước] và các chức năng khác khả dụng trên màn hình này. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Bảo trì” (tr. 9-2) trong “Phụ lục”.

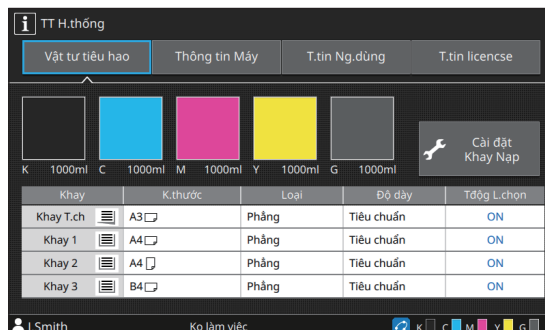


Màn hình [TT H.thống]

■ Màn hình Hàng t.dùng

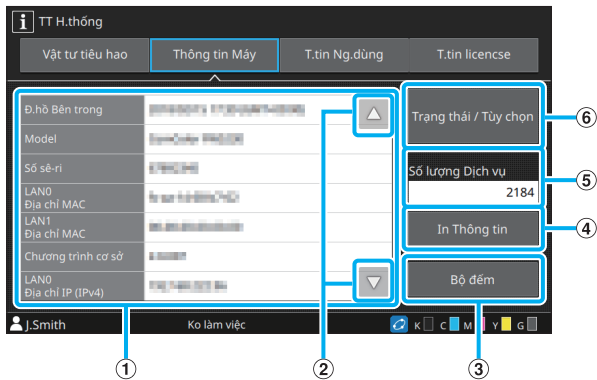
Màn hình này hiển thị trạng thái của vật tư tiêu hao như giấy và mực.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay.



■ Màn hình Thông tin Máy

Màn hình này hiển thị thông tin về máy này.



① Danh sách Thông tin Máy

② Nút ▲ / ▼

Sử dụng các nút này để cuộn qua danh sách.

③ Nút [Bộ đếm]

Số lượng chi tiết cho mỗi khổ giấy sẽ hiển thị.

④ Nút [In Thông tin]

Chạm vào nút này để in thông tin hệ thống hoặc hình ảnh mẫu.

⑤ [Số lượng Dịch vụ]

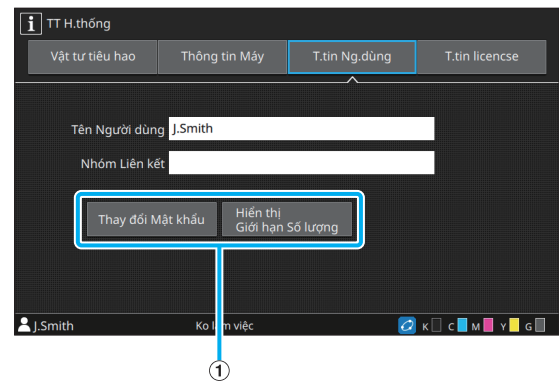
Hiển thị số lượng dịch vụ.

⑥ Nút [Trạng thái / Tùy chọn]

Chạm vào nút này để hiển thị thông tin về thiết bị tùy chọn được kết nối và trạng thái của thiết bị đó.

■ Màn hình T.tin Ng.dùng

Màn hình này hiển thị tên người dùng và nhóm người dùng đã đăng nhập.



① Nút Thông tin

Bạn có thể hiển thị trạng thái sử dụng của người dùng.

Chạm vào [Thay đổi Mật khẩu] để thay đổi mật khẩu.

Nếu quản trị viên đặt giới hạn sao chép hoặc in, hãy chạm vào [Hiển thị Giới hạn Số lượng] để xem trạng thái sử dụng.

Nếu bạn đang dùng đầu đọc thẻ IC, hãy chạm vào [Đăng ký Thẻ IC] để đăng ký thông tin thẻ cho người dùng đã đăng nhập.



• Nếu bạn đang dùng liên kết hệ thống bên ngoài, các nút sau cũng hiển thị:

- [Xem Số dư]: Bạn có thể kiểm tra số dư của từng người dùng đã đăng nhập.

Để biết thêm thông tin về hệ thống thanh toán bằng chức năng [L.kết Hệ thống Bên ngoài], hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

■ Màn hình Thông tin Giấy phép

Màn hình này hiển thị thông tin giấy phép của hệ thống được sử dụng với sản phẩm này.

Bảng Cảm ứng

Bạn có thể vận hành máy bằng bảng cảm ứng và các phím trên bảng vận hành.

Bạn có thể chạm vào các nút hiển thị trên màn hình để chọn mục, chuyển đổi giữa các màn hình bằng cách vuốt ngón tay lên bảng cảm ứng hoặc cuộn qua các danh sách bằng cách vuốt ngón tay.

Chuyển đổi Màn hình

Bạn có thể chuyển đổi giữa màn hình [Trang chủ1] và màn hình [Trang chủ2] bằng cách vuốt màn hình sang trái hoặc phải. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Màn hình [Trang chủ1]” (tr. 15) và “Màn hình [Trang chủ2]” (tr. 16).

Cuộn

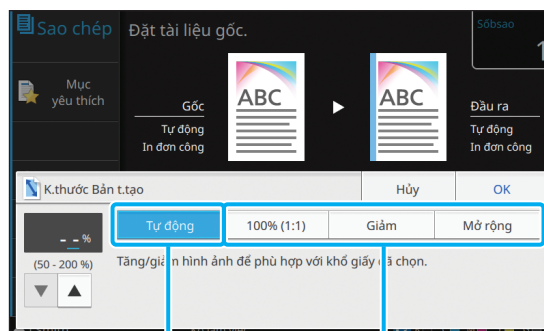
Bạn có thể cuộn qua màn hình hiển thị các mục cài đặt hoặc cuộn qua các danh sách thư mục và tài liệu bằng cách vuốt màn hình sang trái/phải hoặc lên trên/xuống dưới. Chạm vào màn hình để dừng cuộn.

Bạn cũng có thể cuộn qua các danh sách và màn hình có thể cuộn với thao tác kéo, bằng cách trượt ngón tay sang trái/phải hoặc lên trên/xuống dưới mà không cần nhấc ngón tay ra khỏi bảng cảm ứng. Nhấc ngón tay ra khỏi bảng cảm ứng để dừng cuộn.

Chọn Nút

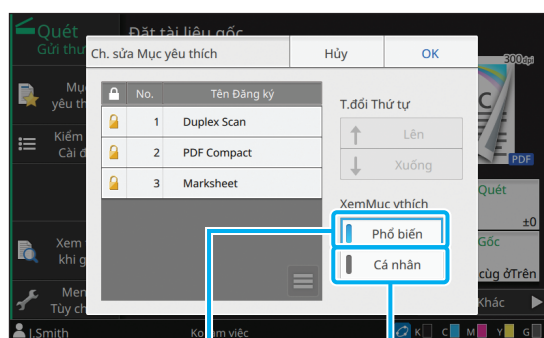
Để chọn nút trên bảng cảm ứng, hãy chạm ngón tay vào nút.

Một phần hoặc toàn bộ nút đã chọn sẽ chuyển sang màu xanh lam.



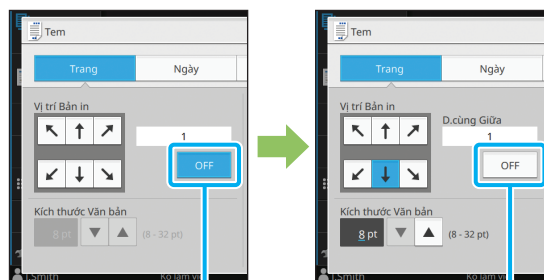
Nút được chọn

Nút không được chọn



Đã chọn

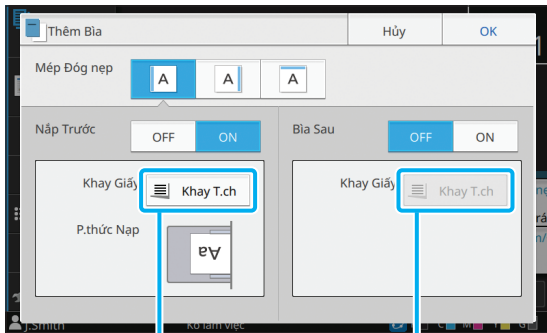
Chưa chọn



Đã chọn

Chưa chọn

Nút không khả dụng trong điều kiện hiện tại có màu xám. Bạn có thể sử dụng những nút này khi đáp ứng các điều kiện bắt buộc.



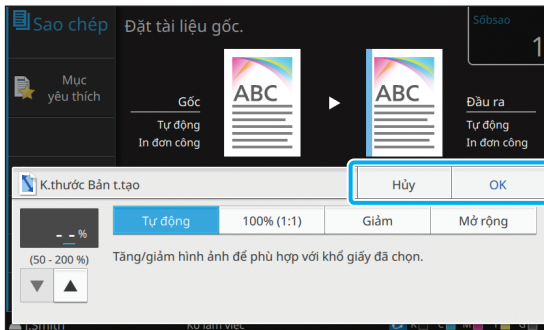
Tùy chọn này khả dụng vì đặt [Nấp Trước] thành [ON].

Tùy chọn này không khả dụng vì đặt [Bìa Sau] thành [OFF].

Xác nhận / Hủy Cài đặt

Khi [OK] hiển thị trên màn hình, bạn phải chạm vào [OK] để lưu cài đặt. Nếu bạn không chạm vào [OK], cài đặt có thể bị hủy.

Để hủy cài đặt bạn đã chỉnh sửa, hãy chạm vào [Hủy].



Màu của Nút Cài đặt

Khi thay đổi cài đặt, nút cài đặt sẽ chuyển màu để cho biết cài đặt đã được thay đổi từ giá trị mặc định.



Nhập Văn bản

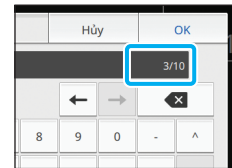
Khi nhập tên người dùng hoặc mật khẩu, hãy nhập thông tin bắt buộc trên màn hình nhập văn bản.

1 Chạm vào từng ký tự bạn muốn nhập.

Để di chuyển con trỏ, hãy chạm vào [←] hoặc [→]. Chạm vào [✕] nếu bạn cần xóa ký tự bên trái con trỏ.



- Nếu các ký tự khả dụng bị giới hạn, chẳng hạn như trường hợp với mật khẩu, những ký tự không thể sử dụng được có màu xám.
- Để nhập chữ hoa, trước tiên, hãy chạm vào [Shift] rồi nhập ký tự. Để quay lại chế độ nhập chữ thường, hãy chạm lại vào [Shift].
- Số ký tự tối đa bạn có thể nhập và số ký tự hiện đã nhập hiển thị ở bên phải trường nhập văn bản.



2 Sau khi nhập văn bản, hãy chạm vào [OK].



- Tùy theo khu vực nhập, thao tác chạm vào khu vực này có thể không mở được màn hình nhập. Trong trường hợp đó, hãy sử dụng phím số.
- Khu vực đang chọn được biểu thị bằng dòng kẻ nhấp nháy dưới số hoặc chữ cái. Để chuyển đổi khu vực, hãy chạm vào khu vực bạn muốn nhập văn bản.

Chuẩn bị

Chương này giải thích cách bật nguồn, đăng nhập, nạp giấy và thực hiện các công việc chuẩn bị khác để có thể sẵn sàng sử dụng máy này.



- Khi dùng khay nạp, bạn không cần đặt khay tiêu chuẩn.
- Với RISO Console, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy trên máy tính. (tr. 6-1 “RISO Console”)

Nguồn

Máy có hai công tắc nguồn, công tắc nguồn chính và phím [Nguồn]. Sử dụng công tắc nguồn chính để bật nguồn chính của toàn bộ máy.

Nhấn phím [Nguồn] để khởi động máy này.



- Để tắt nguồn của máy này khi đang sử dụng bình thường, nhấn và giữ phím [Nguồn] trên bảng vận hành.
- Không tắt nguồn chính, trừ khi bạn dự kiến không sử dụng máy trong khoảng thời gian dài hoặc khi nguồn cấp điện vô tình bị ngừng do sét đánh hoặc các nguyên nhân không mong muốn khác.

Bật Nguồn

1 Hãy đảm bảo cắm phích cắm nguồn vào ổ điện.

2 Bật công tắc nguồn chính.

Đèn [Nguồn Chính] trên bảng vận hành bật.

3 Nhấn phím [Nguồn] trên bảng vận hành.

Nguồn bật và phím [Nguồn] sáng lên.

Tắt Nguồn

1 Nhấn và giữ phím [Nguồn] trên bảng vận hành.

2 Kiểm tra để đảm bảo phím [Nguồn] đã tắt rồi mới tắt công tắc nguồn chính.

Đèn [Nguồn Chính] tắt.



- Để bật lại nguồn chính, đầu tiên, hãy đảm bảo đèn [Nguồn Chính] tắt.
- Chỉ rút phích cắm nguồn sau khi tắt công tắc nguồn chính.

Tính năng Tiết kiệm điện

Nếu bạn để máy in không được chú ý đến trong một thời gian, máy sẽ tự động chuyển sang chế độ tiết kiệm điện theo cài đặt của quản trị viên.

Chế độ tiết kiệm điện có hai trạng thái: trạng thái đèn nền tắt và trạng thái ngủ. Thời gian chuyển trạng thái và mức tiêu thụ điện năng khi ngủ tương ứng do quản trị viên đặt.

Khi chế độ tiết kiệm điện bật, bảng cảm ứng tắt và phím [Đánh thức] bật.

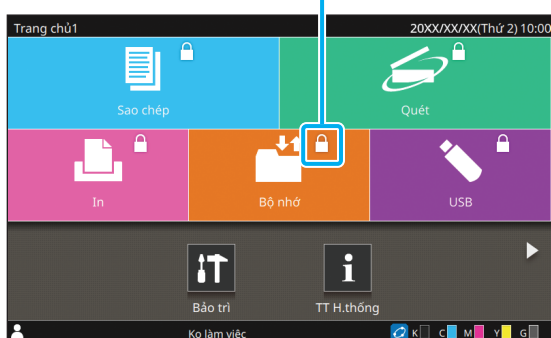
Khi bạn nhấn phím [Đánh thức], chế độ tiết kiệm điện bị hủy và máy quay lại chế độ vận hành bình thường.

Máy sẽ mất nhiều thời gian hơn để khôi phục từ trạng thái ngủ so với từ trạng thái đèn nền tắt.

Đăng nhập

Biểu tượng khóa ở góc trên bên phải của các nút chế độ cho biết bạn phải đăng nhập để truy cập các chế độ này.

Biểu tượng khóa



- Khi đăng nhập lần đầu, bạn cần mật khẩu tạm thời do quản trị viên cấp.

Đăng nhập

- Khi dùng đầu đọc thẻ IC, bạn có thể đăng nhập bằng cách gior thẻ IC lên trên đầu đọc thẻ.

1 Nhấn phím [Đ.nhập/Đăng xuất].

2 Trên màn hình [Đăng nhập], chọn tên bạn.

Để tìm tên bạn, hãy cuộn qua màn hình hoặc nhấn nút chỉ mục để hiển thị tên người dùng.

Màn hình [Mật khẩu] xuất hiện sau khi bạn chọn tên mình.

3 Nhập mật khẩu của bạn và chạm vào [Đăng nhập].

Làm theo hướng dẫn được hiển thị để thao tác.

- Khi đăng nhập lần đầu, hãy thay đổi mật khẩu tạm thời thành mật khẩu của riêng bạn.

Khi bạn đã đăng nhập thành công, màn hình bạn thấy khi nhấn phím [Đ.nhập/Đăng xuất] sẽ xuất hiện lại. Tên người dùng của bạn hiển thị ở dưới cùng bên trái màn hình.

- Sau khi hoàn tất các thao tác, hãy đảm bảo nhấn phím [Đ.nhập/Đăng xuất] để đăng xuất.

- Liên hệ quản trị viên của bạn nếu bạn không tìm thấy tên mình hoặc nếu bạn đã quên mật khẩu.
- Nếu tên người dùng của bạn không xuất hiện ở dưới cùng bên trái màn hình [Trang chủ1], hãy chạm vào nút chế độ và thực hiện thao tác mô tả ở bước 2 và 3 trong “Đăng nhập”. Khi bạn đăng nhập thành công, màn hình của chế độ đã chọn xuất hiện.

Thay đổi Mật khẩu Đăng nhập

1 Chạm vào [TT H.thống] trên màn hình [Trang chủ1] sau khi đăng nhập.

2 Chạm vào [T.tin Ng.dùng] - [Thay đổi Mật khẩu].

3 Nhập mật khẩu mới và chạm vào [Tiếp theo].

4 Trên màn hình [Thay đổi Mật khẩu (xác nhận)], nhập lại mật khẩu mới và chạm vào [OK].

Nạp Giấy

Nạp giấy vào khay nạp và khay tiêu chuẩn.



- Chúng tôi khuyên bạn nên nạp loại giấy bạn sẽ thường dùng nhất vào khay nạp.

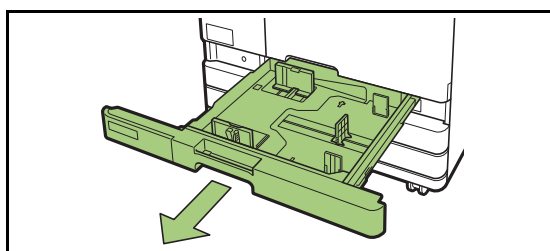
- Sử dụng khay tiêu chuẩn cho các loại giấy sau.

- Giấy dày và giấy đặc biệt khác
- Giấy in sẵn
- Bưu thiếp
- Bì thư

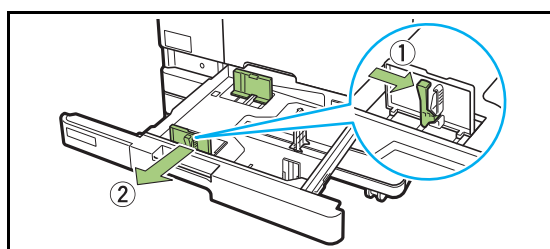
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Giấy In” trong “Thông tin An toàn”.

Nạp Giấy vào Khay Nạp

1 Kéo khay ra phía trước.

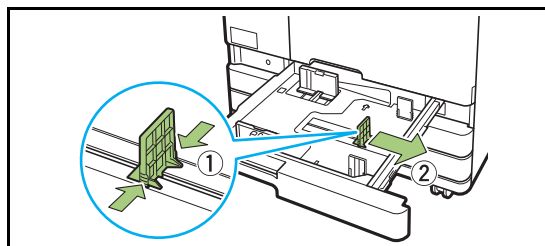


2 Giữ cân gạt dẫn hướng nạp giấy và kéo cân về phía trước để mở rộng dẫn hướng nạp giấy tới khi nó dừng lại.



3 Di chuyển chốt chặn để tạo khoảng trống.

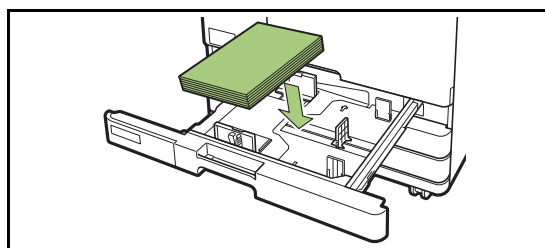
Di chuyển chốt chặn bằng cách giữ cả hai bên.



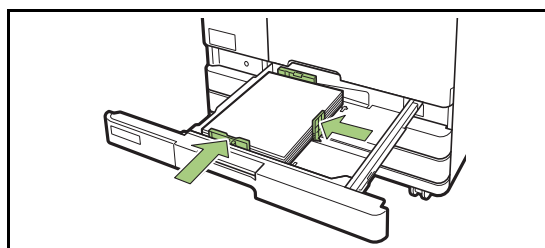
4 Nạp giấy.

Khi dùng giấy mà mặt trước và mặt sau có đặc điểm khác nhau, hãy đặt mặt in úp xuống. Không nạp quá nhiều tờ.

Khi nạp giấy, hãy cẩn thận để cạnh giấy không chạm vào dẫn hướng giấy để giấy không bị cong.

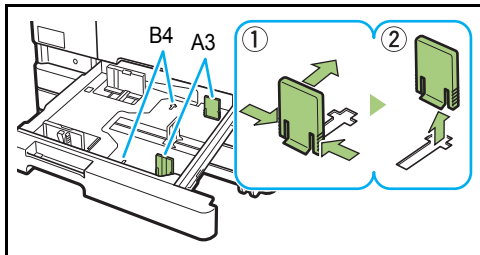


5 Di chuyển dẫn hướng nạp giấy và chốt chặn cho vừa với cạnh giấy.





- Máy phát hiện kích thước của giấy dựa trên vị trí chốt chặn. Hãy đảm bảo di chuyển dẫn hướng cho vừa với cạnh giấy.
- Để đặt giấy A3 hoặc giấy B4, cài đặt dẫn hướng giấy A3/B4 đúng cách cho từng loại. Kẹp chặt hai bên của dẫn hướng giấy A3/B4, trượt dẫn hướng ra rồi trượt vào lỗ phù hợp với khổ giấy mong muốn.



Khi dùng giấy A3

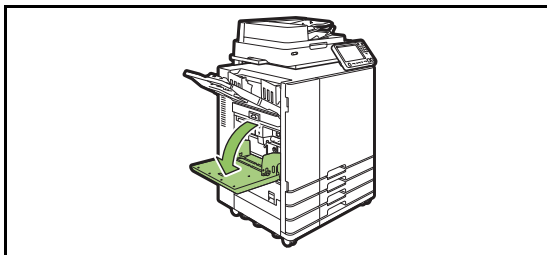
6 Đẩy khay vào trong máy.

7 Trên bảng vận hành, kiểm tra cài đặt khay.

Khi bạn đã chuyển sang một loại hoặc khổ giấy khác, hãy cập nhật cài đặt khay nạp. (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)

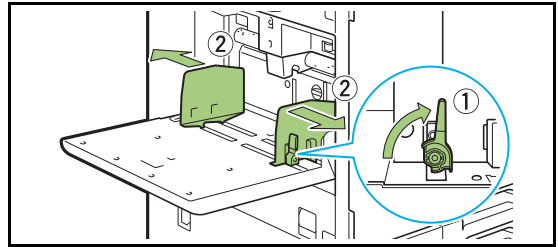
Nạp Giấy vào Khay Tiêu chuẩn

1 Mở khay tiêu chuẩn tới khi khay dừng lại.



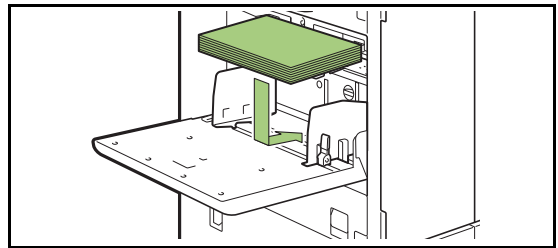
2 Mở rộng dẫn hướng.

Nâng cần gạt dẫn hướng nạp giấy (cả hai bên) để mở khóa và trượt dẫn hướng.

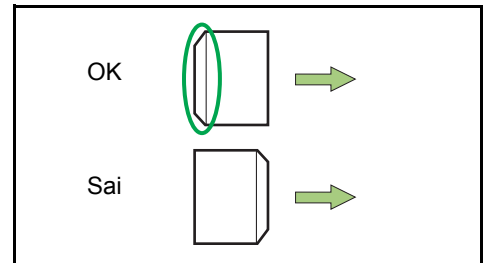


3 Nạp giấy.

Nạp giấy với mặt in ngửa lên.



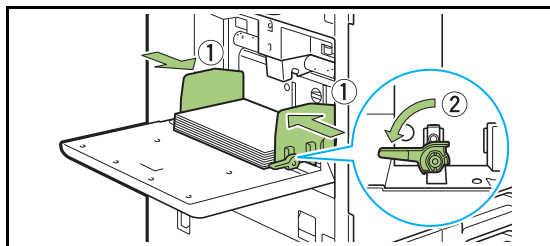
- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Hãy đảm bảo nạp bì thư với nắp bì thư mở ra và cạnh cuối bì thư đi vào máy trước.



- [Xoay] là tính năng hữu ích để in trên bì thư từ máy tính.

4 Điều chỉnh dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

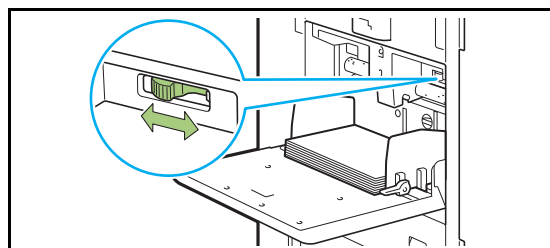
Di chuyển dẫn hướng cho khớp với cạnh giấy và đẩy cần gạt để khóa.



- Máy phát hiện khổ giấy ở vị trí của dẫn hướng. Hãy đảm bảo di chuyển dẫn hướng cho vừa với cạnh giấy.

5 Điều chỉnh cần gạt điều chỉnh áp lực nạp giấy.

Để sử dụng bình thường, hãy đặt thành “✕ (NORMAL)”. Với bì thư, giấy vẽ, bưu thiếp và sản phẩm tương tự, hãy đặt thành “✕ (CARD)”.



6 Trên bảng vận hành, kiểm tra cài đặt khay.

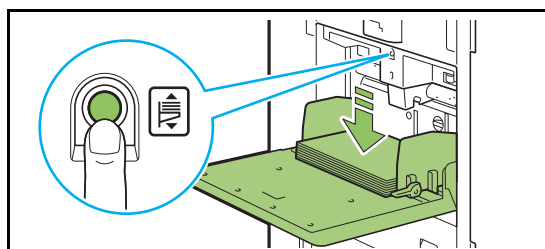
Khi bạn đã chuyển sang một loại hoặc khổ giấy khác, hãy cập nhật cài đặt khay nạp. (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)

Thêm hoặc Chuyển đổi Giấy trong Khay Tiêu chuẩn

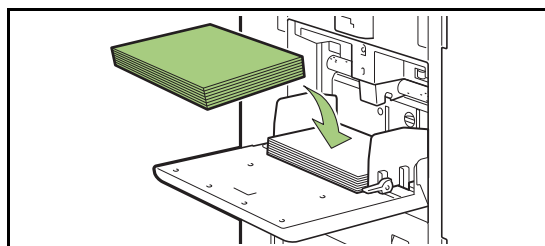
Nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn khi nạp thêm tờ hoặc khi chuyển đổi giấy. Lưu ý rằng khay Tiêu Chuẩn được hạ tự động khi lấy tất cả giấy ra.

1 Nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn để hạ khay tiêu chuẩn.

Ấn nút này tới khi khay đi tới vị trí mong muốn.



2 Nạp thêm giấy hoặc chuyển đổi giấy nạp.

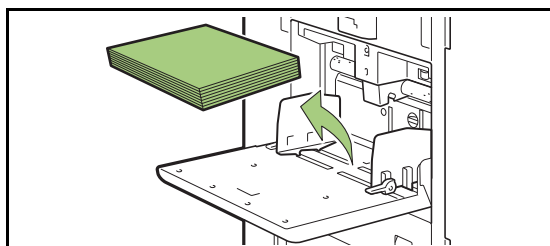


Đóng Khay Tiêu chuẩn

- Hãy đảm bảo nguồn bật khi bạn thực hiện thao tác này.

1 Lấy giấy đã nạp ra.

Khay tiêu chuẩn bắt đầu hạ.



2 Đóng khay tiêu chuẩn.

- Hãy đảm bảo khay tiêu chuẩn đã hạ hết cỡ trước khi đóng khay.

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Nếu muốn gửi dữ liệu từ máy tính để in trên máy này, trước tiên, bạn phải cài đặt trình điều khiển máy in vào máy tính.



- Đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị.
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.
- Sử dụng trình gỡ cài đặt để gỡ cài đặt ứng dụng. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị”.
- Khi sử dụng bộ PS tùy chọn, hãy cài đặt và sử dụng trình điều khiển máy in chuyên dụng trong bộ PS. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Bộ PS” (tr. 8-44) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt trình điều khiển máy in được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	CPU Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Dung lượng đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên

Cài đặt

1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Trình hướng dẫn cài đặt khởi động tự động. Nếu trình hướng dẫn cài đặt không khởi động, nhấp đúp vào tệp “Install.exe” trên đĩa DVD-ROM.

2 Chọn ngôn ngữ mong muốn trong menu kéo xuống và nhấp vào [OK].

3 Nhấp vào [Tiếp theo].

4 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

5 Khi thông báo in trang thử nghiệm hiển thị, nhấp vào [Có].

6 Xác nhận rằng trang thử nghiệm được in chính xác và nhấp vào [OK].



- Khi nhấn vào [Hiện thị văn bản “ReadMe”], tệp ReadMe sẽ mở ra. Tệp Readme bao gồm các lưu ý khi dùng máy.

7 Nhấp vào [Hoàn tất].

Nếu trình điều khiển máy in được cài đặt đề lên trình điều khiển hiện tại, máy tính sẽ khởi động lại.



- Nếu bạn không muốn khởi động lại máy tính bây giờ, hãy bỏ dấu kiểm khỏi hộp kiểm [Khởi động lại ngay] trước khi nhấp vào [Hoàn tất].

8 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.



- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

Giới thiệu về Lệnh

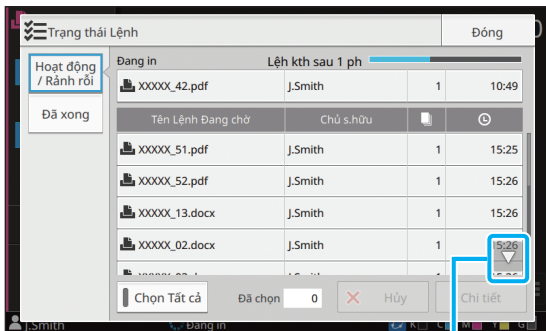
Phần này mô tả cách sử dụng [Chi tiết], [In], [Xóa] và các chức năng khác khả dụng từ Danh sách Tài liệu của mỗi màn hình. Nhấn phím [Trạng thái Lệnh] để xem lệnh.



- Lệnh là đơn vị tác vụ mà máy này thực hiện trong từng chế độ (ví dụ: chế độ In, chế độ Sao chép).
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "*****".
 - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-28 "Mã PIN")

Màn hình [Hoạt động / Rảnh rỗi]

Chạm vào [Hoạt động / Rảnh rỗi] sẽ hiển thị danh sách lệnh đang thực hiện và lệnh đang chờ in. Lệnh được in theo thứ tự từ trên cùng của danh sách.



- Thứ tự xuất giấy (thứ tự ưu tiên của lệnh) trong [Hoạt động / Rảnh rỗi]
Khi ngắt sao chép trên máy, lệnh ngắt sao chép được ưu tiên hơn các lệnh gửi từ trình điều khiển máy in.

Danh sách Lệnh

Danh sách lệnh hiển thị tên lệnh, trạng thái, tên chủ sở hữu, số bản sao (📄) và thời gian nhận (🕒) cho các lệnh đang được in, đang xử lý và đang chờ in.

Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh.

Biểu tượng	Loại Lệnh
	Lệnh sao chép
	Lệnh in
	Lệnh lưu trữ (Tải)
	Lệnh USB (Tải)
	Lệnh PS (khi dùng bộ PS tùy chọn)
	Lệnh có mã PIN
	Lệnh bị hỏng



- ▲ / ▼ có thể chạm vào được để cuộn qua danh sách.
- Chạm vào [Chọn Tất cả] để chọn tất cả các lệnh trong danh sách.

Kiểm tra Trạng thái Hiện tại của Lệnh

Trạng thái hiện tại của lệnh đang được in và xử lý sẽ hiển thị với thanh tiến trình. Thời gian hoàn tất dự kiến cũng hiển thị cho các lệnh đang được in.



- Nếu dùng chức năng Bàn gốc Kích thước Kết hợp hoặc khi không xác định được số trang của lệnh in, thời gian hoàn tất dự kiến sẽ không hiển thị.

Hủy Lệnh

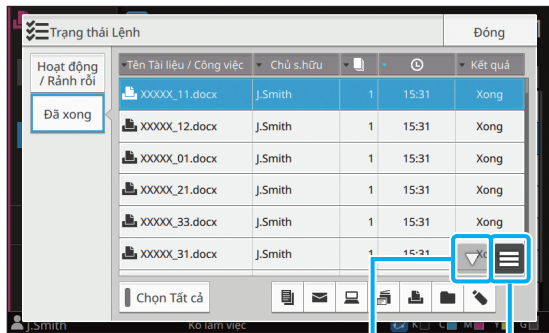
Để hủy lệnh, hãy chọn lệnh mà bạn muốn hủy và chạm vào [Hủy] hoặc nhấn phím [Dừng]. Để hủy lệnh có mã PIN, bạn cần nhập mã PIN.

Kiểm tra Chi tiết của Lệnh

Chạm vào [Chi tiết] để xem chi tiết của lệnh đang được xử lý hoặc đang chờ in.

Màn hình [Đã xong]

Chạm vào [Đã xong] để hiển thị danh sách các lệnh đã hoàn tất.



▲ / ▼ Menu phụ

Bạn có thể kiểm tra tên tài liệu/lệnh, tên chủ sở hữu, số bản sao đã in (📄), ngày/giờ in (🕒) và kết quả xử lý.

Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh.

Biểu tượng	Loại Lệnh
📄	Lệnh sao chép
🖨️	Lệnh in
✉️	Lệnh quét (Thư)
💻	Lệnh quét (PC)
📄	Lệnh quét (Bảng điều khiển)
📁	Lệnh lưu trữ (Lưu/Tải)
🔌	Lệnh USB (Lưu/Tải)
PS	Lệnh PS (khi dùng bộ PS tùy chọn)
🔒	Lệnh có mã PIN
🗑️	Lệnh bị hỏng



• Chạm vào menu phụ để kiểm tra chi tiết của lệnh, in lại lệnh hoặc xóa lệnh.

• ▲ / ▼ có thể chạm vào được để cuộn qua danh sách.

• Chạm vào danh mục như [Tên Tài liệu / Công việc] hoặc [Chủ s.hữu] để chuyển đổi thứ tự sắp xếp giữa tăng và giảm để hiển thị.

• Chạm vào [Chọn Tất cả] để chọn tất cả các lệnh trong danh sách.

• Chạm vào nút của biểu tượng bên dưới danh sách để chỉ hiển thị các loại lệnh đã chọn.

Tất cả các lệnh sẽ hiển thị khi không chọn nút nào.

• Danh sách cũng hiển thị lịch sử của lệnh đã xử lý. Thời gian lưu và số lệnh hiển thị trong danh sách do quản trị viên chỉ định. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

Sử dụng máy quét để quét và tạo bản sao của bản gốc dạng giấy.

Bạn có thể tạo bản sao bằng nhiều cách, chẳng hạn như in trên cả hai mặt hoặc đưa nhiều trang vào một tờ, cho phù hợp với các nhu cầu khác nhau của bạn.

Tổng quan về Thao tác Sao chép..... tr. 1-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chạm vào [Sao chép] trên màn hình [Trang chủ1].



3. Thay đổi cài đặt.



4. Chỉ định số bản sao bằng các phím số.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

Cài đặt Sao chép tr. 1-7

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt sao chép.

Nút chức năng Chế độ Sao chép tr. 1-31

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ sao chép.



1



Sao chép

Tổng quan về Thao tác Sao chép

Phần này giải thích các thao tác sao chép cơ bản.

Quy trình

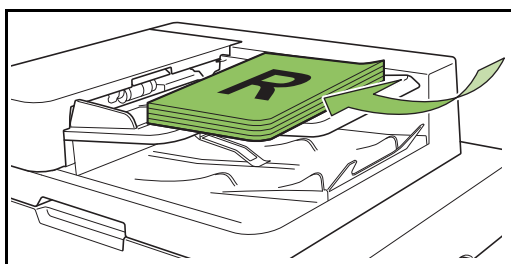
1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

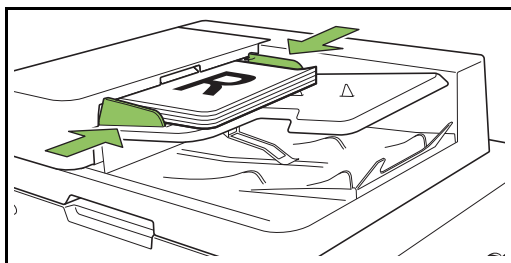
■ Trong ADF

1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

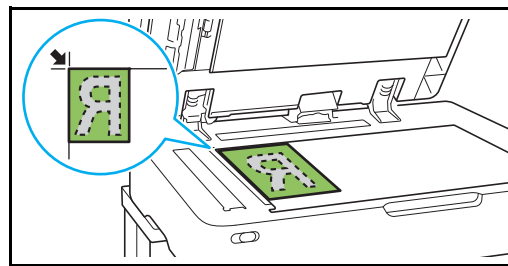


■ Trên Kính Tấm ép giấy

1 Mở bìa gốc.

2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.

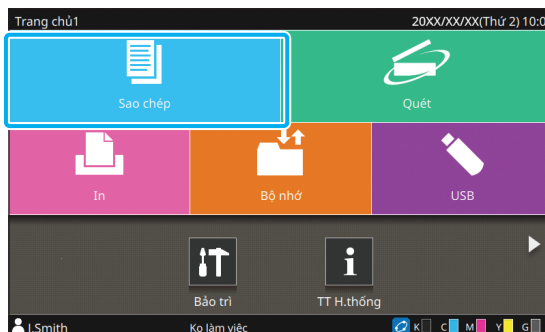


3 Đóng bìa gốc.



• Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

2 Chạm vào [Sao chép] trên màn hình [Trang chủ1].



● 3 Thay đổi cài đặt.

Chỉ định cài đặt sao chép chi tiết. Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 1-5).

● 4 Chỉ định số bản sao bằng các phím số.

Nhập số bản sao mong muốn, tối đa 9.999 bản.

● 5 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Đang sao chép] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Chạm vào [In Chậm] để giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.
- Nếu một lệnh khác đang được in, thông báo sẽ hiển thị và quá trình sao chép sẽ bắt đầu sau khi hoàn thành lệnh hiện tại.



- Nếu bạn cần sao chép tài liệu trong khi đang in một lệnh, nhấn phím [Ngắt kết nối] để tạm dừng lệnh hiện tại và bắt đầu lệnh sao chép khác.

■ Khi sử dụng kính tấm ép giấy để quét bản gốc có nhiều trang

Sau khi quét một trang của bản gốc, màn hình thông báo hỏi có quét trang khác không sẽ xuất hiện.

Khi cần quét trang khác, hãy đặt trang tiếp theo và chạm vào [Quét]. Sau khi quét tất cả các trang của bản gốc, chạm vào [Đã quét].

Tải lệnh Sao chép Tiếp theo

Trong quá trình sao chép, sau khi quét xong bản gốc, bạn có thể bắt đầu quét bản gốc tiếp theo.

1 Nhấn vào [Đóng] trên màn hình [Đang sao chép].

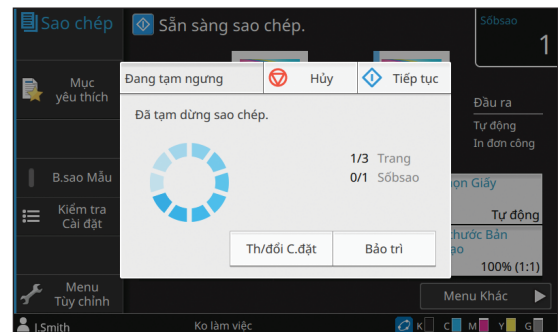
2 Nạp bản gốc tiếp theo và nhấn phím [Bắt đầu].

Thông báo xuất hiện và bản gốc được sao chép dưới dạng lệnh tiếp theo.

Hủy Sao chép

1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.



2 Chạm vào [Hủy].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

3 Chạm vào [OK].

Quá trình sao chép bị hủy.

4 Chạm vào [Đóng].

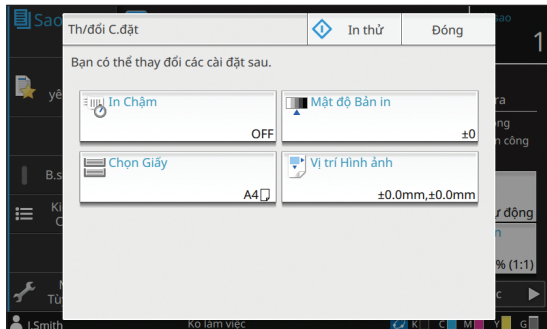
Thay đổi Cài đặt khi đang Sao chép

1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

2 Chạm vào [Th/đổi C.đặt].

Màn hình [Th/đổi C.đặt] hiển thị.



3 Thay đổi Cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- In Chậm (tr. 1-29 “In Chậm”)
- Mật độ Bản in (tr. 1-12 “Mật độ Bản in”)
- Chọn Giấy (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)
- Vị trí Hình ảnh (tr. 1-22 “Vị trí Hình ảnh”)



- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ xuất ra một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].

4 Chạm vào [Đóng].

5 Chạm vào [Tiếp tục].

Lệnh sao chép sẽ được tiếp tục với cài đặt đã thay đổi được áp dụng.

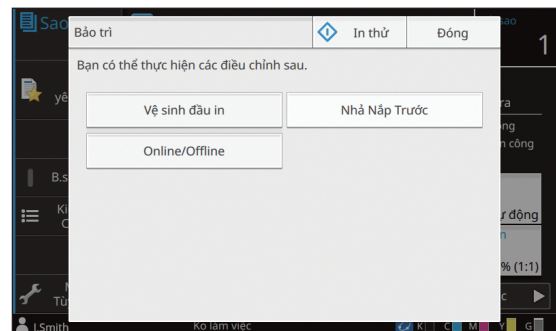
Tiến hành Bảo trì khi Đang sao chép

1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

2 Chạm vào [Bảo trì].

Màn hình [Bảo trì] hiển thị.



3 Thực hiện những thao tác điều chỉnh cần thiết.

Có các tùy chọn bảo trì sau đây:

- Vệ sinh đầu in
- Nhả Nắp Trước
- Online/Offline
- Kiểm soát Dẫn hướng Giấy



- Chạm vào [Online/Offline] để hiển thị màn hình [Online/Offline]. Bạn có thể sử dụng toàn bộ máy in bằng cách đặt [Online/Offline] thành [OFF].
- Để biết thêm thông tin về [Vệ sinh đầu in] và [Nhả Nắp Trước], hãy xem “Bảo trì” (tr. 9-2) trong “Phụ lục”.
- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ xuất ra một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].
- Nếu đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát hoặc bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn, bạn có thể điều chỉnh vị trí khay xếp chồng với [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy].
Để biết thêm thông tin, hãy xem “Bảo trì” (tr. 9-2) trong “Phụ lục”.

4 Chạm vào [Đóng].

5 Chạm vào [Tiếp tục].

Lệnh sao chép được tiếp tục với phần điều chỉnh được áp dụng.

Danh sách Cài đặt

Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng ở chế độ Sao chép.



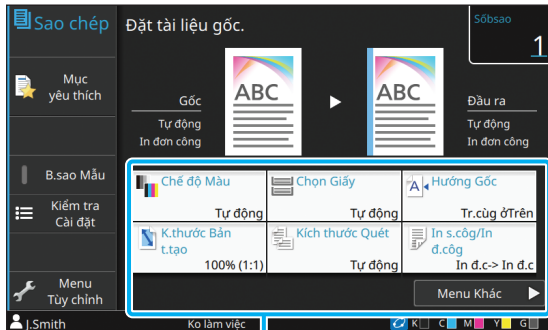
- Một số mục sẽ chỉ hiển thị khi bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống, khay xếp chồng hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn. Trong trường hợp đó, màn hình hiển thị và các chức năng có thể khác nhau tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
K.thước Bản t.tạo	Thu nhỏ hoặc mở rộng hình ảnh được sao chép.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-8
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.	tr. 1-10
Hướng Gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-10
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét của bản gốc và các mặt giấy để in.	tr. 1-11
Sắp xếp	Chỉ định phương thức in để tạo nhiều bản sao của bản gốc.	tr. 1-11
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét của bản gốc.	tr. 1-12
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-12
Quét ADF & tạm dừng	Sao chép bản gốc trong một lệnh ngay cả khi bạn phải nạp bản gốc theo nhiều tập do bản gốc có nhiều trang.	tr. 1-12
B.gốc K.cỡ.k.hợp	Sao chép bản gốc chứa các trang có kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-13
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-13
Chia Trang	Quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-14
Kết hợp	Lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-15
Lặp lại Hình ảnh	Lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-16
Sách	Chỉ định cài đặt lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Bạn cũng có thể gập đôi các trang và đóng nẹp ở giữa khi bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn được kết nối.	tr. 1-16
Tem	Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-17
Viền Trang	Thêm đường viền vào lề giấy.	tr. 1-19
Chất lượng H.ảnh	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 1-20
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp trước khi in dữ liệu đã quét.	tr. 1-20
Hiệu chỉnh Gamma	Điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.	tr. 1-21
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh của bản gốc.	tr. 1-21
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-22
Vị trí Hình ảnh	Điều chỉnh vị trí bản in.	tr. 1-22
Overlay	Tạo bản sao khi sắp lớp hình ảnh đã lưu trong bộ nhớ.	tr. 1-23

Chương 1 Sao chép

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học). Bạn có thể in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.	tr. 1-24
Thêm Bìa	Thêm bìa trước và bìa sau vào bản in.	tr. 1-27
Phân tách	Chèn tấm nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-27
Lề đóng nẹp	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 1-28
Dập ghim/Đục lỗ	Chỉ định cài đặt dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-8
	Chỉ định cài đặt dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-39
Gập	Chỉ định kiểu gập trang in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-41
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-29
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn	tr. 8-18
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43
Ch.tiếp Khay Giấy	Tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay đã chọn hết giấy.	tr. 1-30
T.động Xoay H.ảnh	Tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-30
Ngắt Sao chép	Tạm dừng lệnh đang được in để sao chép tài liệu khác.	tr. 1-30
Mục yêu thích	Gọi các cài đặt thường dùng.	tr. 1-31
Bản sao bổ sung	Tạo thêm bản sao của bản gốc vừa được sao chép mà không phải quét lại.	tr. 1-31
Bản sao mẫu	Tạo một bản sao và dùng sao chép để kiểm tra kết quả in trước khi tạo số lượng lớn bản sao.	tr. 1-32
Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 1-32
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 1-33

Cài đặt Sao chép



Các nút cài đặt

Chế độ Màu

Chọn in màu hoặc in đơn sắc.

[Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn máy tự động phát hiện màu của bản gốc và sao chép màu (lục lam, đỏ tươi, vàng, màu xám và đen) hay sao chép đen trắng.

[Màu Đầy đủ]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách chuyển đổi dữ liệu gốc thành dữ liệu ngũ sắc (sử dụng màu lục lam, đỏ tươi, vàng, màu xám và đen).

[Đen]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (đen) bất kể bản gốc có màu gì.

[Lục lam]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (lục lam) bất kể bản gốc có màu gì.

[Đỏ tươi]

Chọn tùy chọn này để sao chép dưới dạng một màu (đỏ tươi) bất kể bản gốc có màu gì.

1 Chạm vào [Chế độ Màu].

Màn hình [Chế độ Màu] hiển thị.

2 Chọn chế độ màu.

3 Chạm vào [OK].

K.thước Bản t. tạo

Sao chép theo kích thước bản tái tạo đã chỉ định.

[100% (1:1)]

Chọn tùy chọn này để sao chép ở kích thước 100%.

[Tự động]

Kích thước bản tái tạo này được đặt tự động dựa trên kích thước bản gốc và khổ giấy. (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)

[Giảm]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách thu nhỏ bản gốc có kích thước tiêu chuẩn cho vừa với giấy có kích thước tiêu chuẩn.

[Mở rộng]

Chọn tùy chọn này để sao chép bằng cách mở rộng bản gốc có kích thước tiêu chuẩn cho vừa với giấy có kích thước tiêu chuẩn.

Thủ công

Chỉ định kích thước bản tái tạo để mở rộng hoặc thu nhỏ bản gốc khi sao chép.

1 Chạm vào [K.thước Bản t. tạo].

Màn hình [K.thước Bản t. tạo] hiển thị.

2 Chỉ định kích thước bản tái tạo.

Để sử dụng kích thước bản tái tạo do người dùng xác định, chạm vào [▼] hoặc [▲] để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

3 Chạm vào [OK].

1

Chọn Giấy

Chọn khay giấy.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay (khổ giấy, loại giấy, kiểm tra nạp hai lần và tự động lựa chọn).

[Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn tự động chọn khay giấy từ phần lựa chọn khay.

Chọn khay giấy

Khi dùng khổ giấy khác với kích thước bản gốc hoặc để sử dụng khay có [Tự động L.chọn] không được đặt thành [ON], hãy chọn khay giấy.

[Cài đặt Khay Nạp]

Thay đổi cài đặt khay giấy.

1 Chạm vào [Chọn Giấy].

Màn hình [Chọn Giấy] hiển thị.

2 Chọn [Tự động] hoặc chọn khay giấy.

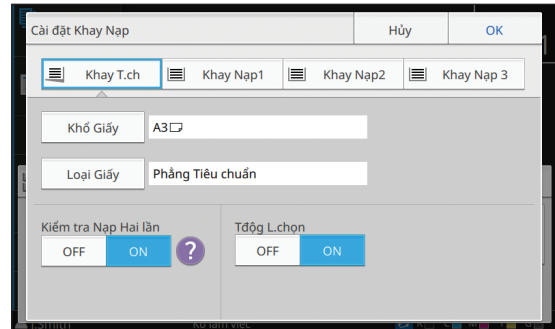
3 Chạm vào [OK].



- Nếu bạn sử dụng tùy chọn “B.gốc K.cỡk.hợp” (tr. 1-13), [Chọn Giấy] sẽ được đặt thành [Tự động].

Thay đổi Cài đặt Khay Giấy

Chạm vào [Cài đặt Khay Nạp] để thay đổi cài đặt khay giấy. Khi thay đổi giấy nạp vào khay, hãy đảm bảo thay đổi cài đặt khay giấy.



Chọn khay giấy

Chọn khay giấy mà bạn sẽ thay đổi cài đặt.

[Khổ Giấy]

Chọn khổ giấy.

[Loại Giấy]

Chọn loại giấy và độ dày.

[Kiểm tra Nạp Hai lần]

Chọn có hoặc không kiểm tra nạp nhiều tờ giấy. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON]. Chức năng này sử dụng độ thấm nhẹ để phát hiện nhiều tờ giấy nên khi sử dụng giấy được in ở mặt sau hoặc giấy có màu cơ sở tối hay bì thư, hãy chọn [OFF].

[Tự động L.chọn]

Đặt tùy chọn này thành [ON] nhằm làm cho khay giấy khả dụng để lựa chọn tự động.

1 Chạm vào [Cài đặt Khay Nạp] trên màn hình [Chọn Giấy].

Màn hình [Cài đặt Khay Nạp] hiển thị.

2 Chọn khay giấy mà bạn sẽ thay đổi cài đặt.

3 Chạm vào [Khổ Giấy].

Màn hình [Khổ Giấy] hiển thị.

4 Chọn khổ giấy và chạm vào [OK].

5 Chạm vào [Loại Giấy].

Màn hình [Loại Giấy] hiển thị.

6 Chọn loại giấy và chạm vào [OK].

7 Cấu hình [Kiểm tra Nạp Hai lần].

8 Cấu hình [Tđộng L.chọn].

9 Chạm vào [OK].



- Không nên cài đặt cho khay nạp giấy đặc biệt (giấy chất lượng cao, giấy màu, giấy dày, giấy có tiêu đề thư, v.v.) khả dụng để tự động lựa chọn.

■ Khổ Giấy

[Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn bản gốc có kích thước tiêu chuẩn được phát hiện tự động.

[Tiêu chuẩn]

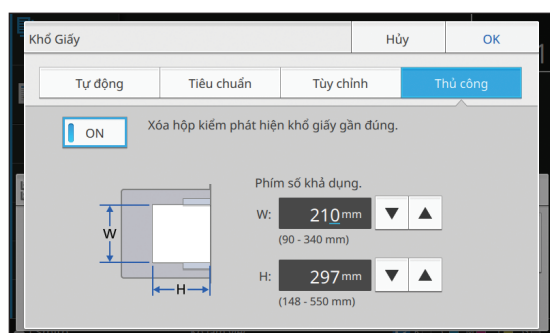
Chỉ định kích thước tiêu chuẩn.

[Tùy chỉnh]

Chọn tùy chọn này để chọn từ các khổ giấy không tiêu chuẩn mà quản trị viên đã đăng ký trước.

[Thủ công]

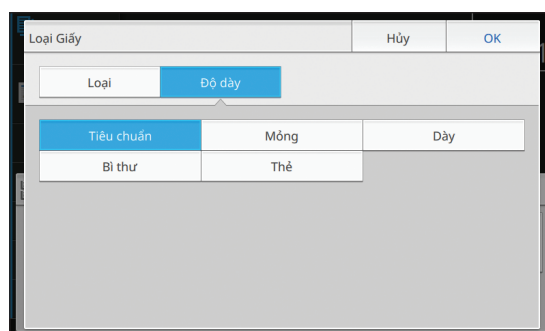
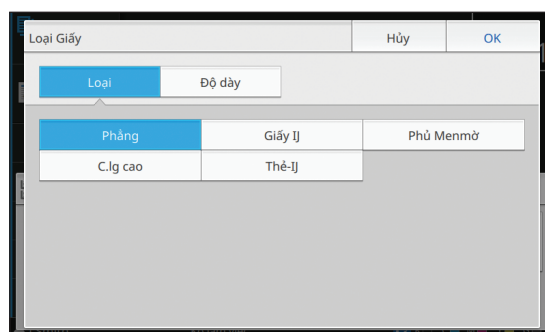
Chỉ định khổ giấy không tiêu chuẩn chưa được đăng ký.



- Khi không chọn [ON], độ rộng tờ được đặt thành độ rộng của từng bộ phận dẫn hướng khay giấy. Độ dài tối đa của khay liên quan được sử dụng cho độ dài của tờ.

■ Loại Giấy

[Loại], [Độ dày]



- Nếu đặt độ dày của giấy được nạp vào khay tiêu chuẩn thành [Bi thư], bạn không thể in song công từ khay tiêu chuẩn.
- Máy chọn cấu hình màu theo loại giấy đã chọn. (Khi bạn thay đổi loại giấy, kết quả in sẽ thay đổi.) Nếu bạn không đạt được kết quả in mong muốn, hãy thay đổi loại giấy.
- Khi sử dụng giấy đặc biệt, bạn có thể thêm cài đặt vào [U1] thông qua [U5] cho [Độ dày]. Để biến thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

Kích thước Quét

Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.

[Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn tự động phát hiện kích thước quét của bản gốc.

[Tiêu chuẩn]

Chọn tùy chọn này khi sử dụng kích thước tiêu chuẩn khác với kích thước của bản gốc.

[Tùy chỉnh]

Chọn tùy chọn này để chọn từ các khổ giấy không tiêu chuẩn mà quản trị viên đã đăng ký trước.

[Thủ công]

Chỉ định khổ giấy không tiêu chuẩn chưa được đăng ký.

1 Chạm vào [Kích thước Quét].

Màn hình [Kích thước Quét] hiển thị.

2 Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.

Để sử dụng kích thước không tiêu chuẩn và chưa được đăng ký, chạm vào [▼] hoặc [▲] trên màn hình [Thủ công] để nhập giá trị. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

3 Chạm vào [OK].

Hướng Góc

[Tr.cùg ởTrên]

Chọn cài đặt này khi nạp bản gốc có cạnh trên cùng hướng về phía sau kính tấm ép giấy hoặc ADF.

[Tr.cùg Btrái]

Chọn cài đặt này khi nạp bản gốc có cạnh trên cùng hướng về bên trái kính tấm ép giấy hoặc ADF (để văn bản của bản gốc hướng sang bên).

1 Chạm vào [Hướng Góc].

Màn hình [Hướng Góc] hiển thị.

2 Chọn hướng bản gốc.

3 Chạm vào [OK].

2 mặt/1 mặt

Chỉ định các mặt cần quét của bản gốc và các mặt giấy để in theo cách kết hợp.

[In đ.c -> In đ.c]

Một mặt của bản gốc được quét và in lên một mặt giấy.

[In đ.c -> In s.c]

Một mặt của bản gốc được quét. Dữ liệu đã quét sau đó được in lên cả hai mặt giấy.

[In s.c -> In s.c]

Cả hai mặt của bản gốc được quét và sao chép sang các mặt giấy riêng biệt.

[In s.c -> In đ.c]

Dữ liệu đã quét của cả hai mặt được sao chép lên một mặt của hai tờ giấy riêng biệt.

[Hướng Ph.trang]

Chỉ định cách mở trang theo hướng phải/trái hay trên cùng/dưới cùng.

[Hướng Góc] (tr. 1-10 "Hướng Góc")

Cách cài đặt mặt quét và mặt in kết hợp được giải thích sau đây bằng ví dụ về sao chép dữ liệu quét từ một mặt của bản gốc sang cả hai mặt của giấy.

1 Chạm vào [2 mặt/1 mặt].

Màn hình [2 mặt/1 mặt] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùng ởTrên] hoặc [Tr.cùng Btrái].

2 Chạm vào [In đ.c -> In s.c].

3 Chỉ định [Hướng Ph.trang].

4 Chạm vào [OK].

Sắp xếp

Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi tạo nhiều bản sao.

[Tự động]

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn máy sắp xếp các bản sao theo nhóm khi bạn nạp bản gốc vào ADF và sắp xếp các bản sao theo trang khi bạn nạp bản gốc trên kính tấm ép giấy.

[Đã sắp xếp]

Chọn tùy chọn này để tạo bản sao theo tập.

[Hủy sắp xếp]

Chọn tùy chọn này để sao chép theo trang.

1 Chạm vào [Sắp xếp].

Màn hình [Sắp xếp] hiển thị.

2 Chọn kiểu sắp xếp.

3 Chạm vào [OK].

Cấp độ Quét

Bạn có thể điều chỉnh cấp độ quét của bản gốc.

[-2], [-1], [±0], [+1], [+2]

1 Chạm vào [Cấp độ Quét].

Màn hình [Cấp độ Quét] hiển thị.

2 Chọn cấp độ quét.

3 Chạm vào [OK].



- Khi sao chép bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu có văn bản khó đọc khi được sao chép, hãy chỉ định [Mức Màu Cơ sở]. Việc này có thể làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng lên. (tr. 1-22 “Mức Màu Cơ sở”)

Mật độ Bản in

Bạn có thể điều chỉnh lượng mực dùng để in.

[-3], [-2], [-1], [±0], [+1], [+2], [+3]

1 Chạm vào [Mật độ Bản in].

Màn hình [Mật độ Bản in] hiển thị.

2 Chọn mật độ bản in.

3 Chạm vào [OK].

Quét ADF & tạm dừng

Khi sao chép số lượng bản gốc không thể nạp một lần trong ADF, có thể sao chép những bản gốc này theo một lệnh. Có thể sao chép tối đa 1.000 bản gốc một mặt hoặc 500 bản gốc hai mặt theo một lệnh.



- Số tờ tối đa có thể nạp một lần trong ADF là 200 tờ (với khối lượng giấy là 80 g/m²).
- Quét tất cả bản gốc bằng ADF và không sử dụng kính tấm ép giấy.
- Bạn không thể sử dụng [Quét ADF & tạm dừng] với [Xóa Bóng Sách] cùng lúc. (tr. 1-13 “Xóa Bóng Sách”)

[OFF], [ON]

1 Chạm vào [Quét ADF & tạm dừng].

Màn hình [Quét ADF & tạm dừng] hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].

4 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Đang sao chép] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

Khi trong ADF không có tờ nào của bản gốc, màn hình xác nhận thêm bản gốc hiển thị.

5 Nạp các trang liên tiếp nhau của bản gốc vào ADF và chạm vào [Quét].

Quá trình quét bản gốc bắt đầu.

Lặp lại bước này cho tới khi quét hết tất cả các trang.

6 Chạm vào [Đã quét].

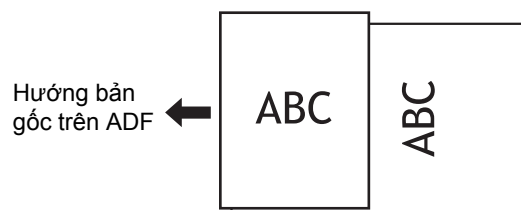
Quá trình in dữ liệu đã quét bắt đầu.

B.gốc K.cỡk.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi nạp bản gốc có hai kích thước khác nhau trong ADF.

Nạp bản gốc có các cạnh cùng độ dài được căn chỉnh (A4-LEF* và A3, B5-LEF và B4 hoặc Letter-LEF và Ledger).

* Nạp Mép Dài



- Không thể sử dụng [B.gốc K.cỡk.hợp] kết hợp với tùy chọn [Kích thước Quét], [Xóa Bóng Sách], [Chia Trang], [Kết hợp], [Lặp lại Hình ảnh], [Sách], [Viền Trang] hoặc [Thêm Bìa]. (tr. 1-10 “Kích thước Quét”, tr. 1-13 “Xóa Bóng Sách”, tr. 1-14 “Chia Trang”, tr. 1-15 “Kết hợp”, tr. 1-16 “Lặp lại Hình ảnh”, tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-19 “Viền Trang”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”)
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cách kết hợp nào đối với kích thước bản gốc khi quét trên kính tấm ép giấy.
- Sử dụng tùy chọn [B.gốc K.cỡk.hợp] khi quét bản gốc có kích thước khác nhau trên kính tấm ép giấy và sắp xếp các trang.

[OFF], [ON]

1 Đặt [Chọn Giấy] thành [Tự động].

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chọn Giấy” (tr. 1-8).

2 Chạm vào [B.gốc K.cỡk.hợp].

Màn hình [B.gốc K.cỡk.hợp] hiển thị.

3 Chạm vào [ON].

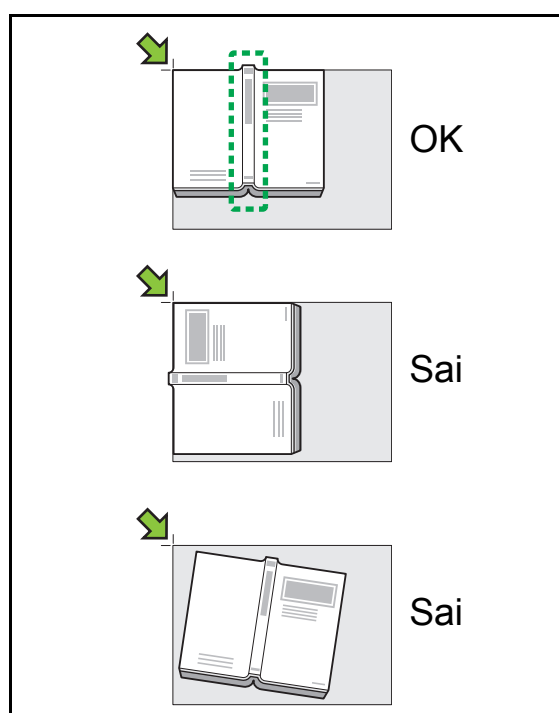
4 Chạm vào [OK].

Xóa Bóng Sách

Chức năng này xóa bóng xuất hiện ở giữa (mép trong) khi quét sách hoặc tài liệu được đóng nẹp khác.



- Khi đặt sách lên kính tấm ép giấy, hãy đặt cạnh trên của sách hướng lên và căn chỉnh bằng mũi tên ở phía trên bên trái bề mặt tấm kính. Chức năng này không khả dụng khi sách được đặt theo chiều dọc hoặc đặt chéo góc.
- Bạn không thể sử dụng [Xóa Bóng Sách] với [Quét ADF & tạm dừng] hoặc [B.gốc K.cỡk.hợp] cùng lúc. (tr. 1-12 “Quét ADF & tạm dừng”, tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”)



[OFF], [10 mm], [20 mm], [30 mm], [40 mm], [50 mm]
[Chia Trang] (tr. 1-14 “Chia Trang”)

1 Chạm vào [Xóa Bóng Sách].

Màn hình [Xóa Bóng Sách] hiển thị.

2 Chọn độ rộng để xóa.

3 Đặt [Chia Trang].

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chia Trang” (tr. 1-14).

4 Chạm vào [OK].

Chia Trang

Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).

Kích thước bản gốc có thể chia trang như sau. A3, A4, A5, B4, B5, Ledger, Letter



- Khi đặt sách lên kính tấm ép giấy, hãy đặt cạnh trên của sách hướng lên và căn chỉnh bằng mũi tên ở phía trên bên trái bề mặt tấm kính. Chức năng này không khả dụng khi sách được đặt theo chiều dọc hoặc đặt chéo góc.
- Bạn không thể sử dụng [Chia Trang] và [B.gốc K.cỡ.khộp] đồng thời. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡ.khộp”)

[Th.tự Trang]

[OFF]: Chức năng chia trang không khả dụng.



[Trái sang Phải]: Cho các cuốn sách được mở từ bên trái.

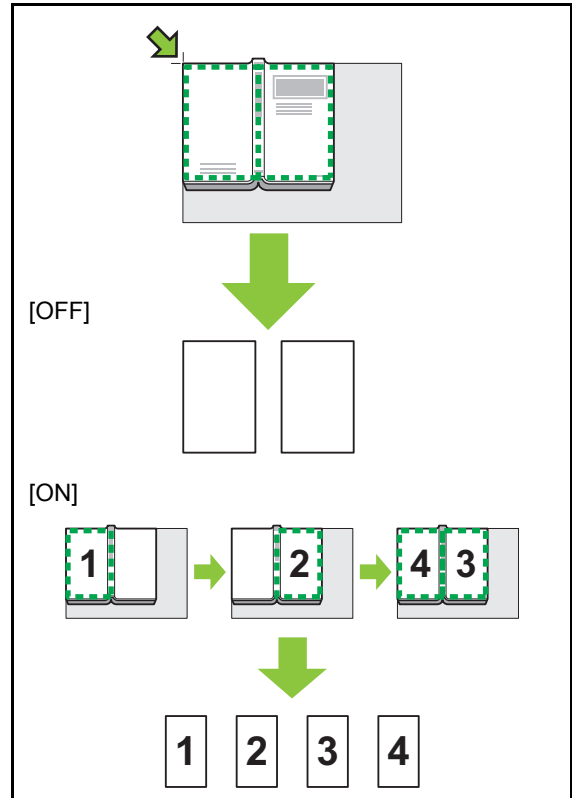


[Phải sang Trái]: Cho các cuốn sách được mở từ bên phải.

[Chọn Trang trong khi Quét]

[OFF]: Các trang dàn trên hai mặt được chia làm hai trang (phải và trái).

[ON]: Bạn có thể chỉ định phạm vi quét cho các trang dàn trên hai mặt.



Cách thiết lập để chia trang được giải thích sau đây bằng ví dụ về đặt [Chọn Trang trong khi Quét] thành [ON].

1 Chạm vào [Chia Trang].

Màn hình [Chia Trang] hiển thị.

2 Chỉ định thứ tự trang.



Trái sang phải



Phải sang trái

3 Đặt [Chọn Trang trong khi Quét] thành [ON].

4 Chạm vào [OK].

5 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình cài đặt phạm vi quét hiển thị.

6 Chọn một trong các lựa chọn sau: [Chỉ Bên trái], [Cả Hai bên] hoặc [Chỉ Bên Phải].

7 Chạm vào [Quét].

Quá trình quét bản gốc bắt đầu.

Lặp lại bước 6 và 7 cho tới khi quét hết tất cả các trang.

8 Chạm vào [Đã quét].

Quá trình in dữ liệu đã quét bắt đầu.

Kết hợp

Chức năng này lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Kết hợp] với chức năng [B.gốc K.cỡk.hợp], [Lập lại Hình ảnh] hoặc [Sách]. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”, tr. 1-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 1-16 “Sách”)

[Số trang/Tờ]

[OFF], 2 Trang, 4 Trang, 8 Trang

[Bố cục]

Chỉ định thứ tự lên khuôn trang.

Ví dụ: Tài liệu dọc

Số trang trên mỗi tờ	Bố cục
2 Trang	
4 Trang	
8 Trang	

[Hướng Góc] (tr. 1-10 “Hướng Góc”)

1 Chạm vào [Kết hợp].

Màn hình [Kết hợp] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùg ởTrên] hoặc [Tr.cùg Btrái].

2 Chỉ định số trang trên mỗi tờ.

3 Chọn bố cục.

4 Chạm vào [OK].

Lặp lại Hình ảnh

Lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Lặp lại Hình ảnh] với chức năng [B.gốc K.cỡk.hợp], [Kết hợp] hoặc [Sách]. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”, tr. 1-15 “Kết hợp”, tr. 1-16 “Sách”)

[OFF], [2 Trang], [4 Trang], [8 Trang]
[Hướng Góc] (tr. 1-10 “Hướng Góc”)

1 Chạm vào [Lặp lại Hình ảnh].

Màn hình [Lặp lại Hình ảnh] hiển thị.

- Nếu màn hình [Xác nhận] xuất hiện, đặt hướng bản gốc thành [Tr.cùg ởTrên] hoặc [Tr.cùg Btrái].

2 Chọn số trang trên mỗi tờ.

3 Chạm vào [OK].

Sách

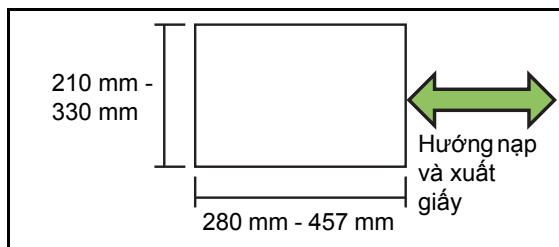
Chức năng này dùng để in song công các trang liên tiếp nhau được lên khuôn trên một tờ.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Sách] với chức năng [K.thước Bản t.tạo], [B.gốc K.cỡk.hợp], [Kết hợp], [Lặp lại Hình ảnh], [Viền Trang], hoặc [Lê đóng nẹp]. (tr. 1-7 “K.thước Bản t.tạo”, tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”, tr. 1-15 “Kết hợp”, tr. 1-16 “Lặp lại Hình ảnh”, tr. 1-19 “Viền Trang”, tr. 1-28 “Lê đóng nẹp”)

Các loại giấy có thể dùng để tạo sách nhỏ

A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap, Kích thước không tiêu chuẩn



[T.tự Bỏ cục]

Chỉ định trật tự bỏ cục.

Khi đặt tùy chọn này thành [OFF], chức năng lên khuôn không khả dụng.

1 Chạm vào [Sách].

Màn hình [Sách] hiển thị.

2 Cấu hình trật tự bỏ cục.

3 Chạm vào [OK].



- Khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình [Đóng nẹp], [P.chia Sách], [Mép Giữ] và [T.độg Thu nhỏ]. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng nẹp ([Sách])” (tr. 8-37) và “Phân chia Sách ([Sách])” (tr. 8-38) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Tem

Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.



- Không thể dán tem số trang và ngày trên giấy tấm nệm hoặc giấy bìa. (tr. 1-27 “Phân tách”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”)
- Khi sử dụng chức năng này với [Kết hợp] hoặc [Lập lại Hình ảnh], số trang và ngày được dán tem lên từng trang của giấy sao chép chứ không theo mỗi trang của bản gốc. Khi sử dụng chức năng này với [Sách], số trang và ngày được dán tem lên từng trang sách nhỏ.
- Việc chỉ định kích thước bản tái tạo không ảnh hưởng tới kích thước tem được in.
- Không thể dùng chức năng [Tem] và [Viền Trang] đồng thời. (tr. 1-19 “Viền Trang”)

[Trang], [Ngày], [Văn bản]

Chọn loại tem.

[OFF]

Tem không thể được cấu hình hoặc in.

[Vị trí Bản in]

Chỉ định vị trí dán tem.

[Kích thước Văn bản]

Chỉ định kích thước văn bản của tem.

[Giấy bóng kính]

[OFF]: Hình ảnh được xóa khỏi khu vực dán tem để tạo một khoảng trống và tem được in trong khoảng trống đó.

[ON]: Tem được in đè lên hình ảnh khi khu vực dán tem và hình ảnh chồng chéo nhau.

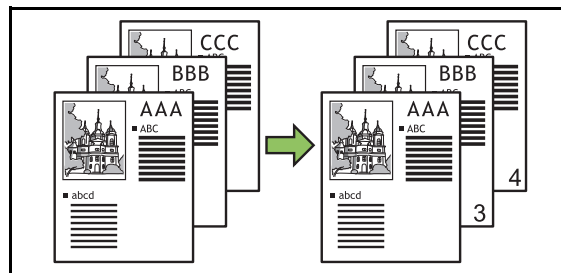
[Số Bắt đầu]

Chỉ định số đầu tiên cho tem trang.

[Dtem Trg Bắt đầu]

Chỉ định trang nào sẽ bắt đầu dán tem trang.

Ví dụ: Khi trang bắt đầu dán tem được đặt thành “2” và số bắt đầu dán tem được đặt thành “3”



[Áp dụng Trang]

Chỉ định trang sẽ in tem ngày hoặc tem văn bản.

[Tất cả Trang]: Văn bản sẽ được in trên tất cả các trang.

[Chỉ Tr.Đầu]: Tem sẽ chỉ được in trên trang đầu tiên.

[Ngày trên Tem]

Cấu hình ngày sẽ sử dụng cho tem ngày.

[Hôm nay]: Ngày hôm nay (ngày được cài đặt trên máy) được dán tem.

[C.định Ngày]: Ngày đã chỉ định được dán tem.

[V.bản đc in]

Cấu hình văn bản sẽ sử dụng cho tem văn bản.

Cấu hình Tem Trang

1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

2 Chạm vào [Trang].

3 Cấu hình vị trí bản in.



• Bạn không thể in các loại tem khác nhau ở cùng vị trí. Nếu mũi tên để cấu hình vị trí in có màu xám và không thể chọn được, hãy chọn một vị trí khác.

4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [▼] hoặc [▲] để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể chạm vào hộp văn bản [Kích thước Văn bản] và nhập kích thước bằng bàn phím số.

5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

6 Chỉ định số bắt đầu.

7 Chỉ định trang bắt đầu dán tem.

8 Chạm vào [OK].

Cấu hình Tem Ngày

1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

2 Chạm vào [Ngày].

3 Cấu hình vị trí bản in.



• Bạn không thể in các loại tem khác nhau ở cùng vị trí. Nếu mũi tên để cấu hình vị trí in có màu xám và không thể chọn được, hãy chọn một vị trí khác.

4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [▼] hoặc [▲] để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể chạm vào hộp văn bản [Kích thước Văn bản] và nhập kích thước bằng bàn phím số.

5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

6 Đặt tùy chọn áp dụng trang.

7 Đặt ngày cần dán tem.

Để chỉ định ngày theo lựa chọn của bạn, hãy chạm vào [C.định Ngày] và chạm vào màn hình nhập được hiển thị để đặt ngày.

Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

8 Chạm vào [OK].

Cấu hình Tem Văn bản

1 Chạm vào [Tem].

Màn hình [Tem] hiển thị.

2 Chạm vào [Văn bản].

3 Cấu hình vị trí bản in.



- Bạn không thể in các loại tem khác nhau ở cùng vị trí. Nếu mũi tên để cấu hình vị trí in có màu xám và không thể chọn được, hãy chọn một vị trí khác.

4 Chỉ định kích thước văn bản.

Chạm vào [▲] hoặc [▼] để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể chạm vào hộp văn bản [Kích thước Văn bản] và nhập kích thước bằng bàn phím số.

5 Đặt tùy chọn giấy bóng kính.

6 Đặt tùy chọn áp dụng trang.

7 Cấu hình văn bản cần in.

8 Chạm vào [OK].

Viền Trang

Tùy chọn này thêm đường viền vào lề giấy.



- Ngay cả khi dùng tùy chọn này với [Kết hợp] hoặc [Lặp lại Hình ảnh], đường viền vẫn được in trên từng giấy sao chép chứ không theo trang của bản gốc.
- Đường viền được in lên dữ liệu gốc. Nếu có sự chồng chéo hình ảnh ở khu vực in đường viền, một phần hình ảnh có thể không được in.
- Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen], [Lục lam] hoặc [Đỏ tươi], các màu không thể lựa chọn được tô xám. (tr. 1-7 “Chế độ Màu”)
- In đường viền trên bản sao đen trắng có thể làm nổi bật áp phích và biển hiệu.
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Viền Trang] với [B.gốc K.cỡk.hợp], [Sách], [Tem] hoặc [Thêm Bìa]. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”, tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-17 “Tem”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”)

[OFF], [Đỏ], [Xanh lam], [Xanh lục], [Vàng], [Đen]

Độ dày của đường viền (nhập thủ công)

1 Chạm vào [Viền Trang].

Màn hình [Viền Trang] hiển thị.

2 Chọn màu đường viền.

3 Chạm vào [▼] hoặc [▲] để chỉ định độ dày của đường viền.

Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

4 Chạm vào [OK].

Chất lượng H.ảnh

Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.

[Tiêu chuẩn (300 × 300 dpi)]

Chọn mục này khi bản gốc chủ yếu là văn bản.

[Tinh chỉnh (300 × 600 dpi)]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh. Bản gốc được quét với độ phân giải cao hơn.

1 Chạm vào [Chất lượng H.ảnh].

Màn hình [Chất lượng H.ảnh] hiển thị.

2 Chọn độ phân giải.

3 Chạm vào [OK].



- Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen], [Chất lượng H.ảnh] sẽ có màu xám và không thể chọn được. Độ phân giải được đặt thành [Tiêu chuẩn (600×600 dpi)].

Loại bản gốc

Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp trước khi in dữ liệu đã quét.

[Dòng/Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có cả văn bản và ảnh.

[Dòng]

Chọn mục này khi bản gốc có văn bản hoặc hình minh họa.

[Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh.

[B.đồ/Bút chì]

Chọn mục này cho bản gốc có nhiều màu sắc tinh tế hoặc đường nét tinh xảo như bản đồ hoặc cho bản gốc có bản vẽ bằng bút chì.

[Xử lý điểm]

[Tự động]: Chức năng xử lý điểm bị tắt.

[70 lpi]: Hình ảnh được tái tạo với độ phân giải in là 70 lpi.

[100 lpi]: Hình ảnh được tái tạo với độ phân giải in là 100 lpi.

1 Chạm vào [Loại bản gốc].

Màn hình [Loại bản gốc] hiển thị.

2 Chọn loại bản gốc.

3 Nếu chọn [Dòng/Ảnh], [Ảnh] hoặc [B.đồ/Bút chì], hãy đặt [Xử lý Điểm].

4 Chạm vào [OK].

Hiệu chỉnh Gamma

Chức năng này điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.



- Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen], [Lục lam] hoặc [Đỏ tươi], chỉ có thể điều chỉnh giá trị gamma cho màu đen (K). (tr. 1-7 “Chế độ Màu”)

[C] - [R]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu lục lam (C) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu đỏ (R) trong hình ảnh càng đậm.

[M] - [G]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu đỏ tươi (M) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu xanh lục (G) trong hình ảnh càng đậm.

[Y] - [B]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng thấp (thấp nhất là [1]) thì màu vàng (Y) trong hình ảnh càng đậm. Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu xanh lam (B) trong hình ảnh càng đậm.

[K]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì màu đen (K) trong hình ảnh càng đậm.

1 Chạm vào [Hiệu chỉnh Gamma].

Màn hình [Hiệu chỉnh Gamma] hiển thị.

2 Chọn độ cân bằng cho mỗi màu.

[Hình ảnh Xuất ra] hiển thị bản xem trước của hình ảnh đã điều chỉnh độ cân bằng màu.

3 Chạm vào [OK].

Kiểm soát Hình ảnh

Chỉ định cài đặt xử lý hình ảnh thích hợp cho dữ liệu được quét.

[Tự động]

Giá trị được tự động cấu hình dựa trên cài đặt [Chế độ Màu] và [Loại bản gốc]. (tr. 1-7 “Chế độ Màu”, tr. 1-20 “Loại bản gốc”)

[Cấp Dòng/Ảnh]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì mức độ nhận diện văn bản được áp dụng càng cao (ngay cả văn bản có đường nét không rõ ràng cũng được nhận dạng là văn bản).

[T.cườgđộđậm Đviền]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì đường viền của những phần được nhận dạng là văn bản càng trở nên rõ nét.

[Loại bỏ Nhiều]

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao (cao nhất là [7]) thì khả năng giảm nhiễu đối với những phần được nhận dạng là ảnh càng lớn.

1 Chạm vào [Kiểm soát Hình ảnh].

Màn hình [Kiểm soát Hình ảnh] hiển thị.

2 Cấu hình chi tiết để xử lý hình ảnh.

3 Chạm vào [OK].

Mức Màu Cơ sở

Chức năng này làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn khi sao chép bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu.

[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

Giá trị này càng cao thì mức màu nền càng giảm.

[Tự động]

Mật độ màu nền được đặt tự động.

1 Chạm vào [Mức Màu Cơ sở].

Màn hình [Mức Màu Cơ sở] hiển thị.

2 Cấu hình cài đặt mức màu cơ sở.

3 Chạm vào [OK].

Vị trí Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.

[Phản Trước], [Phản Sau]

Chọn mặt để điều chỉnh vị trí hình ảnh.

[Đặt lại]

Chọn tùy chọn này để đưa giá trị được điều chỉnh của mặt đã chọn (mặt trước hoặc sau) về 0 mm.

[▲], [▼], [◀], [▶]

Sử dụng những phím này để di chuyển vị trí của hình ảnh.

1 Chạm vào [Vị trí Hình ảnh].

Màn hình [Vị trí Hình ảnh] hiển thị.

2 Trong trường hợp in song công, hãy chọn mặt để điều chỉnh vị trí hình ảnh cho ([Phản Trước] hoặc [Phản Sau]).

3 Chạm vào [▲], [▼], [◀] và/hoặc [▶] để điều chỉnh vị trí hình ảnh.

4 Chạm vào [OK].



• Bạn có thể điều chỉnh vị trí in đi lên, đi xuống, sang trái, sang phải tối đa là ± 20 mm theo số gia là 0,5 mm.

• Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

Overlay

Tạo bản sao khi sắp lớp hình ảnh đã lưu trong bộ nhớ.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Overlay] với các chức năng sau:
 - “K.thước Bản t.ạo” (tr. 1-7)
 - “B.gốc K.cỡk.hợp” (tr. 1-13)
 - “Kết hợp” (tr. 1-15)
 - “Lập lại Hình ảnh” (tr. 1-16)
 - “Sách” (tr. 1-16)
 - “Chương trình” (tr. 1-24)
 - “Thêm Bìa” (tr. 1-27)
 - “T.động Xoay H.ảnh” (tr. 1-30)
- Nếu bạn đang sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, hãy đặt đích ra thành [Tự động] hoặc [Khay Úp xuống].

[OFF], [ON]

[Tên Thư mục]

Tên của thư mục chứa hình ảnh được chỉ định bằng tùy chọn [Chọn Hình ảnh] sẽ hiển thị ở đây.

[Tên Tài liệu]

Tên của tệp hình ảnh được chỉ định bằng tùy chọn [Chọn Hình ảnh] sẽ hiển thị ở đây.

[Chọn hình ảnh]

Chỉ định hình ảnh để phủ.

[Trang Đích]

Cấu hình các trang của tệp hình ảnh sẽ được nhắm mục tiêu.

[Lập lại]

Cấu hình có hay không sử dụng lập lại trang có thể áp dụng trong tệp hình ảnh.

[Lớp Ưu tiên]

Cấu hình xem phủ bản gốc hay phủ hình ảnh lên trên.

Khu vực xem trước

Sử dụng khu vực này để kiểm tra các trang có thể áp dụng hình ảnh phủ, lập lại hình ảnh và các cài đặt cho lớp ưu tiên.

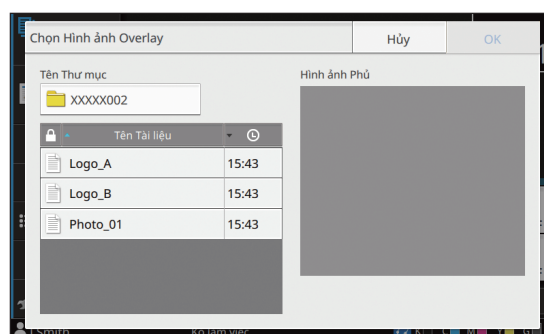
1 Chạm vào [Overlay].

Màn hình [Overlay] hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [Chọn hình ảnh].

Màn hình [Chọn Hình ảnh Overlay] hiển thị.



Để thay đổi thư mục, hãy chạm vào hộp văn bản [Tên Thư mục]. Chọn thư mục trên màn hình [Chọn Thư mục] và chạm vào [OK].

Từ danh sách tài liệu, chọn tệp sẽ sử dụng làm hình ảnh phủ và chạm vào [OK]. Bạn sẽ được chuyển lại màn hình [Overlay].



- Khi bạn chọn tài liệu từ danh sách, bản xem trước sẽ hiển thị trong [Hình ảnh overlay]. Chạm vào [◀] / [▶] để chuyển đổi giữa các trang.
- Chạm vào [Chi tiết] để hiển thị màn hình [Chi tiết] và kiểm tra thông tin chi tiết của tài liệu.

4 Cấu hình trang đích.

Khi có nhiều trang trong tệp sẽ sử dụng làm hình ảnh phủ, hãy chọn trang có thể áp dụng.

[Tất cả trang]: Tất cả các trang sẽ được dùng làm hình ảnh phủ. Hình ảnh sẽ được phủ lên bản gốc theo thứ tự từ trang đầu tiên.

[Trang đầu tiên]: Chỉ hình ảnh trên trang đầu tiên sẽ được dùng làm hình ảnh phủ.



- Bạn không thể chỉ định một trang cụ thể ngoài trang đầu tiên.

1

5 Cấu hình độ lặp lại.

[ON]: Hình ảnh phủ sẽ được phủ lặp lại trên bản gốc.

[OFF]: Hình ảnh sẽ không được lặp lại. Hình ảnh trên trang đã chỉ định trong tệp chỉ định sẽ chỉ được dùng một lần theo thứ tự trên bản gốc. Hình ảnh sẽ không được phủ lên các trang còn lại của bản gốc.

6 Cấu hình Lớp Ưu tiên.

[Góc]: Bản gốc sẽ được phủ lên trên hình ảnh phủ.

[Hình ảnh overlay]: Hình ảnh phủ sẽ được phủ lên trên bản gốc.

7 Chạm vào [OK].



- Sử dụng hình ảnh phủ (hình ảnh được lưu trong bộ nhớ) có cùng kích thước với bản gốc. Hình ảnh này không thể tăng hoặc giảm kích thước khi phủ.
- Hình ảnh phủ sẽ được lưu vào bộ nhớ với cài đặt in đơn công.
- Khi độ phân giải của bản gốc khác với độ phân giải của hình ảnh phủ, bản in có thể không mịn. Tạo bản sao khi đối chiếu cài đặt [Chất lượng H.ảnh] cho bản gốc và hình ảnh phủ.
- Ngay cả khi hình ảnh phủ là hình ảnh màu, nếu bản sao được đặt thành đen trắng thì hình ảnh sẽ được sao chép ở đen trắng.
- Nếu kích thước hoặc hướng giấy của bản gốc và hình ảnh phủ khác nhau, chức năng phủ sẽ không khả dụng.
- Tài liệu sẽ được lưu trong bộ nhớ ở dạng dữ liệu chứa chi tiết cài đặt. Khi in tài liệu, hãy đảm bảo chọn cùng loại giấy như loại đã được cấu hình khi lưu tài liệu vào bộ nhớ. Khi bạn thay đổi loại giấy, kết quả in sẽ thay đổi.
- Khi màu của bản gốc và hình ảnh che phủ giống nhau, phần màu giống nhau có thể không in được.

Chương trình

Tùy chọn này rất thuận tiện khi số bản sao cần tạo thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).

Bạn có thể lập trình cài đặt về số bản sao, số tập, sắp xếp, tấm nệm và các tùy chọn khác cho mỗi nhóm. Điều này giúp bạn in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.



- Bạn có thể cấu hình tối đa 60 nhóm.
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Chương trình] với [Sách] hoặc [Phân tách]. (tr. 1-16 "Sách", tr. 1-27 "Phân tách")

■ Ví dụ về nhập số bản sao và tập

Bạn có thể nhập tối đa 9.999 bản sao và tối đa 99 tập.

Ví dụ: để phát tờ rơi cho phụ huynh của tất cả học sinh lớp một trong trường học, bạn có thể sử dụng chức năng [Chương trình] để in số bản sao cần thiết cho mỗi lớp bằng một lệnh sao chép duy nhất.

	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6
Số học sinh	35 người	33 người	35 người	30 người	32 người	33 người

Để in tờ rơi theo nhóm, hãy cấu hình cài đặt như sau.

	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6
Bản sao x Tập	35 x 1	33 x 1	35 x 1	30 x 1	32 x 1	33 x 1

Ngay cả khi hai lớp có cùng số học sinh (chẳng hạn Lớp 1 và 3 hoặc Lớp 2 và 6), bạn vẫn có thể cấu hình cài đặt như sau để xuất ra số bản sao cần thiết cho mỗi lớp.

	Lớp 1 và 3	Lớp 2 và 6	Lớp 4	Lớp 5
Bản sao x Tập	35 x 2	33 x 2	30 x 1	32 x 1

Trong trường hợp này, việc chỉ định [Giữa các Tập] cho [Tấm nệm] sẽ giúp phân tách các tập cho từng lớp dễ dàng hơn.

■ Giới thiệu về Cài đặt Tách biệt

[Sắp xếp]

Khi bạn đặt chế độ [Tự động], các bản sao được sắp xếp theo nhóm khi bạn nạp bản gốc vào ADF và sắp xếp theo trang khi bạn nạp bản gốc trên kính tấm ép giấy.

[Hủy sắp xếp]: Bản sao được tạo theo trang.

[Đã sắp xếp]: Bản sao được tạo thành tập.

[Tấm Nệm]

[OFF]: Tấm nệm không được chèn vào.

[Giữa các Tập]: Tấm nệm được chèn vào giữa các mỗi tập.

[Giữa các Nhóm]: Tấm nệm được chèn vào giữa các mỗi nhóm.

[Giấy]

Chỉ định khay giấy nạp tấm nệm.

[In Số]

[ON]: Các số sẽ được in.

Số nhóm và số tập được in khi đặt [Tấm Nệm] thành

[Giữa các Tập] và chỉ có số nhóm được in khi đặt [Tấm Nệm] thành [Giữa các Nhóm].

Lưu Chương trình

Bạn có thể đăng ký tối đa 12 chương trình và gọi các chương trình này bất cứ khi nào cần thiết.

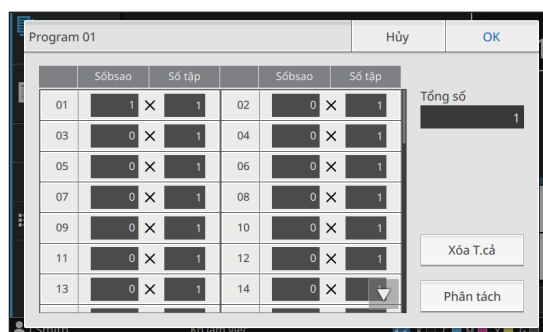
1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

2 Chạm vào [Không có Mục nhập] rồi chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình chỉnh sửa chương trình hiển thị.

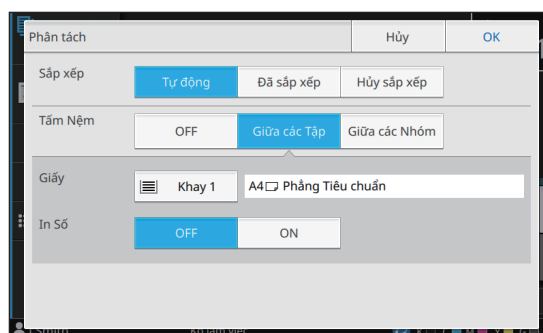
3 Nhập số bản sao và tập bằng các phím số.



4 Chạm vào [Phân tách].

Màn hình [Phân tách] hiển thị.

5 Cấu hình tùy chọn sắp xếp và tấm nệm rồi chạm vào [OK].



Đặt cả tùy chọn [Giấy] và [In Số] nếu cần.



• Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình [Bản ra sole]. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-7 “Bản ra sole ([Chương trình])”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-25 “Bản ra sole ([Chương trình])”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-38 “Bản ra sole ([Chương trình])”)

6 Chạm vào [OK].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

7 Chọn [Ghi đè] hoặc [Đ. ký Với tư cách].

Để lưu bằng cách đặt tên, hãy nhập tên chương trình và chạm vào [OK].

Quá trình đăng ký giờ đã hoàn thành.

Trên màn hình [Xác nhận], chạm vào [Đóng].

8 Chạm vào [OK].

Truy xuất Chương trình

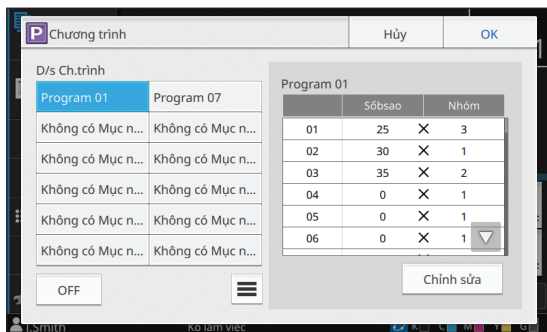
Bạn có thể gọi một chương trình đã lưu.

1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

2 Chọn chương trình để gọi.

Số bản sao và tập đã đăng ký hiển thị trong danh sách.



3 Chạm vào [OK].

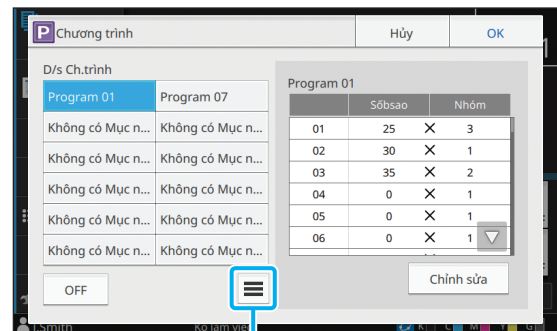
Thay đổi Cài đặt Chương trình

Bạn có thể thay đổi một chương trình đã lưu.

1 Chạm vào [Chương trình].

Màn hình [Chương trình] hiển thị.

2 Chọn chương trình.



Menu phụ

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Đổi tên
- Xóa

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để thay đổi cài đặt.

3 Chạm vào [Chỉnh sửa].

Để biết hướng dẫn cụ thể về các thao tác tiếp theo, hãy xem các bước từ 3 đến 8 trong "Lưu Chương trình" (tr. 1-25).

Thêm Bìa

Bạn có thể nạp giấy đã in hoặc giấy được tô màu vào khay giấy để thêm mặt trước và sau của tài liệu in làm bìa.



- Bạn không thể sử dụng giấy không cùng kích thước với giấy sao chép.
- Bạn không thể sử dụng [Thêm Bìa] với [B.góc K.cỡk.hợp] hoặc [Viền Trang] đồng thời. (tr. 1-13 “B.góc K.cỡk.hợp”, tr. 1-19 “Viền Trang”)

[Rìa đóng sách]

Chỉ định mép đóng nẹp.

[Nấp Trước]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để thêm bìa vào mặt trước của mỗi bản in.

[Bìa Sau]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để thêm bìa vào mặt sau của mỗi bản in.

[Khay Giấy]

Chỉ định khay nạp giấy bìa.

1 Chạm vào [Thêm Bìa].

Màn hình [Thêm Bìa] hiển thị.

2 Chọn cạnh đóng nẹp.

3 Cấu hình cài đặt bìa.

Chọn [OFF] hoặc [ON] cho bìa sau và bìa trước.

4 Chạm vào khay giấy.

Màn hình [Chọn Khay] hiển thị.

5 Chọn khay giấy và chạm vào [OK].

6 Chạm vào [OK].

7 Nạp giấy bìa.



- Mặt giấy sẽ nạp vào thay đổi tùy theo khay.

[Nấp Trước]

Khay tiêu chuẩn: Nạp giấy với trang đầu tiên ngửa lên.

Khay nạp: Nạp giấy với trang đầu tiên úp xuống.

[Bìa Sau]

Khay tiêu chuẩn: Nạp giấy với trang đầu tiên úp xuống.

Khay nạp: Nạp giấy với trang đầu tiên ngửa lên.

Xem “Nạp Giấy” (tr. 31).

- Thay đổi cài đặt [Chọn Giấy] theo giấy được nạp. (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)

Phân tách

Chèn tấm nệm giữa các trang hoặc tập hoặc để tách biệt các lệnh.



- Khi nạp giấy đặc biệt dùng làm tấm nệm, bạn nên đặt [Tđộ L.chọn] thành [OFF] đối với khay giấy dùng cho tấm nệm. (tr. 1-8 “Thay đổi Cài đặt Khay Giấy”)

[Tấm Nệm]

[OFF]: Tấm nệm không được chèn vào.

[GiữacácLần xếp]: Một tấm nệm sẽ được chèn cho mỗi đơn vị đã chỉ định trong [Sắp xếp].

[Sau một Lệnh]: Một tấm nệm sẽ được chèn sau mỗi lệnh in.

[Giấy]

Chỉ định khay giấy nạp tấm nệm.

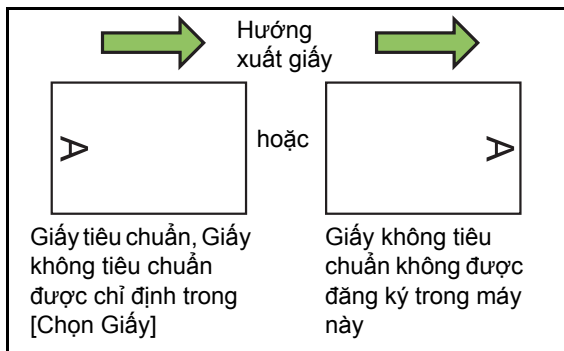
[In Số]

[OFF]: Số không được in.

[1 2 3 ...]: Số được dán tem trên tấm nệm theo thứ tự số (1, 2, 3...).

[A B C ...]: Chữ cái được dán tem lên tấm nệm theo thứ tự chữ cái (A, B, C ... Z, AA, AB...). (Cuối cùng là ZZZ)

Văn bản được in ở dưới cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) hoặc trên cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) của tờ.



1 Chạm vào [Phân tách].

Màn hình [Phân tách] hiển thị.

2 Chọn vị trí chèn tấm nệm.

3 Chạm vào khay giấy.

Màn hình [Chọn Khay] hiển thị.

4 Chọn khay giấy cho tấm nệm và chạm vào [OK].

5 Cấu hình [In Số].

6 Chạm vào [OK].



• Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình [Bản ra sole]. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-7 “Bản ra sole ([Phân tách])”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-25 “Bản ra sole ([Phân tách])”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-39 “Bản ra sole ([Phân tách])”)

Lề đóng nẹp

Chỉ định lề đóng nẹp.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Lề đóng nẹp] với chức năng [B.gốc K.cỡk.hộp], [Sách] hoặc [Viền Trang]. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hộp”, tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-19 “Viền Trang”)

[Rìa đóng sách]

Chỉ định mép đóng nẹp.

Độ rộng

Nhập độ rộng bằng [∇], [\blacktriangle] hoặc phím số.

[T.độ Thu nhỏ]

Khi đặt tùy chọn này thành [ON], hình ảnh sẽ tự động được thu nhỏ cho vừa với giấy để các mép không bị in ngay cả khi bạn đã cấu hình lề đóng nẹp.

1 Chạm vào [Lề đóng nẹp].

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

2 Chỉ định lề đóng nẹp.

- Chọn [Rìa đóng sách].
- Sử dụng [∇], [\blacktriangle] hoặc phím số để nhập độ rộng.
- Chuyển [T.độ Thu nhỏ] thành [ON] để các mép không bị in ngay cả khi bạn đã cấu hình lề đóng nẹp.

3 Chạm vào [OK].

Dập ghim/Đục lỗ

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng dập ghim sẽ khả dụng. Bạn cũng có thể cấu hình lề đóng nẹp.

Khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình các lỗ đục.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-8 “Dập ghim”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-39 “Dập ghim/Đục lỗ”)

Gập

Khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình cách gập giấy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Gập” (tr. 8-41) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

In Chậm

Bạn có thể giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.

[OFF], [ON]

1 Chạm vào [In Chậm].

Màn hình [In Chậm] sẽ hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].

Khay Giấy ra

Nếu đang dùng khay xếp chồng, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể chọn khay để xuất ra tài liệu được in.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng khay xếp chồng (tr. 8-17 “Khay Giấy ra”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-26 “Khay Giấy ra”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-43 “Khay Giấy ra”)

Ngửa lên/Úp xuống

Nếu đang dùng khay xếp chồng, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình xuất ra bản in theo hướng ngửa lên hay úp xuống.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng khay xếp chồng (tr. 8-17 “Ngửa lên/Úp xuống”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-26 “Ngửa lên/Úp xuống”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-43 “Ngửa lên/Úp xuống”)

Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khi đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng, khay giấy ra sẽ tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đã đầy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau:

- Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát (tr. 8-18 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-26 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-43 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

Ch.tiếp Khay Giấy

Sử dụng tùy chọn này để tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay được chọn hết giấy.

[OFF], [ON]

1 Chạm vào [Ch.tiếp Khay Giấy].

Màn hình [Ch.tiếp Khay Giấy] hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].

T.động Xoay H.ảnh

Tính năng này tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau cho dù khổ giấy được nạp trong khay phù hợp với kích thước bản gốc được nạp. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON].

Ngắt Sao chép

Chức năng này cho phép bạn tạm dừng lệnh đang được in để sao chép tài liệu khác.



• Các chức năng sau không khả dụng để ngắt sao chép:

[Chương trình], [Tám Nệm], [Thêm Bìa], [Quét ADF & tạm dừng]

• Khi ngắt sao chép với một lệnh đang được chuyển tới bộ hoàn thiện đa chức năng, các cài đặt sau sẽ không khả dụng:

[Dập ghim/Đục lỗ], [Gập], [Đóng nẹp], [P.chia Sách], [Khay Giấy ra], [Ngửa lên/Úp xuống], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]

• Bạn không thể ngắt sao chép khi có một lệnh dùng chức năng dập ghim hoặc chức năng điều chỉnh giấy ra đang được xử lý bằng bộ hoàn thiện úp xuống. Chức năng ngắt sao chép khả dụng khi đã kết nối khay xếp chồng, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn.

1 Nhấn phím [Ngắt kết nối].

Màn hình ngắt hiển thị.

2 Nạp bản gốc và nhấn phím [Bắt đầu].

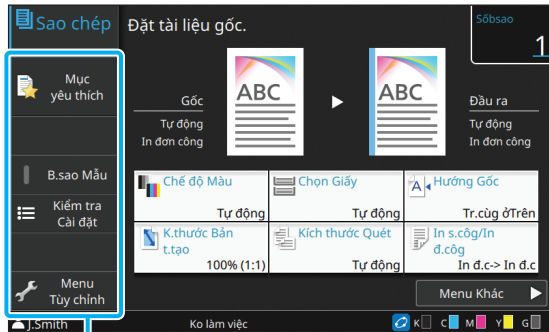
• Bạn có thể tiếp tục với thao tác ngắt sao chép trong khi thông báo [S.sàng s.chép. (Đang gi. đoạn)] hiển thị.

3 Sau khi sao chép xong, nhấn phím [Ngắt kết nối] để hủy chức năng ngắt sao chép.

Quá trình in của lệnh bị tạm dừng được tiếp tục.

• Chức năng ngắt sao chép cũng bị hủy khi máy chưa vận hành được 60 giây.

Nút chức năng Chế độ Sao chép



Nút chức năng

Mục yêu thích

Có thể gọi những cài đặt này mỗi khi cần. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích. Việc đăng ký cài đặt thường dùng có thể hữu ích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 1-33).

1 Chạm vào [Mục yêu thích].

Màn hình [Mục yêu thích] hiển thị.

2 Chọn một trong số các mục yêu thích.

Các giá trị đã đặt hiển thị trong danh sách trên màn hình.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Đổi tên
- Xóa

3 Chạm vào [OK].



- Bạn không thể đổi tên hoặc xóa mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu.

Bản sao bổ sung

Chức năng này in một bản sao của bản gốc được sao chép gần đây nhất. Bản gốc này không cần quét lại.



- Không thể tạo Bản sao Bổ sung trong những trường hợp sau:
 - Khi quản trị viên chưa cho phép sử dụng chức năng bản sao bổ sung
 - Khi chức năng tự động đặt lại được thi hành sau khi sao chép bản gốc
 - Khi người dùng đăng xuất

1 Chạm vào [Bản sao bổ sung] sau khi kết thúc lệnh sao chép.

Màn hình [Bản sao bổ sung] hiển thị.

2 Sử dụng phím số để chỉ định số bản sao.

3 Chạm vào [OK].

Quá trình in bản sao bổ sung bắt đầu.

Bản sao mẫu

Quá trình in sẽ dừng sau khi in xong một bản sao. Chức năng này cho phép bạn kiểm tra kết quả in ra trước khi tạo bản in với số lượng lớn.



- Nếu đặt [Sắp xếp] thành [Đã sắp xếp], bạn có thể sử dụng chức năng này để tạo một bản sao mẫu. (tr. 1-11 “Sắp xếp”)

1 Chạm vào [Bản sao mẫu].

Màn hình [Bản sao mẫu] hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].

4 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Tạo bản sao mẫu] hiển thị và quá trình sao chép bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Có thể tạm dừng sao chép bằng phím [Dừng]. (tr. 1-3 “Hủy Sao chép”)
- Chạm vào [In Chậm] để giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.

Màn hình [Xác nhận] xuất hiện sau khi in bản sao mẫu.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- [Thay đổi C.đặt] (tr. 1-4 “Thay đổi Cài đặt khi đang Sao chép”)
- [Bảo trì] (tr. 1-4 “Tiến hành Bảo trì khi Đang sao chép”)

Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.

1 Chạm vào [Kiểm tra cài đặt].

Màn hình [Kiểm tra cài đặt] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thêm vào Mục yêu thích
- Lưu làm Mặc định
- In X.nhận C.đặt

2 Chạm vào [Quay lại].

Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.

Thêm vào Mục yêu thích

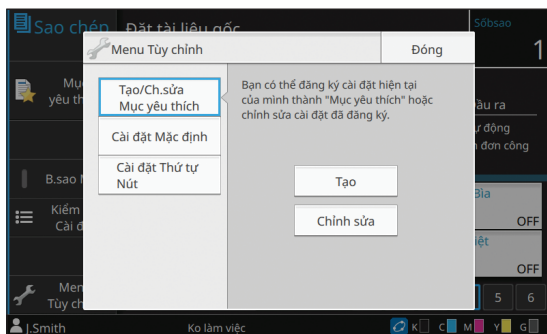
Đăng ký cài đặt và số bản sao cho nút cài đặt làm mục yêu thích. Bạn có thể đăng ký tối đa 30 mục yêu thích.

Thực hiện thao tác này khi bạn đã cấu hình chi tiết muốn đăng ký.

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Tạo/Ch.sửa Mục yêu thích].



3 Chạm vào [Tạo].

Màn hình [Thêm vào Mục yêu thích] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

4 Chạm vào [OK].

5 Nhập tên đăng ký và chạm vào [OK].

Các cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích.

6 Chạm vào [Đóng].



Bạn không thể đăng ký cài đặt sau làm mục yêu thích:

- [Chọn Giấy]

Chỉnh sửa Mục yêu thích

Bạn có thể thay đổi thứ tự hiển thị của mục yêu thích.

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

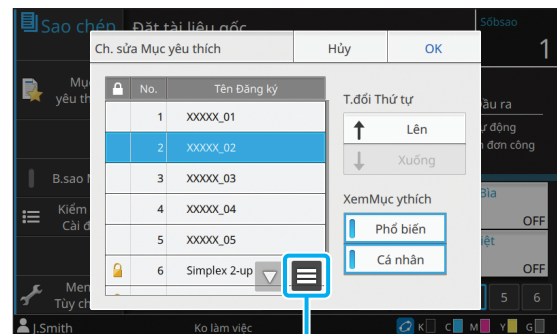
Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Tạo/Ch.sửa Mục yêu thích].

3 Chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình [Ch. sửa Mục yêu thích] hiển thị.

4 Chọn một trong số các mục yêu thích.



Menu phụ

Bạn không thể chỉnh sửa mục yêu thích có biểu tượng khóa.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Kiểm tra cài đặt
- Đổi tên
- Xóa

5 Chạm vào [Lên] hoặc [Xuống] để thiết lập thứ tự.

1

6 Cấu hình cài đặt [XemMục ythích].

- Khi bạn chọn [Phổ biến], mục yêu thích phổ biến và mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu sẽ hiển thị.
- Khi bạn chọn [Cá nhân], mục yêu thích cá nhân sẽ hiển thị.
- Khi bạn chọn cả [Phổ biến] và [Cá nhân], mục yêu thích phổ biến, mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu và mục yêu thích cá nhân sẽ hiển thị.



- [XemMục ythích] có thể không hiển thị tùy theo cấu hình của quản trị viên. Trong trường hợp này, mục yêu thích phổ biến và mục yêu thích được đăng ký làm cài đặt ban đầu sẽ hiển thị.

7 Chạm vào [OK].

8 Chạm vào [Đóng].

Lưu làm Mặc định

Bạn có thể đăng ký giá trị và số lượng bản sao được đặt bằng nút cài đặt làm cài đặt mặc định. Thực hiện thao tác này khi bạn đã cấu hình chi tiết muốn đăng ký.

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Cài đặt Mặc định].

3 Chạm vào [Mục nhập].

Màn hình [Lưu làm Mặc định] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

4 Chạm vào [OK].

Các cài đặt được đăng ký làm cài đặt mặc định.

5 Chạm vào [Đóng].



- Bạn không thể đăng ký cài đặt sau làm cài đặt mặc định:
 - [Chọn Giấy]

Xóa Mặc định

Xóa giá trị mặc định mà người dùng đã đăng ký và đưa giá trị này về giá trị mặc định phổ biến.

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Cài đặt Mặc định].

3 Chạm vào [Xóa].

Màn hình [Khởi chạy] hiển thị.

4 Chạm vào [OK].

Giá trị mặc định được xóa.

5 Chạm vào [Đóng].



- Bạn cần có đặc quyền quản trị viên để xóa giá trị mặc định phổ biến. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

Chỉnh sửa Thứ tự Nút

Chức năng này thay đổi cách sắp xếp các nút cài đặt.

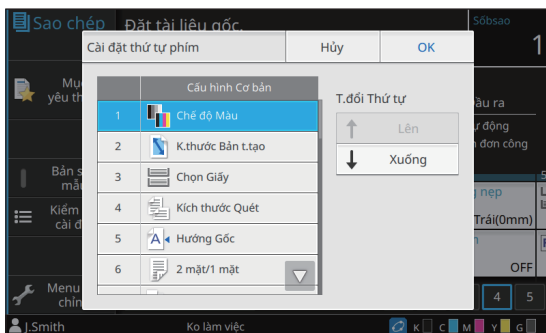
1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Cài đặt thứ tự phím].

Màn hình [Cài đặt thứ tự phím] hiển thị.

3 Chọn một trong các nút cài đặt.



4 Chạm vào [Lên] hoặc [Xuống] để thiết lập thứ tự.

5 Chạm vào [OK].

Việc sắp xếp các nút cài đặt được hoàn thành.

6 Chạm vào [Đóng].



- Bạn cần có đặc quyền quản trị viên để cấu hình thứ tự nút phổ biến. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

Bạn có thể quét bản gốc dạng giấy và lưu ở dạng dữ liệu.

Chọn thư mục sẽ lưu dữ liệu theo mục đích dự định.

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào máy tính trên mạng, gửi qua email dưới dạng tệp đính kèm hoặc lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này và tải xuống từ RISO console.

Tổng quan về Thao tác Quét..... tr. 2-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chạm vào [Quét] trên màn hình [Trang chủ1].



3. Chỉ định địa chỉ hoặc đích.



4. Thay đổi cài đặt.



5. Kiểm tra nội dung hiển thị bản xem trước.



6. Nhấn phím [Bắt đầu].

Cài đặt Quét..... tr. 2-6

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt quét.

Nút Chức năng trong Chế độ Quét tr. 2-11

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ Quét.



2



Quét

Tổng quan về Thao tác Quét

Phần này giải thích các thao tác quét cơ bản.

Quy trình

1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

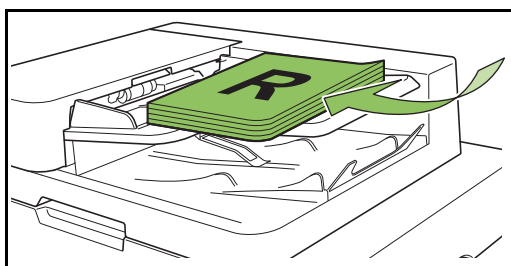


- Máy không thể quét khu vực trong phạm vi 1 mm tính từ mép giấy.
(Bất kỳ phần hình ảnh nào nằm trong khu vực này đều bị mất.)

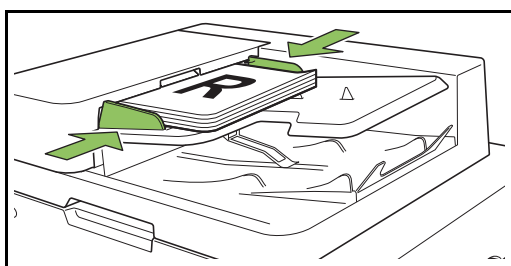
Trong ADF

1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.



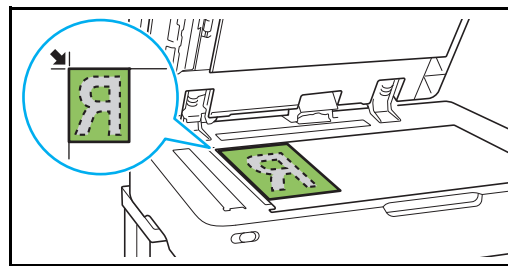
Trên Kính Tấm ép giấy

1 Mở bìa gốc.

2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính.

Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.



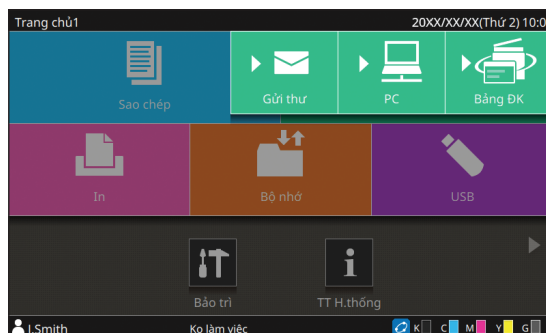
3 Đóng bìa gốc.



- Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

2 Chạm vào [Quét] trên màn hình [Trang chủ1].

Chọn [Gửi thư], [PC] hoặc [Bảng ĐK].



3 Chỉ định địa chỉ hoặc đích.

Nếu bạn chọn [Gửi thư] hoặc [PC], hãy chỉ định địa chỉ/đích cho dữ liệu đã quét.



- Nếu chọn [Bảng ĐK], bạn không cần chỉ định đích. Dữ liệu đã quét được lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này.

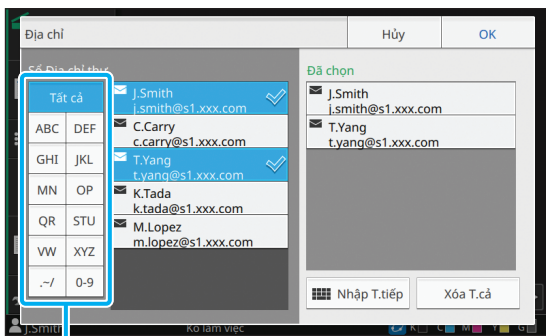
■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

Bạn có thể đính kèm dữ liệu đã quét vào email và gửi dữ liệu.

1 Chạm vào [Địa chỉ].

Màn hình [Địa chỉ] hiển thị.

2 Chọn địa chỉ từ [Sổ Địa chỉ thư].



Chỉ mục

Địa chỉ đã chọn xuất hiện trong [Đã chọn].

- Bạn có thể chạm vào chỉ mục để thu hẹp danh sách địa chỉ đã đăng ký trong sổ địa chỉ.

3 Chạm vào [OK].



- Để gửi địa chỉ không hiển thị trong [Sổ Địa chỉ thư], hãy chạm vào [Nhập T. tiếp] để đăng ký địa chỉ mới.
- Để xóa địa chỉ khỏi [Đã chọn], bạn có thể xóa tất cả địa chỉ bằng cách chạm vào [Xóa T.cả] hoặc chọn địa chỉ để xóa và chạm vào [Xóa].
- Chạm vào [Người gửi] để hiển thị màn hình [Người gửi] và nhập tên người gửi.

2

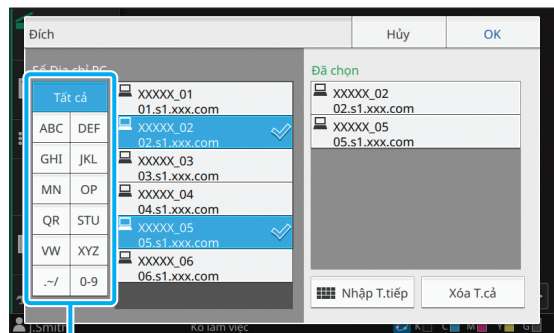
■ Khi bạn đã chọn [PC]

Dữ liệu đã quét được lưu vào máy tính trên mạng.

1 Chạm vào [Đích].

Màn hình [Đích] hiển thị.

2 Chọn đích từ [Sổ Địa chỉ PC].



Chỉ mục

Đích đã chọn xuất hiện trong [Đã chọn].

- Bạn có thể chạm vào chỉ mục để thu hẹp danh sách đích đã đăng ký trong sổ địa chỉ.

3 Chạm vào [OK].



- Để lưu dữ liệu vào máy tính không có trong [Số Địa chỉ PC], hãy chạm vào [Nhập T. tiếp] để đăng ký đích mới. Để biết thêm thông tin về máy chủ đích, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.
- Để xóa đích khỏi [Đã chọn], bạn có thể xóa tất cả các đích bằng cách chạm vào [Xóa T.cả] hoặc chọn đích sẽ xóa và chạm vào [Xóa].

4 Thay đổi cài đặt.

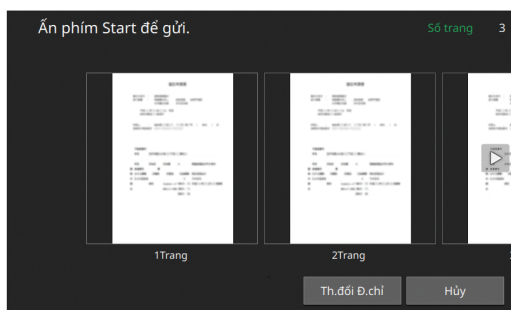
Chỉ định cài đặt chi tiết để quét.

Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 2-5).

5 Kiểm tra nội dung hiển thị bản xem trước.

1 Chạm vào [Xem trước khi gửi].

Khi bạn chạm vào [Tiếp tục] trên màn hình [Xác nhận], quá trình quét bản gốc sẽ bắt đầu và bản xem trước được hiển thị.



Để chuyển đổi trang, chạm vào [◀] hoặc [▶].

Để thay đổi địa chỉ hoặc đích, hãy chạm vào [Th.đổi Đ.chỉ] hoặc [Thư mục L.trở].

6 Nhấn phím [Bắt đầu].

Màn hình [Đang quét] hiển thị và quá trình quét bản gốc bắt đầu. Trạng thái hiện tại hiển thị trên màn hình.

- Sau khi màn hình [Xác nhận] hiển thị, hãy chạm vào [Đóng]. Bản gốc được quét và lưu.

Để hủy quét

1 Nhấn phím [Dừng].

Quá trình quét dừng lại và màn hình Quét hiển thị.



- Khi bạn chọn [Bảng ĐK] để quét dữ liệu, dữ liệu đã quét được lưu vào ổ cứng cục bộ của máy này. Dữ liệu đã quét có thể được tải xuống máy tính của người dùng bằng RISO Console. Xem “Màn hình Menu [Quét]” (tr. 6-9) trong “RISO Console”.
- Thời gian lưu trữ dữ liệu đã quét do quản trị viên cấu hình.



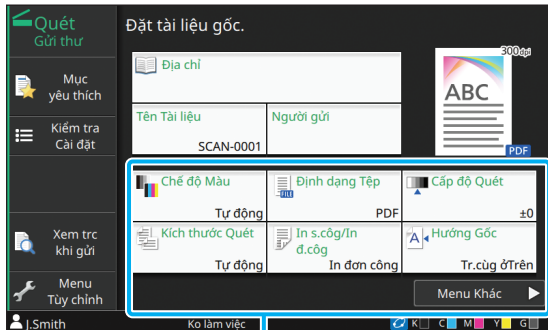
- RISO KAGAKU CORPORATION không chịu trách nhiệm về sự cố mất mát bất kỳ dữ liệu nào trên ổ cứng cục bộ của máy có thể xảy ra trong quá trình sử dụng máy này. Để bảo vệ dữ liệu, bạn nên sao lưu dữ liệu trước.

Danh sách Cài đặt

Sau đây là danh sách cài đặt khả dụng ở chế độ Quét.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tên Tài liệu	Xem và chỉ định tên tài liệu khi lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-6
Chế độ Màu	Chỉ định chế độ màu của dữ liệu cần quét.	tr. 2-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc cần quét.	tr. 2-7
Định dạng file	Chỉ định định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-7
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.	tr. 2-8
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 2-8
Hướng Gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 2-8
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 2-8
B.gốc K.cỡk.hợp	Quét bản gốc chứa các trang có kích thước khác nhau.	tr. 2-9
Cỡ Trang	Chỉ định kích thước để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.	tr. 2-9
Chia Trang	Quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 2-9
Mã PIN	Gán mã PIN khi lưu lệnh đã quét trên ổ cứng cục bộ của máy này.	tr. 2-9
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp và lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-10
Hiệu chỉnh Gamma	Điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.	tr. 2-10
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.	tr. 2-10
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 2-10
K.thước Bản t.tạo	Mở rộng hoặc thu nhỏ dữ liệu đã quét.	tr. 2-10
Mục yêu thích	Gọi các cài đặt thường dùng.	tr. 2-11
Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 2-11
Xem trước khi gửi	Quét và hiển thị bản gốc trước khi gửi hoặc lưu.	tr. 2-11
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút. Bạn cũng có thể đăng ký và chỉnh sửa số địa chỉ.	tr. 2-12

Cài đặt Quét

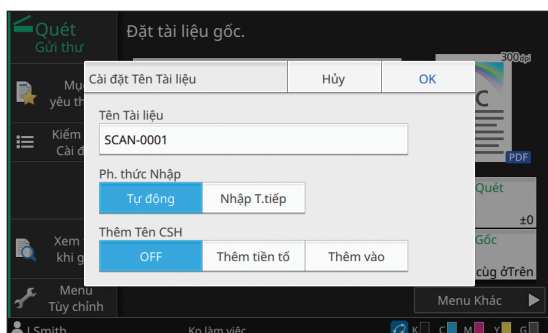


Các nút cài đặt

Tên Tài liệu

Bạn có thể xem tên tài liệu cần sử dụng khi lưu dữ liệu đã quét.

Chạm vào [Tên Tài liệu] để đặt tên tài liệu.



[Tên Tài liệu]

Trong số các thông tin được chỉ định trong [Ph. thức Nhập] và [Thêm Tên CSH], thông tin [Tên Tài liệu] và [Chủ s.hữu] hiển thị.

[Ph. thức Nhập]

Chọn [Tự động] để đặt tên tài liệu tự động.

Chọn [Nhập T.tiếp] để nhập tên tài liệu theo lựa chọn của bạn.

Nếu bạn chọn [Tự động], tài liệu sẽ được gán một tên bắt đầu bằng "SCAN-" và theo sau là số sê-ri (0001 tới 9999).

[Thêm Tên CSH]

Chỉ định thêm hay không thêm tên chủ sở hữu vào tên tài liệu được thiết lập trong [Ph. thức Nhập].

Chọn [OFF] để không thêm tên chủ sở hữu.

Chọn [Thêm tiền tố] để thêm tên chủ sở hữu trước tên tài liệu và đặt tên theo định dạng sau:

Tên chủ sở hữu - Tên tài liệu - Số trang_Số thứ tự.đuôi tệp

Ví dụ: J.Smith-SCAN-0001-0001_0001.tif

Chọn [Thêm vào] để thêm tên chủ sở hữu sau tên tài liệu và đặt tên theo định dạng sau:

Tên tài liệu - Tên chủ sở hữu - Số trang_Số thứ tự.đuôi tệp

Ví dụ: SCAN-0001-J.Smith-0001_0001.tif



- Số thứ tự chỉ được thêm khi xảy ra trường hợp trùng tên tệp.

1 Chạm vào [Tên Tài liệu].

Màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu] hiển thị.

2 Chọn tùy chọn cho [Ph. thức Nhập].

Khi chọn [Nhập T.tiếp], hãy nhập tên tài liệu và chạm vào [OK].

3 Chọn để thêm tên chủ sở hữu hay không.

4 Chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem "Nhập Văn bản" (tr. 28).
- Đối với [Nhập T.tiếp], bạn có thể sử dụng chữ hoa và chữ thường.

Chế độ Màu

Chọn chế độ màu của dữ liệu cần quét.

[Tự động]

Máy tự động xác định bản gốc có màu hay chỉ là đen trắng. Nếu bản gốc được xác định là có màu, bản gốc sẽ được chuyển đổi sang dữ liệu RGB và lưu. Nếu bản gốc được xác định là đen trắng, bản gốc sẽ được chuyển đổi sang dữ liệu đen và lưu.

[Màu Đầy đủ]

Bản gốc được chuyển đổi sang dữ liệu RGB và lưu.

[Thang độ xám]

Bản gốc có màu và ảnh màu được chuyển đổi sang dữ liệu thang độ xám và lưu.

[Đen]

Bản gốc được lưu thành dữ liệu đen trắng (nhị phân).

1 Chạm vào [Chế độ Màu].

Màn hình [Chế độ Màu] hiển thị.

2 Chọn chế độ màu.

3 Chạm vào [OK].

Kích thước Quét

Chỉ định kích thước cho bản gốc cần quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kích thước Quét” (tr. 1-10) trong “Sao chép”.

Định dạng file

Chỉ định định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét.

[PDF], [TIFF], [JPEG], [PDF/A]

Định dạng tệp	Mục cài đặt
[PDF]	[Chất lượng H.ảnh] [Chi tiết] [ZIP] [Trang Đơn] [Cài đặt mật khẩu] [Mật khẩu Người dùng] [Mật khẩu Chủ sở hữu]
[TIFF]	[Chi tiết] [ZIP]
[JPEG]	[Chất lượng H.ảnh] [Chi tiết] [ZIP]
[PDF/A]	[Chất lượng H.ảnh]

[Chất lượng H.ảnh]

[1: Thấp], [2], [3], [4], [5: Cao]

[Mật khẩu PDF]

Đặt mật khẩu người dùng và mật khẩu chủ sở hữu.

[ZIP]

Tùy chọn này xuất hiện khi gửi dữ liệu đã quét qua email hoặc gửi dữ liệu đã quét đến máy tính trên mạng. Chọn [ON] để nén dữ liệu đã quét vào tệp zip.



- Khi lưu dữ liệu đã quét vào ổ cứng cục bộ của máy này, dữ liệu đã quét được nén vào tệp zip.

[Trang Đơn]

Chọn [ON] để lưu dữ liệu đã quét trong trang đơn.

1 Chạm vào [Định dạng file].

Màn hình [Định dạng file] hiển thị.

2 Chọn định dạng tệp để sử dụng cho việc lưu dữ liệu đã quét.

3 Thay đổi cài đặt nếu cần.

4 Chạm vào [OK].



- Nếu dữ liệu đã quét chỉ là một tệp, dữ liệu đã quét sẽ không được nén.
- Nếu đặt [Định dạng file] thành [PDF], tùy chọn [ZIP] sẽ trở thành khả dụng khi đặt [Trang Đơn] thành [ON].
- Cần có [Mật khẩu Người dùng] (có thể nhập khi chọn [PDF] làm định dạng tệp) để mở tài liệu sau này. Cần có [Mật khẩu Chủ sở hữu] để đặt quyền truy cập tài liệu, đặc biệt là quyền in và chỉnh sửa.
[Mã PIN] (tr. 2-9) của máy này khác với các mật khẩu được nhắc đến ở trên; mã PIN phục vụ cho mục đích bảo vệ lệnh quét cần lưu trong ổ cứng cục bộ và lệnh in gửi từ máy tính.

2 mặt/1 mặt

Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [2 mặt/1 mặt] với [Xóa Bóng Sách]. (tr. 2-9 “Xóa Bóng Sách”)

[Một mặt], [Hai mặt]

[Hướng Ph.trang]

Chỉ định cách mở trang theo hướng phải/trái hay trên cùng/dưới cùng.

[Hướng Góc] (tr. 2-8 “Hướng Góc”)

1 Chạm vào [2 mặt/1 mặt].

Màn hình [2 mặt/1 mặt] hiển thị.

2 Chạm vào [Hướng Góc].

Chọn [Tr.cùng ởTrên] hoặc [Tr.cùng Btrái].

3 Chỉ định các mặt của bản gốc để quét.

Nếu bạn đã chọn [Hai mặt], hãy chỉ định hướng phân trang.

4 Chạm vào [OK].

Cấp độ Quét

Điều chỉnh cấp độ quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Cấp độ Quét” (tr. 1-12) trong “Sao chép”.

Hướng Góc

Chỉ định hướng của bản gốc.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng Góc” (tr. 1-10) trong “Sao chép”.

Độ phân giải

Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.

[200 dpi], [300 dpi], [400 dpi], [600 dpi]

1 Chạm vào [Độ phân giải].

Màn hình [Độ phân giải] hiển thị.

2 Chọn độ phân giải.

3 Chạm vào [OK].

B.gốc K.cỡk.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi trong bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau. Các kích thước có thể cùng tồn tại là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4”, “Letter-LEF và Ledger”.

Để biết thêm thông tin, hãy xem bước 2 và các bước tiếp theo trong “B.gốc K.cỡk.hợp” (tr. 1-13) trong “Sao chép”.

Cỡ Trang

Chỉ định kích thước để lưu dữ liệu đã quét.

[Tự động]

Tự động đặt cỡ trang theo cài đặt cho [Kích thước Quét] và [K.thước Bản t.tạo].

[Tiêu chuẩn]

Lưu dữ liệu ở kích thước tiêu chuẩn đã chọn.

[Tùy chỉnh]

Lưu ở dạng cỡ trang không tiêu chuẩn mà quản trị viên đã đăng ký trước.

[Thủ công]

Chỉ định cỡ trang không tiêu chuẩn chưa được đăng ký và lưu ở dạng cỡ này.

1 Chạm vào [Cỡ Trang].

Màn hình [Cỡ Trang] hiển thị.

2 Chọn cỡ trang.

3 Chạm vào [OK].

Xóa Bóng Sách

Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Xóa Bóng Sách” (tr. 1-13) trong “Sao chép”.



• Bạn không thể sử dụng đồng thời [Xóa Bóng Sách] với [2 mặt/1 mặt]. (tr. 2-8 “2 mặt/1 mặt”)

Chia Trang

Sử dụng tùy chọn này để quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chia Trang” (tr. 1-14) trong “Sao chép”.

Mã PIN

Gán mã PIN khi lưu lệnh đã quét trên ổ cứng cục bộ của máy này. Bạn cần có mã PIN được đặt ở đây khi sử dụng RISO Console để tải xuống máy tính.

[OFF], [ON]

Nhập giá trị (tối đa 8 ký tự)

1 Chạm vào [Mã PIN].

Màn hình [Mã PIN] hiển thị.

2 Chạm vào [ON].

3 Sử dụng phím số để nhập mã PIN.

4 Chạm vào [OK].

Loại bản gốc

Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp để lưu dữ liệu đã quét.

[Dòng/Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có cả văn bản và ảnh.

[Dòng]

Chọn mục này khi bản gốc có văn bản hoặc hình minh họa.

[Ảnh]

Chọn mục này khi bản gốc có ảnh.

1 Chạm vào [Loại bản gốc].

Màn hình [Loại bản gốc] hiển thị.

2 Chọn loại bản gốc.

3 Chạm vào [OK].

Hiệu chỉnh Gamma

Điều chỉnh độ cân bằng màu của dữ liệu đã quét. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hiệu chỉnh Gamma” (tr. 1-21) trong “Sao chép”.



- Khi đã đặt [Chế độ Màu] thành [Thang độ xám] hoặc [Đen], giá trị gamma chỉ có thể điều chỉnh được đối với K. Giá trị gamma không thể hiệu chỉnh được đối với C-R, M-G hoặc Y-B. (tr. 2-7 “Chế độ Màu”)

Kiểm soát Hình ảnh

Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm soát Hình ảnh” (tr. 1-21) trong “Sao chép”.

Mức Màu Cơ sở

Chức năng này làm cho màu nền (màu cơ sở) nhạt hơn để dễ đọc văn bản hơn khi quét bản gốc dạng văn bản có màu nền hoặc bản gốc in trên giấy màu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mức Màu Cơ sở” (tr. 1-22) trong “Sao chép”.

K.thước Bản t. tạo

Mở rộng hoặc thu nhỏ dữ liệu đã quét.

[100% (1:1)]

Dữ liệu sẽ không được mở rộng hay thu nhỏ.

[Tự động]

Tự động đặt kích thước bản tái tạo theo cài đặt cho [Kích thước Quét] và [Cơ Trang].

[Giảm], [Mở rộng]

Dữ liệu sẽ được mở rộng hoặc thu nhỏ theo kích thước bản tái tạo đã chọn.

Thủ công

Dữ liệu sẽ được mở rộng hoặc thu nhỏ theo kích thước bản tái tạo do người dùng xác định.

1 Chạm vào [K.thước Bản t. tạo].

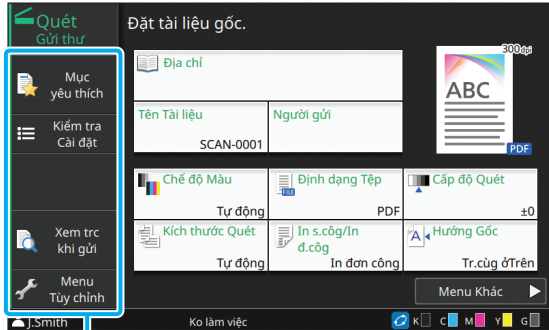
Màn hình [K.thước Bản t. tạo] hiển thị.

2 Chỉ định kích thước bản tái tạo.

Để sử dụng kích thước bản tái tạo do người dùng xác định, chạm vào hoặc để chỉ định kích thước. Bạn cũng có thể nhập số bằng phím số.

3 Chạm vào [OK].

Nút Chức năng trong Chế độ Quét



Nút chức năng

Mục yêu thích

Có thể gọi những cài đặt này mỗi khi cần. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích. Việc đăng ký cài đặt thường dùng có thể hữu ích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-31) trong “Sao chép”.

Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.

1 Chạm vào [Kiểm tra cài đặt].

Màn hình [Kiểm tra cài đặt] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thêm vào Mục yêu thích
- Lưu làm Mặc định
- In X.nhận C.đặt

2 Chạm vào [Quay lại].

Xem trước khi gửi

Bạn có thể quét và hiển thị bản gốc trước khi gửi hoặc lưu.

1 Chạm vào [Xem trước khi gửi].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

2 Chạm vào [Tiếp tục] để bắt đầu quét.

Màn hình xem trước sẽ hiển thị. Kiểm tra kết quả quét.

3 Nhấn phím [Bắt đầu].

Dữ liệu sẽ được gửi hoặc lưu.



- Bạn có thể thay đổi địa chỉ email với tùy chọn [Th.đổi Đ.chỉ] hoặc thay đổi đích sẽ lưu dữ liệu đã quét với tùy chọn [Thư mục L.trữ].
- Khi dữ liệu đã quét chứa nhiều trang, hãy vuốt màn hình để di chuyển giữa các trang khác nhau. Bạn cũng có thể di chuyển giữa các trang bằng cách chạm vào [◀] hoặc [▶].

Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút. Bạn cũng có thể đăng ký và chỉnh sửa số địa chỉ.

Thêm vào Mục yêu thích/Chỉnh sửa Mục yêu thích

Sử dụng chức năng này để đăng ký cài đặt được cấu hình bằng nút cài đặt làm mục yêu thích. Bạn có thể đăng ký tối đa 30 mục yêu thích. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 1-33) và “Chỉnh sửa Mục yêu thích” (tr. 1-33) trong “Sao chép”.



- Bạn không thể đăng ký các cài đặt sau làm mục yêu thích:
 - [Tên Tài liệu], [Mật khẩu PDF] trong [Định dạng file], [Mã PIN]

Thêm vào Sổ Địa chỉ

Bạn có thể đăng ký địa chỉ và đích vào sổ địa chỉ.

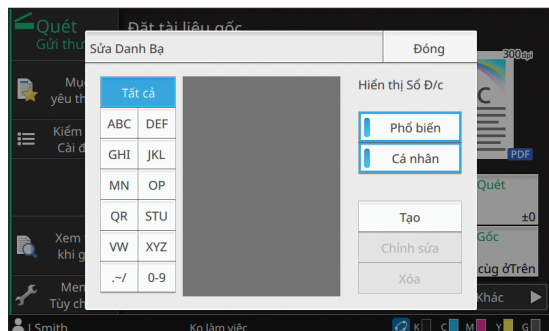
■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

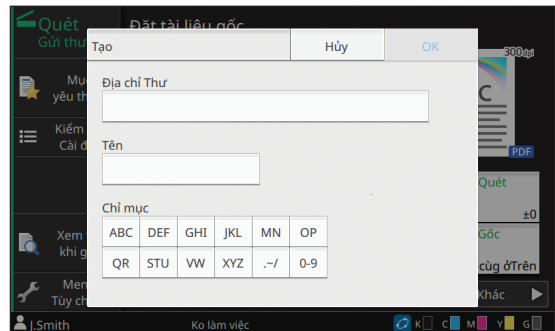
2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Sửa Danh Bạ] hiển thị.



3 Chạm vào [Tạo].

Màn hình [Tạo] hiển thị.



4 Nhập địa chỉ email.

5 Nhập tên người nhận.

6 Chỉ định chỉ mục.

7 Chạm vào [OK].

Địa chỉ sẽ được đăng ký vào sổ địa chỉ.

8 Đặt tùy chọn [Hiển thị Số Đ/c].

Chỉ định hiển thị tên người nhận thông thường hay người nhận đặc biệt trên sổ địa chỉ.

9 Chạm vào [Đóng].

■ Khi bạn đã chọn [PC]

Đăng ký máy tính làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị”.

Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ

Bạn có thể chỉnh sửa địa chỉ cá nhân và đích được đăng ký vào sổ địa chỉ.

■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Sửa Danh Bạ] hiển thị.

3 Chọn địa chỉ và chạm vào [Chỉnh sửa].

Màn hình [Chỉnh sửa] hiển thị.

4 Thay đổi Cài đặt.

5 Chạm vào [OK].

Cài đặt địa chỉ thay đổi.

6 Chạm vào [Đóng].

■ Khi bạn đã chọn [PC]

Thay đổi cài đặt được đăng ký làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị”.

Xóa Địa chỉ hoặc Đích

Bạn có thể xóa địa chỉ cá nhân và đích khỏi sổ địa chỉ.

■ Khi bạn đã chọn [Gửi thư]

1 Chạm vào [Menu tùy chỉnh].

Màn hình [Menu tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chạm vào [Thêm/Chỉnh sửa Sổ Địa chỉ].

Màn hình [Sửa Danh Bạ] hiển thị.

3 Chọn địa chỉ và chạm vào [Xóa].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

4 Chạm vào [OK].

Địa chỉ được xóa khỏi sổ địa chỉ.

5 Chạm vào [Đóng].

■ Khi bạn đã chọn [PC]

Xóa đích mà bạn đã đăng ký làm đích của dữ liệu đã quét.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thư mục Dữ liệu Quét” trong “Hướng dẫn Quản trị”.

Lưu / Xóa Mặc định

Bạn có thể đăng ký giá trị nhập bằng nút cài đặt làm cài đặt mặc định.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Lưu làm Mặc định” (tr. 1-34) và “Xóa Mặc định” (tr. 1-34) trong “Sao chép”.



- Bạn không thể đăng ký các cài đặt sau làm cài đặt mặc định:

- [Tên Tài liệu], [Mật khẩu PDF] trong [Định dạng file], [Mã PIN]

Chỉnh sửa Thứ tự Nút

Chức năng này thay đổi cách sắp xếp các nút cài đặt.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chỉnh sửa Thứ tự Nút” (tr. 1-35) trong “Sao chép”.

Kết nối máy này và máy tính với mạng để sử dụng máy này làm máy in.

Bằng cách dùng trình điều khiển máy in, bạn có thể gửi dữ liệu in đến máy này từ máy tính.

Tổng quan về Thao tác In (Trình điều khiển Máy in)tr. 3-2

1. Mở màn hình trình điều khiển
máy in.



2. Thay đổi cài đặt.



3. Nhấp vào [OK].



4. Nhấp vào [In] hoặc [OK].

Tổng quan về Thao tác In (Chế độ In) tr. 3-3

1. Chạm vào [In] trên màn hình
[Trang chủ1].



2. Chọn một lệnh.



3. Nhấn phím [Bắt đầu].

Cài đặt Trình điều khiển Máy in tr. 3-9

Phần này giải thích chi tiết từng cài đặt trình điều khiển máy in.

Nút Chức năng trong Chế độ In..... tr. 3-35

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ In.



3



In

Tổng quan về Thao tác In

Chương này mô tả các thao tác cơ bản để sử dụng máy này làm máy in.

Quy trình Từ Trình điều khiển Máy in

● 1 Mở màn hình trình điều khiển máy in.

1 Chọn tùy chọn in trong ứng dụng trên máy tính.

Hộp thoại in hiển thị.

2 Kiểm tra tên máy in và nhấp vào [Thuộc tính] hoặc [Chi tiết].

Tên nút thay đổi tùy theo ứng dụng.

● 2 Thay đổi cài đặt.

Để biết thêm thông tin về các cài đặt có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt” (tr. 3-6).

- Để khôi phục tất cả cài đặt trên màn hình trình điều khiển máy in về giá trị mặc định, hãy nhấp vào [Khôi phục mặc định].



- Cài đặt [Loại bản gốc] và [Loại Giấy] của trình điều khiển máy in ảnh hưởng lớn đến chất lượng in. Hãy thay đổi cài đặt theo điều kiện sử dụng.

● 3 Nhấp vào [OK].

Hộp thoại in hiển thị.



- Nếu chọn hộp kiểm [Xếp bộ] trong hộp thoại in, hãy xóa dấu kiểm. Để in bằng cách sắp xếp bản sao, hãy đặt [Sắp xếp] trong tab [Cơ bản] thành [Đã sắp xếp].

● 4 Nhấp vào [In] hoặc [OK].

Dữ liệu in được gửi đến máy này.



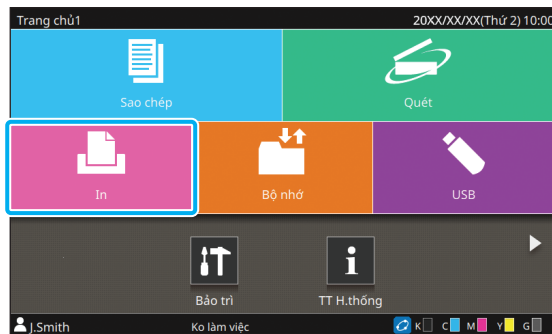
- Khi sử dụng chức năng liên kết hệ thống bên ngoài, hãy chạm vào [L.kết H.thg Ngoài] trên màn hình [Trang chủ 1] và bạn có thể in các lệnh được lưu trên hệ thống bên ngoài. Để biết thêm thông tin, hãy xem “L.kết Hệ thống Bên ngoài” (tr. 3-36).

Quy trình Từ Chế độ In

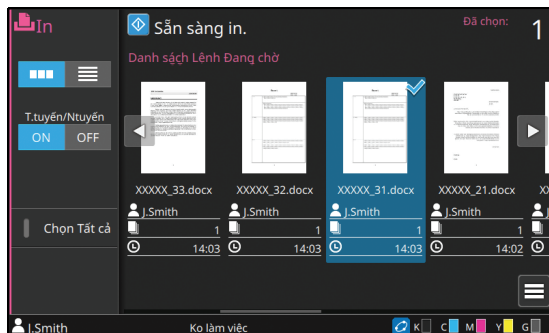


- Tùy theo cài đặt mà quản trị viên cấu hình, bạn có thể tiến hành in bằng cách đơn giản là đăng nhập.

1 Chạm vào [In] trên màn hình [Trang chủ1].



2 Chọn một lệnh.



Biểu tượng hiển thị trên hình thu nhỏ



: Lệnh có mã PIN



: Lệnh bị hỏng (Dữ liệu bị hỏng hoặc dữ liệu có sự cố)

Không: Tất cả các lệnh khác được gửi từ máy tính

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Chi tiết
- Th/đổi C.đặt
- Xóa



- Khi tên Lệnh vượt quá giới hạn ký tự, nửa đầu của tên Lệnh bị bỏ qua và hiển thị thành "...".
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "*****".
 - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-28 "Mã PIN")

3 Nhấn phím [Bắt đầu].

Lệnh đã chọn được in.

■ Khi in lệnh có mã PIN

Màn hình nhập mã PIN hiển thị. Hãy nhập mã PIN bằng phím số và chạm vào [Tiếp tục].

3

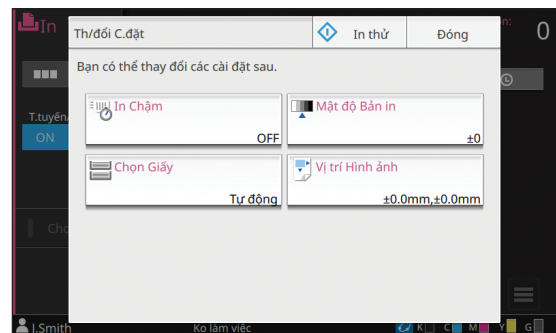
Thay đổi Cài đặt Khi Đang in

1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

2 Chạm vào [Th/đổi C.đặt].

Màn hình [Th/đổi C.đặt] hiển thị.



3 Thay đổi Cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- In Chậm (tr. 1-29 “In Chậm”)
- Mật độ Bản in (tr. 1-12 “Mật độ Bản in”)
- Chọn Giấy (tr. 1-8 “Chọn Giấy”)
- Vị trí Hình ảnh (tr. 1-22 “Vị trí Hình ảnh”)



- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ in một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].

4 Chạm vào [Đóng].

5 Chạm vào [Tiếp tục].

Lệnh in sẽ được tiếp tục với cài đặt đã thay đổi được áp dụng.

Tiến hành Bảo trì Khi Đang in

1 Nhấn phím [Dừng].

Màn hình [Đang tạm ngưng] hiển thị.

2 Chạm vào [Bảo trì].

Màn hình [Bảo trì] hiển thị.

3 Thay đổi Cài đặt.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt sau:

- Làm sạch Đầu In
- Nhà Nấp Trước
- T.tuyến/Ntuyến
- Kiểm soát Dẫn hướng Giấy



- Chạm vào [T.tuyến/Ntuyến] để hiển thị màn hình [T.tuyến/Ntuyến]. Bạn có thể sử dụng toàn bộ máy in bằng cách đặt [T.tuyến/Ntuyến] thành [OFF].
- Để biết thêm thông tin về [Làm sạch Đầu In] và [Nhà Nấp Trước], hãy xem “Bảo trì” (tr. 9-2) trong “Phụ lục”.
- Nếu bạn chạm vào [In thử], máy chỉ in một bản sao của trang đang được xử lý khi bạn nhấn phím [Dừng].
- Nếu đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát hoặc bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn, bạn có thể điều chỉnh vị trí khay xếp chồng với [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy]. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Bảo trì” (tr. 9-2) trong “Phụ lục”.

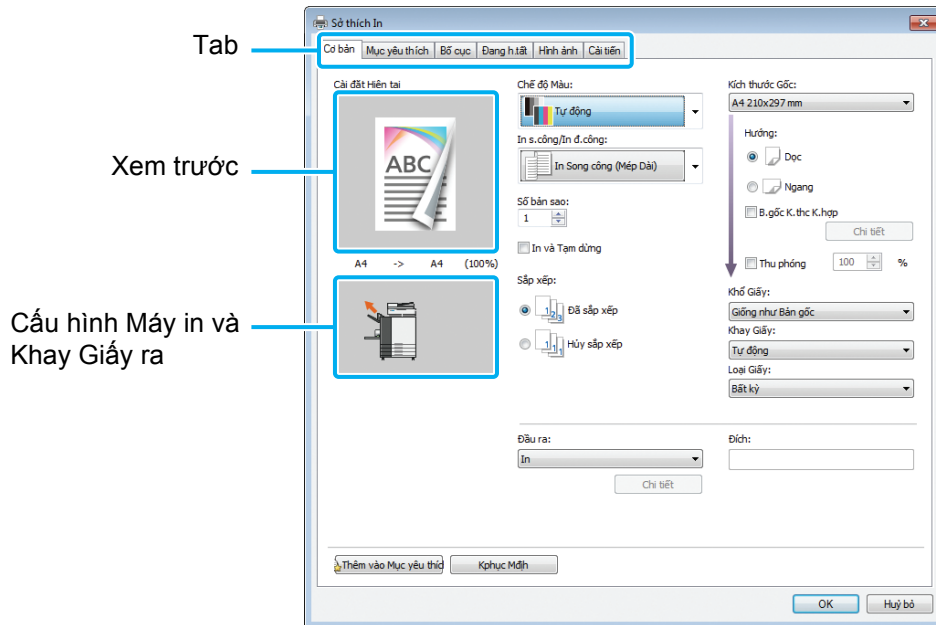
4 Chạm vào [Đóng].

5 Chạm vào [Tiếp tục].

Lệnh in sẽ được tiếp tục với phần điều chỉnh được áp dụng.

Màn hình Trình điều khiển Máy in

Có thể cấu hình cài đặt từ màn hình trình điều khiển máy in.



- Tab: Nhấp vào tab để chuyển đổi màn hình.
- Xem trước: Hiển thị hình ảnh xem trước của tài liệu cần in. Kích thước bản gốc, khổ giấy và tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ hiển thị dưới hình ảnh.
- Cấu hình máy in và khay giấy ra: Thành phần tùy chọn được kết nối sẽ hiển thị dưới dạng hình minh họa. Khay giấy ra hiển thị với một mũi tên.



- Nhấp vào [Khôi phục mặc định] sẽ khôi phục tất cả cài đặt trên màn hình trình điều khiển máy in về giá trị mặc định.
- Khi kết nối thiết bị tùy chọn, đầu tiên, hãy cấu hình cài đặt tại [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] để sử dụng các chức năng nhất định. Các chức năng không khả dụng có màu xám. (tr. 3-31 “Tab [Môi trường]”)

Danh sách Cài đặt

Danh sách Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Sau đây là danh sách cài đặt có thể cấu hình qua trình điều khiển máy in.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Cơ bản]		
Chế độ Màu	Chọn chế độ màu.	tr. 3-9
In s.công/In đ.công	Chỉ định mặt giấy để in.	tr. 3-9
Số lượng bản copy	Nhập số bản sao để in.	tr. 3-10
In và Tạm dừng	Dừng máy sau khi in một tập để kiểm tra kết quả in.	tr. 3-10
Sắp xếp	Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi in nhiều bản sao.	tr. 3-10
Kích thước bản gốc	Chỉ định khổ giấy và hướng của bản gốc.	tr. 3-10
B.gốc K.thc K.hợp	In dữ liệu chứa các trang có kích thước khác nhau.	tr. 3-11
Thu phóng	Chỉ định mở rộng hoặc thu hẹp hình ảnh gốc trước khi in nếu cần.	tr. 3-11
Khổ Giấy	Chỉ định khổ giấy để in.	tr. 3-11
Khay Giấy	Chỉ định khay nạp giấy để in.	tr. 3-12
Loại Giấy	Chỉ định loại giấy in.	tr. 3-12
Đầu ra và Đích	Chọn đầu ra cho dữ liệu tài liệu gửi từ máy tính. Nếu [In] không được chọn cho [Đầu ra], hãy chỉ định đích bằng cách nhấn [Chi tiết].	tr. 3-13
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-14
Tab [Mục yêu thích]		
Danh sách	Kiểm tra cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích.	tr. 3-14
Ch. sửa Mục yêu thích	Chỉnh sửa mục yêu thích đã đăng ký.	tr. 3-14
Mở Tập	Mở tập mục yêu thích đã lưu.	tr. 3-15
Lưu trong Tập	Lưu mục yêu thích thành định dạng tập chuyên dụng với đuôi “.uds”.	tr. 3-15
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-15
Tab [Bổ cục]		
Kết hợp	Kết hợp nhiều trang liên tiếp nhau.	tr. 3-15
Lặp lại Hình ảnh	In nhiều lần cùng một trang trên một tờ.	tr. 3-16
Sách	Chỉ định lên khuôn cho sách nhỏ đóng nẹp ở giữa.	tr. 3-16
Hình mờ	Chỉ định hình nền mờ để thêm vào trang tài liệu.	tr. 3-17
Tem	Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 3-18
Vị trí Hình ảnh	Chỉ định tùy chọn này khi điều chỉnh vị trí in.	tr. 3-19
Xoay	Chỉ định hướng bản in.	tr. 3-20
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-20

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Đang h.tất]		
Rìa đóng sách	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 3-20
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim.	
	Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn	tr. 8-5
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-30
Đục lỗ	Chỉ định vị trí đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-32
Gập	Chỉ định kiểu gập trang in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-32
Đóng Sách	Chỉ định phương thức đóng nẹp. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-34
Bản ra sole	Chỉ định thời gian điều chỉnh giấy ra.	
	Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn	tr. 8-7
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-24
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-36
Tám Nệm	Chỉ định vị trí chèn tám nệm giữa các bản in.	tr. 3-22
Thêm Bìa	Thêm bìa trước và bìa sau vào bản in.	tr. 3-23
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát hoặc khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-24
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-37
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-25
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-37
Đang tạo Thư	Tạo thư đóng sẵn trong bì bằng giấy mẫu thư và tài liệu đã in. (Khi dùng Wrapping Envelope Finisher tùy chọn)	tr. 3-23
Đóng sách	Cấu hình cài đặt để tạo sách nhỏ bằng Perfect Binder. (Khi dùng Perfect Binder tùy chọn)	tr. 3-23
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-23
Tab [Hình ảnh]		
Loại bản gốc	Chỉ định nhấn mạnh vào chất lượng hình ảnh của ảnh hoặc văn bản của bản in.	tr. 3-24
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 3-24
Chất lượng Hình ảnh	Chỉ định độ phân giải của bản in.	tr. 3-24
Làm mềm viền	Làm nhẵn đường nét của văn bản hoặc hình minh họa.	tr. 3-24
Sàng lọc	Chỉ định phương pháp xử lý bản sắc.	tr. 3-25
Hiệu chỉnh Gamma	Điều chỉnh độ sáng, sắc độ, độ tương phản và giá trị gamma cho màu đỏ, xanh lục và xanh lam.	tr. 3-25
Xác định Khu vực Mã vạch	Chỉ định khu vực mã vạch để làm cho mã vạch dễ đọc.	tr. 3-26

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tạo ảnh Bì thư	Chỉ định cách xử lý hình ảnh để in bì thư.	tr. 3-27
Đường kẻ Mảnh Nâng cao	Giúp các đường kẻ sắc nét trong bản gốc không bị biến mất.	tr. 3-27
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-27
Tab [Cài tiến]		
Chủ s.hữu	Chỉ định tên chủ sở hữu theo lựa chọn của bạn.	tr. 3-28
Tên Lệnh	Chỉ định tên lệnh mong muốn.	tr. 3-28
Mã PIN	Thêm mã PIN vào dữ liệu.	tr. 3-28
Nhận xét Lệnh	Thêm nhận xét vào lệnh.	tr. 3-28
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học). Bạn có thể in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.	tr. 3-28
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 3-30
Phát hiện Trang Trắng	Ngăn ngừa việc in bất kỳ trang trắng nào có trong tài liệu.	tr. 3-30
In Giấy Nhiều phần	Cấu hình mục này khi in nhiều loại giấy như với mẫu bản sao carbon hoặc bản in thử.	tr. 3-30
Phiên bản	Bạn có thể xem phiên bản của trình điều khiển máy in.	tr. 3-30
Thêm vào Mục yêu thích	Đăng ký cài đặt hiện tại trong tab Mục yêu thích.	tr. 3-30
Tab [Môi trường]		
Qua Máy in Dùng chung	Chọn tùy chọn này để chia sẻ trình điều khiển máy in của máy chủ in để sử dụng máy này.	tr. 3-31
Tên SNMP	Chỉ định tên cộng đồng cho giao tiếp SNMP.	tr. 3-31
Wake On LAN	Chỉ định có hay không gửi tín hiệu Wake On LAN khi gửi lệnh in.	tr. 3-31
Cấu hình Máy in	Chỉ định thủ công thông tin về cấu hình tùy chọn cho trình điều khiển máy in.	tr. 3-32
Mục nhập trên giấy tùy chỉnh	Đăng ký cỡ giấy bạn chọn với trình điều khiển máy in.	tr. 3-32
Mục nhập Thư mục	Đăng ký thư mục đích cho dữ liệu in với trình điều khiển máy in.	tr. 3-34
Nhận Thông tin về Máy in	Lấy thông tin về cấu hình tùy chọn và tự động cấu hình thông tin này cho trình điều khiển máy in.	tr. 3-34

Danh sách Nút Chức năng trong Chế độ In

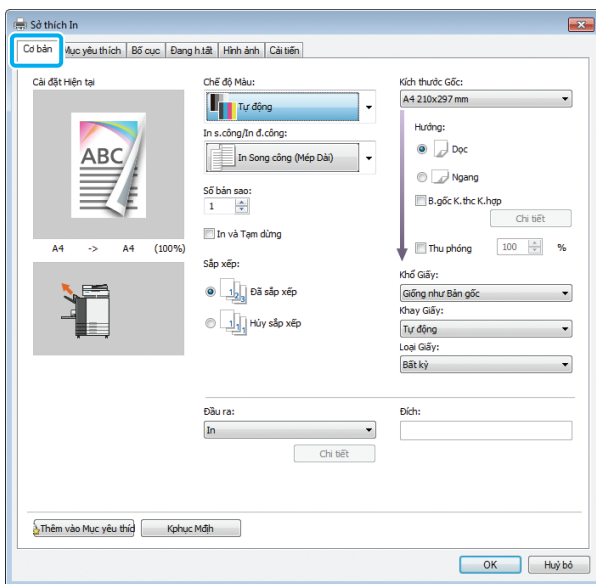
Các nút chức năng khả dụng trong chế độ In được liệt kê sau đây.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chọn Chế độ xem	Chọn xem các mục dưới dạng hình thu nhỏ hay dưới dạng danh sách.	tr. 3-35
Online/Offline	Chuyển đổi kết nối mạng.	tr. 3-35
Chọn Tắt cả	Chọn tắt cả các tài liệu đang chờ xử lý được hiển thị.	tr. 3-35

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Phần này mô tả cách cấu hình các cài đặt cơ bản của trình điều khiển máy in như chế độ màu, in song công/in đơn công và loại giấy.

Tab [Cơ bản]



Chế độ Màu

Chọn chế độ màu.

[Tự động]

Máy tự động đọc màu của tài liệu và in màu đầy đủ (lục lam, đỏ tươi, vàng, màu xám và đen) hoặc in màu đen.

[Màu Đầy đủ]

Chọn tùy chọn này để in bằng năm màu (lục lam, đỏ tươi, vàng, xám và đen).

[Đen]

Chọn tùy chọn này để in một màu (đen) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

[Lục lam]

Chọn tùy chọn này để in một màu (lục lam) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

[Đỏ tươi]

Chọn tùy chọn này để in một màu (đỏ tươi) bất kể tài liệu đã sử dụng màu gì.

In s.công/In đ.công

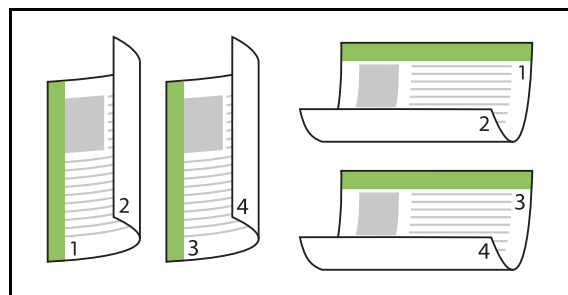
Chỉ định mặt giấy để in.

[In đơn công]

Dữ liệu được in lên một mặt giấy.

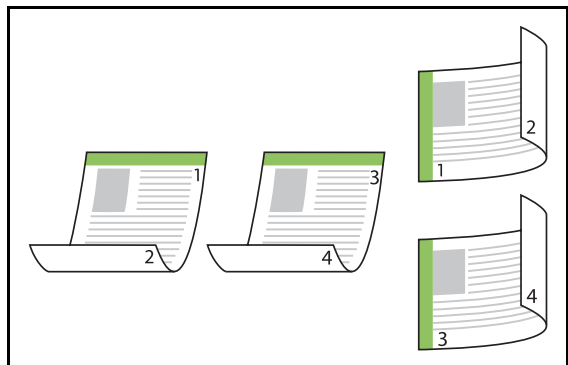
[In Song công (Mép Dài)]

Dữ liệu được in trên cả hai mặt giấy với mép dài là vị trí đóng nẹp.



[In S.công (Mép Ngắn)]

Dữ liệu được in trên cả hai mặt giấy với mép ngắn là vị trí đóng nẹp.



- Để in trên cả hai mặt giấy với tài liệu có kích thước kết hợp, hãy chỉ định hướng đóng nẹp trong hộp thoại [B.gốc K.thc K.hợp].

Số lượng bản copy

Nhập số bản sao (từ 1 đến 9999) để in.



- Khi đã cấu hình chương trình, bạn không thể nhập số bản sao.

In và Tạm dừng

Khi in tài liệu có nhiều trang hoặc tờ, máy sẽ in một trang hoặc một tập (trang hoặc tập này không nằm trong số trang được chỉ định) để bạn kiểm tra trước khi bắt đầu in thực sự. Sau khi bạn kiểm tra bản in ra, hãy nhấn phím [Bắt đầu] trên máy in để tiếp tục in. Chọn hộp kiểm để bật tùy chọn này.



- Bản in mà bạn đã kiểm tra được xuất ra theo phương thức in ([Hủy sắp xếp] hoặc [Đã sắp xếp]) được chọn trong [Sắp xếp].
- Sau khi kiểm tra bản in ra, bạn có thể thay đổi cài đặt trên bảng vận hành của máy in. (tr. 3-3 “Thay đổi Cài đặt Khi Đang in”)

Sắp xếp

Chỉ định phương thức xuất giấy ra khi in nhiều bản sao.

[Đã sắp xếp], [Hủy sắp xếp]



- Nếu chọn [Đã sắp xếp], hãy xóa dấu kiểm khỏi [Xếp bộ] trong hộp thoại In của ứng dụng. Tài liệu có thể không được in đúng cách nếu chọn hộp kiểm này.

Kích thước bản gốc

Chỉ định khổ giấy và hướng của dữ liệu tài liệu.

[Hướng]

[Dọc], [Ngang]



- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Danh sách này hiển thị kích thước được đăng ký trong [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] trong tab [Môi trường]. (tr. 3-32 “Mục nhập trên giấy tùy chỉnh”)

Chỉ định Kích thước Tùy chỉnh

Khi tài liệu có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn [Custom].

1 Chọn [Custom] cho [Kích thước bản gốc].

Hộp thoại [Tùy chỉnh] hiển thị.

2 Nhập kích thước tài liệu.

3 Nhấp vào [OK].



- Kích thước nhập ở đây chỉ hợp lệ khi cấu hình kích thước tài liệu. Việc đăng ký kích thước tài liệu thường dùng có thể hữu ích. (tr. 3-32 “Mục nhập trên giấy tùy chỉnh”)

B.gốc K.thc K.hợp

Sử dụng tùy chọn này khi trong dữ liệu bản gốc sử dụng nhiều kích thước bản gốc khác nhau. Chọn hộp kiểm này để bật tính năng tự động chọn khay giấy phù hợp với kích thước tài liệu.



- Bạn không thể sử dụng tùy chọn [B.gốc K.thc K.hợp] với chức năng [Khổ Giấy], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách], [Rìa đóng sách], [Thêm Bìa], [Phát hiện Trang Trống] hoặc [In Giấy Nhiều phần]. (tr. 3-11 “Khổ Giấy”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”, tr. 3-20 “Rìa đóng sách”, tr. 3-23 “Thêm Bìa”, tr. 3-30 “Phát hiện Trang Trống”, tr. 3-30 “In Giấy Nhiều phần”)
- Khi dùng chức năng này với in song công, chức năng in song công chỉ được áp dụng khi kích thước mặt trước và mặt sau của tài liệu là như nhau. (Nếu kích thước không giống nhau, mặt sau của trang được bỏ trống.)
- Khi in dữ liệu tài liệu có kích thước kết hợp mà không chọn hộp kiểm [B.gốc K.thc K.hợp], tất cả các trang sẽ được in theo kích thước của trang đầu tiên.

■ Sử dụng Chức năng này với In Song công

Khi sử dụng chức năng này với in song công, bạn có thể đặt vị trí đóng nẹp cho mỗi khổ giấy.

Chọn hộp kiểm [B.gốc K.thc K.hợp] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [B.gốc K.thc K.hợp]. Chọn vị trí đóng nẹp cho mỗi kích thước.

[Trang Lớn hơn]

[Mép Dài], [Mép Ngắn]

[Trang Nhỏ hơn]

[Mép Dài], [Mép Ngắn]

[Xoay Trang > 180 độ]

Chọn hộp kiểm [Xoay Trang > 180 độ] để xoay 180 độ cho các trang lớn hơn.



- [Trang Lớn hơn] nghĩa là trang A3, B4 và Tabloid; [Trang Nhỏ hơn] nghĩa là các kích thước khác.
- Một số ứng dụng không cho phép bạn xoay trang lớn hơn theo hướng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy chọn hộp kiểm để xoay hướng in 180 độ.

Thu phóng

Chỉ định tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ của bản gốc.

Chọn hộp kiểm [Thu phóng] và nhập tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ trong khoảng từ 50% đến 200%.

Nếu bạn không chọn [Thu phóng], tỷ lệ mở rộng/thu nhỏ sẽ tự động được chọn dựa trên cài đặt [Kích thước bản gốc], [Khổ Giấy] và khuôn trang.

Khổ Giấy

Chỉ định khổ giấy để in.



- Bạn không thể sử dụng [Khổ Giấy] và [B.gốc K.thc K.hợp] đồng thời. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi in trên bì thư, bạn nên kết nối khay xếp chồng và bộ nạp bì thư tùy chọn.
- Danh sách này hiển thị kích thước được đăng ký trong [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] trong tab [Môi trường]. (tr. 3-32 “Mục nhập trên giấy tùy chỉnh”)

■ Chỉ định Khổ Giấy Tùy chỉnh

Khi giấy có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn [Custom].

1 Chọn [Custom] cho [Khổ Giấy].

Hộp thoại [Tùy chỉnh] hiển thị.

2 Nhập kích thước của giấy.

3 Nhấp vào [OK].



- Kích thước nhập ở đây chỉ hợp lệ khi cấu hình kích thước tài liệu. Việc đăng ký khổ giấy thường dùng có thể hữu ích. (tr. 3-32 “Mục nhập trên giấy tùy chỉnh”)

Khay Giấy

Chỉ định khay đầu vào để sử dụng cho việc in.



- Khi bạn dùng chức năng [In Giấy Nhiều phần], [Khay Giấy] được đặt thành [Tự động]. (tr. 3-30 “In Giấy Nhiều phần”)

[Tự động]

Khay giấy được chọn tự động theo cài đặt [Loại Giấy] và [Khổ Giấy].

[Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Nạp3]

Giấy nạp vào khay đã chỉ định được sử dụng để in.

[Khay T.ch]

Giấy nạp vào khay tiêu chuẩn được sử dụng để in.



- Nếu chọn [Tự động] nhưng giấy được nạp vào khay trên thực tế lại không khớp với cài đặt [Khổ Giấy] và [Loại Giấy] (hoặc giấy tương tự được nạp vào nhưng không đặt cài đặt lựa chọn khay thành [Tự động L.chọn]), lỗi sẽ xuất hiện và lệnh không được in. Hãy chọn [Bất kỳ] trong [Loại Giấy]. (tr. 3-12 “Loại Giấy”)
- Bạn có thể sử dụng RISO Console để xác nhận khổ giấy và loại giấy nạp vào khay giấy của máy in. Xem “Màn hình [Vật tư tiêu hao]” (tr. 6-6) trong “RISO Console”.
- Khi dùng bộ nạp sức chứa lớn tùy chọn, [High Capacity Feeder] sẽ hiển thị thay cho [Khay T.ch].

Loại Giấy

Chọn loại giấy in.

Bạn có thể in dữ liệu tài liệu có các phần điều chỉnh, như điều chỉnh về màu sắc và lượng mực, cũng như xử lý hình ảnh cho phù hợp với loại giấy đã chọn.

[Bất kỳ]

Chọn tùy chọn này để bật tính năng lựa chọn loại giấy tự động theo cài đặt máy in.

[Phẳng]

[Giấy IJ], [Phủ Menmờ]

Chọn một trong những mục này khi sử dụng giấy IJ hoặc giấy tương tự.

[C.lg cao]

[Thê-IJ]

Bạn có thể cấu hình mục này khi chọn [Khay T.ch] hoặc [High Capacity Feeder] với [Khay Giấy].



- Máy chọn cấu hình màu phù hợp nhất với loại giấy của bạn. Để in với độ cân bằng màu phù hợp, hãy khớp cài đặt giấy của máy in với giấy được nạp vào.
- Nếu chọn [Bất kỳ], loại giấy và cách xử lý hình ảnh có thể không tương thích khi chưa thiết lập kết nối với máy in hoặc cài đặt giấy của máy in bị thay đổi sau khi gửi lệnh in.

Hỗ sơ Màu là gì?

Màu trên màn hình hoặc thiết bị hiển thị khác được thể hiện bằng ba màu ánh sáng cơ bản (RGB: đỏ - red, xanh lục - green và xanh lam - blue), trong khi màu in bằng mực được thể hiện bằng ba màu cơ bản (CMY: lục lam - cyan, đỏ tươi - magenta và vàng - yellow).

Vì CMY, dùng để thể hiện màu in trên giấy, có ít màu hơn RGB, dùng để thể hiện màu hiển thị trên màn hình máy tính, nên máy in không thể in màu chính xác như nhìn thấy trên màn hình. Vì lý do này nên cần sử dụng phương pháp đặc biệt để quy đổi màu RGB sang màu CMY để tái tạo màu gần giống hoặc gần như tự nhiên.

Phương pháp này gọi là “quản lý màu” và bảng quy đổi gọi là “cấu hình màu”.

Với phương pháp quản lý màu, máy in tự động chọn vài loại cấu hình màu để thu được màu tối ưu theo cách kết hợp hình ảnh gốc với giấy đang được sử dụng.

- Máy này sử dụng cấu hình màu được tạo và chỉnh sửa dựa trên công nghệ ColorSet được cấp giấy phép của Monotype Imaging K.K.

Đầu ra và Đích

Chỉ định in dữ liệu gửi từ máy tính hay lưu dữ liệu vào một thư mục trên máy in.

Bạn cũng có thể lưu dữ liệu vào ổ flash USB dưới dạng tệp PRN hoặc tạo một tệp để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

[In]

In dữ liệu.

[Bộ nhớ]

Bạn có thể lưu dữ liệu tài liệu vào thư mục trên máy dưới dạng tệp PRN.

[In & Lưu trữ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy và in dữ liệu đó.

[Lưu vào Ổ USB]

Bạn có thể lưu dữ liệu tài liệu vào ổ flash USB dưới dạng tệp PRN. Ngay cả khi không có môi trường mạng, bạn vẫn có thể in bằng cách kết nối ổ flash USB với máy.

[Lưu dưới dạng Tệp]

Tệp PRN được tạo để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.



- Không tháo ổ flash USB khi chưa lưu xong. Trong khi lưu dữ liệu, biểu tượng máy in xuất hiện trong thanh tác vụ hiển thị trên máy tính. Khi lưu xong, biểu tượng máy in biến mất. Hãy đảm bảo rằng biểu tượng đã biến mất trước khi tháo ổ flash USB.



- Dữ liệu lưu trong thư mục trên máy này có thể in được từ màn hình [Bộ nhớ] - [Tải] (tr. 4-4) hoặc từ "Menu [Bộ nhớ]" (tr. 6-11) trên "RISO Console".
- Dữ liệu lưu trên ổ flash USB có thể in được từ màn hình [USB] - [Tải] bằng cách kết nối ổ flash USB vào máy. Bạn cũng có thể lưu dữ liệu vào máy này bằng cách sao chép dữ liệu vào thư mục trên máy. (tr. 5-9 "Sao chép sang thư mục")
- Tệp PRN được trình điều khiển máy in xuất ra theo định dạng đã được phát triển riêng cho RISO KAGAKU CORPORATION. Máy in hoặc ứng dụng của các nhà sản xuất khác không thể mở được tệp PRN.
- Tên người dùng máy tính được thêm, làm chủ sở hữu, vào dữ liệu lưu trong thư mục trên máy.

■ Cài đặt Thư mục Đích

Thư mục đã đăng ký trong [Mục nhập Thư mục] trên tab [Môi trường] sẽ hiển thị trong [Đích]. (tr. 3-31 "Tab [Môi trường]")

1 Trong [Đầu ra], chọn [In & Lưu trữ], [Bộ nhớ] hoặc [Lưu vào Ổ USB].

2 Nhấp vào [Chi tiết].

Hộp thoại [Đầu ra] hiển thị.

3 Trong menu kéo xuống [Đích], chọn thư mục của dữ liệu bản gốc.

- Các thư mục khả dụng hiển thị trong danh sách [Đích].

4 Nhấp vào [OK].

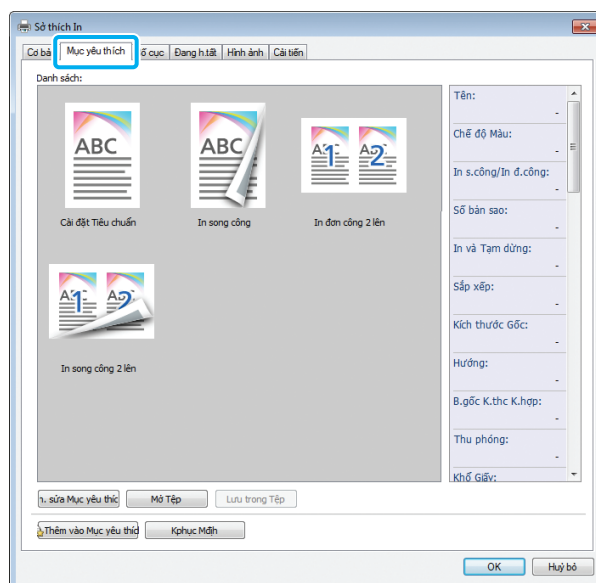
Tên thư mục đã chọn hiển thị trong trường [Đích].

Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

- 1 Cấu hình cài đặt cần thiết trên màn hình trình điều khiển máy in.**
- 2 Nhấp vào [Thêm vào Mục yêu thích].**
Hộp thoại [Thêm vào Mục yêu thích] hiển thị.
- 3 Nhập tên.**
 - Nhập tên từ 1 đến 20 ký tự.
- 4 Nhấp vào [Mục nhập].**
Cài đặt được lưu và hiển thị trong tab [Mục yêu thích].

Tab [Mục yêu thích]



Danh sách

Các cài đặt trình điều khiển máy in được đăng ký làm mục yêu thích sẽ hiển thị trong danh sách. Các cài đặt đề xuất được đăng ký trước làm mục yêu thích.

Nhấp vào một mục yêu thích để hiển thị chi tiết về cài đặt mục yêu thích đã chọn trong một danh sách. Cài đặt in thay đổi theo cài đặt mục yêu thích đã chọn.

Ch. sửa Mục yêu thích

Chỉnh sửa mục yêu thích đã đăng ký.

[Cài đặt Hiện tại]

Các cài đặt mục yêu thích đã chọn sẽ hiển thị.

[Danh sách]

Mục yêu thích đã đăng ký sẽ hiển thị.

[Lên], [Xuống]

Bạn có thể thay đổi thứ tự hiển thị cho các mục yêu thích trong [Danh sách] bằng những phím này.

[Đổi tên]

Bạn có thể thay đổi tên đã đăng ký của mục yêu thích. Nhập tên mới có từ 1 đến 20 ký tự.

[Xóa]

Bạn có thể xóa mục yêu thích.

Mở Tệp

Bạn có thể gọi và sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in lưu trong máy tính.

1 Nhấp vào [Mở Tệp].

Hộp thoại [Mở] hiển thị.

2 Chọn tệp trên máy tính.

3 Nhấp vào [Mở].

Các cài đặt được tải hiển thị trong [Danh sách].

Lưu trong Tệp

Bạn có thể lưu cài đặt được đăng ký làm mục yêu thích vào máy tính.

Lưu cài đặt vào máy tính là việc rất hữu ích, chẳng hạn như khi bạn muốn chia sẻ cài đặt với nhiều người hoặc cài đặt lại trình điều khiển máy in.

1 Chọn cài đặt trong [Danh sách] bạn muốn lưu vào máy tính.

2 Nhấp vào [Lưu trong Tệp].

Hộp thoại [Lưu như] hiển thị.

3 Chỉ định thư mục đích và tên tệp.

4 Nhấp vào [Lưu].

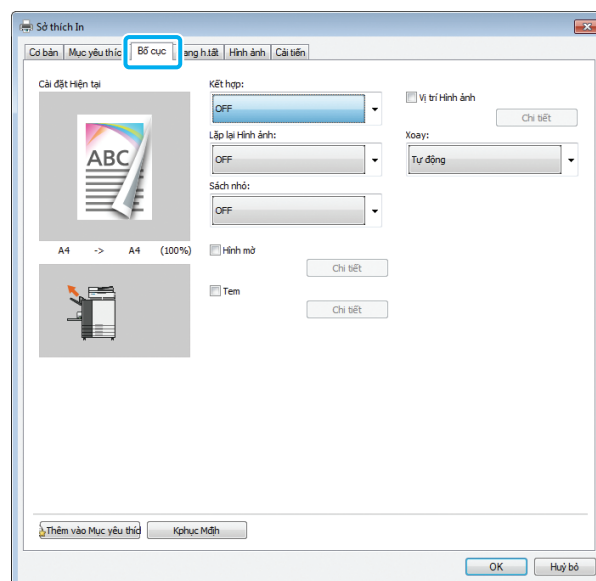
Cài đặt đã chọn được lưu.

Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-14).

Tab [Bố cục]



Kết hợp

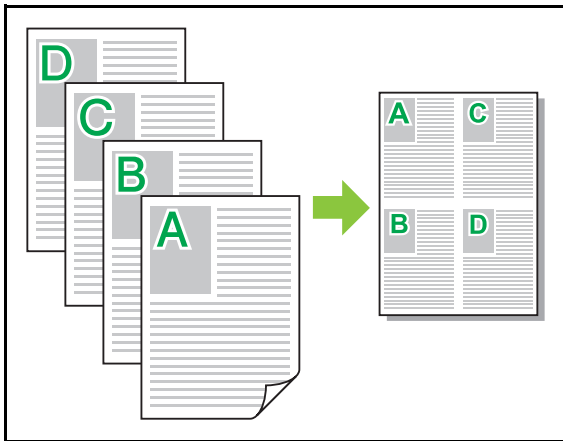
Chức năng này lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ để in.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Kết hợp] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách] hoặc [Phát hiện Trang Trống]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”, tr. 3-30 “Phát hiện Trang Trống”)

[OFF], [2 Tr:Trái sang Phải], [2 Tr:Phải sang Trái], [2 Tr:Trên xuống Dưới], [2 Tr:Dưới lên Trên], [4Tr:Tcùg Btrái tớiDcùg], [4 Tr:Tcùg Btrái sag Ph], [4Tr:Tcùg Bphải tớiDcùg], [4Tr:Tcùg Bphải sagTrái], [8Tr:Tcùg Btrái tớiDcùg], [8 Tr:Tcùg Btrái sag Ph], [8Tr:Tcùg Bphải tớiDcùg], [8Tr:Tcùg Bphải sagTrái]
Chọn số trang mỗi tờ và trật tự bố cục của các trang.

Ví dụ: Nếu chọn [4Tr:Tcùng Btrái tớiDcùng]



Lặp lại Hình ảnh

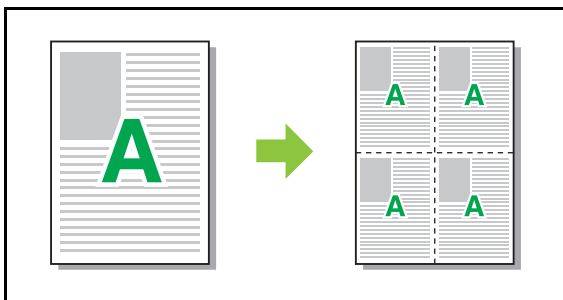
Trang tương tự được in nhiều lần trên một tờ.

- Bạn không thể sử dụng chức năng [Lặp lại Hình ảnh] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp] hoặc [Sách]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Sách”)

[OFF], [2 Trang], [4 Trang], [8 Trang]

Chọn số trang trên mỗi tờ.

Ví dụ: Nếu chọn [4 Trang]



Sách

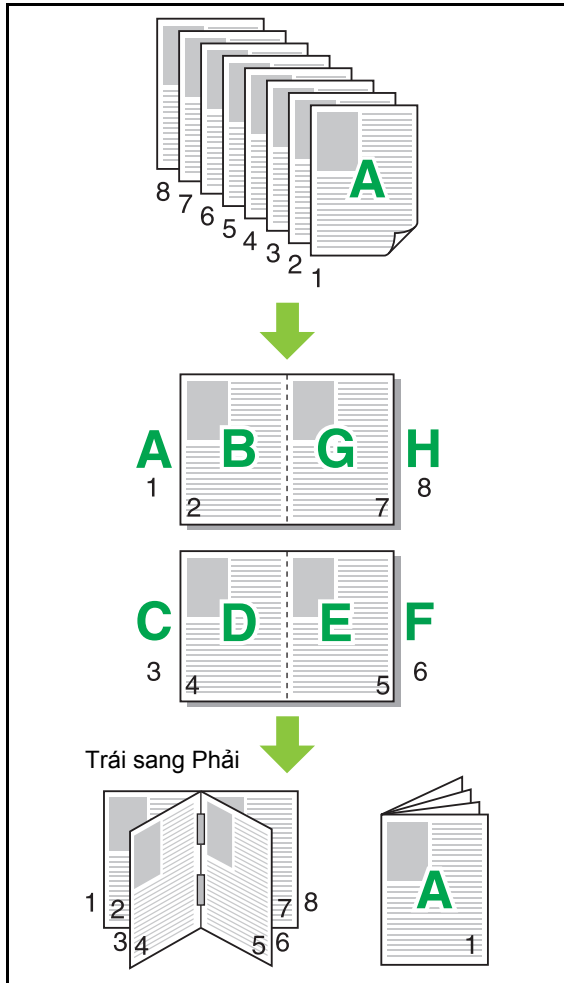
Nhiều trang liên tiếp được lên khuôn và in để tạo sách nhỏ đóng nẹp ở giữa sau khi in song công.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Sách] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lặp lại Hình ảnh], [Ria đóng sách] hoặc [Phát hiện Trang Trống]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Lặp lại Hình ảnh”, tr. 3-20 “Ria đóng sách”, tr. 3-30 “Phát hiện Trang Trống”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng, bạn có thể cấu hình [Đóng Sách] (gập/đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập) trong tab [Đang h.tất]. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-34) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

[OFF], [Trái sang Phải], [Phải sang Trái], [Tr.cùng/Dưới cùng]

Chỉ định trật tự bố cục. Tùy chọn [Trái sang Phải] và [Phải sang Trái] xuất hiện khi chọn [Dọc] cho [Kích thước bản gốc]. Tùy chọn [Tr.cùng/Dưới cùng] xuất hiện khi chọn [Ngang] cho [Hướng] trong [Kích thước bản gốc].



Hình mờ

Thêm hình mờ theo kích thước mong muốn vào vị trí mong muốn trên bản in.

Chọn hộp kiểm [Hình mờ] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hình mờ]. Chọn chuỗi ký tự từ danh sách chuỗi ký tự và cấu hình cài đặt cần thiết.

Cài đặt đã chọn được áp dụng ngay cho hình ảnh xem trước.

Văn bản

[Chọn Văn bản]

[Confidential], [Important], [Circulation],
[Reference], [Urgent], [Copying Prohibited]

[Thêm]

Bạn cũng có thể thêm một chuỗi ký tự dài tối đa 63 ký tự. Nhấp vào [Thêm] trong danh sách chuỗi ký tự và nhập chuỗi ký tự vào hộp thoại [Thêm].

[Xóa]

Chọn chuỗi ký tự để xóa khỏi danh sách và nhấp vào [Xóa].

Bạn không thể xóa chuỗi ký tự mặc định (Confidential, Important, Circulation, v.v.).

[Nhập Văn bản]

[Áp dụng]

Bạn cũng có thể in một chuỗi có tối đa 63 ký tự. Tuy nhiên, bạn không thể đăng ký chuỗi ký tự này với danh sách các chuỗi ký tự. Bạn cần nhập chuỗi ký tự này mỗi lần. Nhấp vào [Áp dụng] để áp dụng chuỗi ký tự đã nhập vào hình ảnh xem trước.



- Bạn cần có quyền quản trị đối với máy tính của mình để thêm hoặc xóa chuỗi ký tự hình mờ.

Xem trước

Hình ảnh hiển thị theo cài đặt. Bạn cũng có thể sử dụng con trỏ chuột để điều chỉnh vị trí hình ảnh xem trước.

■ Áp dụng Trang

[Tất cả Trang], [Trang Đầu tiên]

■ Trang trí Văn bản

[Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

[Kthước]

Chỉ định kích thước chuỗi ký tự.

[Màu]

Chỉ định màu chuỗi ký tự. Nhấp vào [Khác] để chọn màu từ bảng màu của hệ điều hành.

[Giấy bóng kính]

Chỉ định độ trong suốt của chuỗi ký tự. Giấy bóng kính càng cao, dữ liệu in càng dễ nhìn hơn trên nền của chuỗi ký tự hình mờ.

[Khung]

[Không], [Vòng tròn], [H. chữ nhật], [Hai Hình CN]

Chọn khung cho hình mờ.

■ Vị trí Bàn in

[Góc Văn bản]

[Ngang (0 độ)], [Dọc (90 độ)], [Dọc (270 độ)],
[Chéo (45 độ)], [Chéo (315 độ)], [Tùy chỉnh] (0-360 độ)

Chọn góc của văn bản. Bạn cũng có thể nhập góc dưới dạng số cho văn bản.

[Vị trí Bàn in]

[Giữa], [T.cùng Btrái], [Tr.cùng Giữa], [Trcùng Bphải],
[Giữa Bên phải], [D.cùng Bphải], [D.cùng Giữa],
[D.cùng Btrái], [Giữa Bên trái], [Tùy chỉnh]

Chọn vị trí bàn in của hình mờ. Bạn cũng có thể nhập giá trị của các vị trí theo chiều ngang và dọc.

Tem

Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.

Chọn hộp kiểm [Tem] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Tem]. Sử dụng màn hình tab để cấu hình cài đặt.

[Trang], [Ngày], [Văn bản]



- Bạn không thể in các loại tem khác nhau ở cùng vị trí.
- Khi sử dụng chức năng này với [Kết hợp] hoặc [Lặp lại Hình ảnh], số trang và ngày được dán tem lên từng trang của giấy sao chép chứ không dán lên mỗi trang của tài liệu gốc. Khi sử dụng chức năng này với [Sách], số trang và ngày được dán tem lên từng trang sách nhỏ.

■ Trang

Để in tem trang, hãy chọn [ON] trên màn hình tab [Trang].

[T.cùng Btrái], [Tr.cùng Giữa], [Trcùng Bphải],
[D.cùng Btrái], [D.cùng Giữa], [D.cùng Bphải]

Chọn vị trí dán tem trang.

[Giấy bóng kính]

Chọn hộp kiểm [Giấy bóng kính] để dán tem ngày lên trên cùng khi khu vực dán tem và hình ảnh chồng chéo. Xóa dấu kiểm để tạo một khoảng trắng bằng cách xóa hình ảnh trong khu vực dán tem rồi dán tem ngày vào khoảng trắng đó.

[Số Bắt đầu]

Nhập số đầu tiên cho tem trang.

[Dán tem Trang Bắt đầu]

Nhập trang sẽ bắt đầu dán tem trang. Để không in mà không có tem trang trên bìa, hãy đặt [Dán tem Trang Bắt đầu] thành "2" (Đối với in song công, đặt mục này thành "3" tùy theo trường hợp).

[Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

[Kthước]

Chỉ định kích thước văn bản của tem trang.

■ Ngày

Để in tem ngày, hãy chọn [ON] trên màn hình tab [Ngày].

[T.cùg Btrái], [Tr.cùg Giữa], [Trcùg Bphải],
[D.cùg Btrái], [D.cùng Giữa], [D.cùg Bphải]

Chọn vị trí dán tem ngày.

[Giấy bóng kính]

Chọn hộp kiểm [Giấy bóng kính] để dán tem ngày lên trên cùng khi khu vực dán tem và hình ảnh chùng chéo.

Xóa dấu kiểm để tạo một khoảng trắng bằng cách xóa hình ảnh trong khu vực dán tem rồi dán tem ngày vào khoảng trắng đó.

[Áp dụng Trang]

Chỉ định trang đầu tiên sẽ in tem ngày.

[Tất cả Trang]: Ngày sẽ được in trên tất cả các trang.

[Trang Đầu tiên]: Ngày sẽ chỉ được in trên trang đầu tiên.

[Ngày trên Tem]

Cấu hình ngày sẽ sử dụng cho tem ngày.

[Hôm nay]: Ngày được đặt trên máy tính sẽ được in.

[C.định Ngày]: Ngày đã chỉ định trong hộp văn bản sẽ được in.

[Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

[Kthước]

Chỉ định kích thước văn bản của tem ngày.

■ Văn bản

Để in tem văn bản, hãy chọn [ON] trên màn hình tab [Văn bản].

[T.cùg Btrái], [Tr.cùg Giữa], [Trcùg Bphải],
[D.cùg Btrái], [D.cùng Giữa], [D.cùg Bphải]

Chọn vị trí dán tem văn bản.

[Giấy bóng kính]

Chọn hộp kiểm [Giấy bóng kính] để dán tem ngày lên trên cùng khi khu vực dán tem và hình ảnh chùng chéo.

Xóa dấu kiểm để tạo một khoảng trắng bằng cách xóa hình ảnh trong khu vực dán tem rồi dán tem ngày vào khoảng trắng đó.

[Áp dụng Trang]

Chỉ định trang sẽ in tem văn bản.

[Tất cả Trang]: Văn bản sẽ được in trên tất cả các trang.

[Trang Đầu tiên]: Văn bản sẽ chỉ được in trên trang đầu tiên.

[Văn bản]

Văn bản đã chỉ định trong hộp văn bản sẽ được in.

[Phông chữ]

Chọn phông chữ và kiểu chữ.

[Kthước]

Chỉ định kích thước văn bản của tem văn bản.

Vị trí Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.



- Bạn có thể di chuyển vị trí hình ảnh tối đa 20 mm theo tất cả các hướng (lên, xuống, trái, phải).
- Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

Chọn hộp kiểm [Vị trí Hình ảnh] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Vị trí Hình ảnh].

Nhập giá trị vào trường nhập dữ liệu của hướng bạn muốn điều chỉnh.

[Mặt Trước], [Mặt Sau]

Nhập giá trị cho [Ngang] hoặc [Dọc].

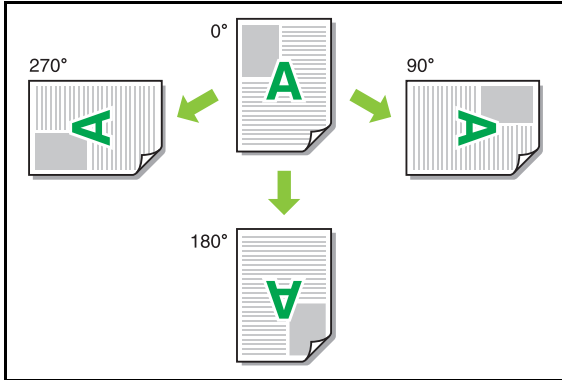
[Đặt lại]

Tất cả các giá trị được đặt lại về 0.

Xoay

Chỉ định hướng bản in.

[Tự động], [0 độ], [90 độ], [180 độ], [270 độ]



Khi chọn [Tự động], hướng bản in được đặt tự động theo hướng của dữ liệu tài liệu và hướng của giấy nạp vào khay giấy. Với cách sử dụng thông thường, hãy chọn [Tự động].



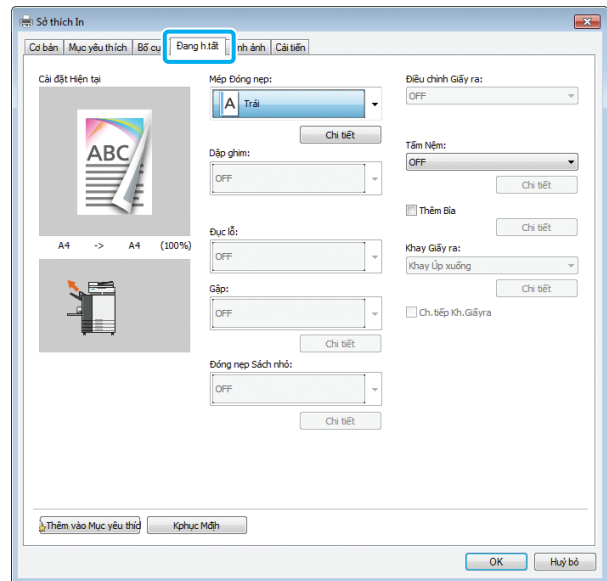
- Để căn chỉnh hướng bản in với bì thư hoặc giấy khác với hướng nạp cố định, hãy chỉ định góc xoay.
- [Tự động] có thể là tùy chọn khả dụng duy nhất tùy theo kích thước tài liệu, kích thước và hướng giấy nạp vào khay và các cài đặt khác.

Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-14).

Tab [Đang h.tắt]



Rìa đóng sách

Chỉ định lề đóng nẹp.



- Bạn không thể sử dụng chức năng [Rìa đóng sách] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp] hoặc [Sách]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-16 “Sách”)

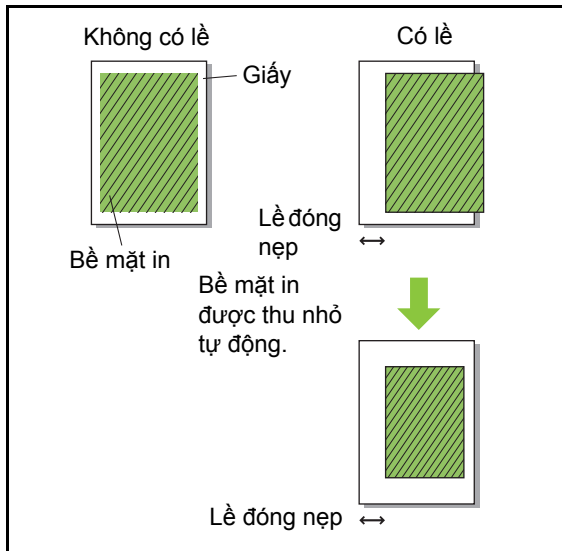
[Trái], [Phải], [Trên cùng]

■ Cài đặt Lề Đóng nẹp

Chọn lề đóng nẹp và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Rìa đóng sách].

Chỉ định độ rộng lề.

Chọn hộp thoại [T.độ Thu nhỏ] để tự động thu nhỏ hình ảnh được in cho vừa với giấy trong trường hợp độ rộng lề không cho phép hình ảnh được in theo tỷ lệ của bản gốc hiển thị vừa trong giấy.



Dập ghim

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, chức năng dập ghim sẽ khả dụng tại vị trí được chỉ định. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau.

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-5 “Dập ghim”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-30 “Dập ghim”)

Đục lỗ

Khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình các lỗ đục.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đục lỗ” (tr. 8-32) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Gập

Khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình cách gập giấy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Gập” (tr. 8-32) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Đóng Sách

Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình phương thức đóng nẹp.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-34) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Bản ra sole

Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình cách thức điều chỉnh vị trí xuất giấy ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau.

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-7 “Bản ra sole”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-24 “Bản ra sole”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-36 “Bản ra sole”)

Tấm Nệm

Sử dụng chức năng này để chèn tấm đệm giữa các đơn vị in khi in nhiều bản sao. Bạn có thể dán tem số hoặc chữ cái trên tấm đệm.

[OFF]

Tấm đệm không được chèn vào.

[Giữa các Lần sắp]

Tấm đệm được chèn vào giữa các tập dựa trên đơn vị được chỉ định trong [Sắp xếp].

[Giữa các Lệnh]

Tấm đệm được chèn vào giữa các lệnh in.

Chọn chèn tấm đệm giữa các lần sắp xếp hoặc giữa các lệnh và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Tấm Nệm].

Chọn khay cho tấm đệm và chỉ định văn bản để dán tem.

■ Khay Tấm Nệm

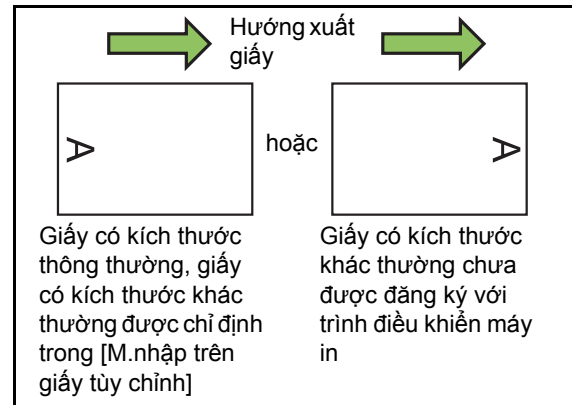
[Khay T.ch], [Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Nạp3]



- Khi dùng bộ nạp sức chứa lớn tùy chọn, [High Capacity Feeder] sẽ hiển thị thay cho [Khay T.ch].

■ Số trên Tấm Nệm

Văn bản được in ở dưới cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) hoặc trên cùng (trong khoảng 5 mm tính từ mép) của tờ.



[OFF]

Không có nội dung nào được dán tem.

[1 2 3 ...]

Số được dán tem trên tấm đệm theo thứ tự số (1, 2, 3...). (Tối đa 9999)

[A B C ...]

Chữ cái được dán tem trên tấm đệm theo thứ tự chữ cái (A, B, C...Z, AA, AB, AC...). (Cuối cùng là ZZZ)

Thêm Bìa

Chỉ định tùy chọn này để thêm bìa trước và/hoặc bìa sau.

Giấy được thêm từ khay được chỉ định trước hoặc sau dữ liệu cần in. Chỉ định tùy chọn này để sử dụng giấy màu hoặc giấy khác với giấy cần in.



- Bạn không thể sử dụng [Thêm Bìa] và [B.gốc K.thc K.hợp] đồng thời. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

Chọn hộp kiểm [Thêm Bìa] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Thêm Bìa]. Chọn hộp kiểm [Thêm Bìa Trước], [Thêm Bìa Sau] hoặc cả hai tùy chọn này và chỉ định khay cho bìa đã chọn.

[Thêm Bìa Trước]

Tùy chọn này chèn một tờ bìa trước trang đầu tiên.

[Thêm Bìa Sau]

Tùy chọn này chèn một tờ bìa sau trang cuối cùng.

[Chọn Khay Bìa Trước], [Chọn Khay Bìa Sau]

[Khay T.ch], [Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Nạp3]



- Chỉ định khay được nạp giấy cần dùng cho các bìa.
- Khi nạp giấy in sẵn, bạn nên in một tập để kiểm tra xem hướng có khớp với hướng của các trang khác cần in không.
- Khi dùng bộ nạp sức chứa lớn tùy chọn, [Chọn Khay Bìa Trước] và [Chọn Khay Bìa Sau], [High Capacity Feeder] sẽ hiển thị thay cho [Khay T.ch].

Khay Giấy ra

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng hoặc khay xếp chồng tùy chọn, bạn có thể chọn khay giấy ra.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau.

- Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng (tr. 8-17 “Khay Giấy ra”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-24 “Khay Giấy ra”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-37 “Khay Giấy ra”)

Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khi đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng, khay giấy ra sẽ tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đã đầy.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau.

- Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát (tr. 8-17 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-25 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-37 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

Đang tạo Thư

Khi dùng Wrapping Envelope Finisher tùy chọn, bạn có thể tạo tài liệu đóng sẵn trong bì thư với giấy biểu mẫu thư và tài liệu đã in.

Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Wrapping Envelope Finisher.

Đóng sách

Khi dùng Perfect Binder tùy chọn, bạn có thể cấu hình cài đặt để tạo sách nhỏ với chức năng đóng gáy hoàn hảo.

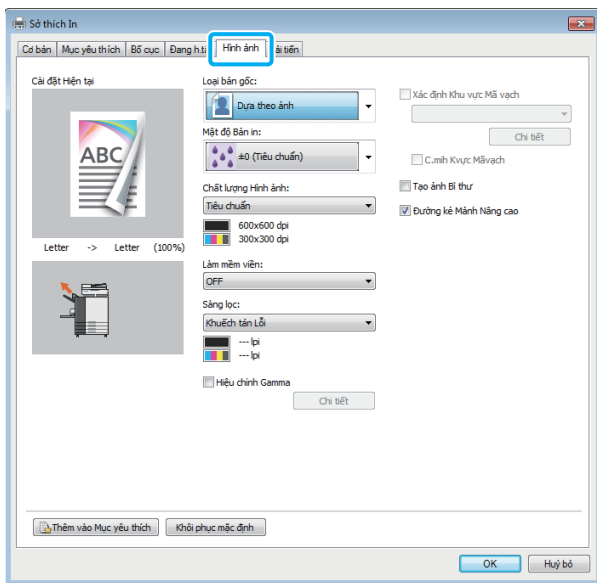
Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Perfect Binder.

Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-14).

Tab [Hình ảnh]



Loại bản gốc

Chọn ưu tiên chất lượng hình ảnh của ảnh hay văn bản trong bản gốc.

[Dựa theo ảnh]

Tùy chọn này xử lý dữ liệu hình ảnh với màu tự nhiên hơn.

[Dựa theo dòng]

Tùy chọn này xử lý văn bản và hình minh họa một cách sắc nét.

- Khi [Chế độ Màu] là [Đen] [Lục lam] hoặc [Đỏ tươi] thì tùy chọn [Dựa theo ảnh] sẽ được chọn. Bạn không thể thay đổi cài đặt này.

Mật độ Bản in

Chỉ định mật độ bản in.

[-3] (Sáng), [-2], [-1], [±0 (Tiêu chuẩn)], [+1], [+2], [+3] (Tối)

Chất lượng Hình ảnh

Chỉ định độ phân giải của hình ảnh.

[Tiêu chuẩn]

Phù hợp với tài liệu và các bản gốc có văn bản khác.

[Tinh tế]

Tùy chọn này phù hợp với ảnh và bản gốc tương tự.

[Bản nháp]

Tùy chọn này làm giảm lượng mực tiêu thụ trong khi in. Khi dùng ít mực hơn, mật độ bản in được giảm xuống và các màu trung tính trở nên không đồng đều.

[Nén Dữ liệu]

Sử dụng tùy chọn này để ưu tiên tốc độ giao tiếp mạng hơn chất lượng. Khi kích thước tệp của dữ liệu in nhỏ hơn, các màu trung tính trở nên không đồng đều.

[Sinh màu Cao]

Sử dụng tùy chọn này để in với màu sắc sống động.

[In CMY]

Bản in được tạo mà không sử dụng mực đen. Tùy chọn này cải thiện thuộc tính cố định của bản in và ngăn mực bị rây sang các tài liệu khác.



- Thời gian in sẽ lâu hơn nếu bạn chọn [Tinh tế].
- Bạn không thể cấu hình [Tạo ảnh Bì thư] khi đặt [Bản nháp] hoặc [Nén Dữ liệu]. (tr. 3-27 "Tạo ảnh Bì thư")

Làm mềm viền

Chức năng này bổ sung các màu trung gian của bản vẽ và màu nền trong phần đường nét của văn bản hoặc hình minh họa (bản vẽ có đường nét) để làm cho đường nét mềm mại hơn.

Bạn có thể chọn một trong hai kiểu xử lý hình ảnh khác nhau.

[OFF]

Chọn tùy chọn này nếu bạn không muốn làm nhẵn dòng.

[Thấp]

Chọn tùy chọn này để làm cho đường nét mềm mại hơn. Tùy chọn này thích hợp với việc in dữ liệu không cần xử lý tinh tế.

[Cao]

Chọn tùy chọn này để làm cho đường nét mềm mại hơn cũng như làm cho các ký tự và đường nét tinh tế hiển thị rõ ràng hơn.



(Hình ảnh)



- Quá trình xử lý hình ảnh của chức năng làm nhẵn dòng tỷ lệ nghịch với tốc độ xử lý (tốc độ in). Chất lượng hình ảnh càng cao, tốc độ in càng thấp.

Sàng lọc

Chỉ định phương pháp xử lý bán sắc.

Bán sắc là phương pháp xử lý làm thay đổi mật độ và kích thước của các điểm mực được in trên giấy để tạo cảm giác màu thay đổi từ từ liên tục khi chỉ dùng số lượng mực giới hạn.

[Khuếch tán Lỗi]

Chức năng này biểu thị mức độ thay đổi màu sắc bằng cách thay đổi mật độ điểm. Mật độ càng cao, màu càng tối. Mật độ càng thấp, màu càng sáng.



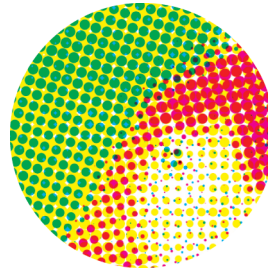
[Xử lý Điểm (140 lpi)], [Xử lý Điểm (200 lpi)]

(Khi đặt [Chế độ Màu] thành [Đen])

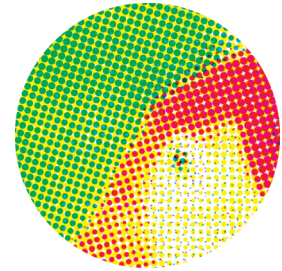
[Xử lý Điểm (70 lpi)], [Xử lý Điểm (100 lpi)]

(Khi đặt [Chế độ Màu] thành màu không phải là [Đen])

Chức năng này biểu thị mức độ thay đổi màu sắc bằng cách thay đổi kích thước điểm. Điểm càng lớn, màu càng tối. Điểm càng nhỏ, màu càng sáng. Chế độ xử lý điểm cho 100 hoặc 200 dòng mỗi inch mang lại hình ảnh chi tiết.



70 dòng mỗi inch



100 dòng mỗi inch

(Hình ảnh được mở rộng)

Hiệu chỉnh Gamma

Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ sáng, sắc độ, độ tương phản và giá trị gamma cho màu đỏ, xanh lục và xanh lam.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Hiệu chỉnh Gamma] với [Phát hiện Trang Trắng]. (tr. 3-30 "Phát hiện Trang Trắng")

Chọn hộp kiểm [Hiệu chỉnh Gamma] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hiệu chỉnh Gamma]. Nhập một giá trị từ -25 đến +25 cho mỗi mục.

[Độ sáng]

Giá trị càng lớn, màu càng sáng (càng trắng).

[Sắc độ]

Giá trị càng nhỏ, màu càng mờ nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng sống động.

[Độ tương phản]

Điều chỉnh tỷ lệ độ sáng so với độ tối.

Giá trị càng nhỏ, độ tương phản càng thấp. Giá trị càng lớn, độ tương phản càng cao.

[Đỏ], [Xanh lục], [Xanh lam]

Hiệu chỉnh giá trị gamma cho mỗi màu.

Giá trị càng nhỏ, màu càng nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng đậm.



- Khi bản in có màu hơi vàng, hãy giảm giá trị của màu đỏ và xanh lục. Để điều chỉnh màu khác, hãy tham vấn quản trị viên để cấu hình.

Xác định Khu vực Mã vạch

Cài đặt này điều chỉnh mật độ bản in của khu vực mã vạch được chỉ định để khu vực này dễ đọc.

[Xác định Khu vực Mã vạch]

Chọn hộp kiểm này và chọn tệp xác định khu vực để in từ menu kéo xuống.

[Chi tiết]

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Xác định Khu vực Mã vạch].

[Chỉnh sửa Mật độ]

Bạn có thể điều chỉnh mật độ bản in của khu vực mã vạch được chỉ định.

[-2] (sáng), [-1], [Tiêu chuẩn]

[C.mih K vực Mã vạch]

Trên bản in có khu vực mã vạch mờ, bạn có thể kiểm tra xem phần xác định khu vực mã vạch có ở ngoài vùng căn chỉnh không hoặc có bất kỳ chữ hay hình minh họa nào chồng chéo lên lề 1 mm xung quanh mã vạch không.



- Khi đã chỉ định [Xác định Khu vực Mã vạch], bạn không thể cấu hình [Bản nháp] và [In CMY] trong [Chất lượng Hình ảnh]. (tr. 3-24 “Chất lượng Hình ảnh”)

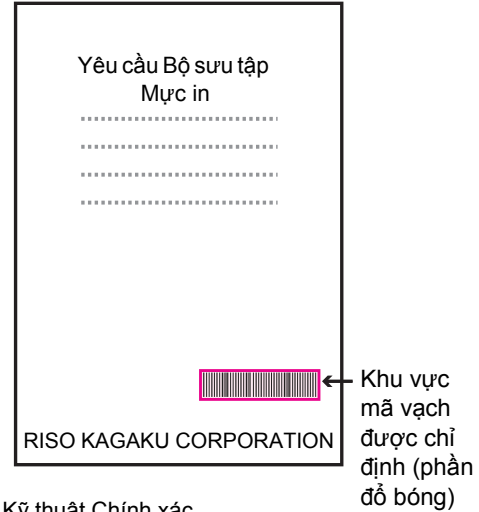
Tạo Tệp Xác định Khu vực Mã vạch

Để sử dụng chức năng [Xác định Khu vực Mã vạch], hãy sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch trước tiên để tạo tệp CSV chỉ định khu vực in mã vạch để đăng ký trong máy in.

Để biết thêm thông tin về cách cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, cách chỉ định khu vực mã vạch và cách đăng ký tệp xác định trong máy in, hãy xem “Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch” (tr. 7-1)

Kiểm tra Xác định Khu vực Mã vạch

Chọn hộp kiểm [C.mih K vực Mã vạch] và nhấp vào [OK] để xuất bản in ra để kiểm tra. Kiểm tra xem khu vực được chỉ định có bị lệch không. Nếu khu vực được chỉ định không được in ở vị trí mong muốn, hãy sử dụng lại Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch để cấu hình lại khu vực mã vạch.



Thông số Kỹ thuật Chính xác

- Lề xung quanh mã vạch rộng từ 1 mm trở lên.



- Khu vực được chỉ định không thể nhỏ hơn mã vạch.



- Khu vực được chỉ định phải được căn chỉnh với mã vạch.



- Không đưa đối tượng khác vào mã vạch.

Mọi hình ảnh không đen bên trong khu vực được chỉ định được in ra với màu trắng (biến mất).





- Với [C.mih K vực Mã vạch], mã vạch trong khu vực đã chỉ định sẽ được in bằng màu đỏ tươi khi [Chế độ màu] là [Màu Đầy đủ] hoặc bằng màu được cấu hình khi bạn chọn một chế độ màu khác.
- Loại mã vạch được nhắm mục tiêu theo một chiều. Nếu mã vạch có hai chiều (ví dụ: mã QR), bạn không cần thực hiện cài đặt này.
- Nếu bạn in bằng các độ phân giải khác nhau cho ứng dụng đã tạo bản gốc và máy in, bạn có thể không đọc được mã vạch chính xác kể cả khi dùng chức năng này.

■ Mã vạchin bản gốc mã vạch

Sau khi xác định chính xác khu vực mã vạch, hãy in tài liệu.



- Trong khu vực được chỉ định làm khu vực mã vạch, bất kể màu của bản gốc là gì, màu nền vẫn là màu trắng và màu mã vạch là màu đen.

1 Mở trình điều khiển máy in từ menu In trên màn hình ứng dụng của tài liệu.

2 Trên màn hình tab [Hình ảnh], chọn hộp kiểm [Xác định Khu vực Mã vạch].

3 Chọn tệp xác định khu vực mã vạch từ menu kéo xuống.

4 Nhấp vào [OK].

Mật độ bản in của khu vực mã vạch được cấu hình phù hợp trước khi in.



- Đặt cài đặt cho bản gốc mã vạch thường dùng làm cài đặt mặc định. Điều này sẽ giúp bạn in mã vạch mà không phải tiến hành các cài đặt cần thiết mỗi lần in để in mã vạch dễ dàng.

■ Cách Đăng ký làm Mặc định

1 Nhấp chuột phải vào máy in sê-ri GD từ [Thiết bị và Máy in] trên menu [Bắt đầu].

2 Mở màn hình trình điều khiển máy in từ [Sở thích In] để hiển thị màn hình tab [Hình ảnh].

3 Cấu hình cài đặt cần thiết để in mã vạch và nhấp vào [Áp dụng].

Tệp “Xác định khu vực mã vạch” được đăng ký làm cài đặt mặc định. Từ giờ trở đi, bạn có thể in mã vạch bằng cách đơn giản là chọn trình điều khiển máy in.

3

Tạo ảnh Bì thư

Hãy ngăn chặn hiện tượng nhòe và các vết bẩn nhỏ trong khi in bì thư. Chọn hộp kiểm [Tạo ảnh Bì thư].



- Bạn không thể cấu hình [Tạo ảnh Bì thư] khi đặt [Bản nháp] hoặc [Nén Dữ liệu] cho [Chất lượng Hình ảnh]. (tr. 3-24 “Chất lượng Hình ảnh”)

Đường kẻ Mạnh Nâng cao

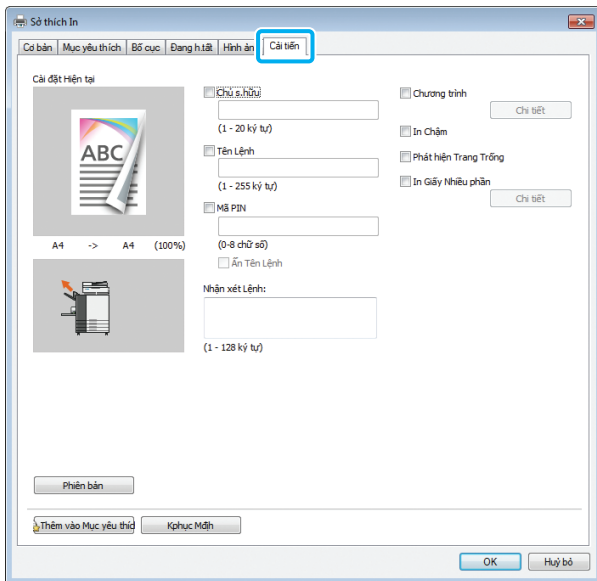
Giúp các đường kẻ sắc nét trong bản gốc không bị biến mất. Chọn hộp kiểm [Đường kẻ Mạnh Nâng cao].

Thêm vào Mục yêu thích

Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-14).

Tab [Cài tiến]



Chủ s.hữu

Bạn có thể nhập tên chủ sở hữu theo lựa chọn của mình. Chọn hộp kiểm [Chủ s.hữu] để nhập tên chủ sở hữu.

Tên Lệnh

Bạn có thể nhập tên lệnh theo lựa chọn của mình. Chọn hộp kiểm [Tên Lệnh] để nhập tên lệnh.

Mã PIN

Bạn có thể đặt mã PIN khi in tài liệu bạn không muốn người khác xem. Lệnh được bảo vệ bằng mã PIN sẽ không in được trừ khi bạn nhập mã PIN bằng bảng vận hành trên máy in.

Chọn hộp kiểm [Mã PIN] và nhập mã PIN. Khi chọn [Ẩn Tên Lệnh], tên lệnh sẽ hiển thị ở dạng "*****" trên bảng vận hành của máy in và trên RISO Console.



- Quản lý mã PIN để khỏi quên. Người dùng không có quyền quản trị viên không thể xóa lệnh khỏi danh sách có mã PIN không xác định. Hãy liên hệ quản trị viên để xóa những lệnh này.

Nhận xét Lệnh

Bạn có thể nhập nhận xét cho người dùng máy in. Bạn có thể hiển thị nhận xét lệnh bằng bảng vận hành của máy in hoặc RISO Console.

Chương trình

Tùy chọn này rất thuận tiện khi số bản sao cần tạo thay đổi theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).

Bạn có thể lập trình cài đặt về số bản sao, số tập, sắp xếp, tẩm nệm và các tùy chọn khác cho mỗi nhóm. Điều này giúp bạn in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.

Bạn có thể cấu hình tối đa 60 nhóm cho các chương trình.

Chọn hộp kiểm [Chương trình] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Chương trình]. Chỉ định số bản sao và tập cho mỗi nhóm.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Chương trình] và [In Giấy Nhiều phần]. (tr. 3-30 "In Giấy Nhiều phần")

■ Nhập Số Bản sao và Tập

Bạn có thể chỉ định tối đa 9.999 bản sao và 99 tập mỗi nhóm.

Chẳng hạn, để phân bổ tài liệu cho bốn phòng ban trong một văn phòng, bạn có thể sử dụng [Chương trình] để in số tờ cần có cho mỗi phòng ban bằng một thao tác.

Phòng ban	Tổng hợp 1	Tổng hợp 2	Kế toán	Quản lý
Số nhân viên	10	6	24	6

Để in tờ rơi theo nhóm, hãy cấu hình cài đặt như sau.

Phòng ban	Tổng hợp 1	Tổng hợp 2	Kế toán	Quản lý
Bản sao x Tập	10 x 1	6 x 1	24 x 1	6 x 1

Ngay cả khi hai phòng ban có cùng số nhân viên (như phòng Hành chính Tổng hợp 2 và Quản lý), bạn vẫn có thể cấu hình cài đặt như sau để in số tờ cần có cho mỗi phòng ban.

Nhóm	01G (Tổng hợp 1)	02G (Tổng hợp 2 và Quản lý)	03G (Kế toán)
Bản sao x Tập	10 x 1	6 x 2	24 x 1

Trong trường hợp này, việc chỉ định [Giữa các Tập] cho [Tám Nệm (Chương trình)] sẽ giúp phân tách các tập cho từng phòng ban dễ dàng hơn.

■ Sắp xếp

Chỉ định in từng trang hay in theo tập.

[Hủy sắp xếp], [Đã sắp xếp]

■ Tám Nệm (Chương trình)

Chèn tám nệm để tách biệt các bản in ra thành các đơn vị được chỉ định.

[OFF]

Tám nệm không được chèn vào.

[Giữa các Tập]

Tám nệm được chèn vào giữa các tập.

[Giữa các Nhóm]

Tám nệm được chèn vào giữa các nhóm.

■ Khay Tám Nệm

[Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Nạp3], [Khay T.ch]

■ Số trên Tám Nệm

Khi chọn hộp kiểm này, số được dán tem lên tám nệm.

Nếu chọn [Giữa các Tập], số nhóm và số tập được dán tem.

Nếu chọn [Giữa các Nhóm], số nhóm được dán tem.

■ Bản ra sole (Chương trình)

Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn có thể cấu hình mục này. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần sau.

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (tr. 8-7 “Bản ra sole (Chương trình)”)
- Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (tr. 8-25 “Bản ra sole (Chương trình)”)
- Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng (tr. 8-37 “Bản ra sole (Chương trình)”)

In Chậm

Bạn có thể giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.

Phát hiện Trang Trắng

Dữ liệu in được in ngoại trừ trang trống.



- “Trang trống” nghĩa là trang thường được xuất ra mà không in gì trên đó. Trang được in cho dù chỉ có tiêu đề hoặc chân trang nhưng không có văn bản chính.
- Bạn không thể sử dụng chức năng [Phát hiện Trang Trắng] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Sách] hoặc [Hiệu chỉnh Gamma]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Sách”, tr. 3-25 “Hiệu chỉnh Gamma”)

In Giấy Nhiều phần

Cấu hình mục này khi in nhiều loại giấy như với mẫu bản sao carbon hoặc bản in thử.

Chọn hộp kiểm [In Giấy Nhiều phần] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [In Giấy Nhiều phần].

Trong [Các Khay Nạp Giấy], chọn khay sẽ dùng và thêm khay này vào danh sách [Thứ Tự Khay Nạp Giấy]. Vì bản in được tạo bằng cách nạp giấy theo thứ tự từ khay ở đầu danh sách [Thứ Tự Khay Nạp Giấy] với chức năng [In Giấy Nhiều phần], hãy dùng các nút [Lên] và [Xuống] để thay đổi thứ tự của khay giấy trong danh sách ưu tiên.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời chức năng [In Giấy Nhiều phần] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp] hoặc [Chương trình]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-28 “Chương trình”)
- Khi chọn [In Giấy Nhiều phần], [Khay Giấy] được đặt thành [Tự động]. (tr. 3-12 “Khay Giấy”)
- Nếu bạn đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn và đã cấu hình [Dập ghim]/[Đục lỗ], chức năng [In Giấy Nhiều phần] sẽ không khả dụng trừ khi khổ giấy và hướng giấy là giống nhau ở tất cả các khay được chỉ định với [Thứ Tự Khay Nạp Giấy].

Phiên bản

Kiểm tra phiên bản và cấu hình màu của trình điều khiển máy in cũng như tên model của máy in.

Thêm vào Mục yêu thích

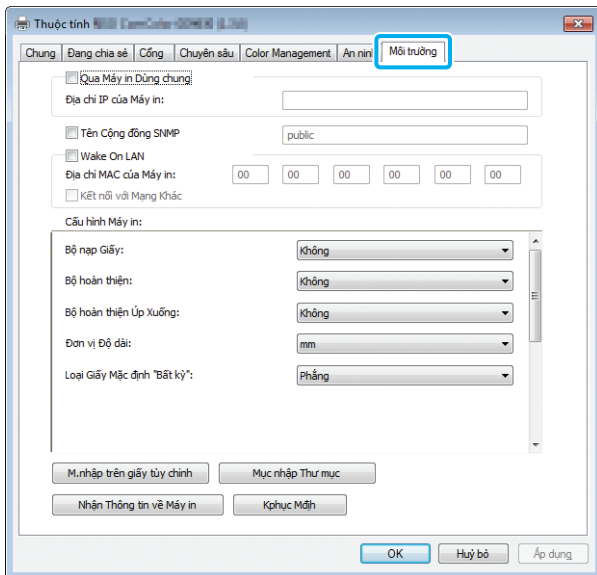
Bạn có thể lưu cài đặt hiện tại trên màn hình trình điều khiển máy in để truy xuất sau nếu cần. Số nhóm cài đặt tối đa có thể lưu là 30.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thêm vào Mục yêu thích” (tr. 3-14).

Tab [Môi trường]

Khi sử dụng trình điều khiển máy in lần đầu tiên hoặc thêm thiết bị tùy chọn vào máy, bạn phải cấu hình cài đặt môi trường trên tab [Môi trường] trong thuộc tính máy in.

Để hiển thị tab [Môi trường], hãy chuyển tới [Thiết bị và Máy in] từ menu [Bắt đầu], nhấp chuột phải vào máy in sê-ri GD và mở [Thuộc tính Máy in].



- Nhấp vào [Khôi phục mặc định] sẽ khôi phục tất cả cài đặt trên tab về giá trị mặc định.

Qua Máy in Dừng chung

Chọn tùy chọn này để chia sẻ trình điều khiển máy in của máy tính đóng vai trò máy chủ để sử dụng máy này.

Đặt dấu kiểm vào [Qua Máy in Dừng chung] và trong [Địa chỉ IP của Máy in], nhập địa chỉ IP của máy này được cấu hình để chia sẻ với máy chủ in bằng cách dùng tối đa 39 ký tự. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP của máy trên màn hình [TT H.thống] - [Thông tin Máy] trên bảng vận hành.

Tên SNMP

Chỉ định tên cộng đồng cho giao tiếp SNMP.

Đặt dấu kiểm vào [Tên SNMP] và sử dụng hộp văn bản để nhập 1 đến 32 ký tự làm tên cộng đồng cho giao tiếp SNMP.



- Nếu bạn không đặt dấu kiểm vào [Tên SNMP], tên cộng đồng cho giao tiếp SNMP sẽ được đặt thành "công khai".
- Bạn có thể nhập ký tự chữ và số (chữ thường/ chữ hoa) cũng như các ký hiệu sau vào hộp văn bản cho [Tên SNMP].
., / : ; @ [\] ^ _
- Bạn sẽ không thể lấy thông tin từ máy nếu tên cộng đồng SNMP trên máy và trên trình điều khiển máy in khác nhau. Nếu bạn đã thực hiện thay đổi đối với tên cộng đồng SNMP, hãy đảm bảo cũng áp dụng thay đổi đó cho trình điều khiển máy in.

Wake On LAN

Bạn có thể gửi tín hiệu Wake On LAN từ máy tính để khởi động máy in.

Chọn hộp kiểm [Wake on LAN] và nhập địa chỉ MAC của máy vào trường [Địa chỉ MAC của Máy in].

Khi đặt dấu kiểm vào [Kết nối với Mạng Khác], bạn có thể gửi tín hiệu Wake On LAN ngay cả khi máy in được đặt ở một phân đoạn mạng khác với máy tính.



- Chọn [Nhận Thông tin về Máy in] và nhấp vào [Áp dụng] để tự động lấy địa chỉ MAC của máy in và hiển thị địa chỉ đó trong [Địa chỉ MAC của Máy in]. Nhập lại địa chỉ theo cách thủ công nếu địa chỉ MAC hiển thị không phải là địa chỉ MAC của máy in mong muốn.
- Thông thường, không chọn hộp kiểm [Kết nối với Mạng Khác].
- Dù cấu hình [Wake on LAN] là gì, máy in có thể không khởi động tùy theo cài đặt mạng. Hãy liên hệ với quản trị viên mạng của bạn để biết chi tiết.

Cấu hình Máy in

Thông thường, bạn có thể nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in] để tự động lấy thông tin cấu hình thiết bị tùy chọn từ máy in. Thông tin lấy từ máy hiển thị trong [Cấu hình Máy in]. Bạn cũng có thể thay đổi thông tin thu được theo cách thủ công.



- Thông tin hiển thị trên màn hình thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

■ Cấu hình Máy in Tự động

Chọn [Nhận Thông tin về Máy in] và nhấp vào [Áp dụng] để lấy thông tin cấu hình thiết bị tùy chọn từ máy in và hiển thị thông tin đó trong [Cấu hình Máy in].



- [Đơn vị Độ dài], [Loại Giấy Mặc định "Bất kỳ"] và [Liên kết Hệ thống Bên ngoài] không được cấu hình tự động.

■ Cấu hình Máy in theo cách Thủ công

Bạn có thể thay đổi cấu hình thiết bị tùy chọn mà bạn lấy từ máy in.

Chỉ định các cài đặt sau theo cách thủ công:

[Bộ nạp Giấy]

Chọn loại bộ nạp giấy được kết nối với máy này.

[Bộ hoàn thiện]

Chọn loại bộ hoàn thiện được kết nối với máy này.

[Bộ hoàn thiện]

Chọn có bộ hoàn thiện úp xuống hay không.

[Đơn vị Độ dài]

Chọn hiển thị độ dài bằng [mm] hoặc [inch].

[Loại Giấy Mặc định "Bất kỳ"]

Chọn loại giấy để sử dụng khi đặt [Loại Giấy] trong tab [Cơ bản] trên màn hình trình điều khiển máy in thành [Bất kỳ].

[Liên kết Hệ thống Bên ngoài]

Đặt tùy chọn này thành [ON] để bật và [OFF] để tắt liên kết hệ thống bên ngoài.



- Máy thay đổi cấu hình màu theo loại giấy. (tr. 3-12 "Loại Giấy")
Ngay cả khi giấy không được chỉ định, để in với hồ sơ màu phù hợp, bạn cần phải cấu hình loại giấy với tùy chọn [Loại Giấy Mặc định "Bất kỳ"]. Hãy lựa chọn dựa trên khuyến nghị của quản trị viên.

Mục nhập trên giấy tùy chỉnh

Đăng ký tối đa 99 khổ giấy không tiêu chuẩn. Kích thước được đăng ký tại đây hiển thị trong [Kích thước bản gốc] và [Khổ Giấy].

■ Cấu hình Khổ Giấy Tự động

Bạn có thể sử dụng tùy chọn này khi đã đăng ký khổ giấy trong máy in.

1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

2 Nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in].

Thông tin về khổ giấy đã đăng ký trong máy in hiển thị.

3 Nhấp vào [Đóng].

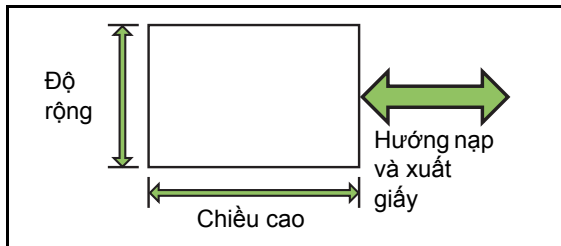
Thông tin về khổ giấy được lưu.

■ Cấu hình Khổ Giấy theo cách Thủ công

1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

2 Nhập độ rộng và độ dài của giấy.



Khi bộ hoàn thiện đa chức năng được kết nối, hãy xem “Bộ hoàn thiện Đa chức năng FG10 (Tùy chọn)” (tr. 9-15) trong “Phụ lục”.

3 Nhập tên cho khổ giấy.

Nhập tên từ 1 đến 30 ký tự.

4 Nhấp vào [Thêm] để đăng ký khổ giấy.

5 Nhấp vào [Đóng].

Thông tin về khổ giấy được lưu.

■ Lưu khổ giấy vào Máy tính

Bạn có thể lưu khổ giấy đã đăng ký vào máy tính. Lưu cài đặt vào máy tính rất hữu ích, chẳng hạn như khi bạn muốn chia sẻ khổ giấy đã đăng ký với nhiều người dùng hoặc cài đặt lại trình điều khiển máy in.

1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chọn khổ giấy để lưu từ hộp danh sách.

3 Nhấp vào [Lưu trong Tập].

4 Chỉ định thư mục đích và tên tập.

5 Nhấp vào [Lưu].

Khổ giấy đã chọn được lưu.

■ Đọc Khổ giấy từ Máy tính

Bạn có thể đọc và sử dụng khổ giấy đã lưu vào máy tính.

1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

2 Nhấp vào [Mở Tập].

3 Chọn tệp với cài đặt khổ giấy trên máy tính.

Khi máy tính được cấu hình để hiển thị đuôi tệp, tệp của khổ giấy sẽ hiển thị đuôi .udp.

4 Nhấp vào [Mở].

Khổ giấy đã đọc hiển thị trong danh sách trên hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

■ Xóa Khổ Giấy

1 Nhấp vào [M.nhập trên giấy tùy chỉnh].

Hộp thoại [M.nhập trên giấy tùy chỉnh] hiển thị.

2 Chọn khổ giấy để xóa khỏi hộp danh sách.

3 Nhấp vào [Xóa].

Khổ giấy đã chọn được xóa.

Mục nhập Thư mục

Bạn có thể đăng ký trong trình điều khiển máy in thư mục để lưu dữ liệu in. Thư mục dùng chung và thư mục cá nhân đăng ký tại đây hiển thị dưới dạng thư mục đích của dữ liệu in ở [Đầu ra] trong tab [Cơ bản] trên màn hình trình điều khiển máy in. (tr. 3-13 “Đầu ra và Đích”)



- Nếu không lấy được thông tin thư mục từ máy in, các thư mục dùng chung sẽ hiển thị thành “Thư mục Dùng chung 1” đến “Thư mục Dùng chung 30”.

■ Cấu hình Mục nhập Thư mục

1 Nhấp vào [Mục nhập Thư mục].

Hộp thoại [Mục nhập Thư mục] hiển thị.

2 Nhấp vào [Nhận Thông tin về Máy in].

Thông tin về thư mục dùng chung đã đăng ký trong máy in sẽ hiển thị trong [T.mục D.chung trong Máy in].

3 Chọn thư mục để thêm vào [Thư mục đã Đăng ký] và nhấp vào [Thêm ->].

4 Cấu hình thư mục cá nhân.

Đối với thư mục cá nhân, khi chọn hộp kiểm [Sử dụng Thư mục Cá nhân], thư mục cá nhân sẽ hiển thị trong [Đích] trên tab [Cơ bản].

Nhấp vào [OK].

5 Nhấp vào [Áp dụng].

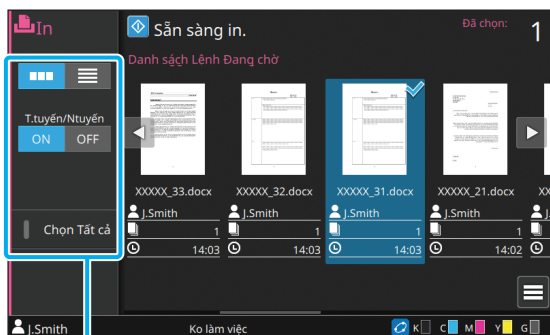
6 Nhấp vào [OK].

Nhận Thông tin về Máy in

Lấy thông tin về cấu hình tùy chọn của máy in và tự động cấu hình thông tin này cho trình điều khiển máy in.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Cấu hình Máy in” (tr. 3-32).


Nút Chức năng trong Chế độ In




Nút chức năng

Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các lệnh đang chờ dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

[]: Xem dưới dạng hình thu nhỏ


[]: Xem dưới dạng danh sách

Online/Offline

Bạn có thể chuyển đổi trạng thái kết nối mạng (trực tuyến/ngoại tuyến). Khi đặt cài đặt này thành [OFF], máy không chấp nhận thứ tự in từ máy tính. Bạn nên sử dụng tùy chọn [OFF] khi sử dụng riêng máy này.

[OFF], [ON]



- Khi đặt cài đặt này thành [OFF], [] hiển thị. (tr. 15 “Màn hình [Trang chủ1]”)
- Nếu người dùng không đưa [T.tuyến/Ntuyến] về [ON] sau khi in lệnh, cài đặt này sẽ tự động quay về [ON] trong các trường hợp sau:
 - Khi tiến hành tự động đặt lại (Thời gian tự động đặt lại do quản trị viên đặt.)
 - Khi bạn đăng xuất

Chọn Tất cả

Chạm vào tùy chọn này để chọn tất cả các lệnh đang chờ xử lý.

Chạm lại vào tùy chọn này để hủy lựa chọn.

Chi tiết

Chọn lệnh trong [Danh sách Lệnh Đang chờ] và chạm vào [Chi tiết] trong menu phụ. Nhấp vào nút này để xem giá trị cài đặt của lệnh đã chọn.

Th/đổi C.đặt

Để kiểm tra cài đặt lệnh, chọn lệnh và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ.

Chọn Giấy

Chọn khay giấy.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt khay (khổ giấy, loại giấy, kiểm tra nạp hai lần và tự động lựa chọn). Để biết thêm thông tin, hãy xem “Chọn Giấy” (tr. 1-8) trong “Sao chép”.

In Chậm

Bạn có thể giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “In Chậm” (tr. 1-29) trong “Sao chép”.

Mật độ Bản in

Bạn có thể điều chỉnh mật độ bản in.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mật độ Bản in” (tr. 1-12) trong “Sao chép”.

Vị trí Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Vị trí Hình ảnh” (tr. 1-22) trong “Sao chép”.

Kiểm tra Cài đặt

1 Chạm vào [Kiểm tra Cài đặt].

Màn hình [Kiểm tra Cài đặt] hiển thị. Kiểm tra cài đặt hiện tại.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- In X.nhận C.đặt

2 Chạm vào [Quay lại].

L.kết Hệ thống Bên ngoài

Khi sử dụng liên kết hệ thống bên ngoài, bạn có thể in các lệnh được lưu trên hệ thống bên ngoài.



- Tùy theo cài đặt của quản trị viên, nút [L.kết H.thg Ngoài] có thể hiển thị bằng tên khác trên màn hình [Trang chủ1].

- Quy trình vận hành có thể khác nhau tùy theo hệ thống bên ngoài đang được sử dụng. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

1 Chạm vào [L.kết H.thg Ngoài] trên màn hình [Trang chủ1].

Khi kết nối với hệ thống bên ngoài, một danh sách các tài liệu được lưu trên hệ thống bên ngoài sẽ hiển thị.

2 Chọn tài liệu và nhấn phím [Bắt đầu].

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào thư mục để in nếu cần.

Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ (Lưu)tr. 4-2

1. Nạp bản gốc.



2. Chọn [Bộ nhớ] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ1].



3. Chọn thư mục để lưu dữ liệu.



4. Nhấn phím [Bắt đầu].

Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ (Tải) tr. 4-4

1. Chọn [Bộ nhớ] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ1].



2. Chọn một thư mục.



3. Chọn một tài liệu.



4. Nhập số bản sao bằng các phím số.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớtr. 4-8

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ Bộ nhớ.



4



Bộ nhớ

Bộ nhớ

Tổng quan về các Thao tác Bộ nhớ

Phần này giải thích các thao tác cơ bản trong chế độ lưu trữ.

Lưu Dữ liệu vào Thư mục

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào thư mục.

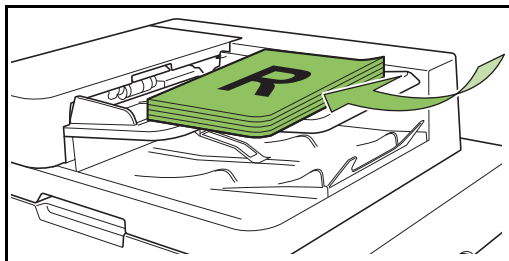
● 1 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

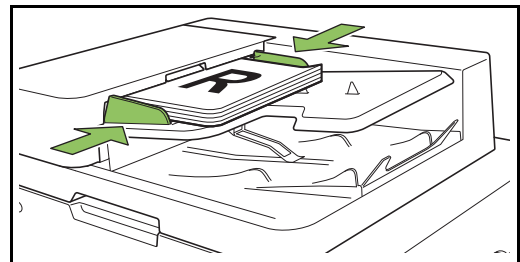
■ Trong ADF

1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

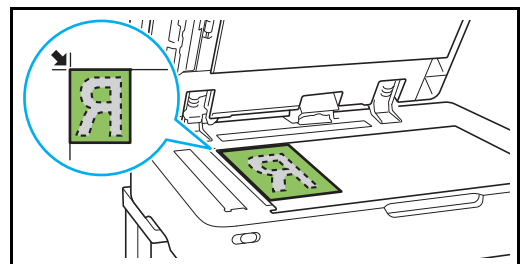


■ Trên Kính Tấm ép giấy

1 Mở bìa gốc.

2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.

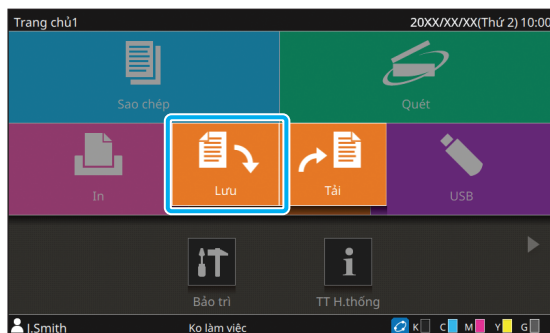


3 Đóng bìa gốc.

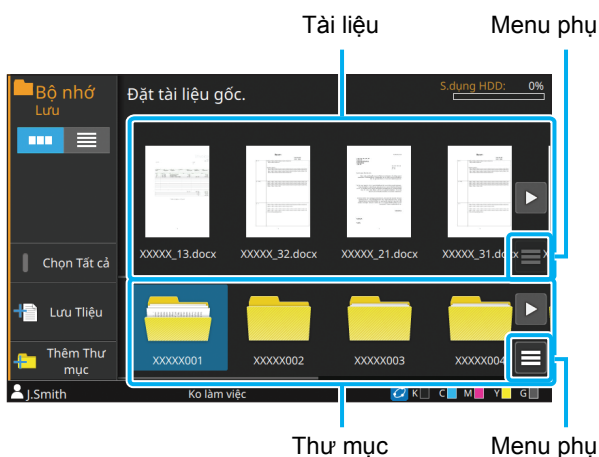


• Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

● **2 Chọn [Bộ nhớ] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ1].**



● **3 Chọn thư mục để lưu dữ liệu.**



Danh sách thư mục hiển thị thư mục cá nhân và các thư mục dùng chung mà quản trị viên cho phép sử dụng.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thay đổi Màu
- Đổi tên

Danh sách tài liệu hiển thị các tài liệu lưu trong thư mục đã chọn.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Chi tiết
- Đổi tên
- Xóa

● **4 Chạm vào [Lưu Tệp].**

Chỉ định cài đặt chi tiết để lưu tài liệu.

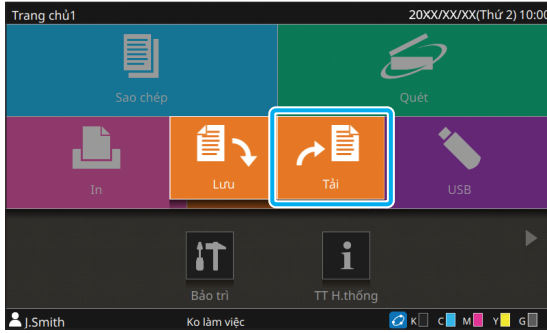
Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]” (tr. 4-5).

● **5 Nhấn phím [Bắt đầu].**

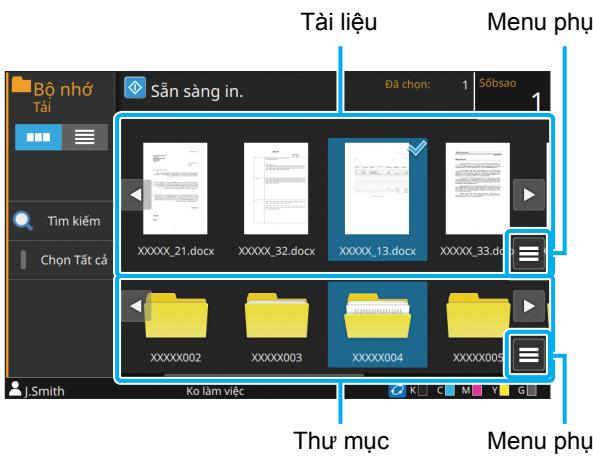
In Tài liệu trong Thư mục

Bạn có thể in tài liệu lưu trong thư mục.

1 Chọn [Bộ nhớ] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ].



2 Chọn thư mục bạn muốn dùng và chọn tài liệu bạn muốn in.



Danh sách thư mục hiển thị thư mục cá nhân và các thư mục dùng chung mà quản trị viên cho phép sử dụng.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thay đổi Màu
- Đổi tên

Danh sách tài liệu hiển thị các tài liệu lưu trong thư mục đã chọn.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Chi tiết
- Th/đổi C.đặt
- Đổi tên
- Xóa
- Sao chép sang USB
- Sao chép sang thư mục

3 Nhập số bản sao bằng các phím số.

4 Nhấn phím [Bắt đầu].

! Tài liệu được lưu trong thư mục ở dạng dữ liệu chứa chi tiết cài đặt. Khi in tài liệu, hãy đảm bảo bạn chọn cùng loại giấy như loại đã được cấu hình khi lưu tài liệu vào thư mục.

Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]

Chọn thư mục trên màn hình [Bộ nhớ] - [Lưu] và chạm vào [Lưu Tài liệu] để hiển thị màn hình liệt kê các mục cài đặt. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Trang Tham khảo
Tên Tài liệu	Xem tên tài liệu khi lưu dữ liệu trong thư mục.	tr. 4-9
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
K.thước Bản t. tạo	Thu nhỏ hoặc mở rộng hình ảnh được sao chép.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-8
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc.	tr. 1-10
Hướng Gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-10
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét của bản gốc và các mặt giấy để in.	tr. 1-11
Sắp xếp	Chỉ định phương thức in để tạo nhiều bản sao của bản gốc.	tr. 1-11
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 1-12
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-12
Quét ADF & tạm dừng	Quét bản gốc trong một lệnh ngay cả khi bạn phải nạp bản gốc theo nhiều tập do bản gốc có nhiều trang.	tr. 1-12
B.gốc K.cỡk.hợp	Quét bản gốc chứa các trang có kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-13
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-13
Chia Trang	Quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-14
Kết hợp	Lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-15
Lặp lại Hình ảnh	Lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-16
Sách	Chỉ định cài đặt lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Bạn cũng có thể gập đôi các trang và đóng nẹp ở giữa khi bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn được kết nối.	tr. 1-16
Mã PIN	Cấu hình có hay không đặt mã PIN cho lệnh. Nếu mã PIN được cấu hình, bạn cần nhập mã PIN này khi in hoặc xóa tài liệu.	tr. 2-9
Tem	Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-17
Viền Trang	Thêm đường viền vào lề giấy.	tr. 1-19
Chất lượng H.ảnh	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 1-20
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp trước khi in dữ liệu đã quét.	tr. 1-20
Hiệu chỉnh Gamma	Điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.	tr. 1-21
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh của bản gốc.	tr. 1-21
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-22
Vị trí Hình ảnh	Điều chỉnh vị trí bản in.	tr. 1-22

Chương 4 Bộ nhớ

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Trang Tham khảo	
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học). Bạn có thể in nhanh và chính xác số bản sao của số tập bạn cần.	tr. 1-24	
Thêm Bìa	Thêm bìa trước và bìa sau vào bản in.	tr. 1-27	
Phân tách	Chèn tấm nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-27	
Lề đóng nẹp	In có lề đóng nẹp cho trang. Chỉ định mép đóng nẹp và giá trị cho lề đóng nẹp.	tr. 1-28	
Dập ghim/Đục lỗ	Cấu hình cài đặt dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-8	
	Cấu hình cài đặt dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-39	
Gập	Cấu hình cài đặt gập giấy. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-41	
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-29	
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in.		
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17	
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26	
Ngửa lên/Úp xuống	Chọn bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43	
	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.		
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17	
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26	
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43	
	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.		
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn	tr. 8-18	
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26	
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43	
Ch.tiếp Khay Giấy	Tự động nạp giấy từ khay khác có cùng khổ giấy và loại giấy khi khay đã chọn hết giấy.	tr. 1-30	
T.động Xoay H.ảnh	Tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-30	
Chọn Chế độ xem	Chọn xem các mục dưới dạng hình thu nhỏ hay dưới dạng danh sách.	tr. 4-8	
Chọn Tất cả	Chọn tất cả các tài liệu được hiển thị.	tr. 4-8	
Lưu Tài liệu	Hiện thị màn hình cài đặt để lưu dữ liệu của bản gốc vào bộ nhớ.	tr. 4-8	
	Mục yêu thích	Gọi các cài đặt thường dùng.	tr. 4-8
	Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 4-8
	Xem trước khi lưu	Quét và hiển thị bản gốc trước khi lưu.	tr. 4-9
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 4-9	
Thêm thư mục	Thêm thư mục mới.	tr. 4-9	

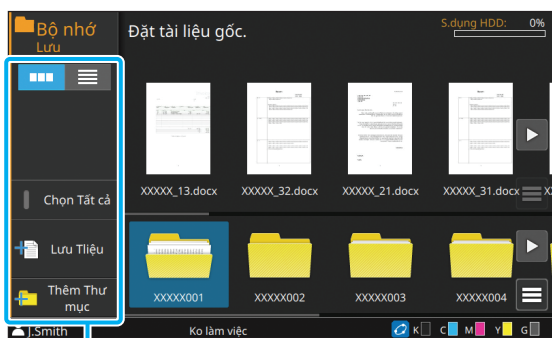
Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Tài]

Khi bạn chọn tài liệu trên màn hình [Bộ nhớ] - [Tài] và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ, màn hình cài đặt sẽ hiển thị. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Trang Tham khảo
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-8
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-12
Vị trí Hình ảnh	Điều chỉnh vị trí bản in.	tr. 1-22
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-29
Chọn Chế độ xem	Chọn xem các mục dưới dạng hình thu nhỏ hay dưới dạng danh sách.	tr. 4-10
Tìm kiếm	Tìm kiếm tài liệu trong thư mục.	tr. 4-10
Chọn Tất cả	Chọn tất cả các tài liệu được hiển thị.	tr. 4-10
Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 4-10

Nút Chức năng trong Chế độ Bộ nhớ


Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Lưu]




Nút chức năng

Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các thư mục và tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

[]: Xem dưới dạng hình thu nhỏ

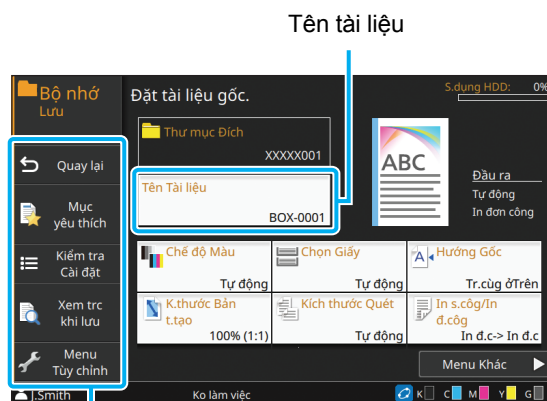
[]: Xem dưới dạng danh sách

Chọn Tất cả

Chạm vào tùy chọn này để chọn tất cả tài liệu được lưu trong thư mục đã chọn. Chạm lại vào tùy chọn này để hủy lựa chọn.

Lưu Tài liệu

Thay đổi cài đặt khi lưu tài liệu trong thư mục. Để biết thêm thông tin về nút cài đặt, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Lưu]” (tr. 4-5).



Nút chức năng

Quay lại

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách thư mục/tài liệu.

Mục yêu thích

Hiện thị cài đặt đã được đăng ký trước.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-31) trong “Sao chép”.

Kiểm tra cài đặt

Kiểm tra cài đặt của tài liệu sẽ lưu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm tra cài đặt” (tr. 1-32) trong “Sao chép”.

■ Xem trước khi lưu

Bạn có thể quét và hiển thị bản gốc trước khi lưu.

1 Chạm vào [Xem trước khi lưu].

Màn hình [Xác nhận] hiển thị.

2 Chạm vào [Tiếp tục] để bắt đầu quét.

Màn hình xem trước sẽ hiển thị. Kiểm tra kết quả quét.

3 Nhấn phím [Bắt đầu].

Dữ liệu sẽ được lưu.



- Khi dữ liệu đã quét chứa nhiều trang, hãy vuốt màn hình để di chuyển giữa các trang khác nhau. Bạn cũng có thể di chuyển giữa các trang bằng cách chạm vào [◀] hoặc [▶].

■ Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Menu tùy chỉnh” (tr. 1-33) trong “Sao chép”.

■ Tên Tài liệu

Chạm vào [Tên Tài liệu] để đặt tên tài liệu sẽ được dùng khi lưu tài liệu trong thư mục.

[Tên Tài liệu]

Hiển thị tên tài liệu cùng với chi tiết được chỉ định với [Ph. thức Nhập]. Đuôi tệp sẽ không hiển thị.

[Ph. thức Nhập]

[Tự động]: Đặt tên tài liệu tự động. Trong cài đặt mặc định, tài liệu được đặt tên là “BOX-” với số thứ tự (0001 tới 9999) theo sau.

[Nhập T. tiếp]: Dùng để nhập tên tài liệu theo lựa chọn của bạn.

1 Chạm vào [Tên Tài liệu].

Màn hình [Cài đặt Tên Tài liệu] hiển thị.

2 Chọn tùy chọn cho [Ph. thức Nhập].

Khi chọn [Nhập T. tiếp], hãy nhập tên tài liệu và chạm vào [OK].

3 Chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem “Nhập Văn bản” (tr. 28).
- Đối với [Nhập T. tiếp], bạn có thể sử dụng chữ hoa và chữ thường.

Thêm thư mục

Thêm mới một thư mục.

1 Chạm vào [Thêm thư mục].

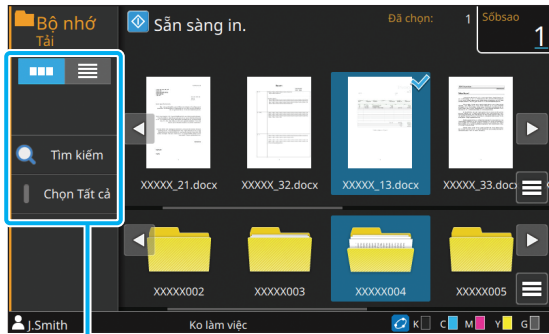
Màn hình nhập [Tên Thư mục] sẽ hiển thị.

2 Nhập tên thư mục và chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem “Nhập Văn bản” (tr. 28) trong “Bảng Cảm ứng”.
- Bạn có thể sử dụng ký tự chữ và số (chữ hoa/chữ thường).
- Nếu tên thư mục đã nhập hiện đang được sử dụng, một hộp thoại sẽ xuất hiện và bạn không thể đăng ký thư mục.


Nút Chức năng trong [Bộ nhớ] - [Tải]




Nút chức năng

Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

[]: Xem dưới dạng hình thu nhỏ

[]: Xem dưới dạng danh sách

Tìm kiếm

Tìm kiếm tài liệu trong thư mục.

1 Chạm vào [Tìm kiếm].

Màn hình [Tìm kiếm] hiển thị.

2 Nhập chuỗi ký tự cần tìm kiếm và chạm vào [OK].



- Để biết thêm thông tin về nhập văn bản, hãy xem “Nhập Văn bản” (tr. 28).
- Khi bạn đã chọn một thư mục trong danh sách thư mục/tài liệu, quá trình tìm kiếm sẽ được thực hiện trong thư mục đã chọn.
- Khi bạn không chọn một thư mục trong danh sách thư mục/tài liệu, quá trình tìm kiếm sẽ được thực hiện cho tất cả thư mục mà người dùng đã đăng nhập có quyền truy cập vào.
- Các tài liệu sau sẽ không được tìm kiếm:
 - Tài liệu được chọn hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] trên trình điều khiển máy in (tr. 3-28 “Mã PIN”)

Chọn Tất cả

Chạm vào tùy chọn này để chọn tất cả tài liệu được lưu trong thư mục đã chọn. Chạm lại vào tùy chọn này để hủy lựa chọn.

Thay đổi Cài đặt

Khi bạn chọn tài liệu và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ, có thể thay đổi cài đặt in tài liệu. Để biết thêm thông tin về nút cài đặt, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [Bộ nhớ] - [Tải]” (tr. 4-7).

■ Quay lại

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách thư mục/tài liệu.

■ Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại trên màn hình thay đổi cài đặt.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- In X.nhận C.đặt

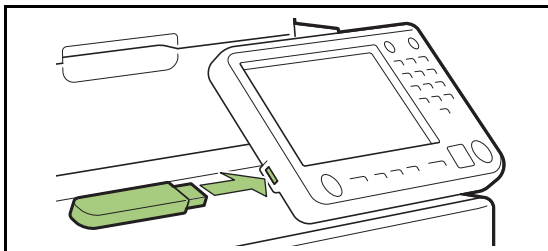
Sao chép sang Ổ Flash USB hoặc Thư mục Khác

Bạn có thể sao chép tài liệu lưu trong thư mục sang ổ flash USB hoặc thư mục khác.
Chọn tài liệu và thực hiện thao tác qua menu phụ.

Sao chép sang USB

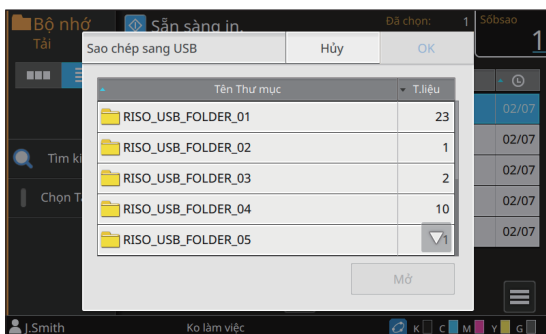
Bạn có thể sao chép tài liệu lưu trong thư mục sang ổ flash USB.

1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



2 Hiện thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang USB].

3 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].



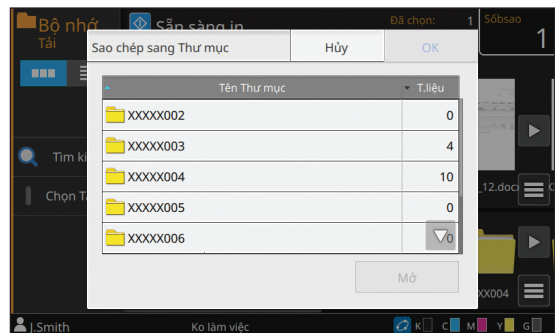
- Khi chạm vào [OK] trong trường hợp không có thư mục nào trong ổ flash USB, một thư mục sẽ tự động được tạo và tài liệu sẽ được sao chép.
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để xác nhận danh sách các tài liệu trong thư mục đó.

Sao chép sang thư mục

Bạn có thể sao chép tài liệu lưu trong một thư mục sang thư mục khác.

1 Hiện thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang thư mục].

2 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].



- Chỉ những thư mục mà người dùng đã đăng nhập có thể sử dụng mới hiển thị trên màn hình [Sao chép sang thư mục].
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để xác nhận danh sách các tài liệu trong thư mục đó.

Bạn có thể lưu dữ liệu đã quét vào ổ flash USB được kết nối với máy này.
Bạn cũng có thể in tài liệu lưu trên ổ flash USB từ trình điều khiển máy in.

Tổng quan về các Thao tác với USB (Lưu)tr. 5-2

1. Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



2. Nạp bản gốc.



3. Chọn [USB] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ1].



4. Thay đổi cài đặt.



5. Nhấn phím [Bắt đầu].

Tổng quan về các Thao tác với USB (Tải)..... tr. 5-3

1. Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



2. Chọn [USB] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ1].



3. Chọn một thư mục.



4. Chọn một tài liệu.



5. Nhập số bản sao bằng các phím số.



6. Nhấn phím [Bắt đầu].

Nút Chức năng trong Chế độ USB tr. 5-7

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trong chế độ USB.



5

USB

USB

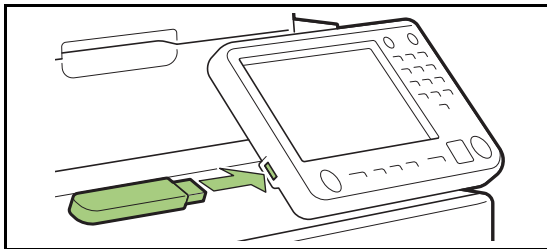
Tổng quan về các Thao tác với USB

Phần này giải thích các thao tác cơ bản trong chế độ USB.

Lưu Dữ liệu Đã quét vào Ổ Flash USB

Lưu dữ liệu đã quét bằng máy này trên ổ flash USB.

● 1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.



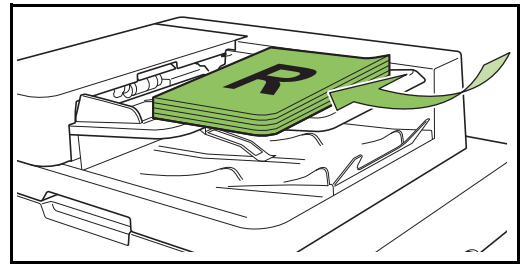
● 2 Nạp bản gốc.

Để biết thêm thông tin về loại bản gốc có thể sử dụng, hãy xem “Bản gốc” trong “Thông tin An toàn”.

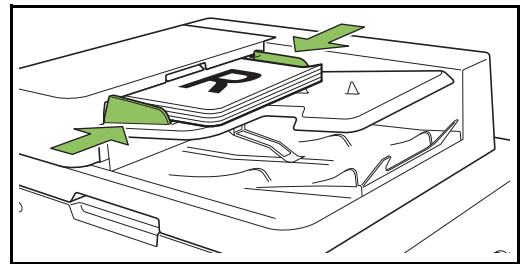
■ Trong ADF

1 Nạp bản gốc trong ADF.

Căn chỉnh bản gốc và đặt bản gốc ngửa lên.



2 Trượt bộ phận dẫn hướng bản gốc cho khớp với độ rộng bản gốc.

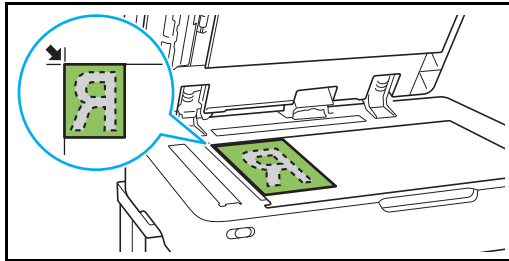


■ Trên Kính Tấm ép giấy

1 Mở bìa gốc.

2 Nạp bản gốc.

Đặt bản gốc úp xuống trên tấm kính. Căn chỉnh góc của bản gốc với góc trên bên trái của tấm kính.

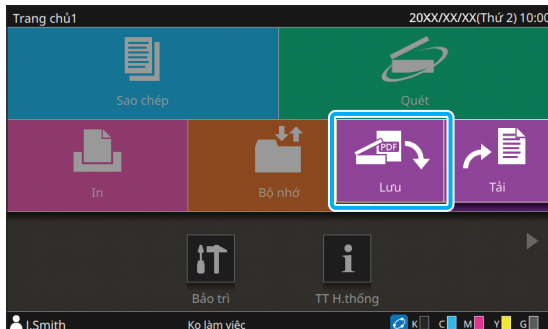


3 Đóng bìa gốc.



• Mở và đóng bìa gốc nhẹ nhàng.

3 Chọn [USB] - [Lưu] trên màn hình [Trang chủ1].



4 Chọn thư mục để lưu dữ liệu.

5 Chạm vào [Lưu Tệp].

Chỉ định cài đặt chi tiết để lưu tài liệu. Để biết thêm thông tin về các chức năng có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]” (tr. 5-5).

6 Nhấn phím [Bắt đầu].

In Tài liệu Lưu trên Ổ Flash USB

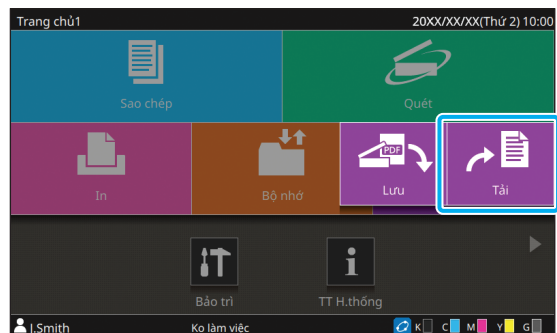
Bạn có thể in tài liệu được lưu trên ổ flash USB. Để biết thông tin về cách lưu tài liệu vào ổ flash USB, hãy xem “Đầu ra và Đích” (tr. 3-13) trong “In”.



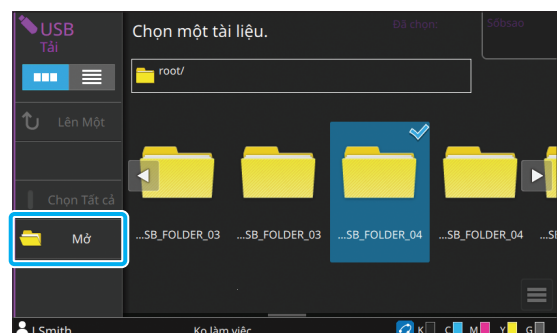
- Chỉ tệp ở định dạng PRN mới có thể in được.
- Tệp PRN được trình điều khiển máy in xuất ra theo định dạng đã được phát triển riêng cho RISO KAGAKU CORPORATION. Máy in hoặc ứng dụng của các nhà sản xuất khác không thể mở được tệp PRN.
- Bạn cũng có thể tải tệp ở định dạng PDF khi dùng bộ PS. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB” (tr. 8-57) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

1 Cắm ổ flash USB vào khe cắm USB.

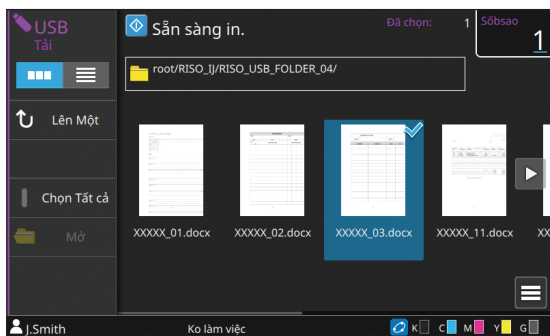
2 Chọn [USB] - [Tải] trên màn hình [Trang chủ1].



3 Chọn thư mục bạn muốn sử dụng và chạm vào [Mở].



● 4 Chọn tài liệu bạn muốn in.



● 5 Nhập số bản sao bằng các phím số.

● 6 Nhấn phím [Bắt đầu].

Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]

Chọn thư mục trên màn hình [USB] - [Lưu] và chạm vào [Lưu Tệp] để hiển thị màn hình liệt kê các mục cài đặt. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây.

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Trang Tham khảo
Tên Tài liệu	Xem và chỉ định tên tài liệu khi lưu dữ liệu trên ổ flash USB.	tr. 2-6
Chế độ Màu	Chỉ định chế độ màu của dữ liệu cần quét.	tr. 2-7
Kích thước Quét	Chỉ định kích thước quét cho bản gốc cần quét.	tr. 1-10
Định dạng file	Chỉ định định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-7
2 mặt/1 mặt	Chỉ định các mặt cần quét cho bản gốc.	tr. 2-8
Cấp độ Quét	Điều chỉnh cấp độ quét.	tr. 1-12
Hướng Gốc	Chỉ định hướng của bản gốc.	tr. 1-10
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc.	tr. 2-8
B.gốc K.cỡk.hợp	Quét bản gốc chứa các trang có kích thước bản gốc khác nhau.	tr. 1-13
Cỡ Trang	Chỉ định kích thước để lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-9
Xóa Bóng Sách	Xóa bóng xuất hiện ở giữa hình ảnh khi quét một cuốn sách được mở ra.	tr. 1-13
Chia Trang	Quét các trang dàn trên hai mặt và tách các trang đó thành hai phần (trái và phải).	tr. 1-14
Loại bản gốc	Chọn loại bản gốc để tiến hành quy trình xử lý hình ảnh thích hợp và lưu dữ liệu đã quét.	tr. 2-10
Hiệu chỉnh Gamma	Điều chỉnh độ cân bằng màu (CMYK) của dữ liệu được quét.	tr. 2-10
Kiểm soát Hình ảnh	Chỉ định cách xử lý hình ảnh thích hợp cho bản gốc.	tr. 1-21
Mức Màu Cơ sở	Làm cho màu nền (màu cơ sở) sáng hơn để dễ đọc văn bản hơn.	tr. 1-22
K.thước Bản t.tạo	Mở rộng hoặc thu nhỏ dữ liệu đã quét.	tr. 2-10
Mục yêu thích	Gọi các cài đặt thường dùng.	tr. 5-7
Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 5-7
Xem trước khi lưu	Quét và hiển thị bản gốc trước khi lưu.	tr. 5-8
Menu tùy chỉnh	Đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.	tr. 5-8

Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tải]

Chọn thư mục trên màn hình [USB] - [Tải] và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tài liệu bên trong thư mục. Khi bạn chọn tài liệu và chạm vào [Th/đổi C.đặt] trong menu phụ, màn hình cài đặt hiển thị. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây.

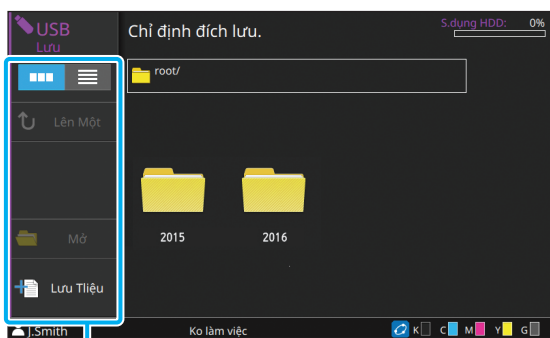
Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Trang Tham khảo
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy sao chép.	tr. 1-8
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-12
Vị trí Hình ảnh	Điều chỉnh vị trí bản in.	tr. 1-22
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-29
Kiểm tra cài đặt	Kiểm tra cài đặt hiện tại.	tr. 5-9



- Khi cài đặt bộ PS, bạn có thể tải tệp PDF được lưu trên ổ flash USB. Khi làm như vậy, bạn có thể thay đổi cài đặt in cho tệp PDF. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB” (tr. 8-57) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Nút Chức năng trong Chế độ USB


Nút Chức năng trong [USB] - [Lưu]




Nút chức năng

Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

[]: Xem dưới dạng hình thu nhỏ

[]: Xem dưới dạng danh sách

Lên Một

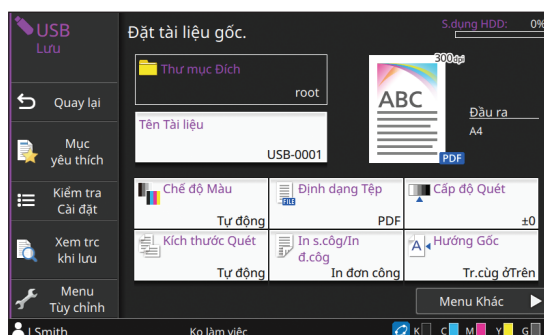
Hiện thị một lớp cao hơn.

Mở

Mở thư mục đã chọn.

Lưu Tài liệu

Thay đổi cài đặt khi lưu tài liệu trên ổ flash USB. Để biết thêm thông tin về các cài đặt có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Lưu]” (tr. 5-5).



Quay lại

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách tài liệu.

Mục yêu thích

Hiện thị cài đặt đã được đăng ký trước.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Mục yêu thích” (tr. 1-31) trong “Sao chép”.

Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại.

Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- Thêm vào Mục yêu thích
- Lưu làm Mặc định
- In X.nhận C.đặt

■ Xem trước khi lưu

Bạn có thể quét và hiển thị bản gốc trước khi lưu. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Xem trước khi lưu” (tr. 4-9) trong “Bộ nhớ”.

■ Menu tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký mục yêu thích và cài đặt mặc định cũng như chỉnh sửa thứ tự nút.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Menu tùy chỉnh” (tr. 1-33) trong “Sao chép”.

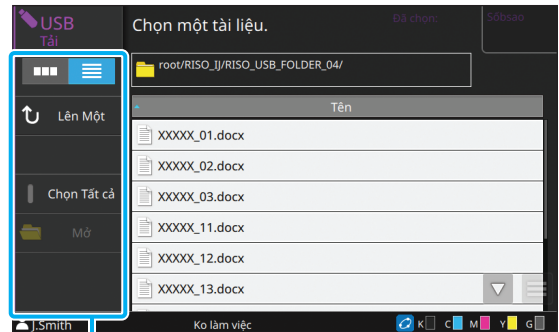
Tên tài liệu

Xem tên tài liệu khi lưu dữ liệu trên ổ flash USB. Chạm vào [Tên Tài liệu] để đặt tên tài liệu. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tên Tài liệu” (tr. 2-6) trong “Quét”.



- Nếu bạn chọn [Tự động] cho [Ph. thức Nhập], theo cài đặt mặc định, tài liệu sẽ được đặt tên là “USB-” kèm theo một số thứ tự (từ 0001 đến 9999).


Nút Chức năng trong [USB] - [Tải]




Nút chức năng

Chọn Chế độ xem

Bạn có thể chọn xem các tài liệu dưới dạng hình thu nhỏ hoặc dưới dạng danh sách.

[]: Xem dưới dạng hình thu nhỏ

[]: Xem dưới dạng danh sách



- Chạm vào danh mục như [Tên] hoặc [T.liệu] để chuyển đổi thứ tự sắp xếp giữa tăng dần và giảm dần để hiển thị trong danh sách.

Lên Một

Hiển thị một lớp cao hơn.

Chọn Tất cả

Chạm vào tùy chọn này để chọn tất cả tài liệu được lưu trong thư mục đã chọn. Chạm lại vào tùy chọn này để hủy lựa chọn.

Mở

Mở thư mục đã chọn.

Kiểm tra Giá trị Cài đặt của Tài liệu

Chọn tài liệu và chạm vào [Chi tiết] trong menu phụ để kiểm tra giá trị cài đặt của tài liệu đã chọn.

Thay đổi Cài đặt

Khi bạn chọn tài liệu và chạm vào [Thay đổi C.đặt] trong menu phụ, có thể thay đổi cài đặt in tài liệu. Để biết thêm thông tin về các cài đặt có thể cấu hình, hãy xem “Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tài]” (tr. 5-6).

■ Quay lại

Chạm vào nút này để hiển thị màn hình danh sách tài liệu.

■ Kiểm tra cài đặt

Sử dụng tùy chọn này để kiểm tra cài đặt hiện tại. Có thể cấu hình cài đặt sau từ menu phụ:

- In X.nhận C.đặt

Sao chép sang thư mục

Có thể sao chép tài liệu lưu trên ổ flash USB sang thư mục trên máy.

1 Chọn tài liệu, hiển thị menu phụ và chạm vào [Sao chép sang thư mục].

2 Chọn thư mục bạn muốn lưu tài liệu và chạm vào [OK].



- Bạn không thể sao chép tài liệu từ một thư mục trên ổ flash USB sang thư mục khác trên ổ flash USB.
- Chỉ những tệp mà người dùng đã đăng nhập có thể sử dụng mới hiển thị trên màn hình [Sao chép sang thư mục].
- Chọn thư mục và chạm vào [Mở] để xác nhận danh sách các tài liệu trong thư mục đó.

RISO Console là phần mềm sử dụng trình duyệt Web để điều khiển máy này từ xa. Với máy tính được kết nối với máy in qua mạng, bạn có thể kiểm tra trạng thái máy in, thay đổi cài đặt của lệnh và thực hiện các thao tác khác.

Tổng quan về RISO Console..... tr. 6-2

Khởi động RISO Console



Các thao tác thông thường bằng nút

Menu [TT H.thống] tr. 6-6

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên màn hình [Vật tư tiêu hao], [Thông tin Máy], [T.tin Ng.dùng] và [T.tin licence].

Menu [Quét] tr. 6-9

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Quét].

Menu [In] tr. 6-10

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [In].

Menu [Bộ nhớ] tr. 6-11

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Bộ nhớ].

Menu [Trạng thái Lệnh] tr. 6-12

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Trạng thái Lệnh].

Menu [Bảo trì]..... tr. 6-13

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Bảo trì].



6



Bảng điều khiển

RISO Console

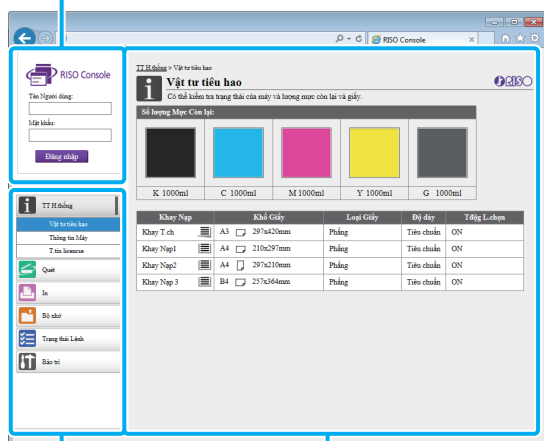
Tổng quan về RISO Console

Phần này giải thích các chức năng của RISO Console.

Màn hình Trên cùng

- Hãy đảm bảo máy được kết nối mạng.



Bảng trạng thái




Menu Bên cạnh

Bảng nội dung



• Khi một mục trên menu bên cạnh có biểu tượng  , điều này cho biết bạn phải đăng nhập trước khi truy cập vào mục đó. Khi một mục hiển thị với biểu tượng  sau khi đăng nhập, quyền truy cập vào chế độ này bị hạn chế.

• Dấu  hiển thị ở phía bên trái màn hình trong khi thông tin trên máy đang được thu thập.

- Các trình duyệt Web sau được hỗ trợ:
 - Windows® Internet Explorer Ver9.0
 - Windows® Internet Explorer Ver10.0
 - Windows® Internet Explorer Ver11.0
 - Microsoft® Edge
 - Safari® (dành cho Mac OS)

• Màn hình RISO Console không hiển thị khi sử dụng một số cài đặt tiết kiệm điện nhất định. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

• Menu bên cạnh được hiển thị sẽ khác tùy theo cài đặt do quản trị viên cấu hình.

Menu Bên cạnh

Các thông tin và chức năng khả dụng trên menu bên cạnh của RISO Console được liệt kê sau đây.

TT H.thống		
Vật tư tiêu hao	Xem trạng thái của vật tư tiêu hao như lượng mực hoặc giấy còn lại.	tr. 6-6
Thông tin Máy	<ul style="list-style-type: none"> Xem trạng thái của máy in. Xem model, số sê-ri của máy in, địa chỉ MAC và các thông tin hệ thống khác. Xác nhận số lượng chi tiết. 	tr. 6-6
T.tin Ng.dùng	Xem thông tin về người dùng hiện đã đăng nhập.	tr. 6-7
T.tin licencse	Xem thông tin giấy phép của hệ thống được sử dụng trong sản phẩm này.	tr. 6-8
Quét		
Tìm kiếm, xem, xóa hoặc tải xuống lệnh quét được lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này.		tr. 6-9
In		
Xem hoặc xóa lệnh.		tr. 6-10
Bộ nhớ		
Tải	<ul style="list-style-type: none"> Tìm kiếm tài liệu trong thư mục. Chỉnh sửa thư mục (thêm, thay đổi màu, v.v.) 	tr. 6-11
Dữ liệu Biểu mẫu	Tìm kiếm, xem, in hoặc xóa lệnh được xuất ra qua [Biểu mẫu] từ trình điều khiển máy in. (khi cài đặt bộ PS tùy chọn)	tr. 8-56

Trạng thái Lệnh		
Hoạt động / Rảnh rỗi	Tìm kiếm, xem hoặc xóa lệnh đang được xử lý hoặc đang chờ.	tr. 6-12
Đã xong	Tìm kiếm, xem, xóa hoặc in lại lệnh đã hoàn tất.	tr. 6-12
Bảo trì		
Vệ sinh đầu in	Vệ sinh đầu in.	tr. 6-13
Glue Temperature	Làm nóng trước thiết bị dán hồ. (khi dùng Perfect Binder tùy chọn)	tr. 6-13

Khởi động RISO Console

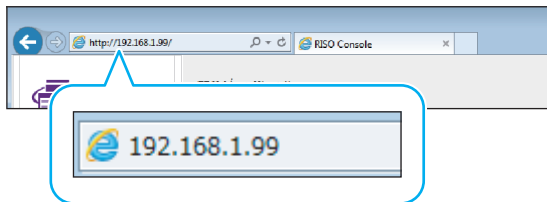
Hãy kết nối máy tính với mạng trước khi khởi động RISO Console. Không cần kết nối Internet.

1 Khởi động trình duyệt Web của bạn.

2 Nhập địa chỉ IP của máy in trong hộp địa chỉ của trình duyệt web.

Để xem địa chỉ IP của máy in, chọn [Thông tin Máy] trong [TT H.thống] trên bảng vận hành của máy này.

Ví dụ về cách nhập địa chỉ IP “192.168.1.99”




3 Nhấn phím [Enter].

Màn hình [TT H.thống] của RISO Console hiển thị.



- Bạn có thể tạo phím tắt trên màn hình chính để khởi động RISO Console nhanh chóng.

Đăng nhập

Khi một mục trên menu bên cạnh có biểu tượng , điều này cho biết bạn phải đăng nhập trước khi truy cập vào mục đó.

1 Nhập tên người dùng và mật khẩu của bạn trong bảng trạng thái.

Mật khẩu của bạn phải gồm từ 0 đến 16 ký tự (số và/hoặc chữ thường). Các ký tự đã nhập được hiển thị bằng dấu sao (*).

2 Nhấp vào [Đăng nhập].

Màn hình [TT H.thống] - [Vật tư tiêu hao] hiển thị.

Đăng xuất

Nhấp vào [Đăng xuất] trong bảng trạng thái.



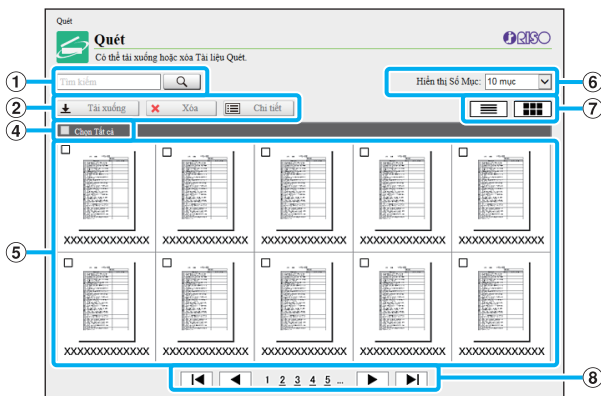
- Nếu bạn quên mật khẩu, hãy liên hệ với quản trị viên.
- Bạn có thể thay đổi mật khẩu người dùng trên màn hình [TT H.thống] - [T.tin Ng.dùng]. (tr. 6-7 “Màn hình [T.tin Ng.dùng]”)

Các Thao tác bằng nút thông thường

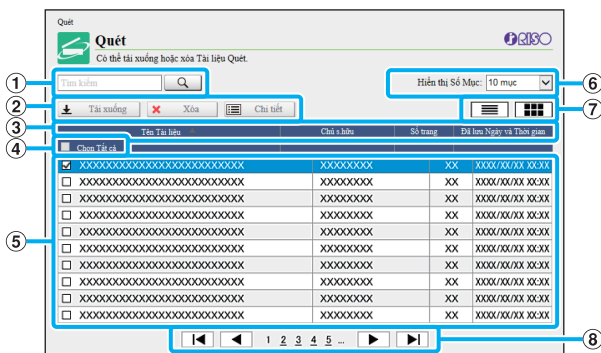
Màn hình menu [Quét], màn hình menu [In], màn hình menu [Bộ nhớ] và màn hình [Trạng thái Lệnh] có các nút thông thường để thực hiện những mục đích giống nhau.

Màn hình menu [Quét] được sử dụng ở đây như một ví dụ để giải thích các chức năng tương ứng.

Màn hình Hình thu nhỏ



Màn hình danh sách



① Tìm kiếm

Sử dụng chức năng này để tìm kiếm lệnh.

Bạn có thể sử dụng chuỗi tìm kiếm có tối đa 256 ký tự.

② Menu

Chọn lệnh và nhấp vào một tùy chọn menu.

Tùy chọn menu hiển thị tùy theo màn hình.

③ Thanh tiêu đề (chỉ màn hình danh sách)

Bạn có thể sắp xếp lệnh bằng cách nhấp vào một mục trong thanh tiêu đề ([Tên Tài liệu], [Chủ s.hữu], [Số Trang] hoặc [Đã lưu Ngày và Thời gian]).

④ Chọn Tất cả

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn chọn tất cả các lệnh.



⑤ Các lệnh

Để chọn một lệnh, nhấp vào tên lệnh để thêm dấu kiểm.

⑥ Số lệnh hiển thị trên một trang

Chọn số lệnh sẽ hiển thị trên một trang.

⑦ Chuyển đổi màn hình (chỉ màn hình [Quét] và màn hình [In])

Nhấp vào  hoặc  để chuyển đổi giữa màn hình danh sách và hình thu nhỏ.

⑧ Chuyển đổi trang

◀ hoặc ▶ : Di chuyển đến trang đầu tiên hoặc cuối cùng.

◀ hoặc ▶ : Di chuyển đến trang trước hoặc tiếp theo.

1 2...: Di chuyển đến trang được chỉ định mà bạn nhấp vào.



- Nếu bạn chọn lệnh có mã PIN được chỉ định, màn hình nhập mã PIN hiển thị. Nhập mã PIN và nhấp vào [OK].

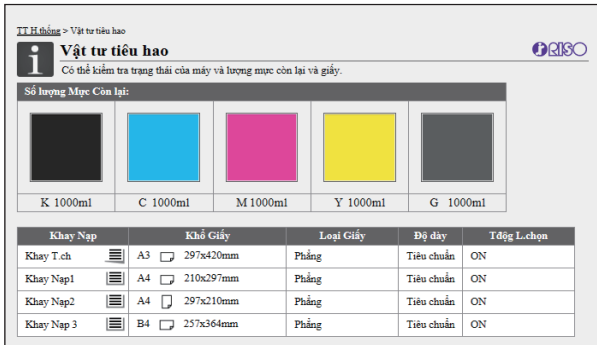
- Bạn có thể chọn nhiều lệnh.

- Nếu tên lệnh, chủ sở hữu hoặc tên thư mục dài quá số ký tự tối đa có thể hiển thị, những thông tin này sẽ hiển thị với phần đầu tiên của tên bị bỏ qua và thay thế bằng dấu "...".

Menu [TT H.thống]

Màn hình [Vật tư tiêu hao]

Màn hình này hiển thị thông tin về mực và giấy.



Lượng Mực Còn lại

Lượng mực còn lại được hiển thị theo 10 mức cho mỗi hộp mực.

Chỉ báo bắt đầu nhấp nháy khi gần đến thời gian thay thế hộp mực.

Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.



- Lượng mực còn lại được chỉ báo dựa trên dung lượng bình.
- Nếu bạn không dùng mực RISO, lượng mực còn lại sẽ không hiển thị.

Trạng thái Giấy

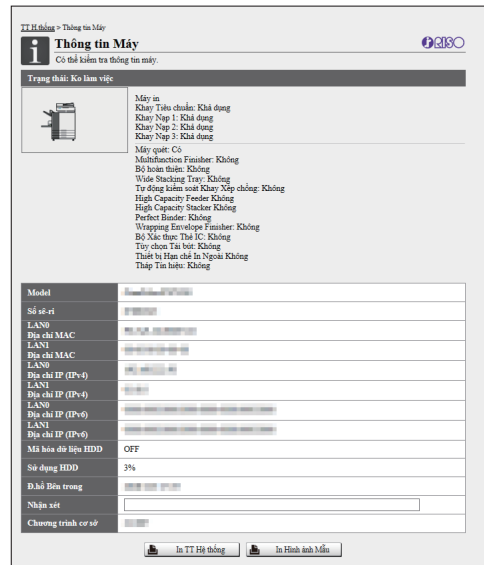
Tất cả thông tin về số lượng giấy còn lại ước tính, khổ giấy, loại giấy, độ dày và tính năng Tự động Lựa chọn có BẬT hay không đều hiển thị cho mỗi khay.

Số lượng giấy còn lại được hiển thị theo 5 mức cho Khay Nạp 1 đến 3. Không có chỉ báo trạng thái giấy cho khay tiêu chuẩn. Khi hiển thị, hãy đảm bảo nạp lại giấy.

Để biết các cài đặt giấy, hãy xem "Thay đổi Cài đặt Khay Giấy" (tr. 1-8) trong "Sao chép".

Màn hình [Thông tin Máy]

Màn hình này hiển thị trạng thái của máy này, trạng thái kết nối của thiết bị tùy chọn, số sê-ri, dung lượng đã dùng trên ổ cứng cục bộ và các thông tin khác liên quan đến hệ thống.



Trạng thái Máy

Trạng thái của máy này, tính khả dụng của khay và trạng thái kết nối của thiết bị tùy chọn, tất cả đều được hiển thị. Nếu xảy ra lỗi, thông báo lỗi sẽ hiển thị.

Thông tin Máy

Model: Model máy.

Số sê-ri: Số sê-ri của máy.

Địa chỉ MAC (LAN0/LAN1): Địa chỉ MAC của máy.

Địa chỉ IP (IPv4/IPv6) (LAN0/LAN1): Địa chỉ IP của máy.

Sử dụng HDD: Tỷ lệ dung lượng đã dùng trên ổ cứng cục bộ.

Mã hóa dữ liệu HDD: Hiển thị trạng thái (ON hoặc OFF) của cài đặt mã hóa dữ liệu cho ổ cứng cục bộ.

Đồng hồ Bên trong: Ngày và giờ của đồng hồ bên trong máy.

Nhận xét: Nhận xét do quản trị viên nhập.

Chỉ người dùng có tài khoản quản trị viên mới có thể nhập nhận xét.

Chương trình Cơ sở: Phiên bản của chương trình cơ sở.

[In TT Hệ thống]

Nhấp vào nút này để in thông tin hệ thống.

[In Hình ảnh Mẫu]

Nhấp vào nút này để in trang mẫu, giúp bạn kiểm tra kết quả của hình ảnh được in.

Kiểm tra Số lượng Chi tiết

Tổng số lượng bản in và bản sao của máy này cũng như số lượng của mỗi khổ giấy sẽ hiển thị.

Khổ Giấy	Đen	Đơn sắc	Màu Đầy đủ
A3	0	0	0
A4	1	0	2183
B4	0	0	0
B5	0	0	0
Foolscap	0	0	0
L Không tiêu chuẩn	0	0	0
S Không tiêu chuẩn	0	0	0

[In Danh sách Đây]

Nhấp vào nút này để in thông tin mới nhất.

[Tải xuống dưới dạng Tệp CSV]

Nhấp vào nút này để lưu thông tin mới nhất vào máy tính dưới dạng tệp CSV.

[Số lượng Dịch vụ]

Tổng số bản in và bản sao do máy này thực hiện hiển thị.

Số lượng Chi tiết

Số lượng của mỗi khổ giấy sẽ hiển thị.



- Khi bạn nhấp vào [In Danh sách Đây] hoặc [Tải xuống dưới dạng Tệp CSV], thông tin mới nhất được thu thập và có thể khác thông tin hiển thị trên màn hình.

Màn hình [T.tin Ng.dùng]

Thông tin về người dùng hiện đã đăng nhập hiển thị.

- Nếu không cần đăng nhập, màn hình [T.tin Ng.dùng] không hiển thị.

	In		Sao chép	
	Đơn sắc	Màu Đầy đủ	Đơn sắc	Màu Đầy đủ
Giới hạn	10000	10000	10000	10000
Hiện tại	75	491	0	0
Số lượng Còn lại	9925	9509	10000	10000

[Thay đổi Mật khẩu]

Bạn có thể thay đổi mật khẩu.

Thông tin Người dùng

Màn hình này hiển thị tên người dùng và nhóm người dùng đã đăng nhập.

Giới hạn

Các giới hạn có thể in và sao chép do quản trị viên thiết lập và số bản in cũng như số bản sao hiện tại do người dùng đã đăng nhập tạo ra sẽ hiển thị.



- Quản trị viên đăng ký các thông tin hiển thị. Nếu dữ kiện khác với thông tin hiển thị, hãy liên hệ quản trị viên của bạn.

Thay đổi Mật khẩu Đăng nhập

Người dùng có thể thay đổi mật khẩu đăng nhập của chính mình.

1 Nhấp vào [Thay đổi Mật khẩu].

2 Nhập mật khẩu mới vào [Mật khẩu Mới].

Mật khẩu của bạn phải có từ 0 đến 16 ký tự (số và/hoặc chữ thường). Các ký tự đã nhập được hiển thị bằng dấu sao (*).

3 Nhập lại mật khẩu mới để xác nhận.

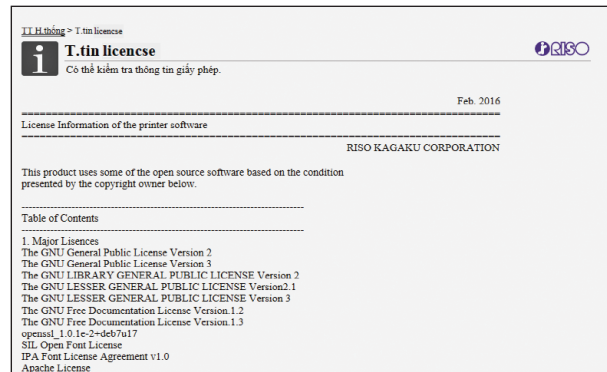
4 Nhấp vào [OK].

Màn hình hiển thị cho biết đã gửi cài đặt.

5 Nhấp vào [OK].

Màn hình [T.tin licence]

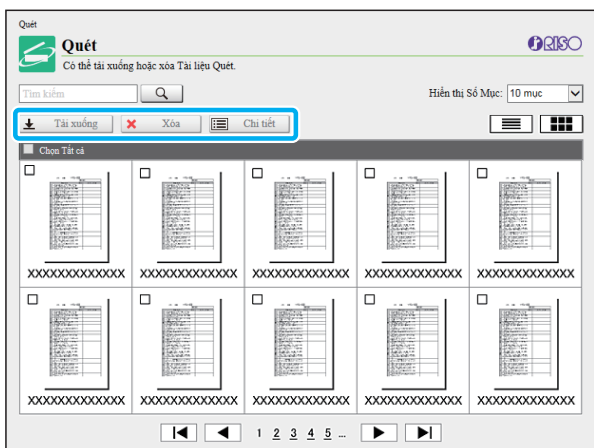
Màn hình [T.tin licence] hiển thị thông tin về giấy phép của hệ thống được sử dụng trong máy.



Menu [Quét]

Màn hình Menu [Quét]

Bạn có thể tải xuống dữ liệu đã quét được lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này vào máy tính.



[Tải xuống]

Tải xuống lệnh đã chọn.

[Xóa]

Nhấp vào nút này để xóa lệnh đã chọn.

[Chi tiết]

Bạn có thể xem cài đặt, dung lượng tệp và thông tin khác về lệnh đã chọn.



- Thời gian lưu trữ của lệnh đã quét do quản trị viên cấu hình bằng [Cài đặt Lưu Tài liệu Quét]. Khi hết thời gian này, lệnh được xóa tự động.

Tải Lệnh Đã quét xuống Máy tính

1 Chọn hộp kiểm của lệnh đã quét để tải xuống.

Bạn có thể chọn nhiều lệnh.

2 Nhấp vào [Tải xuống].

Màn hình cho biết tệp zip đang được tạo sẽ hiển thị.

- Đối với các lệnh có mã PIN, màn hình nhập mã PIN hiển thị. Nhập mã PIN và nhấp vào [OK].

3 Nhấp vào liên kết đến tệp zip.

Hộp thoại [Lưu như] hiển thị.

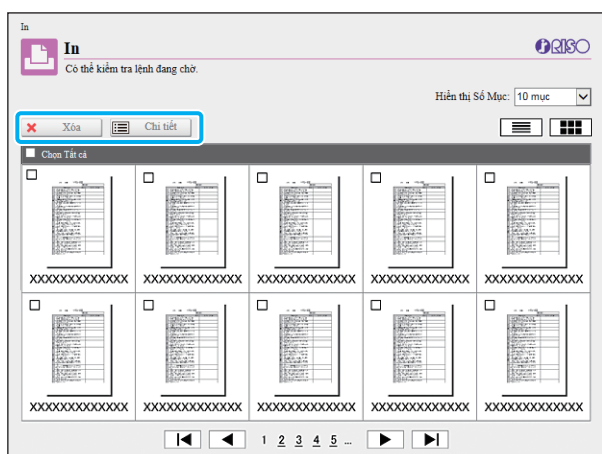
4 Chỉ định thư mục đích và tên tệp rồi nhấp vào [Lưu].

Dữ liệu đã quét được lưu vào máy tính.

Menu [In]

Màn hình Menu [In]

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của lệnh được gửi từ trình điều khiển máy in và lưu trên ổ cứng cục bộ của máy này.



[Xóa]

Nhấp vào nút này để xóa lệnh đã chọn.

[Chi tiết]

Bạn có thể xem cài đặt, dung lượng tệp và thông tin khác về lệnh đã chọn.

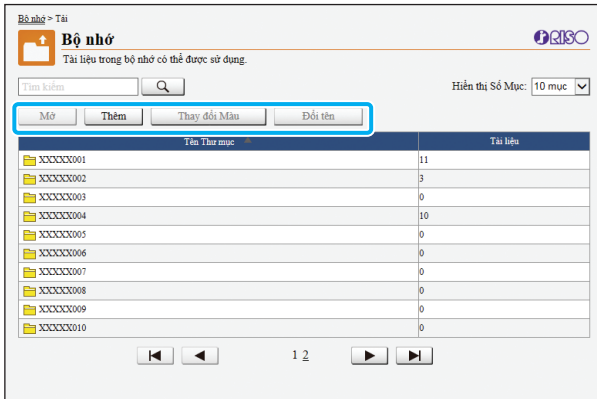


- Trong các trường hợp sau, tất cả tên lệnh hiển thị trong danh sách:
 - Khi người dùng không bắt buộc phải đăng nhập
- Trong các trường hợp sau, tên lệnh hiển thị ở dạng "*****".
 - Lệnh có hộp kiểm [Ẩn Tên Lệnh] được đánh dấu trên trình điều khiển máy in (tr. 3-28 "Mã PIN")

Menu [Bộ nhớ]

Màn hình [Tải]

Thư mục dùng chung và thư mục cá nhân hiển thị.



[Mở]

Nhấp vào nút này để hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục.

[Thêm]

Nhấp vào nút này để thêm thư mục.

Bạn có thể nhập tên thư mục từ 1 tới 128 ký tự.

[Thay đổi Màu]

Nhấp vào nút này để thay đổi màu của thư mục đã chọn.

[Đổi tên]

Nhấp vào nút này để thay đổi tên thư mục.

Bạn có thể nhập tên thư mục từ 1 tới 128 ký tự.



- Các chức năng có thể không hiển thị tùy theo cách cấu hình cài đặt của quản trị viên.

Quản lý Tài liệu trong Thư mục

[Đóng]

Đóng màn hình danh sách tài liệu và hiển thị màn hình [Tải].

[In]

In tài liệu đã chọn.

[Xóa]

Xóa tài liệu đã chọn.

[Sao chép sang thư mục]

Chọn thư mục bạn muốn sao chép sang và nhấp vào nút này để sao chép tài liệu.

[Chi tiết]

Nhấp vào nút này để xem cài đặt của tài liệu đã chọn.

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt.

[Tải xuống]

Nếu cài đặt bộ PS tùy chọn, bạn có thể lưu các lệnh PostScript đã chọn vào máy tính.

1 Chọn thư mục và nhấp vào [Mở].

Màn hình hiển thị danh sách tài liệu trong thư mục đó.

2 Thao tác đối với tài liệu.

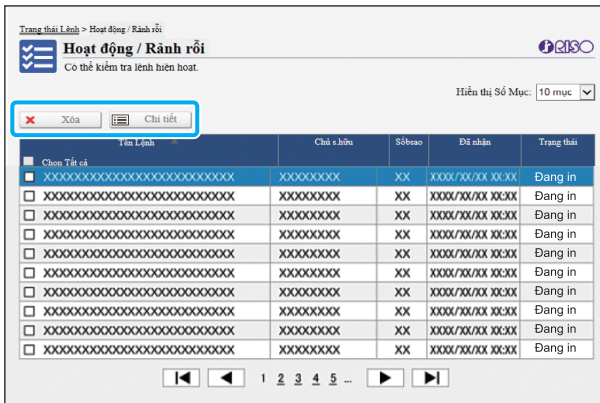
Các chức năng sau khả dụng đối với tài liệu đã chọn:

- In
- Xóa
- Sao chép sang thư mục
- Chi tiết
- Tải xuống

Menu [Trạng thái Lệnh]

Màn hình [Hoạt động / Rảnh rồi]

Lệnh đang được in và lệnh đang chờ in hiển thị.



Trường [Trạng thái] biểu thị trạng thái của từng lệnh (“Đang in”, “Đã tạm ngưng”, v.v.).

[Xóa]

Nhấp vào nút này để xóa lệnh đã chọn.

[Chi tiết]

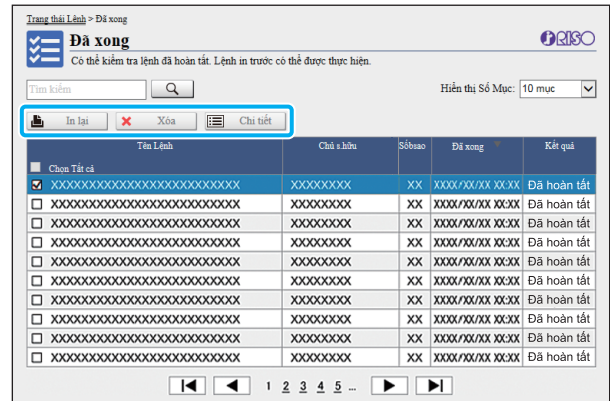
Nhấp vào nút này để xem cài đặt của lệnh đã chọn. Nội dung hiển thị thay đổi tùy theo loại lệnh.



- Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Màn hình [Hoạt động / Rảnh rồi]” (tr. 36) trong “Giới thiệu về Lệnh”.

Màn hình [Đã xong]

Màn hình [Đã xong] hiển thị lệnh in đã xong, lệnh in tạm ngưng và lệnh in có lỗi.



Trường [Kết quả] biểu thị kết quả của từng lệnh (“Đã hoàn tất”, “Lỗi”, v.v.).

[In lại]

Nhấp vào nút này để in lại lệnh đã chọn.

[Xóa]

Nhấp vào nút này để xóa lệnh đã chọn.

[Chi tiết]

Nhấp vào nút này để xem cài đặt của lệnh đã chọn. Nội dung hiển thị thay đổi tùy theo loại lệnh.



- Lệnh đã xong chỉ hiển thị khi đặt [Cài đặt Lệnh đã Hoàn tất] trên menu quản trị viên thành [Lưu].

- Chức năng in không khả dụng trong các trường hợp sau:

- Khi chọn lệnh chưa hoàn thành đúng cách
- Khi chọn lệnh không phải lệnh in
- Khi không được phép in một lệnh đã xong
- Khi chọn lệnh màu mặc dù không được phép in màu

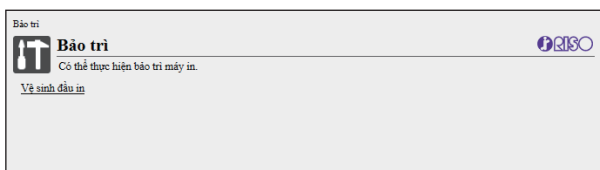
- Khi quản trị viên cấu hình thời gian lưu trữ của lệnh.

- Một biểu tượng cho biết loại lệnh sẽ hiển thị ở bên trái tên lệnh. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Màn hình [Đã xong]” (tr. 37) trong “Giới thiệu về Lệnh”.

Menu [Bảo trì]

Màn hình Menu [Bảo trì]

Trên màn hình này, bạn có thể cấu hình chức năng mà người dùng có thể cấu hình cho thiết bị chính của máy in (hệ thống).



[Vệ sinh đầu in]

Nhấp vào mục này để vệ sinh đầu in nhằm tránh tình trạng tắc. Vệ sinh đầu in khi bạn nhận thấy có thay đổi về chất lượng hình ảnh như mờ một phần của bản in, các vạch trắng hoặc màu bị nhạt đi.

Khi đang dùng máy in, việc vệ sinh đầu in được tiến hành sau khi máy in đã hoàn tất việc in hoặc sao chép.

[Glue Temperature]

Làm nóng trước thiết bị dán hồ khi dùng Perfect Binder.

Vệ sinh đầu in

1 Nhấp vào [Vệ sinh đầu in].

2 Nhấp vào [OK].

Màn hình hiển thị cho biết đã gửi cài đặt.

3 Nhấp vào [OK].

Glue Temperature

Làm nóng trước thiết bị dán hồ khi dùng Perfect Binder.

Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Perfect Binder.

Sử dụng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch là phần mềm ứng dụng phổ biến đối với các sản phẩm ComColor GD series và FW series.

Phần mềm này được sử dụng để chỉ định thông tin về vị trí in mã vạch để có thể tạo mã vạch để đọc trong tài liệu.

Chương này mô tả cách cài đặt và vận hành Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch cũng như cách đăng ký tệp xác định vị trí mã vạch cho máy in.

Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch tr. 7-2

Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Tạo và Đăng ký Tệp Xác định Khu vực Mã vạch tr. 7-5

1. Tạo tệp PRN.



2. Đọc tệp PRN.



3. Chỉ định khu vực mã vạch.



4. Lưu tệp xác định khu vực mã vạch.



5. Đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch.





Tổng quan về Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

Bạn cần cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch trước khi dùng phần mềm này lần đầu tiên.

Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	CPU Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên

Cài đặt



- Đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị.
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.

1 Tải đĩa DVD-ROM Trình điều khiển Máy in RISO đi kèm trong ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

2 Mở [Tiện ích] - thư mục [BarcodeAreaDefinitionSoftware] trên đĩa DVD-ROM và nhấp đúp vào tệp “setup.exe”.

3 Nhấp vào [Tiếp theo].

4 Chọn [Tôi chấp nhận điều khoản trong thỏa thuận cấp phép] và nhấp vào [Tiếp theo].

5 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.



- Khi hoàn tất cài đặt, màn hình “Readme” hiển thị. Màn hình “Readme” bao gồm các lưu ý khi dùng máy. Hãy nhớ đọc thông tin này.

6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.



- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

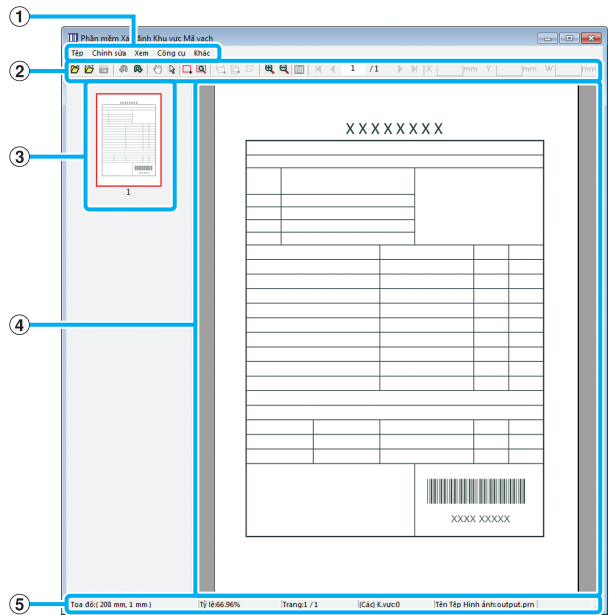
■ Dỡ cài đặt

- 1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Bảng Điều khiển] - [Chương trình và Tính năng] - [BarcodeAreaDefinitionSoftware] - [Dỡ cài đặt].
- 2 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để dỡ cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.
- 3 Sau khi đã dỡ cài đặt Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, hãy khởi động lại máy tính.

Khởi động Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch

- 1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].
 - Đối với Windows 10, nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].
 - Đối với Windows 8.1, mở màn hình “Ứng dụng” và chọn [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].

Màn hình Chính



- ① **Thanh menu**
Thanh menu bao gồm menu [Tệp], [Chỉnh sửa], [Xem], [Công cụ] và [Khác]. Mỗi menu bao gồm một chức năng chỉnh sửa và các mục cài đặt.
- ② **Thanh công cụ**
Các công cụ khác nhau hiển thị.
- ③ **Hình thu nhỏ**
Hình thu nhỏ của hình ảnh in hiển thị.
- ④ **Màn hình khu vực hình ảnh/mã vạch**
Hình ảnh in hiển thị.
- ⑤ **Thanh trạng thái**
Vị trí (tọa độ), mức phóng đại, số trang và các chi tiết khác hiển thị.

Thao tác

Để chỉnh sửa khu vực mã vạch, chọn khu vực in hình ảnh và sử dụng chức năng trong thanh công cụ hoặc thanh menu. Khi cả trong thanh công cụ và thanh menu đều xuất hiện cùng một biểu tượng, bạn có thể nhấp vào một trong hai biểu tượng để thực hiện cùng một thao tác.

Thanh menu	Chức năng
Tệp	
Mở Tệp Hình ảnh	Mở tệp in đã chọn và hiển thị hình ảnh của tệp.
Mở Tệp CSV	Mở tệp CSV đã chọn.
Tạo lại Tệp CSV	Xóa khu vực mã vạch hiển thị.
Lưu	Lưu tệp CSV mà bạn hiện đang dùng.
Lưu dưới dạng	Lưu tệp đang mở bằng tên tệp mới.
Cài đặt Trang	Bạn có thể chỉ định kích thước trang của khu vực tạo mã vạch.
Chỉnh sửa	
Hoàn tác	Hủy chỉnh sửa trước đó.
Làm lại	Áp dụng lại chỉnh sửa bị hủy trước đó. Có thể thực hiện lại 10 chỉnh sửa gần đây nhất.
Sao chép	Sao chép khu vực mã vạch đã chọn.
Dán	Dán khu vực mã vạch đã sao chép sang khu vực khác.
Xóa	Xóa khu vực mã vạch đã chọn.
Lặp lại	Bạn có thể chỉ định lặp lại cùng một khu vực mã vạch. Bạn có thể chỉ định một chu kỳ gồm từ 1 đến 999 trang.
Xem	
Di chuyển	Di chuyển đến trang đầu tiên, trước, tiếp theo hoặc cuối cùng.
Chuyển tới	Di chuyển đến trang được chỉ định. Nhập số trang mong muốn vào hộp văn bản và nhấn phím [Enter]. (Phần này chỉ hiển thị trong thanh công cụ.)

Thanh menu	Chức năng
Công cụ điều chỉnh nhỏ cho khu vực (X/Y/R/C)	Hiển thị tọa độ (X/Y), độ rộng (R) và độ cao (C) của khu vực mã vạch theo định dạng đơn vị hiển thị (mm/inch). Nhập giá trị vào hộp để thay đổi khu vực mã vạch theo một vị trí hoặc kích thước được chỉ định. (Phần này chỉ hiển thị trong thanh công cụ.)
Xoay	Xoay hình ảnh in trên màn hình sang trái hoặc phải 90 độ.
Hiển thị các Thiết bị	Bạn có thể chỉ định mm hoặc inch làm đơn vị để sử dụng trên trang xác định khu vực mã vạch.
Thu phóng	Bạn có thể chỉ định tỷ lệ phóng đại cho hình ảnh in, chỉ định hiển thị hình ảnh vừa trên trang, hiển thị hình ảnh vừa với độ rộng của trang, phóng to hoặc thu nhỏ hình ảnh.
Hình thu nhỏ	Hiển thị hoặc ẩn hình thu nhỏ.
Thanh Trạng thái	Hiển thị hoặc ẩn thanh trạng thái.
Thanh Công cụ	Hiển thị hoặc ẩn thanh công cụ.
Công cụ	
Công cụ bằng Tay	Bạn có thể kéo hình ảnh in để thay đổi vị trí hiển thị của ảnh.
Công cụ Lựa chọn	Bạn có thể chọn khu vực mã vạch. Nhấn và giữ phím Ctrl để chọn nhiều khu vực mã vạch. Khu vực đã chọn được biểu thị bằng
Công cụ Tạo	Bạn có thể chỉ định khu vực mã vạch mà ở đó, mật độ bản in được điều chỉnh để làm cho khu vực này dễ đọc. Khu vực đã khoanh vùng được biểu thị bằng
T.động Phát hiện Khu vực	Tự động phát hiện khu vực mã vạch trên tất cả các trang hoặc trang được chỉ định.
Khác	
Phiên bản	Hiển thị thông tin phiên bản.

Tạo và Đăng ký Tập Xác định Khu vực Mã vạch

Xuất dữ liệu bản gốc từ trình điều khiển máy in thành định dạng tệp PRN. Mở tệp PRN bằng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch, chỉ định khu vực mã vạch và tạo tệp CSV.

Quản trị viên sử dụng RISO Console để đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch vào máy in.

Quy trình

1 Tạo tệp PRN.

Xuất bản gốc có mã vạch được in bằng định dạng tệp PRN.

1 Nhấp vào [Thuộc tính] (hoặc [Chi tiết]) trong hộp thoại in của ứng dụng trên máy tính.

2 Nhấp vào tab [Cơ bản].

3 Chọn [Lưu dưới dạng Tệp] trong menu kéo xuống [Đầu ra].



• Nếu cài đặt bộ PS tùy chọn, hãy chọn [Bộ nhớ].

4 Nhấp vào [Chi tiết] và chỉ định đích.

5 Nhấp vào [OK].

6 Nhấp vào [In].

Tệp PRN được tạo tại đích được chỉ định.

7 Nếu cài đặt bộ PS tùy chọn, hãy sử dụng RISO Console để tải xuống tài liệu lưu trong thư mục.

Khởi động RISO Console, chọn tài liệu được lưu trên màn hình [Tải] trong menu [Bộ nhớ] rồi nhấp vào [Tải xuống].



• Cấu hình cài đặt tương tự cho trình điều khiển máy in như khi bạn in thực sự, trừ cài đặt [Đầu ra]. Nếu định dạng tệp PRN và cài đặt in thực tế (kích thước bản gốc, hướng in, khổ giấy, lên khuôn, v.v.) khác nhau, dữ liệu xác định khu vực mã vạch có thể không được áp dụng chính xác. Nếu bạn thay đổi bất kỳ cài đặt nào liên quan đến bố cục, tọa độ của khu vực đó cũng thay đổi.

• Tệp PRN được trình điều khiển máy in xuất ra theo định dạng đã được phát triển riêng cho RISO KAGAKU CORPORATION. Máy in hoặc ứng dụng của các nhà sản xuất khác không thể mở được tệp PRN.

2 Đọc tệp PRN.

Mở tệp PRN (hình ảnh in) bằng Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

1 Nhấp vào [Bắt đầu] - [Tất cả Chương trình] - [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].

Đối với Windows 8.1, mở màn hình "Ứng dụng" và chọn [RISO] - [Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch].

2 Nhấp vào [Tệp] - [Mở Tệp Hình ảnh] và chọn tệp PRN.

3 Chỉ định số trang sẽ đọc.

Chọn hộp kiểm [Tự động Phát hiện Khu vực Mã vạch.] để tự động phát hiện khu vực mã trên tất cả các trang.

4 Nhấp vào [OK].

Hình ảnh in của bản gốc xuất hiện trong khu vực hình ảnh/mã vạch.




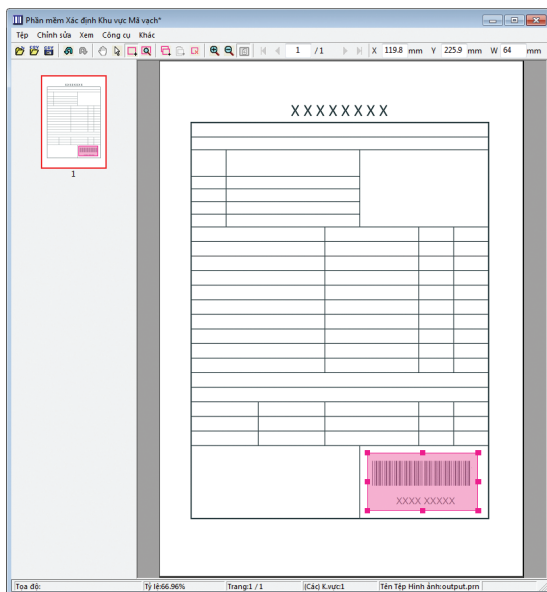
- Nếu bạn sử dụng dữ liệu có kích thước kết hợp, dữ liệu bản gốc có thể được định hướng khác với hình ảnh in. Chọn [Xem] trong thanh menu, xoay hình ảnh in theo hướng giống dữ liệu bản gốc và chỉ định khu vực mã vạch.
- Kích thước mã vạch tối đa có thể đọc bằng tính năng [Tự động Phát hiện Khu vực Mã vạch.] là 100 mm (R) × 30 mm (C) và kích thước tối thiểu là 20 mm (R) × 5 mm (C).



- Không thể tự động phát hiện khu vực mã vạch trong những trường hợp sau:
 - Khi khoảng cách giữa các mã vạch là 5 mm trở xuống
 - Khi hình ảnh mã vạch không rõ ràng
 - Khi mã vạch được đặt ở góc hoặc khi các vạch màu đen không thẳng
 - Khi các vạch không có màu đen thực sự (RGB 0.0.0)
 - Khi khoảng cách giữa các vạch không có màu trắng thực sự (RGB 255.255.255)


3 Chỉ định khu vực mã vạch

Sử dụng  để khoanh vùng mã vạch trên màn hình.



Khu vực đã khoanh vùng được tô màu và chỉ định làm khu vực mã vạch.

Để chỉnh sửa khu vực mã vạch, sử dụng công cụ chỉnh sửa và thanh menu. (tr. 7-4 “Thao tác”)

Nếu sử dụng tính năng phát hiện khu vực mã vạch tự động, hãy đảm bảo mã vạch đã được phát hiện chính xác. Nếu khu vực phát hiện không được căn chỉnh với mã vạch, hãy sử dụng  (công cụ lựa chọn) để điều chỉnh mã vạch.

■ Màn hình Hình thu nhỏ


Góc trên cùng bên trái của hình thu nhỏ là điểm cơ bản và hình ảnh gốc cùng hình ảnh xác định khu vực mã vạch được hiển thị chồng chéo lên nhau. Nếu hình ảnh gốc và hình ảnh xác định khu vực mã vạch không có cùng kích thước, một hình thu nhỏ như hình minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Để chỉ định khu vực mã vạch trong phần màu xám, hãy căn chỉnh hình ảnh gốc và hình ảnh xác định khu vực mã vạch theo cùng một hướng.



Trong ví dụ này, hình ảnh gốc (đường thẳng nét liền) nhỏ hơn hình ảnh xác định khu vực mã vạch (đường thẳng nét đứt).

Phần bên ngoài hình ảnh xác định khu vực mã vạch có màu xám.

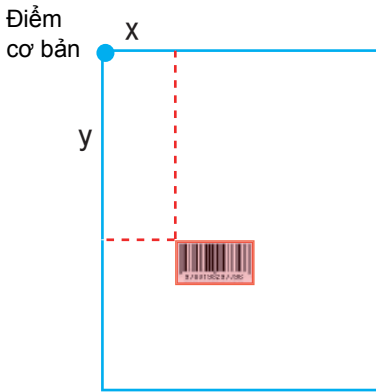


- Bạn có thể chỉ định tối đa 50 mã vạch mỗi trang trên tối đa 30 trang. Nếu chỉ định [Lập lại], bạn có thể áp dụng lặp lại các khu vực.
- Có thể di chuyển khu vực mã vạch trên cùng một trang bằng  (công cụ lựa chọn). Để di chuyển khu vực mã vạch đến trang khác, hãy sao chép và dán khu vực đó sang trang mong muốn. Bạn không thể dán khu vực mã vạch đã sao chép nếu khu vực đó lớn hơn bản gốc.

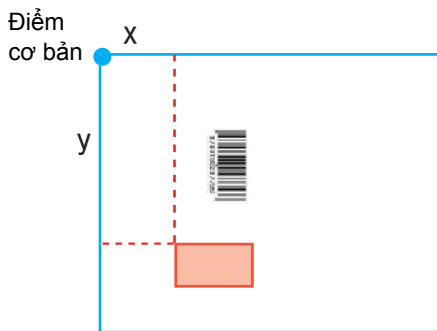
■ Lưu ý khi Xác định Khu vực Mã vạch

Nếu thông tin vị trí của khu vực mã vạch được chỉ định thay đổi, như khi hình ảnh bị xoay, thì khu vực mã vạch sẽ không được xử lý đúng cách.

Nếu hình ảnh bị xoay hoặc hướng in thay đổi, hãy sử dụng công cụ tạo để chỉ định lại khu vực mã vạch. (Hãy hiệu chỉnh khu vực mã vạch bắt đầu từ điểm cơ bản)




Ví dụ về xử lý mã vạch chính xác



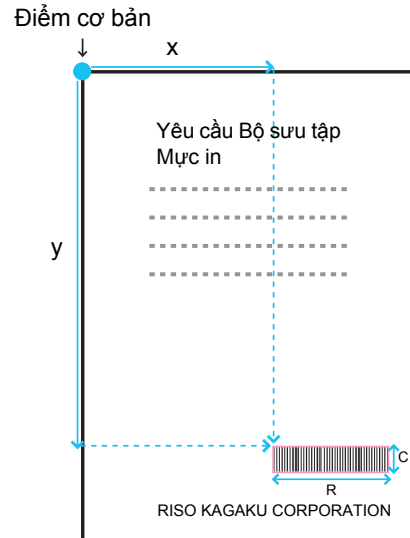
Ví dụ về xử lý mã vạch không chính xác do bản gốc bị xoay và vị trí mã vạch so với điểm cơ bản thay đổi

● 4 Lưu tệp xác định khu vực mã vạch

Nhấp vào  trong thanh menu. Tệp xác định khu vực mã vạch được xuất (lưu) bằng định dạng CSV. Để thay đổi tên tệp khi lưu, hãy chọn [Lưu dưới dạng] trong menu [Tệp].



- Tệp CSV chỉ định kích thước (R, C) và tọa độ vị trí (X, Y) của mã vạch trên bản in ra (theo đơn vị 0,1 mm) so với điểm cơ bản, là góc trên cùng bên trái của dữ liệu bản gốc tạo trên máy tính.



● 5 Đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch.











































Đăng ký tệp xác định khu vực mã vạch cho máy in trong menu quản trị viên trên RISO Console. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Hướng dẫn Quản trị”.

Chức năng Lặp lại

Nếu bạn sử dụng chức năng [Lặp lại] khi chỉ định khu vực mã vạch, khu vực này sẽ được chỉ định lặp lại cho các trang sau dựa trên giá trị được chỉ định cho [Chu kỳ] trong hộp thoại [Lặp lại]. Điều đó giúp bạn không phải xác định khu vực này trên từng trang và tất cả các trang.

- Khi chu kỳ bằng 0: Khu vực mã vạch chỉ được áp dụng trên trang được cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch.
- Khi chu kỳ bằng 1: Khu vực mã vạch được cấu hình cho trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch được lặp lại trên từng trang đến trang cuối cùng.
- Khi chu kỳ bằng 2: Cứ 2 trang một lần, khu vực mã vạch được cấu hình cho 2 trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch lại được lặp lại đến trang cuối cùng.
- Khi chu kỳ bằng 3: Cứ 3 trang một lần, khu vực mã vạch được cấu hình cho 3 trang đầu tiên trong tệp xác định khu vực mã vạch lại được lặp lại đến trang cuối cùng.

Trong ví dụ bên dưới, khu vực mã vạch được xác định cho 3 trang.

Dữ liệu bản gốc	 p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13
Xác định khu vực mã vạch	  
Chu kỳ: 0	 p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13 Các trang bạn cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch Tính năng xử lý mã vạch không được cấu hình cho các trang từ 4 đến 13.
Chu kỳ: 3	 p.1  p.2  p.3  p.4  p.5  p.6  p.7  p.8  p.9  p.10  p.11  p.12  p.13 Các trang bạn cấu hình trong tệp xác định khu vực mã vạch Các trang lặp lại Các trang lặp lại Các trang lặp lại



- Bạn có thể chỉ định từ 1 đến 999 trang cho [Chu kỳ].
- Các trang sau trang được đặt trong quy trình lặp lại không xuất hiện trong hình thu nhỏ.

In Bản gốc Mã vạch

Bạn có thể chọn tệp xác định khu vực mã vạch đã đăng ký từ menu kéo xuống [Xác định Khu vực Mã vạch] trong tab [Hình ảnh] trên màn hình trình điều khiển máy in.

Chọn tệp xác định khu vực mã vạch thích hợp khi in bản gốc mã vạch. (tr. 3-26 “Xác định Khu vực Mã vạch”)

Thiết bị Tùy chọn

Chương này mô tả thiết bị tùy chọn có thể dùng với máy này.

Bộ hoàn thiện tr. 8-2

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống.

Bộ nạp Sức chứa lớn tr. 8-9

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ nạp sức chứa lớn.

Khay Xếp chồng (Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát / Khay Xếp chồng Rộng) tr. 8-14

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối khay xếp chồng tự động kiểm soát/khay xếp chồng rộng.

Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn tr. 8-19

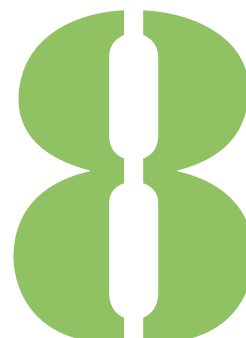
Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ xếp giấy sức chứa lớn.

Bộ hoàn thiện Đa chức năng tr. 8-27

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng.

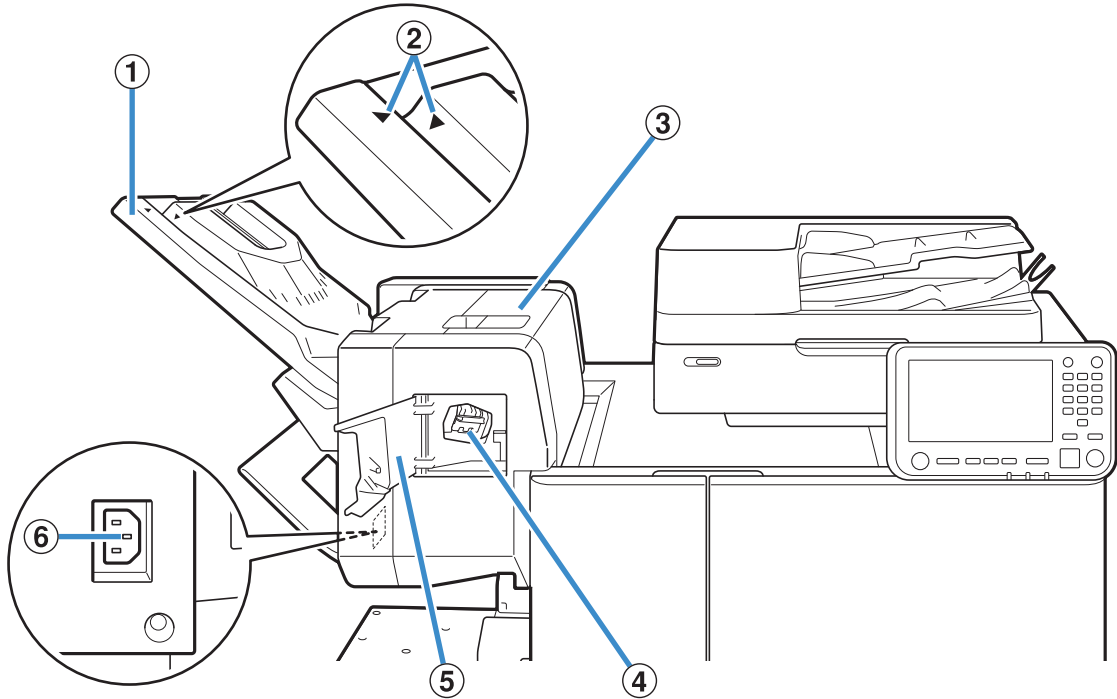
Bộ PS tr. 8-44

Phần này mô tả các cài đặt và chức năng khả dụng khi cài đặt bộ PS.



Bộ hoàn thiện

Nếu kết nối bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn, bạn có thể dập ghim các tờ đã in hoặc tiến hành điều chỉnh giấy ra cho từng tập tài liệu đã in.



① Khay Xếp chồng

Bản in ra úp xuống.

② Vị trí Đặt Khay Xếp chồng

Trượt vào vị trí tùy theo loại giấy và điều kiện xuất giấy.

③ Nắp Nhà Giấy kẹt

④ Hộp Ghim dập

Kéo hộp ghim dập ra để thay thế ghim dập hoặc nếu ghim dập bị kẹt.

⑤ Nắp Ghim dập

Mở nắp này nếu ghim dập bị kẹt hoặc để thay thế hộp ghim dập.

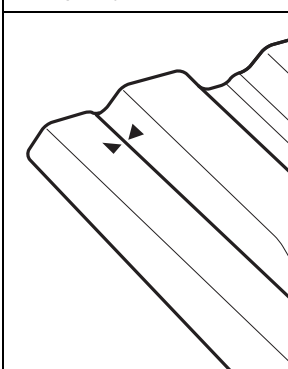
⑥ Ổ cắm Bộ hoàn thiện Úp Xuống

Kết nối dây nguồn của bộ hoàn thiện úp xuống.



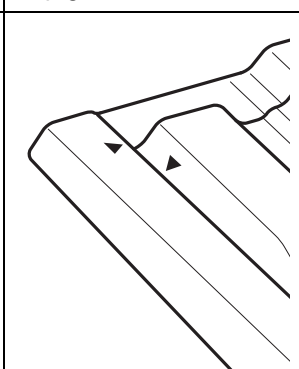
- Khay xếp chồng bị trượt. Để xuất giấy ra theo cách thông thường, hãy căn chỉnh ► và ◀ được minh họa trong ②.

Bình thường (trừ trường hợp được minh họa ở bên phải)



Căn chỉnh ► và ◀.

Khi dùng giấy khổ B5 hoặc nhỏ hơn mà không dập ghim



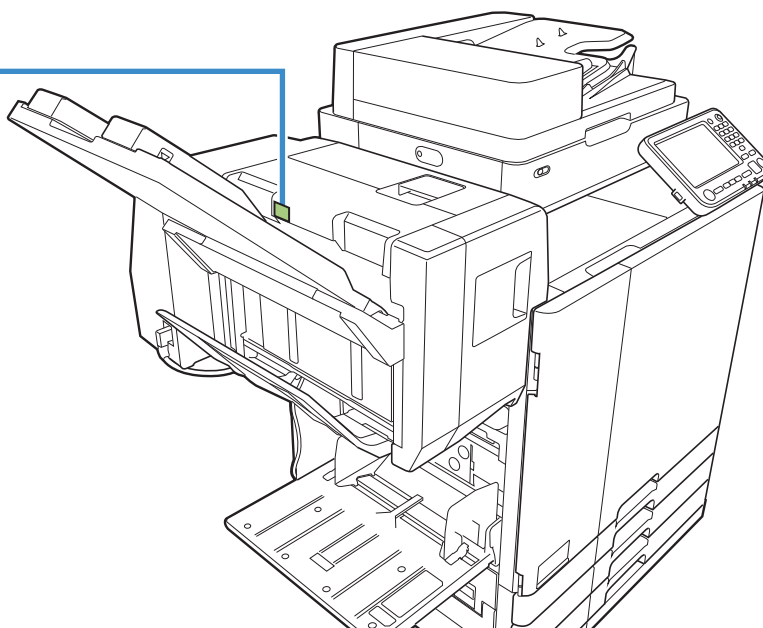
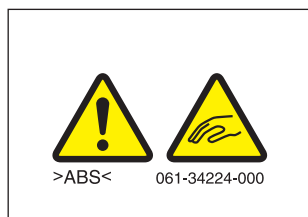
Định vị ► và ◀ lệch nhau.

Nhãn lưu ý

Để đảm bảo bạn sử dụng an toàn, chúng tôi đã gắn nhãn lưu ý dưới đây vào bộ hoàn thiện. Khi vận hành hoặc bảo trì bộ hoàn thiện, hãy tuân theo các hướng dẫn trên nhãn lưu ý để sử dụng an toàn. Không bóc hoặc làm bẩn nhãn. Nếu nhãn không dính vào bộ hoàn thiện, đang bong ra hoặc không đọc được, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện bảo dưỡng được ủy quyền.

■ Vị trí của nhãn lưu ý

Dưới đây là hình minh họa vị trí của nhãn lưu ý (cảnh báo).



■ Chi tiết nhãn

Ngón tay của bạn có thể bị kẹt trong khi bộ hoàn thiện di chuyển hoặc khi bạn lấy bản in ra khỏi khay xếp chồng.

Danh sách Cài đặt

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống.

Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Đang h.tắt]		
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim.	tr. 8-5
Bản ra sole	Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.	tr. 8-7
Tab [Cài tiến]		
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 3-28
Bản ra sole (Chương trình)	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-7



- Khi [Dập ghim] trong tab [Đang h.tắt] có màu xám, hãy đảm bảo rằng [Cấu hình Máy in] trên tab [Môi trường] đã được cấu hình chính xác. (tr. 3-32 “Cấu hình Máy in”)


Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 1-24
Bản ra sole ([Chương trình])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-7
Phân tách	Chỉ định vị trí chèn tám nệm giữa các bản in.	tr. 1-27
Bản ra sole ([Phân tách])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-7
Dập ghim	Cấu hình cài đặt dập ghim.	tr. 8-8

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.

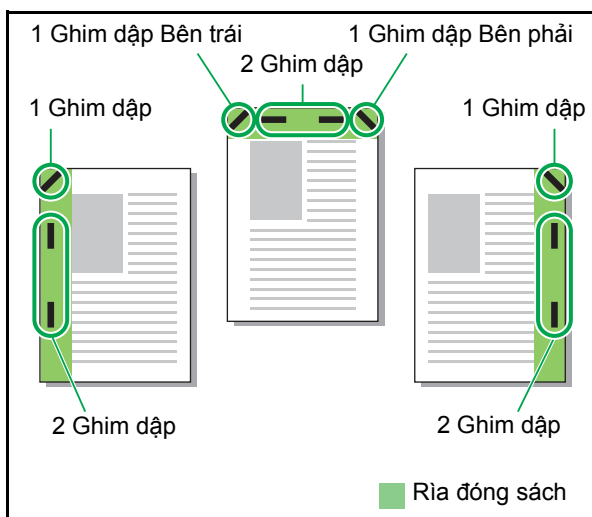
-  • Khi cấu hình [Dập ghim], hãy đảm bảo cấu hình [Rìa đóng sách].
- Khi cấu hình [Dập ghim], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-16 “Sách”)
- Hướng giấy thay đổi tùy theo mép đóng nẹp. Xem “Chức năng Dập ghim và Hướng Nẹp của Giấy” (tr. 8-6).

Nếu bạn chọn [Trái] hoặc [Phải] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập], [2 Ghim dập]

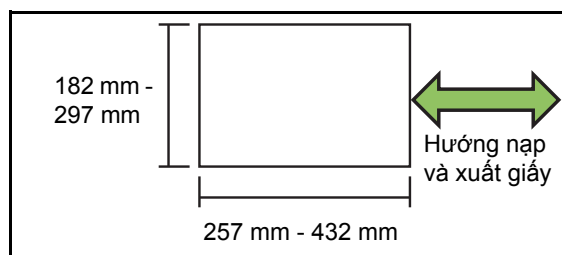
Nếu bạn chọn [Trên cùng] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập B.trái], [1 Ghim dập B.phải], [2 Ghim dập]



Các loại giấy có thể dập ghim


- Kích thước giấy: A3, B4, A4, A4-LEF¹, B5, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap



- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 210 g/m²

Số tờ có thể dập ghim

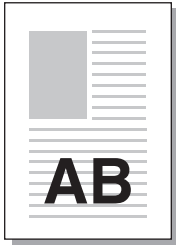
- Giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 đến 50 tờ²
 - Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal, Foolscap)): 2 đến 25 tờ²
- 1 Nẹp Mép Dài
 - 2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²)

-  • Không thể dập ghim khi sử dụng giấy có kích thước khác thường.
- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, màn hình cấu hình sẽ hiển thị để bạn có thể chọn dừng in hay tiếp tục in mà không dập ghim.

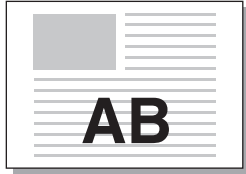
Chức năng Dập ghim và Hướng Nạp của Giấy

Hướng nạp giấy vào khay giấy (khay tiêu chuẩn) và vị trí dập ghim được liệt kê bên dưới.

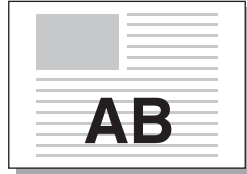
Hướng: Dọc



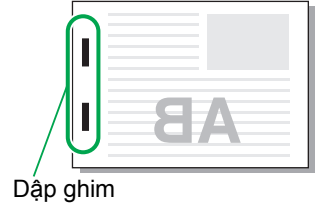
Hướng: Ngang



Dữ liệu ngửa lên



Dữ liệu úp xuống



Mép đóng nẹp	Vị trí dập ghim					
Trái	1 Ghim dập		2 Ghim dập		/	
Phải	1 Ghim dập		2 Ghim dập			
Trên cùng	1 Ghim dập Bên trái		1 Ghim dập Bên phải		2 Ghim dập	
Chuyển giấy						



• Khi bạn không nạp giấy có khổ tương ứng vào khay, một thông báo sẽ xuất hiện.
 Hãy làm theo hướng dẫn hiển thị và nạp giấy vào khay.

• Đối với [1 Ghim dập], tùy theo khổ giấy và hướng nạp, góc của ghim dập có thể khác với góc ở hình minh họa bên trên hoặc hình ảnh in hiển thị trên màn hình trình điều khiển máy in.

Bản ra sole

Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.



- Khi cấu hình [Chương trình], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-28 “Chương trình”)
- Cài đặt này không khả dụng đối với các khổ giấy không thể xuất ra bộ hoàn thiện úp xuống.
- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống, bạn không thể sử dụng cài đặt này với chức năng dập ghim.
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữ các Lần xếp]

Các tập tài liệu đã in chỉ định trong [Sắp xếp] được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

[Giữa các Lệnh]

Các lệnh in đã hoàn tất được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

Bản ra sole (Chương trình)

Ngoài chức năng “Chương trình” (tr. 3-28) cho bản in, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Cài đặt Chế độ Sao chép

Bản ra sole ([Chương trình])

Ngoài chức năng “Chương trình” (tr. 1-24) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Bản ra sole ([Phân tách])

Ngoài chức năng “Phân tách” (tr. 1-27) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.



- Bạn không thể sử dụng [Bản ra sole] và [B.gốc K.cỡk.hợp] đồng thời. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”)

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữ các Lần xếp]

Mỗi tập đã sắp xếp được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Sau một Lệnh]

Mỗi lệnh in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Giấy có thể điều chỉnh được

- Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống:
131 mm × 148 mm - 305 mm × 550 mm

1 Chạm vào [Phân tách].

2 Chọn cài đặt điều chỉnh giấy ra.

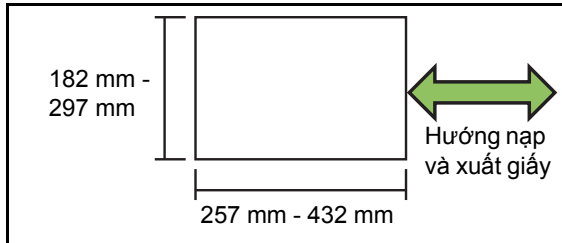
3 Chạm vào [OK].

Dập ghim

Dập ghim ở vị trí đã chỉ định.

Các loại giấy có thể dập ghim

- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF¹, B5, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap



- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 210 g/m²

Số tờ có thể dập ghim

- Giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 đến 50 tờ²
Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal, Foolscap)): 2 đến 25 tờ²
- 1 Nạp Mép Dài
- 2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²)



- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, màn hình cấu hình sẽ hiển thị để bạn có thể chọn dừng in hay tiếp tục in mà không dập ghim.
- Không thể dập ghim khi sử dụng giấy có kích thước khác thường.
- Không thể dùng chức năng [Dập ghim], [Sách] và [Viền Trang] đồng thời. (tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-19 “Viền Trang”)

■ Hướng Gốc

[Tr.cùg ởTrên]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc theo hướng có thể đọc bản gốc một cách bình thường.

[Tr.cùg Btrái]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc sao cho phần trên cùng của bản gốc được căn chỉnh với mép trái.

■ Rìa đóng sách

Chọn mép đóng nẹp của giấy.

Trái, Phải, Trên cùng

■ Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.

Nếu bạn chọn trái hoặc phải cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], 1 Ghim dập, 2 Ghim dập

Nếu bạn chọn trên cùng cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], 1 ghim dập bên trái, 1 ghim dập bên phải, 2 ghim dập



- 1 ghim dập bên trái và 1 ghim dập bên phải chỉ hiển thị khi chọn phía trên cùng cho [Rìa đóng sách].

1 Chạm vào [Dập ghim].

2 Cấu hình [Rìa đóng sách].

3 Cấu hình [Dập ghim].

4 Chạm vào [OK].

■ Lề đóng nẹp

Bạn có thể chỉ định lề đóng nẹp để ghim dập không nằm trong khu vực in.

1 Chạm vào [Lề đóng nẹp] trên màn hình [Dập ghim].

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

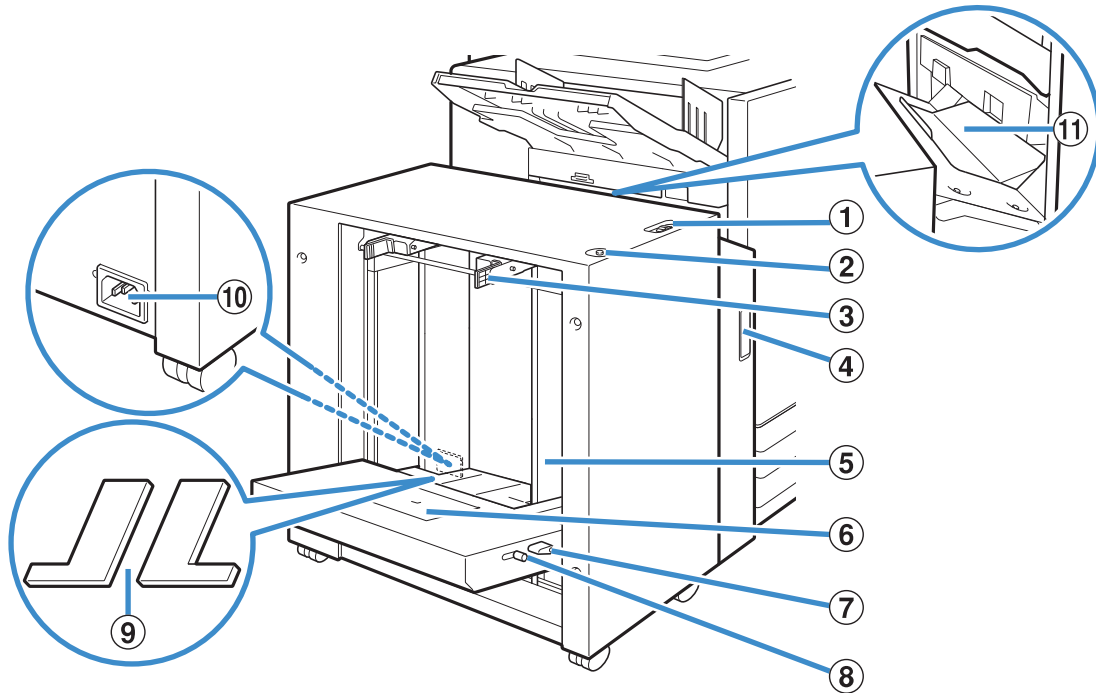
2 Chỉ định lề đóng nẹp.

- Chọn [Rìa đóng sách].
- Sử dụng [▼], [▲] hoặc phím số để nhập độ rộng.
- Nếu thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp, hãy đặt [T.độg Thu nhỏ] thành [ON].

3 Chạm vào [OK].

Bộ nạp Sức chứa Lớn

Khi kết nối với bộ nạp sức chứa lớn tùy chọn, bạn có thể nạp vào khay này khoảng 4.000 tờ giấy in (khi dùng giấy phẳng, giấy tái chế).



① Cần gạt Điều chỉnh Áp lực Nạp Giấy

Sử dụng cần gạt này để điều chỉnh áp lực nạp giấy cho [Tiêu chuẩn] hoặc [Thẻ] cho phù hợp với loại giấy được nạp trong bộ nạp sức chứa lớn.

② Nút Hạ Khay Tiêu Chuẩn

Sử dụng nút này để di chuyển bộ nạp sức chứa lớn lên hoặc xuống khi thay thế hoặc thêm giấy vào khay.

③ Cần gạt Dẫn hướng Nạp Giấy

Kẹp chặt các cần gạt này để trượt bộ phận dẫn hướng nạp giấy. Nhả các cần gạt để cố định bộ phận dẫn hướng nạp giấy vào vị trí. Cần nằm trên cả hai bên của dẫn hướng giấy trong khay tiêu chuẩn ở hai vị trí.

④ Nắp Trước

Mở nắp này khi kẹt giấy.

⑤ Dẫn hướng Giấy trong Khay Tiêu Chuẩn

Dẫn hướng này ngăn giấy trong bộ nạp sức chứa lớn khỏi bị xô lệch.

⑥ Dẫn hướng Bì thư

Sử dụng bộ phận dẫn hướng này khi in trên bì thư. Tùy theo loại bì thư đang sử dụng, cần phải điều chỉnh góc nghiêng.

⑦ Cần gạt Điều chỉnh Góc Dẫn hướng Bì thư

Sử dụng cần gạt này để điều chỉnh góc nghiêng của bộ phận dẫn hướng bì thư. Góc của bộ phận dẫn hướng bì thư có thể được điều chỉnh thành bốn mức.

⑧ Cần gạt Điều chỉnh Áp lực Nạp Giấy Dẫn hướng Bì thư

Sử dụng cần gạt này để điều chỉnh áp lực nạp giấy cho phù hợp với chất lượng giấy của bì thư đang sử dụng.

⑨ Nắp Đệm Khay Tiêu chuẩn

Tháo các nắp này khi bạn nạp giấy có khổ nhỏ hơn A4 (Letter) hoặc lớn hơn A3 (Ledger) hay nạp bì thư C5/DL-LEF.

⑩ Ổ cắm Bộ nạp Sức chứa Lớn

Kết nối dây nguồn của bộ nạp sức chứa lớn. Ổ cắm được đặt ở phía bên phải mặt sau của khay tiêu chuẩn.



• Bạn không thể sử dụng khay tiêu chuẩn khi kết nối với bộ nạp sức chứa lớn.

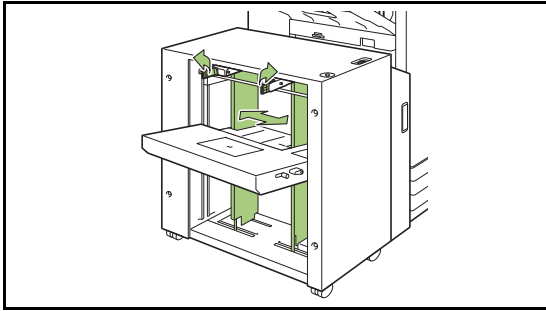
⑪ Nắp Chuyển

Nếu xảy ra hiện tượng kẹt giấy, hãy mở nắp này và lấy tờ giấy bị kẹt ra.

Nạp Giấy

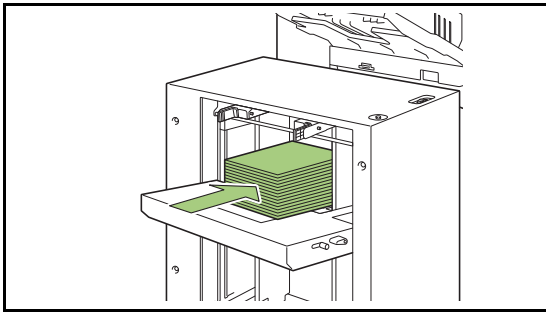
1 Tách các bộ phận dẫn hướng nạp giấy.

Kẹp chặt cần gạt dẫn hướng nạp giấy (cả hai bên) để mở khóa và trượt bộ phận dẫn hướng.



2 Nạp giấy.

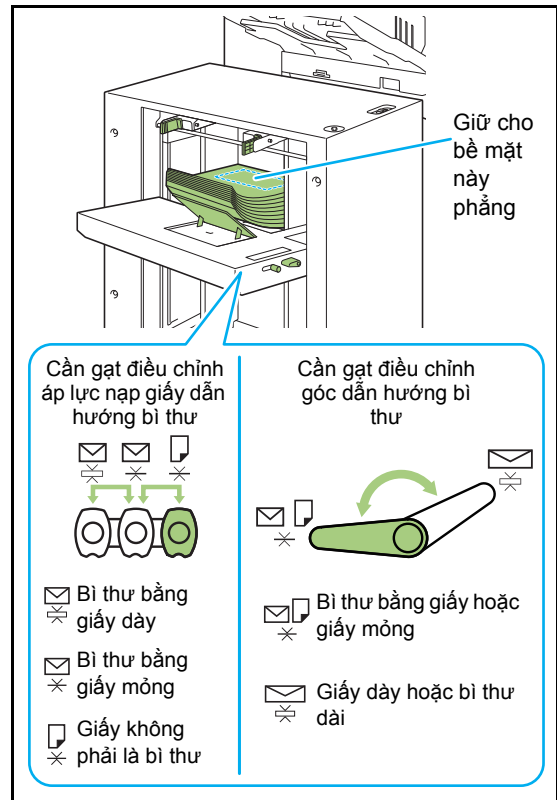
Nạp giấy với mặt in ngửa lên.



• Khi nạp rất nhiều giấy cùng lúc, việc điều chỉnh hợp lý các bộ phận dẫn hướng là rất khó và có thể khiến giấy không được nạp đúng cách. (Giấy có thể bị gập, cong hoặc xô lệch.) Chia giấy thành nhiều tệp khi nạp. Khi đặt rất nhiều giấy cùng lúc, hãy xem “Khi Đặt Số lượng Lớn Giấy Cùng lúc” (tr. 8-12).

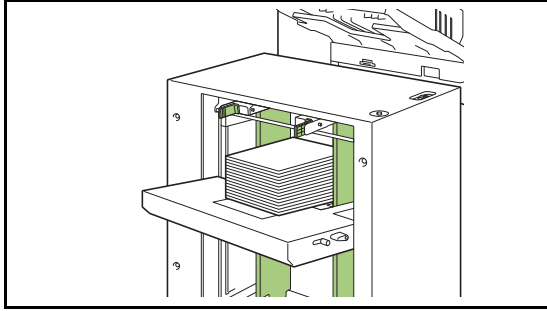
• Hãy đảm bảo nạp bì thư với nắp bì thư mở ra và cạnh cuối bì thư đi vào máy trước. Cấu hình phần điều chỉnh góc nghiêng của bộ phận dẫn hướng bì thư bằng cần gạt điều chỉnh góc dẫn hướng bì thư.

Xin lưu ý rằng bạn cũng cần phải điều chỉnh áp lực nạp giấy tùy theo chất lượng giấy của bì thư đang sử dụng. Cấu hình áp lực bằng cần gạt điều chỉnh áp lực giấy dẫn hướng bì thư. Vừa trượt vừa nâng cần gạt lên. Xem hình dán ở gần cần gạt để đặt áp lực phù hợp với bì thư đang sử dụng.



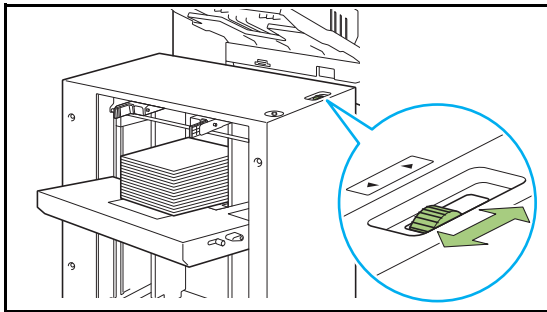
3 Điều chỉnh bộ phận dẫn hướng nạp giấy cho phù hợp với khổ giấy.

Vừa trượt các bộ phận dẫn hướng vừa kẹp chặt cần gạt dẫn hướng nạp giấy để khớp các bộ phận dẫn hướng với mép giấy, rồi nhả cần gạt dẫn hướng nạp giấy ra để cố định các dẫn hướng vào vị trí.



4 Điều chỉnh cần gạt điều chỉnh áp lực nạp giấy.

Để sử dụng bình thường, hãy đặt thành “NORMAL”. Đối với giấy dày hoặc các loại giấy khác dùng cho mục đích đặc biệt, hãy đặt thành “CARD”.



5 Trên bảng vận hành, kiểm tra cài đặt khay.

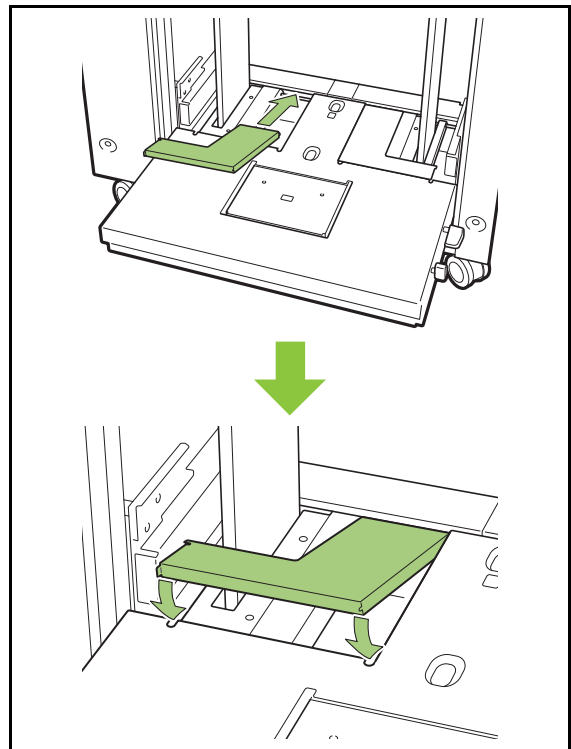
Cấu hình khổ giấy và loại giấy với [Khay Giấy]. Khi thay đổi giấy nạp vào khay, hãy đảm bảo thay đổi cài đặt trong [Khay Giấy].

Giới thiệu về Nắp Đệm Khay Tiêu chuẩn

Tùy theo khổ giấy đang dùng, bạn có thể cần dùng nắp đệm khay tiêu chuẩn hoặc không.

■ Các trường hợp Cần Dùng Nắp Đệm Khay Tiêu chuẩn

Lắp và sử dụng đúng cách nắp đệm khay tiêu chuẩn khi khổ giấy là B5-LEF, A4-LEF, B4, A3 hoặc khổ tùy chỉnh có chiều rộng là 257 mm trở lên.



■ Các trường hợp Không Cần Dùng Nắp Đệm Khay Tiêu chuẩn

Khi khổ giấy nhỏ hơn A4 theo chiều dọc hay lớn hơn A3 hoặc khi dùng bì thư có kích thước C5 hoặc DL-LEF, hãy tháo nắp đệm khay tiêu chuẩn. Bạn không thể tháo bộ phận dẫn hướng nạp giấy khi nắp đang đậy.

Khi Đặt Số lượng Lớn Giấy Cùng lúc

1 Tách các bộ phận dẫn hướng nạp giấy và nạp khoảng 500 tờ vào khay tiêu chuẩn.

2 Điều chỉnh bộ phận dẫn hướng nạp giấy cho phù hợp với khổ giấy.

Di chuyển bộ phận dẫn hướng theo mép giấy và nhấn cần gạt để khóa.

3 Nạp phần giấy còn lại.

Các quy trình sau khi đã nạp hết toàn bộ giấy cũng giống như khi nạp giấy cho hoạt động thông thường. Hãy thực hiện bước 4 và 5 được mô tả trong “Nạp Giấy” (tr. 8-10).

Thêm Giấy

Dùng nút hạ khay tiêu chuẩn khi thêm giấy. Vị trí hạ khay tiêu chuẩn sẽ khác nhau tùy theo cách vận hành nút hạ khay tiêu chuẩn. Lưu ý rằng khay Tiêu Chuẩn được hạ tự động khi lấy tất cả giấy ra.

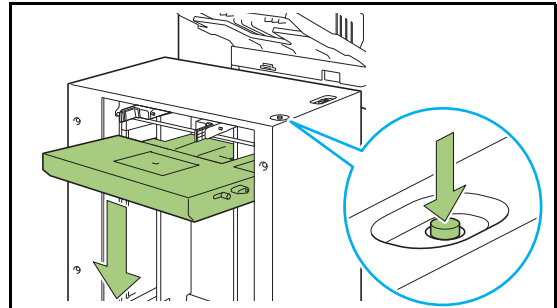
1 Nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn để hạ khay tiêu chuẩn.

Nhấn và giữ nút hạ khay tiêu chuẩn.

Khay tiêu chuẩn sẽ tiếp tục hạ nếu bạn vẫn đang nhấn nút này. Ấn nút này tới khi khay đi tới vị trí mong muốn.

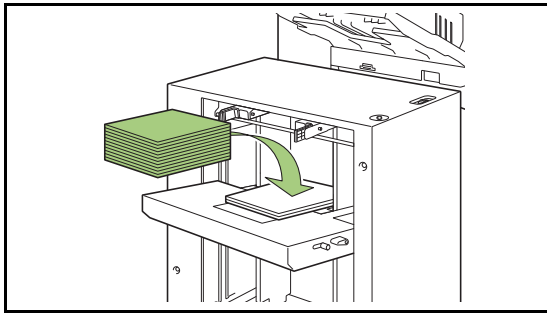
Nhấn và thả nhanh nút hạ khay tiêu chuẩn.

Khay tiêu chuẩn sẽ được hạ xuống một vị trí nhất định.



- Vị trí hạ khay tiêu chuẩn khi nhấn nút hạ khay tiêu chuẩn hoặc khi hết giấy sẽ do quản trị viên đặt. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.
- Khi khay tiêu chuẩn được hạ xuống vị trí thấp nhất, bạn có thể nạp rất nhiều giấy cùng lúc, tuy nhiên, bạn phải ngồi xổm khi nạp giấy. Để nạp giấy khi đứng hoặc trong trường hợp bạn hiếm khi phải nạp rất nhiều giấy cùng lúc, hãy tránh hạ khay tiêu chuẩn xuống vị trí thấp nhất.
- Vị trí hạ khay tiêu chuẩn có thể được cấu hình một cách tiện lợi cho phù hợp với hoàn cảnh sử dụng. Để thay đổi vị trí hạ khay tiêu chuẩn, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

2 Thêm Giấy.



Khi Thêm Số lượng Lớn Giấy

Bạn có thể đặt số lượng giấy lớn hơn cùng lúc bằng cách nhấn và giữ nút hạ khay tiêu chuẩn và hạ khay tiêu chuẩn xuống vị trí thấp nhất.



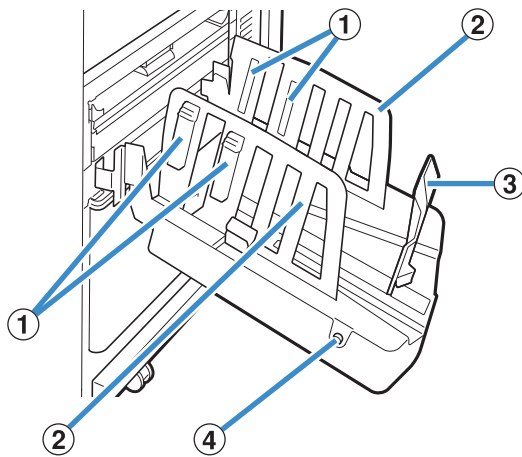
- Vị trí hạ khay tiêu chuẩn khi nhấn nhanh nút hạ khay tiêu chuẩn hoặc khi hết giấy sẽ do quản trị viên đặt. Để thay đổi vị trí hạ khay tiêu chuẩn, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

Khay Xếp chồng (Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát / Khay Xếp chồng Rộng)

Khay xếp chồng tự động kiểm soát và khay xếp chồng rộng được cung cấp dưới dạng khay xếp chồng tùy chọn.

- Với khay xếp chồng tự động kiểm soát, dẫn hướng giấy tự động điều chỉnh cho khớp với khổ giấy.
- Với khay xếp chồng rộng, hãy di chuyển dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) cho phù hợp với khổ giấy.

Khay xếp chồng tự động kiểm soát được hiển thị trong hình minh họa sau đây.



① Bộ sắp xếp Giấy

Đặt cho phù hợp với loại giấy để giấy xuất ra được căn chỉnh gọn gàng.

② Dẫn hướng Giấy (bên cạnh)

③ Dẫn hướng Giấy (cuối)

Sử dụng để tránh cho giấy xuất ra khay xếp chồng khỏi bị xô lệch.

④ Nút Mở Dẫn hướng Giấy

(Chỉ Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát)

Sử dụng để tách các dẫn hướng giấy ra xa nhau. Cách hoạt động thay đổi tùy theo trạng thái có giấy hay không.

- Khi máy không làm việc và không có giấy trong khay xếp chồng, các dẫn hướng mở ở vị trí nạp.
- Khi máy không làm việc và có giấy trong khay xếp chồng, các dẫn hướng giấy tách xa nhau, giúp bạn lấy giấy ra dễ dàng. Quản trị viên có thể cấu hình cho bộ phận dẫn hướng giấy nào tách xa ra khi nhấn nút này.

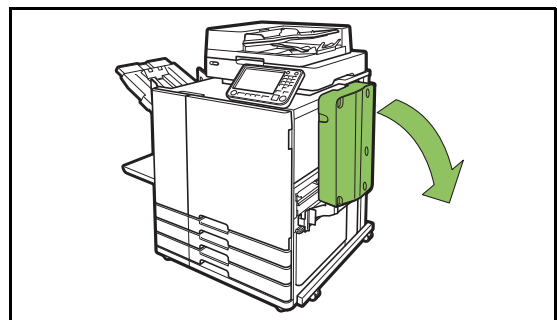
Nạp Khay Xếp chồng

Làm theo quy trình sau đây để nạp khay xếp chồng. Tùy theo khổ giấy hoặc loại giấy, bạn còn có thể điều chỉnh bộ sắp xếp giấy vào lúc này.

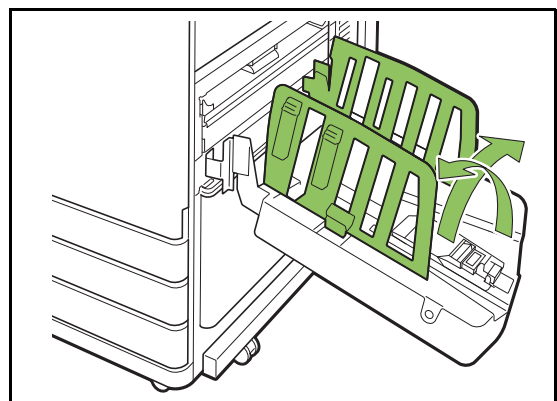


- Khay xếp chồng tự động kiểm soát được hiển thị trong hình minh họa sau đây.
- Khi sử dụng khay xếp chồng rộng, hãy điều chỉnh theo cách thủ công vị trí của dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) cho phù hợp với khổ giấy.

1 Mở khay xếp chồng theo chiều mũi tên tới khi khay dừng lại.

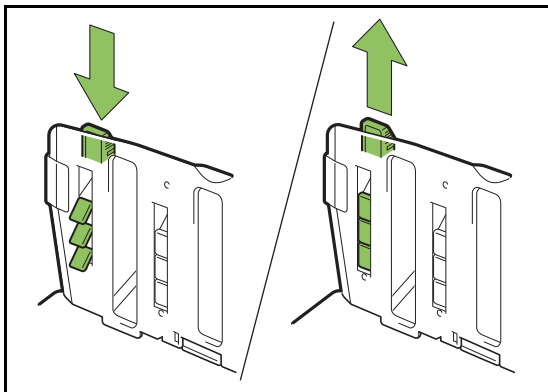


2 Nhấc các dẫn hướng giấy (bên cạnh) dựng đứng lên.

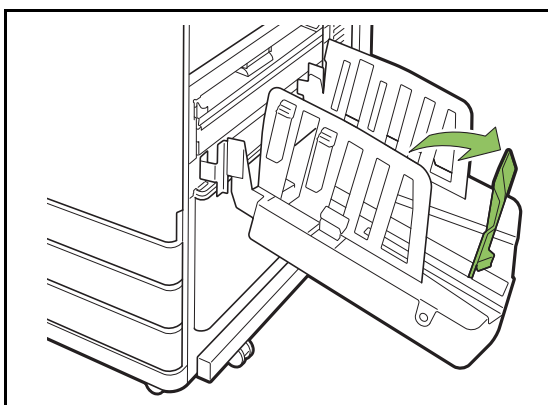


3 Điều chỉnh bộ sắp xếp giấy.

Bình thường, bộ sắp xếp giấy được mở rộng khi in trên khổ giấy B4 hoặc nhỏ hơn. Cách giấy được xếp chồng sau khi in thay đổi tùy theo độ cứng và các yếu tố khác. Điều chỉnh bộ sắp xếp giấy nếu cần.



4 Nhấc các dẫn hướng giấy (cuối) dựng đứng lên.

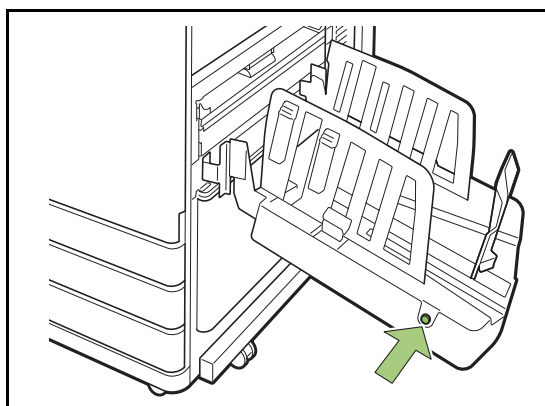


• Gập tất cả dẫn hướng giấy khi in trên giấy rộng hơn 320 mm x 432 mm.

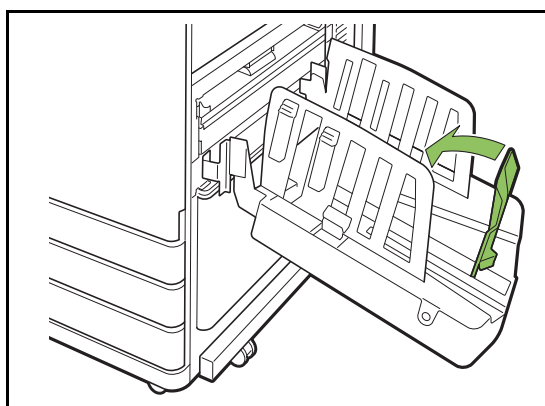
Đóng Khay Xếp chồng

1 Sau khi xác nhận là không có bản in trong khay xếp chồng, nhấn nút mở dẫn hướng giấy.

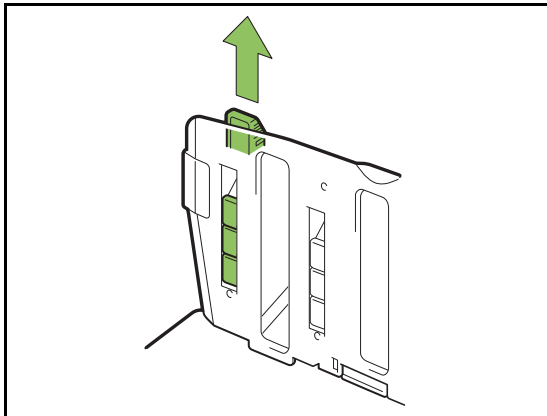
Bây giờ, dẫn hướng giấy (bên cạnh và cuối) di chuyển vào vị trí để lưu trữ.



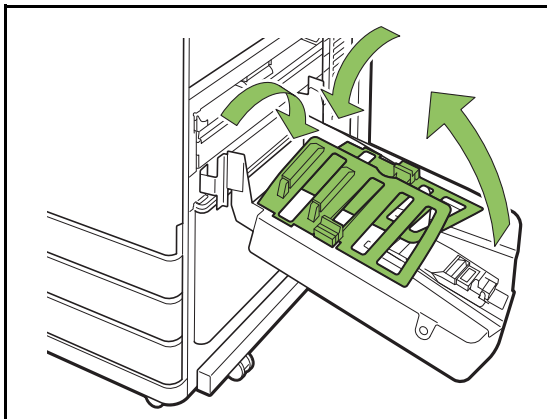
2 Hạ dẫn hướng giấy (cuối) xuống khay xếp chồng để gập lên.



3 Gập bộ sắp xếp giấy lên.



4 Hạ dẫn hướng giấy (bên cạnh) vào trong rôi đóng khay xếp chồng.



Danh sách Cài đặt

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ khay xếp chồng.

Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Đang h.tất]		
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-17
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-17

Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-17
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.	tr. 8-17
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-18

Chế độ Bảo trì

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy	Điều chỉnh vị trí của dẫn hướng giấy trên khay xếp chồng tự động kiểm soát.	tr. 9-3

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Khay Giấy ra

Chỉ định khay giấy ra cho bản in. Khi chỉ định [Tự động], bản in được tự động xuất ra khay thích hợp dựa trên chức năng được cấu hình. Để xuất bản in ra khay xếp chồng, hãy chọn [T.động k/s Khay Xếp chồng] hoặc [Wide Stacking Tray].

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Khay Giấy ra]. Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy. [Ngửa lên], [Úp xuống]

Ch.tiếp Kh.Giáyrá

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đầy. Bạn phải đặt [Sắp xếp] thành [Hủy sắp xếp] trong tab [Cơ bản].



- Cài đặt này không khả dụng khi dùng khay xếp chồng rộng.
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ch.tiếp Kh.Giáyrá] với [Thêm Bìa]. (tr. 3-23 “Thêm Bìa”)

Cài đặt Chế độ Sao chép

Khay Giấy ra

Chọn khay giấy ra cho bản in.



- Chi tiết về khay hiển thị trên màn hình [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

[Tự động]

Khay thích hợp được chọn tự động.

[① Khay Úp xuống], [② T.động k/s Khay Xếp chồng] hoặc [② Khay Xếp chồng]

Chọn khay giấy ra.

1 Chạm vào [Khay Giấy ra].

2 Chọn khay giấy ra.

3 Chạm vào [OK].

Ngửa lên/Úp xuống

Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.

[Ngửa lên], [Úp xuống]

Ch.tiếp Kh.Giáyra

Khi đang dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát, khay giấy ra sẽ tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đã đầy.

1 Chạm vào [Ch.tiếp Kh.Giáyra].

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].



- Cài đặt này không khả dụng khi dùng khay xếp chồng rộng.
- Khi cấu hình [Ch.tiếp Kh.Giáyra], [Sắp xếp] được đặt thành [Hủy sắp xếp]. (tr. 1-11 “Sắp xếp”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ch.tiếp Kh.Giáyra], [Sách] và [Thêm Bìa]. (tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”)

Cài đặt Chế độ Bảo trì

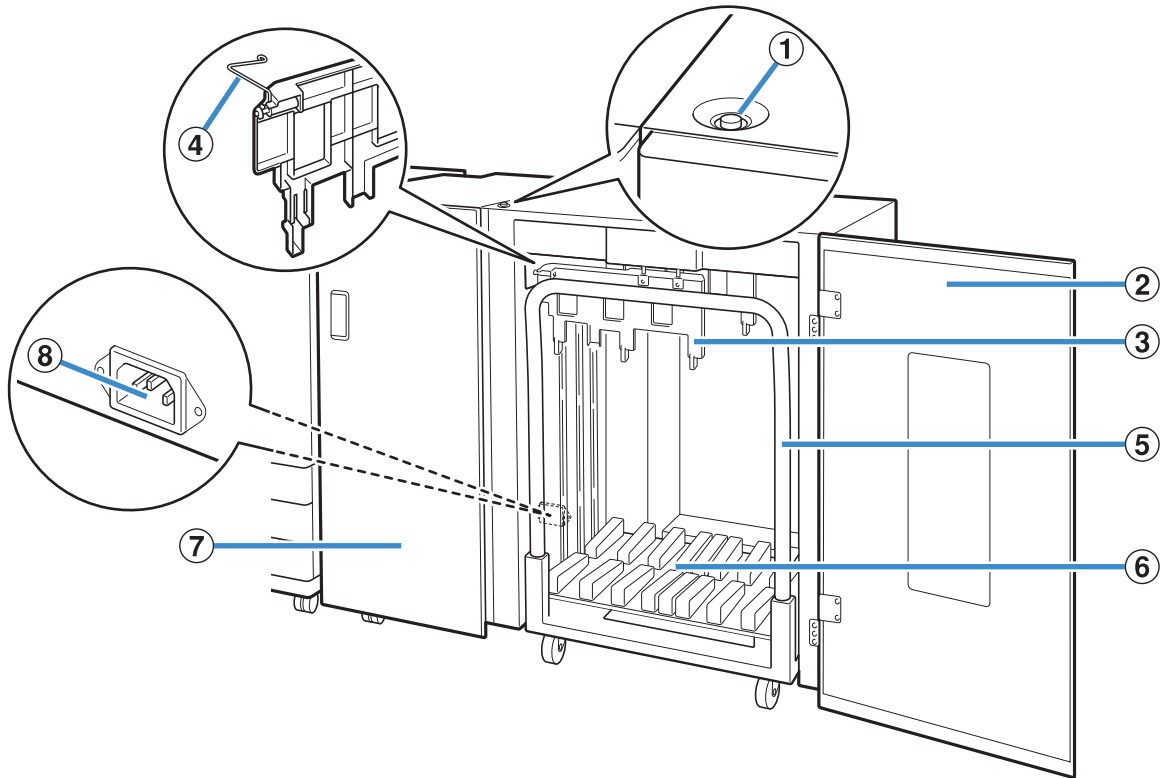
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy

Điều chỉnh vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Kiểm soát Dẫn hướng Giấy” (tr. 9-3) trong “Phụ lục”.

Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn

Khi kết nối bộ xếp giấy sức chứa lớn, bạn có thể xuất ra khoảng 4.000 tờ giấy in (khi dùng giấy phẳng, giấy tái chế).

Bạn có thể lấy đồng thời bản in đã được xuất ra với bàn trượt chuyên dụng.



① Nút Hạ Khay Xếp chồng

Nhấn nút này để lấy bản in ra khỏi khay xếp chồng. Nếu bạn nhấn nút hạ khay xếp chồng, khay xếp chồng sẽ hạ xuống dưới cùng (vị trí của bàn trượt). Khay xếp chồng sẽ dừng nếu bạn nhấn nút hạ khay xếp chồng trong khi đang hạ. Nếu bạn nhấn nút này lần nữa, khay xếp chồng sẽ tiếp tục hạ. Khay xếp chồng không hoạt động trong khi in, ngay cả khi bạn nhấn nút hạ khay xếp chồng. Nhấn khi nắp trái và phải đã đóng.

② Nắp Phải

Mở nắp này khi lấy bản in ra, đặt bàn trượt vào vị trí hoặc khi lấy giấy kẹt ra.

③ Dẫn hướng Giấy

Sử dụng bộ phận dẫn hướng này để bản in xuất ra không bị xô lệch.

④ Bộ tạo gợn sóng

Đặt bộ tạo gợn sóng để nạp giấy trơn tru theo loại giấy và căn chỉnh bản in để xếp chồng gọn gàng.

⑤ Hộp mực

Đặt bàn trượt chuyên dụng này vào trong bộ xếp giấy sức chứa lớn. Kết nối khay xếp chồng với bàn trượt để vận chuyển bản in số lượng lớn.

⑥ Khay Xếp chồng

Bản in được xuất ra khay này.

⑦ Nắp Trái

Nếu xảy ra hiện tượng kẹt giấy trong khi đang vận chuyển giấy, hãy mở nắp này và lấy giấy bị kẹt ra.

⑧ Ổ cắm Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn

Kết nối dây nguồn của bộ xếp giấy sức chứa lớn. Ổ cắm được đặt ở phía dưới cùng ở mặt sau của nắp trái.



• Không mở nắp này khi đang in. Bạn không thể in khi nắp mở.

• Hãy đảm bảo sử dụng bàn trượt chuyên dụng với bộ xếp giấy sức chứa lớn.

Đặt Bộ tạo gợn sóng

Vì điều kiện vận chuyển giấy và căn chỉnh khác nhau tùy theo khổ giấy hoặc loại giấy đang dùng, nên hãy điều chỉnh bộ tạo gợn sóng để giấy ra và giấy của bản in được căn chỉnh.

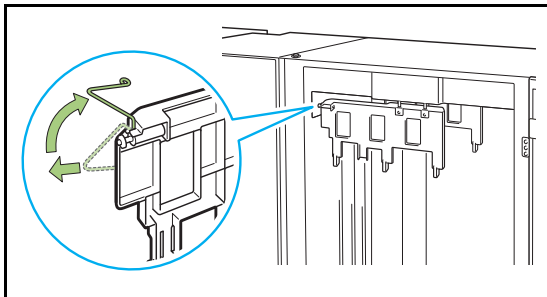


- Thông thường, bạn không cần phải điều chỉnh bộ tạo gợn sóng để in. Hãy điều chỉnh bộ tạo gợn sóng để nạp giấy và căn chỉnh bản in hiệu quả hơn.
- Tùy theo khổ giấy, loại giấy, môi trường và bộ nhớ, chức năng căn chỉnh giấy có thể không cần thiết. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

Nâng Bộ tạo gợn sóng

Thông thường, thiết bị sử dụng được khi đã nâng bộ tạo gợn sóng.

1 Vừa nâng vừa nhấn bộ tạo gợn sóng phía trước về phía máy (về bên trái).

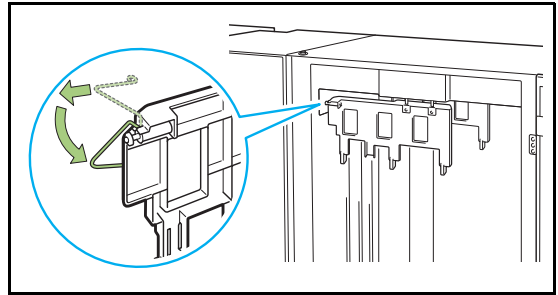


2 Tương tự như vậy, vừa nâng vừa nhấn bộ tạo gợn sóng phía sau về phía máy (về bên trái).

Hạ Bộ tạo gợn sóng

Khi in trên giấy A3/B4/B5-LEF hoặc giấy mỏng, thiết bị sử dụng được khi đã hạ bộ tạo gợn sóng.

1 Vừa hạ vừa nhấn bộ tạo gợn sóng phía trước về phía máy (về bên trái).



2 Tương tự như vậy, vừa hạ vừa nhấn bộ tạo gợn sóng phía sau về phía máy (về bên trái).

Lấy Bản in ra

Lấy bản in ra khỏi bộ xếp giấy sức chứa lớn. Bạn có thể lấy bản in ra bằng hai cách.



- Lấy bản in ra khi khay xếp chồng dừng hoàn toàn. Một thông báo cho biết trạng thái của khay xếp chồng sẽ hiển thị trên bảng vận hành. Hãy làm theo thông báo.

• Khi lấy bản in ra bằng bàn trượt

Lấy bản in ra bằng bàn trượt chuyên dụng cho bộ xếp giấy sức chứa lớn.

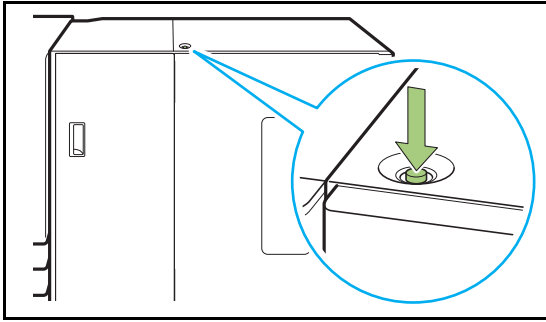
• Khi chỉ lấy bản in ra

Bạn có thể lấy bản in ra mà không cần kéo bàn trượt chuyên dụng ra. Bạn có thể lấy bản in ra mà không cần phải đợi khay xếp chồng hạ xuống dưới cùng.

Khi Lấy Bản in ra bằng Bàn trượt

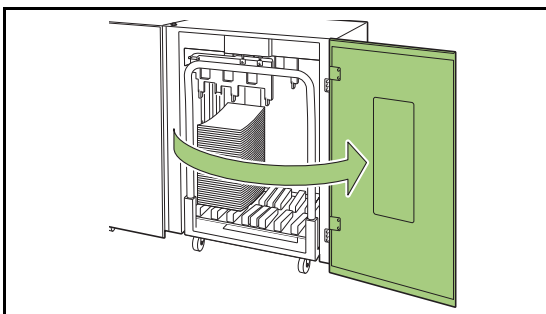
1 Nhấn nút hạ khay xếp chồng.

Khay xếp chồng sẽ tự động hạ xuống vị trí thấp nhất sau khi có khoảng 3.200 tới 4.000 (toàn bộ) tờ được xuất ra.



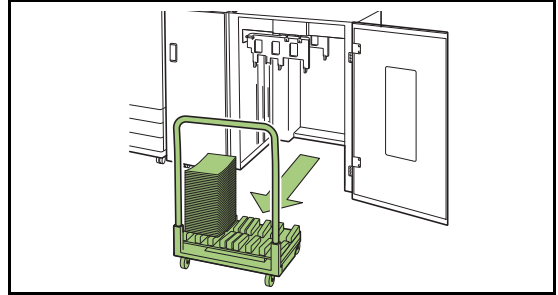
- Nhấn nút hạ khay xếp chồng khi các nắp ở cả hai bên của bộ xếp giấy sức chứa lớn đều đã đóng. Khay xếp chồng sẽ không hoạt động nếu các nắp đang mở.
- Sau khi in xong, khay xếp chồng sẽ tự động hạ xuống vị trí mà quản trị viên đã cấu hình. Để thay đổi vị trí hạ khay xếp chồng, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.
- Nếu bạn vô tình nhấn nút hạ khay xếp chồng trong khi in, hãy đảm bảo lấy bản in ra. Ở trạng thái khay xếp chồng có bản in ra, thiết bị sẽ không thể nâng khay xếp chồng lên vị trí xuất giấy ra.

2 Mở nắp phải của bộ xếp giấy sức chứa lớn.



3 Kéo bàn trượt ra cùng với khay xếp chồng trên đó.

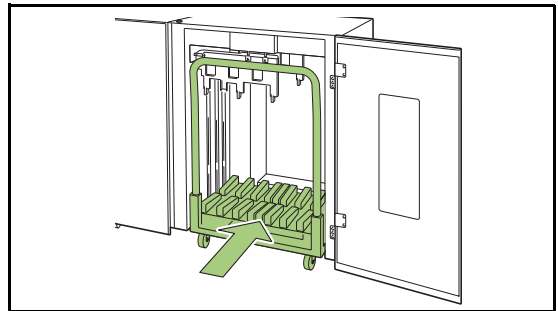
- Vừa cầm tay cầm của bàn trượt vừa kéo từ từ ra. Di chuyển nhanh bàn trượt có thể khiến bản in bị hỏng.



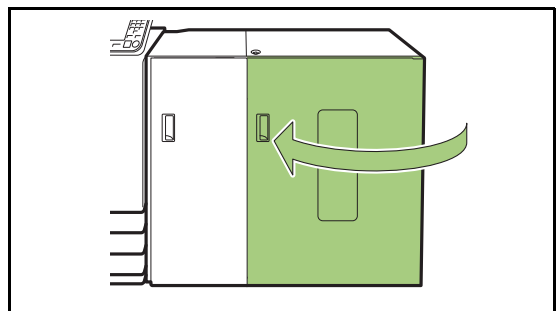
4 Lấy bản in ra khỏi bàn trượt.

5 Đưa bàn trượt trở lại bộ xếp giấy sức chứa lớn.

- Hãy đảm bảo đưa bàn trượt trở lại khi đã đặt khay xếp chồng.

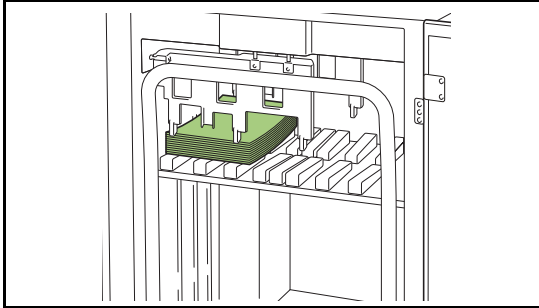


6 Đóng nắp phải của bộ xếp giấy sức chứa lớn.



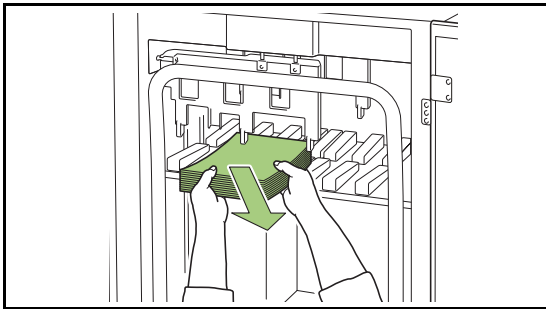
Khi Chỉ Lấy Bản in ra

1 Mở nắp phải của bộ xếp giấy sức chứa lớn.



- Vị trí dừng khay xếp chồng là do quản trị viên cấu hình. Để thay đổi vị trí hạ khay, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.
- Tùy theo vị trí dừng khay xếp chồng, bản in có thể khó lấy ra vì mắc vào các bộ phận dẫn hướng. Trong trường hợp đó, hãy đóng nắp phải, nhấn nút hạ khay xếp chồng và lấy bản in ra sau khi đã hạ khay xếp chồng.

2 Lấy bản in ra.



- Tùy theo khổ giấy đã được xuất ra, bản in có thể khó lấy ra vì mắc vào tay cầm của bàn trượt. Trong trường hợp đó, hãy đóng nắp phải, nhấn nút hạ khay xếp chồng và hạ khay xếp chồng xuống bàn trượt. Bạn sẽ có thể kéo toàn bộ bàn trượt ra và lấy giấy ra.

3 Đóng nắp phải của bộ xếp giấy sức chứa lớn.

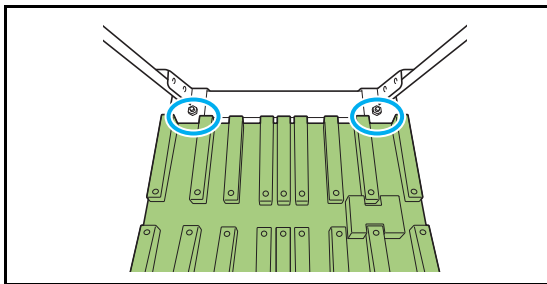


- Nếu đã kéo bàn trượt ra ở bước 2, hãy đóng nắp phải sau khi đặt bàn trượt trở lại bộ xếp giấy sức chứa lớn.
- Khi máy được cấu hình để khay xếp chồng không hạ ngay cả khi in xong, nếu có giấy trên khay xếp chồng, bộ phận dẫn hướng giấy ra sẽ không thể di chuyển và có thể không hỗ trợ được khổ giấy của lệnh tiếp theo. Trước khi in các lệnh có khổ giấy, hướng giấy hoặc cài đặt khay giấy khác nhau, hãy đảm bảo lấy giấy trên khay xếp chồng ra.

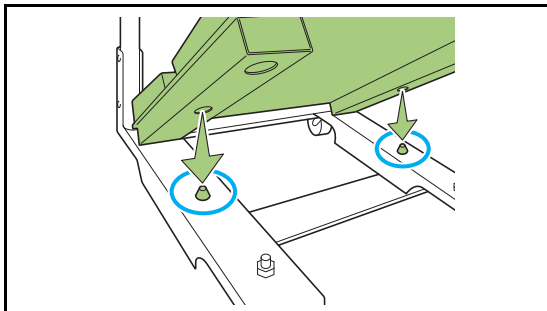
Đặt khay xếp chồng lên trên Bàn trượt

Bạn có thể lấy khay xếp chồng ra khỏi bàn trượt. Khi bạn đã lấy khay xếp chồng ra để lấy bản in, hãy đặt khay xếp chồng lên trên bàn trượt và đưa trở lại bộ xếp giấy sức chứa lớn cùng với bàn trượt.

1 Căn chỉnh phần cuối của khay xếp chồng bằng hai đinh vít ở bộ của tay cầm trên bàn trượt.



2 Đặt bàn trượt bằng cách đút phần nhô ra vào các lỗ trong khay xếp chồng.



Danh sách Cài đặt

Có thể cài đặt các mục được mô tả dưới đây khi kết nối bộ xếp giấy sức chứa lớn.

Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Đang h.tất]		
Bản ra sole	Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.	tr. 8-24
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-24
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-25
Tab [Cài tiến]		
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 3-28
Bản ra sole (Chương trình)	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-25



- Khi [Bản ra sole] và [Khay Giấy ra] trên tab [Đang h.tất] có màu xám, hãy đảm bảo bạn cấu hình chính xác [Cấu hình Máy in] trên tab [Môi trường]. (tr. 3-32 "Cấu hình Máy in")

Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 1-24
Bản ra sole ([Chương trình])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-25
Phân tách	Chỉ định vị trí chèn tám nệm giữa các bản in.	tr. 1-27
Bản ra sole ([Phân tách])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-25
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-26
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.	tr. 8-26
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-26

Chế độ Bảo trì

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy	Điều chỉnh vị trí của dẫn hướng giấy trên khay xếp chồng tự động kiểm soát.	tr. 9-3

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Bản ra sole

Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.



- Khi cấu hình [Chương trình], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-28 “Chương trình”)
- Cài đặt này không khả dụng đối với giấy có khổ không phù hợp để xuất ra bộ xếp giấy sức chứa lớn.
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữ các Làn xếp]

Các tập tài liệu đã in chỉ định trong [Sắp xếp] được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

[Giữa các Lệnh]

Các lệnh in đã hoàn tất được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

Khay Giấy ra

Chỉ định khay giấy ra cho bản in.

Khi chỉ định [Tự động], bản in được tự động xuất ra khay thích hợp dựa trên chức năng được cấu hình. Chọn [High Capacity Stacker] để xuất tài liệu ra bộ xếp giấy sức chứa lớn.

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Khay Giấy ra].

Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.

[Ngửa lên], [Úp xuống]



- Khi đã cấu hình [Bản ra sole] hoặc [Dập ghim], các khay giấy ra bạn có thể chọn với [Khay Giấy ra] sẽ khác nhau tùy theo chi tiết được cấu hình. (tr. 8-36 “Bản ra sole”, tr. 8-30 “Dập ghim”)

Ch.tiếp Kh.Giáyrá

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đầy. Bạn phải đặt [Sắp xếp] thành [Hủy sắp xếp] trong tab [Cơ bản].

Bản ra sole (Chương trình)

Ngoài chức năng “Chương trình” (tr. 3-28) cho bản in, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Cài đặt Chế độ Sao chép

Bản ra sole ([Chương trình])

Ngoài chức năng “Chương trình” (tr. 1-24) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Bản ra sole ([Phân tách])

Ngoài chức năng “Phân tách” (tr. 1-27) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.



- Bạn không thể sử dụng [Bản ra sole] và [B.gốc K.cỡk.hợp] đồng thời. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”)

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[GiữacácLầnxếp]

Mỗi tập đã sắp xếp được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Sau một Lệnh]

Mỗi lệnh in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Các khổ giấy có thể điều chỉnh được

- A3, B4, A4, A4-LEF, B5, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap, Khổ được Chỉ định (chiều dài giấy từ 182 mm đến 432 mm)

1 Chạm vào [Phân tách].

2 Chọn cài đặt điều chỉnh giấy ra.

3 Chạm vào [OK].

Khay Giấy ra

Chọn khay giấy ra cho bản in.



- Chi tiết về khay hiển thị trên màn hình [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

[Tự động]

Khay thích hợp được chọn tự động.

[① Khay Úp xuống], [② Bộ xếp Schura Lớn]

Chọn khay giấy ra.

1 Chạm vào [Khay Giấy ra].

2 Chọn khay giấy ra.

3 Chạm vào [OK].

Ngửa lên/Úp xuống

Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.

[Ngửa lên], [Úp xuống]

Ch.tiếp Kh.Giáyra

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đầy.

1 Chạm vào [Ch.tiếp Kh.Giáyra].

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ch.tiếp Kh.Giáyra], [Sách] và [Thêm Bìa]. (tr. 1-16 "Sách", tr. 1-27 "Thêm Bìa")

Cài đặt Chế độ Bảo trì

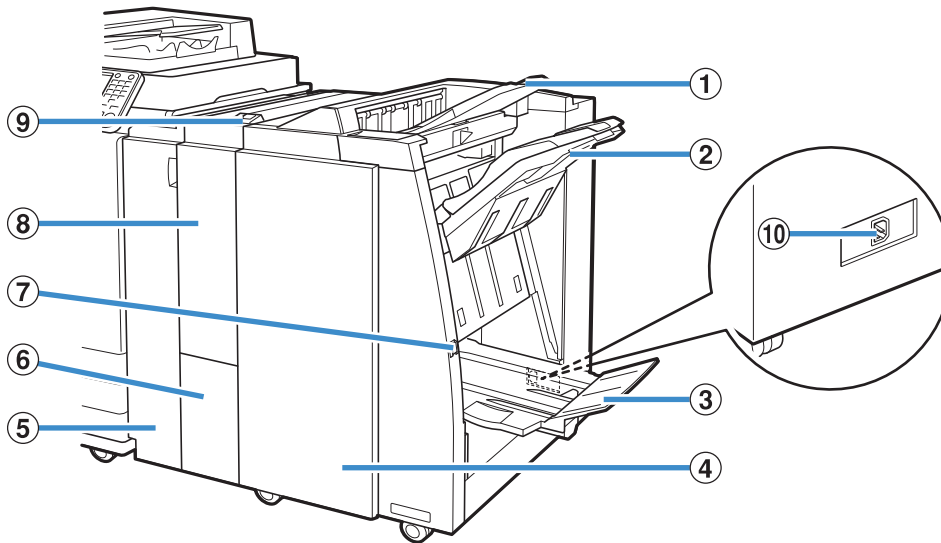
Kiểm soát Dẫn hướng Giấy

Điều chỉnh vị trí của các dẫn hướng giấy. Để biết thêm thông tin, hãy xem "Kiểm soát Dẫn hướng Giấy" (tr. 9-3) trong "Phụ lục".

Bộ hoàn thiện Đa chức năng

Bạn có thể thực hiện những thao tác sau khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn.

Chức năng khả dụng cho Bộ hoàn thiện Đa chức năng	Các chức năng Khả dụng Khi Cài đặt Thiết bị Gập
Dập ghim/Đục lỗ Gập đôi Đóng Sách	Gập ba bên trong Gập ba bên ngoài Gập chữ Z



① Khay Trên cùng

Khi sử dụng chức năng đục lỗ, bản in sẽ được xuất ra đây.

② Khay Xếp chồng

Khi sử dụng chức năng dập ghim, điều chỉnh giấy ra hoặc đục lỗ, bản in sẽ được xuất ra đây.

③ Khay Sách nhỏ

Sách nhỏ và bản in gập đôi sẽ được xuất ra đây.

④ Nắp Phải

Mở nắp này khi thay hộp ghim dập hoặc khi giấy bị kẹt.

⑤ Nắp Trái

Mở nắp này để lấy giấy bị kẹt ra khỏi đường nạp giấy giữa máy in và bộ hoàn thiện.

⑥ Khay Giấy ra Gập Ba

Bản in gập ba sẽ được xuất ra đây.

⑦ Nút Đẩy ra

Sử dụng nút này để đưa bản in trong khay sách nhỏ đến vị trí mà bạn dễ lấy.

⑧ Thiết bị Gập

Chức năng gập ba bên ngoài, gập ba bên trong và gập chữ Z khả dụng.

⑨ Nút Khay Giấy ra Gập Ba

Ấn nút này để lấy bản in gập ba ra. Khay gập ba sẽ mở về phía trước.

⑩ Ổ cắm Bộ h.thiện Đa chức năng

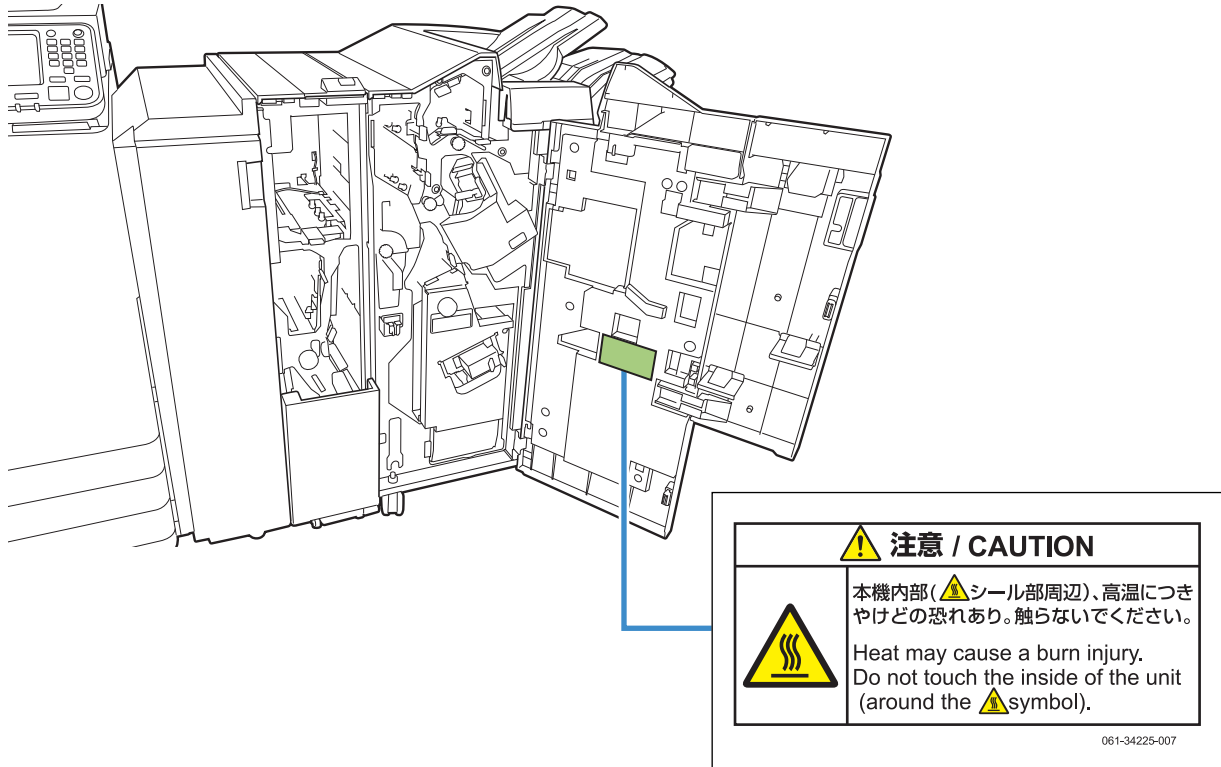
Kết nối dây nguồn của bộ hoàn thiện đa chức năng. Ổ cắm nằm ở mặt sau của bộ hoàn thiện đa chức năng.

Nhãn lưu ý

Để đảm bảo bạn sử dụng an toàn, chúng tôi đã gắn nhãn lưu ý dưới đây vào bộ hoàn thiện đa chức năng. Khi vận hành hoặc bảo trì bộ hoàn thiện đa chức năng, hãy đọc các hướng dẫn trên nhãn lưu ý để sử dụng an toàn. Không bóc hoặc làm bẩn nhãn. Nếu nhãn không dính vào bộ hoàn thiện đa chức năng, đang bong ra hoặc không đọc được, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện bảo dưỡng được ủy quyền.

■ Vị trí của nhãn lưu ý

Dưới đây là hình minh họa vị trí của nhãn lưu ý (cảnh báo).



• Ngoài ra, bên trong bộ hoàn thiện đa chức năng còn có các nhãn lưu ý về nhiệt độ cao.

■ Chi tiết nhãn

Vị trí của nhãn có thể là ở nơi nhiệt độ cao. Chạm vào có thể bị bỏng.

Danh sách Cài đặt

Bạn có thể thực hiện những thao tác sau đây khi đã kết nối bộ hoàn thiện đa chức năng.

Trình điều khiển Máy in

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Tab [Đang h.tắt]		
Dập ghim	Chọn vị trí dập ghim.	tr. 8-30
Đục lỗ	Chỉ định vị trí đục lỗ.	tr. 8-32
Gập	Chỉ định kiểu gập trang in.	tr. 8-32
Đóng Sách	Chỉ định phương thức đóng nẹp.	tr. 8-34
Bản ra sole	Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.	tr. 8-36
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-37
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-37
Tab [Cài tiến]		
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 3-28
Bản ra sole (Chương trình)	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-37



- Khi [Dập ghim] hoặc [Đục lỗ] trong tab [Đang h.tắt] có màu xám, hãy đảm bảo đã cấu hình chính xác [Cấu hình Máy in] trên tab [Môi trường]. (tr. 3-32 “Cấu hình Máy in”)

Chế độ Sao chép

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Sách	Cấu hình gán trang và gập khi tạo sách nhỏ.	tr. 1-16
Đóng nẹp ([Sách])	Gập đôi giấy và đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập.	tr. 8-37
Phân chia Sách ([Sách])	Chỉ định đóng nẹp thẳng hay đóng ở giữa cho một nhóm tập.	tr. 8-38
Mép Giữa ([Sách])	Chỉ định lề ở giữa phần được gập.	tr. 8-38
Chương trình	Chỉ định số bản sao theo nhóm (chẳng hạn phòng ban công ty hoặc lớp học).	tr. 1-24
Bản ra sole ([Chương trình])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-38
Phân tách	Chỉ định vị trí chèn tám nệm giữa các bản in.	tr. 1-27
Bản ra sole ([Phân tách])	Xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo ra sự tách biệt.	tr. 8-39
Dập ghim/ Đục lỗ	Chỉ định cài đặt dập ghim và đục lỗ.	tr. 8-39
Gập	Chỉ định cách gập cũng như hướng gập giấy.	tr. 8-41
Khay Giấy ra	Chỉ định khay giấy ra.	tr. 8-43
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.	tr. 8-43
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	tr. 8-43

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.



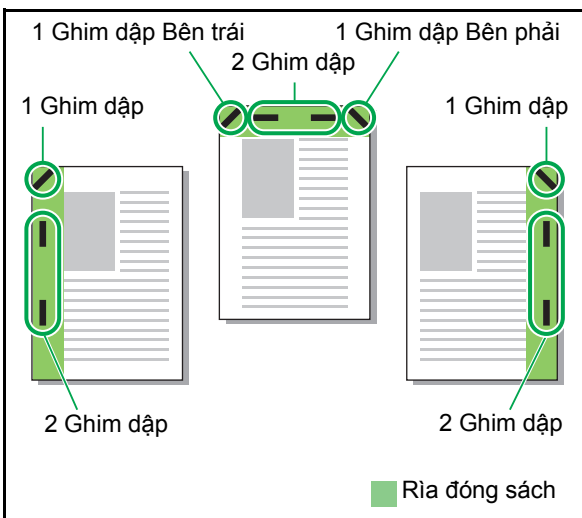
- Khi cấu hình [Dập ghim], hãy đảm bảo cấu hình [Rìa đóng sách].
- Khi cấu hình [Dập ghim], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách] hoặc [Đóng Sách], [Dập ghim] ở chế độ [OFF]. Để đóng nẹp ở giữa cho sách nhỏ, hãy đặt [Đóng Sách] thành [Gập + D.ghim]. (tr. 3-16 “Sách”, tr. 8-34 “Đóng Sách”)
- Không thể dùng chức năng [Dập ghim] và [Ch.tiếp Kh.Giấyra] đồng thời. (tr. 8-37 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Hướng giấy thay đổi tùy theo mép đóng nẹp. Xem “Chức năng Dập ghim và Hướng Nạp của Giấy” (tr. 8-31).

Nếu bạn chọn [Trái] hoặc [Phải] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập], [2 Ghim dập]

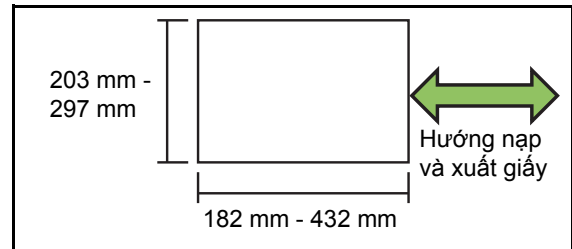
Nếu bạn chọn [Trên cùng] cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], [1 Ghim dập B.trái], [1 Ghim dập B.phải], [2 Ghim dập]



Các loại giấy có thể dập ghim

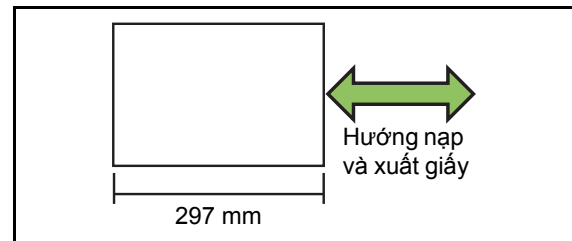
- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap, Kích thước tùy chỉnh



- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 210 g/m²
Khi trọng lượng giấy vượt quá 162 g/m², chỉ có thể dập ghim một tờ làm bìa.

Số tờ có thể dập ghim

- Khi sử dụng giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 đến 100 tờ
Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal)): 2 đến 65 tờ
- Khi sử dụng giấy có kích thước tùy chỉnh
Khi giấy dài hơn 297 mm: 2 đến 65 tờ
Khi giấy rộng và dài hơn 216 mm: 2 đến 65 tờ
Giấy có kích thước phi tiêu chuẩn khác kích thước trên: 2 đến 100 tờ

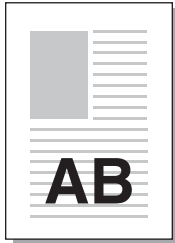


- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, bản in sẽ được xuất ra mà không được dập ghim.

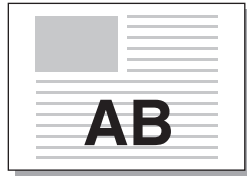
Chức năng Dập ghim và Hướng Nạp của Giấy

Hướng nạp giấy vào khay giấy (khay tiêu chuẩn) và vị trí dập ghim được liệt kê bên dưới.

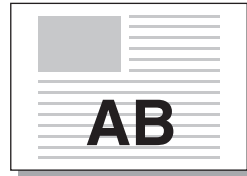
Hướng: Dọc



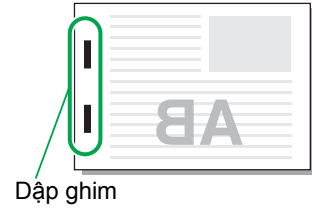
Hướng: Ngang



Dữ liệu ngửa lên



Dữ liệu úp xuống



Mép đóng nẹp	Vị trí dập ghim							
	1 Ghim dập		2 Ghim dập					
Trái					/			
Phải								
Trên cùng	1 Ghim dập Bên trái		1 Ghim dập Bên phải				2 Ghim dập	
Chuyển giấy								



• Khi bạn không nạp giấy có khổ tương ứng vào khay, một thông báo sẽ xuất hiện.

Hãy làm theo hướng dẫn hiển thị và nạp giấy vào khay.

• Đối với [1 Ghim dập], tùy theo khổ giấy và hướng nạp, góc của ghim dập có thể khác với góc ở hình minh họa bên trên hoặc hình ảnh in hiển thị trên màn hình trình điều khiển máy in.

Đục lỗ

Chỉ định số lỗ sẽ đục.

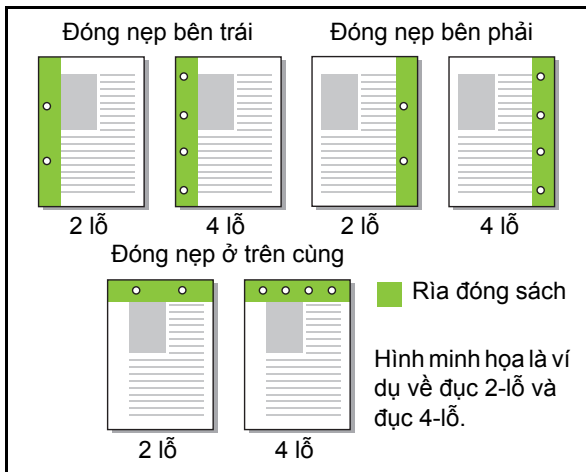


- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Đục lỗ] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Sách], [Đục lỗ] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-16 “Sách”)
- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Đục lỗ] ở chế độ [OFF]. (tr. 8-34 “Đóng Sách”)

[OFF], [2 Lỗ], [4 Lỗ]



- Số lỗ có thể đục sẽ khác nhau tùy theo bộ hoàn thiện được kết nối.



Các loại giấy có thể đục lỗ

- Khổ giấy:
2 lỗ: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF
4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 200 g/m²

Gập

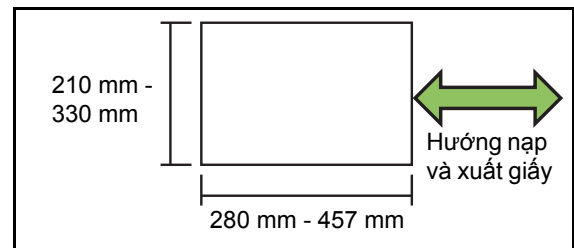
Chọn kiểu gập như gập đôi hoặc gập chữ Z.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời tùy chọn [Gập] với [Sách], [In Giấy Nhiều phần] hoặc [Đóng Sách]. (tr. 3-16 “Sách”, tr. 3-30 “In Giấy Nhiều phần”, tr. 8-34 “Đóng Sách”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời tùy chọn [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] và [Gập Ba Bên ngoài] với [B.gốc K.thc K.hợp], [Rìa đóng sách], [Tám Nệm], [Thêm Bìa], [Chương trình], [Phát hiện Trang Trống], [Dập ghim], [Đục lỗ], [Bản ra sole] và [Ch.tiếp Kh.Giấyra]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-20 “Rìa đóng sách”, tr. 3-22 “Tám Nệm”, tr. 3-23 “Thêm Bìa”, tr. 3-28 “Chương trình”, tr. 3-30 “Phát hiện Trang Trống”, tr. 8-30 “Dập ghim”, tr. 8-32 “Đục lỗ”, tr. 8-36 “Bản ra sole”, tr. 8-37 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

Các loại giấy có thể gập

- Khổ giấy:
Gập đôi: A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap, Kích thước tùy chỉnh
Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài: A4, Letter
Gập chữ Z: A3, B4, Ledger



- Trọng lượng giấy: 60 g/m² - 90 g/m²

[OFF]

Giấy sẽ không được gập.

[Gập đôi]

Giấy sẽ được gập làm đôi, một tờ mỗi lần.

[Gập Ba Bên trong]

Giấy sẽ được gập làm ba vào bên trong, một tờ mỗi lần.

[Gập Ba Bên ngoài]

Giấy sẽ được gập làm ba ra bên ngoài, một tờ mỗi lần.

[Gập chữ Z]

Giấy sẽ được gập hình chữ Z, một tờ mỗi lần. Khi sử dụng đồng thời với [B.gốc K.thc K.hợp], giấy được gập hình chữ Z và giấy không được gập hình chữ Z sẽ được xuất ra lẫn lộn.

Chọn kiểu gập và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Gập]. Cấu hình hướng gập và mép đóng nẹp.

■ Hướng Gập

Khi chọn [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] hoặc [Gập Ba Bên ngoài], hãy cấu hình để bề mặt in sẽ hướng vào trong hay ra ngoài.



- Khi dùng chức năng in song công, trang đầu tiên sẽ được xem là bề mặt in.

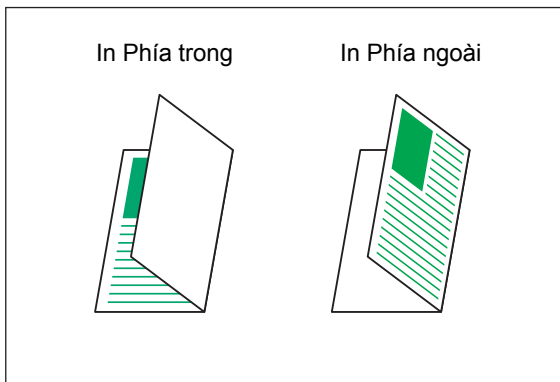
[In Phía trong]

Trang này sẽ được gập sao cho bề mặt in nằm ở bên trong.

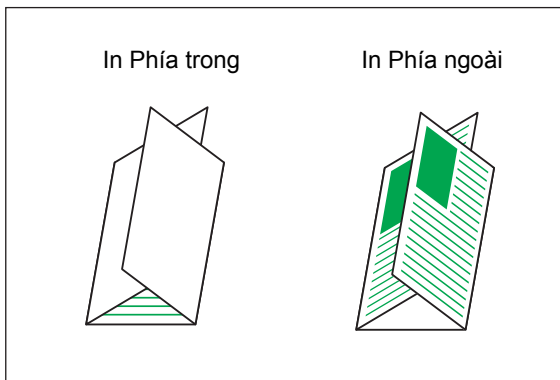
[In Phía ngoài]

Trang này sẽ được gập sao cho bề mặt in nằm ở bên ngoài.

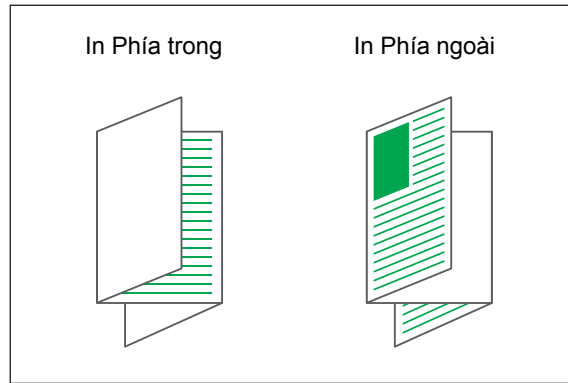
Gập đôi



Gập ba bên trong



Gập ba bên ngoài



■ Rìa đóng sách

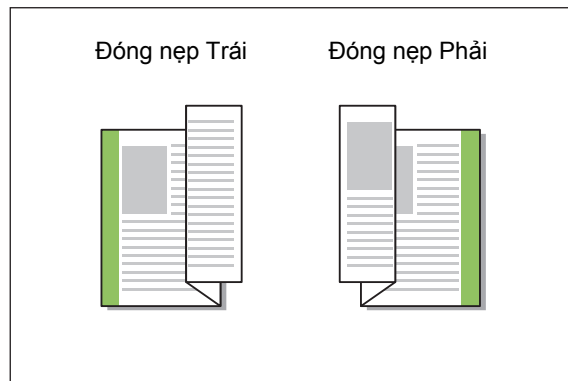
Khi chọn [Gập chữ Z], hãy cấu hình mép đóng nẹp của giấy.

[Đóng nẹp Trái/Tr.cùng]

Nửa giấy bên phải sẽ được gập hình chữ Z.

[Đóng nẹp Phải/D.cùng]

Nửa giấy bên trái sẽ được gập hình chữ Z.





- Khi đã cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], chỉ có thể chọn [Gập chữ Z] cho [Gập]. Trong trường hợp này, có thể kết hợp lẫn lộn các kích thước bản gốc là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4” và “Letter-LEF và Ledger”. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi sử dụng đồng thời với [B.gốc K.thc K.hợp], đối với [Hướng], hãy chọn hướng của bản gốc lớn hơn. (Khi bản gốc A4 có chiều dọc và bản gốc A3 có chiều ngang, hãy chọn [Ngang]) (tr. 3-10 “Kích thước bản gốc”, tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Đối với [Khổ Giấy], hãy chỉ định khổ giấy phù hợp kiểu gập chữ Z. (tr. 3-11 “Khổ Giấy”)
- Khi dùng chức năng này với in song công, chức năng in song công chỉ được áp dụng khi kích thước mặt trước và mặt sau của tài liệu là như nhau. (Nếu kích thước không giống nhau, mặt sau của trang được bỏ trống.) (tr. 3-9 “In s.công/In đ.công”)
- Khi sử dụng đồng thời với [B.gốc K.thc K.hợp], bạn có thể cấu hình các chức năng dập ghim, đục lỗ và điều chỉnh giấy ra. (tr. 3-10 “Kích thước bản gốc”, tr. 8-36 “Bản ra sole”, tr. 8-30 “Dập ghim”, tr. 8-32 “Đục lỗ”)
- Khi sử dụng đồng thời với [Thêm Bìa], bìa được thêm sẽ có kích thước như kích thước giấy sau khi gập chữ Z. (tr. 3-23 “Thêm Bìa”)

Đóng Sách

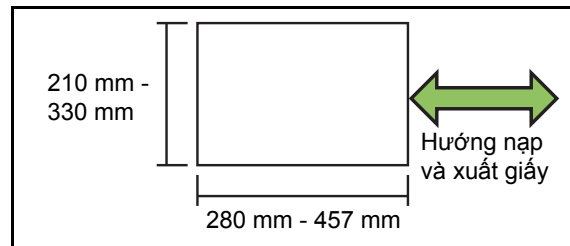
Tiến hành in song công một loạt các trang và tạo sách nhỏ bằng cách gập đôi giấy. Bạn cũng có thể đóng nẹp sách nhỏ ở giữa bằng ghim dập.



- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Đóng Sách] với [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Rìa đóng sách], [Tám Nệm], [Chương trình], [Phát hiện Trang Trống], [In Giấy Nhiều phần], [Dập ghim], [Đục lỗ], [Gập], [Bản ra sole] và [Ch.tiếp Kh.Giấyra]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-20 “Rìa đóng sách”, tr. 3-22 “Tám Nệm”, tr. 3-28 “Chương trình”, tr. 3-30 “Phát hiện Trang Trống”, tr. 3-30 “In Giấy Nhiều phần”, tr. 8-30 “Dập ghim”, tr. 8-32 “Đục lỗ”, tr. 8-32 “Gập”, tr. 8-36 “Bản ra sole”, tr. 8-37 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

Các loại giấy có thể dùng để tạo sách nhỏ

- A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap, Kích thước tùy chỉnh



[OFF]

Chức năng đóng nẹp sách nhỏ sẽ không được cấu hình.

[Gập]

Giấy in sẽ được gập làm đôi.

[Gập + D.ghim]

Giấy in được gập đôi và đóng nẹp ở giữa bằng ghim dập.

Chọn phương thức đóng nẹp sách nhỏ và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Đóng Sách]. Cấu hình phân chia sách, đóng nẹp ở giữa và in bìa tách biệt.

■ Phân chia Sách

Bản in sẽ được xuất ra sau khi được phân chia cho mỗi sách nhỏ dựa theo số trang nhất định trên mỗi tập. Số trang được gán sẽ khác nhau tùy theo cài đặt.

[OFF]

Các trang sẽ được gán sao cho trang nằm đúng thứ tự khi đóng nẹp sách nhỏ ở giữa. Khi dữ liệu chứa số lượng trang lớn, sách nhỏ sẽ được xuất ra thành nhiều tập. Các trang sẽ được gán sao cho khi mở các tập này và xếp chồng lên nhau, chúng có thể được đóng nẹp để tạo thành một cuốn sách nhỏ.

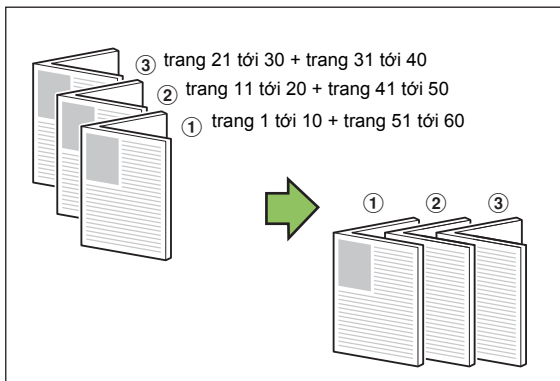
[ON]

Các trang sẽ được gán sao cho khi xếp chồng tất cả các tập xuất ra ở trạng thái đã gấp, các trang sẽ nằm đúng thứ tự. Mỗi tập được xuất ra sẽ có 5 tờ khi đặt [Đóng Sách] thành [Gập], còn khi đặt tùy chọn này thành [Gập + D.ghim], các tập được xuất ra sẽ có 15 tờ.

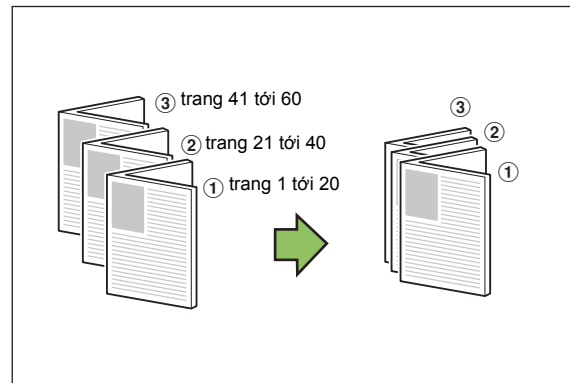


- Ở trạng thái mặc định ban đầu, nhiều tập sẽ được xuất ra khi số trang vượt quá 5 tờ nếu đặt [Đóng Sách] thành [Gập] hoặc 15 tờ nếu đặt tùy chọn này thành [Gập + D.ghim].
- Ghim dập sẽ không được đưa vào khi máy đang xuất ra nhiều tập.
- Khi đặt [P.chia Sách] thành [ON], bạn không thể sử dụng [Bìa Sách nhỏ] và [Thêm Bìa].

Ví dụ: 60 trang, đặt thành [Gập], phân chia sách [OFF]



Ví dụ: 60 trang, đặt thành [Gập], phân chia sách [ON]



■ Mép Giữa

Nhập giá trị cho [Độ rộng].

Chọn hộp thoại [T.độ Thu nhỏ] để tự động thu nhỏ hình ảnh được in cho vừa với giấy trong trường hợp độ rộng lề không cho phép hình ảnh được in theo tỷ lệ của bản gốc hiển thị vừa trong giấy.

■ Bìa Sách nhỏ

Chỉ in tách biệt trang bìa (hai trang đầu tiên và hai trang cuối cùng của bản gốc). Cài đặt này thuận tiện để in bìa và nội dung bằng các loại giấy khác nhau.

[OFF]

Chức năng in bìa tách biệt không được cấu hình.

[Chỉ In Bìa]

Chỉ in được trang bìa.

[In Trừ Bìa]

Các trang trừ trang bìa được in ở dạng sách nhỏ.

[Ltrừ TrừBìa vào DS Chờ]

Khi in các trang nội dung sau khi in bìa, hãy đặt dấu kiểm vào [Ltrừ TrừBìa vào DS Chờ] để hướng dẫn cho hoạt động in từ bảng vận hành trên máy. Trong trường hợp này, hãy chỉ định khay nạp giấy bìa.

[Khay Tờ Bìa]

[Khay T.ch], [Khay Nạp1], [Khay Nạp2], [Khay Nạp3]

Ví dụ này mô tả trường hợp chỉ in riêng trang bìa rồi kết hợp với các trang nội dung để đóng nẹp sách nhỏ.

1 Nhấp vào [Chỉ In Bìa] trong [Bìa Sách nhỏ].

2 Chọn hộp kiểm [Ltrữ Trữ Bìa vào DS Chờ].

3 Chọn [Khay Tờ Bìa].

4 Nhấp vào [OK].

Chỉ in trang bìa và dữ liệu trong phần nội dung chính sẽ được liệt kê trong lệnh đang chờ.

5 Nạp bìa đã in vào khay của máy được cấu hình với [Khay Tờ Bìa].

6 Chạm vào [In] trên màn hình [Trang chủ1].

7 Chọn lệnh.

8 Nhấn phím [Bắt đầu].

Các trang nội dung sẽ được in và kết hợp với bìa để đóng nẹp sách nhỏ.

Bản ra sole

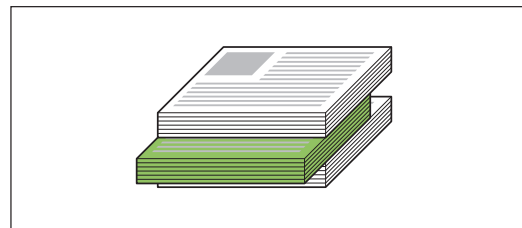
Xếp chồng tập tài liệu đã in riêng biệt nhau một chút khi in nhiều bản sao.



- Khi cấu hình [Chương trình], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-28 “Chương trình”)
- Cài đặt này không khả dụng đối với các khổ giấy không thể xuất ra khay xếp chồng.
- Khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”)
- Khi cấu hình [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] hoặc [Gập Ba Bên ngoài] trong [Gập], [Bản ra sole] là [OFF]. (tr. 8-32 “Gập”)
- Khi cấu hình [Đóng Sách], [Bản ra sole] ở chế độ [OFF]. (tr. 8-34 “Đóng Sách”)
- Thông thường, khi sử dụng đồng thời chức năng điều chỉnh 2 bước và dập ghim, tổ hợp này sẽ đóng vai trò là điều chỉnh 3 bước.

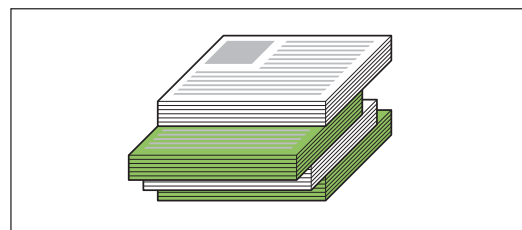
Điều chỉnh 2 bước

Không có dập ghim (bộ hoàn thiện đa chức năng, bộ hoàn thiện úp xuống)



Điều chỉnh 3 bước

Có dập ghim (bộ hoàn thiện đa chức năng)



[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữ các Lăn xếp]

Các tập tài liệu đã in chỉ định trong [Sắp xếp] được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

[Giữa các Lệnh]

Các lệnh in đã hoàn tất được xếp thành chồng hơi tách nhau một chút.

Khay Giấy ra

Chỉ định khay giấy ra cho bản in.
 Khi chỉ định [Tự động], bản in được tự động xuất ra khay thích hợp dựa trên chức năng được cấu hình.
 Để xuất bản in ra bộ hoàn thiện đa chức năng, hãy chọn [Khay Trên cùng]/[Khay Xếp chồng].

Nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Khay Giấy ra].
 Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.

[Ngửa lên], [Úp xuống]



- Khi đã cấu hình [Bản ra sole], [Dập ghim], [Đục lỗ], [Gập] hoặc [Đóng Sách], các khay giấy ra bạn có thể chọn với [Khay Giấy ra] sẽ khác nhau tùy theo chi tiết được cấu hình. (tr. 8-36 “Bản ra sole”, tr. 8-30 “Dập ghim”, tr. 8-32 “Đục lỗ”, tr. 8-32 “Gập”, tr. 8-34 “Đóng Sách”)

Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đầy.



- Khi cấu hình [Ch.tiếp Kh.Giấyra], [Sắp xếp] được đặt thành [Hủy sắp xếp]. (tr. 3-10 “Sắp xếp”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ch.tiếp Kh.Giấyra] với [Thêm Bìa], [Dập ghim], [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] và [Gập Ba Bên ngoài] trong [Gập] hoặc [Đóng Sách]. (tr. 3-23 “Thêm Bìa”, tr. 8-30 “Dập ghim”, tr. 8-32 “Gập”, tr. 8-34 “Đóng Sách”)

Bản ra sole (Chương trình)

Ngoài chức năng “Chương trình” (tr. 3-28) cho bản in, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Cài đặt Chế độ Sao chép

Đóng nẹp ([Sách])

Ngoài chức năng “Sách” (tr. 1-16) để sao chép, bạn có thể cấu hình chức năng gập và dập ghim khi hoàn tất bản in ở dạng sách nhỏ.



- Khi cấu hình [Đóng nẹp], [Sắp xếp] được đặt thành [Đã sắp xếp]. (tr. 1-11 “Sắp xếp”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Đóng nẹp] với [Chương trình], [Sắp xếp], [Khay Giấy ra], [Ngửa lên/Úp xuống] hoặc [Ch.tiếp Kh.Giấyra]. (tr. 1-24 “Chương trình”, tr. 1-27 “Phân tách”, tr. 8-43 “Khay Giấy ra”, tr. 8-43 “Ngửa lên/Úp xuống”, tr. 8-43 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

[OFF]

Chức năng đóng nẹp sẽ không được cấu hình.

[Gập + Ghim]

Giấy được gập làm đôi và dập ghim (đóng nẹp ở giữa).

[Gập]

Giấy sẽ được gập làm đôi.

Phân chia Sách ([Sách])

Khi đặt [Đóng nẹp] thành [Gập + Ghim] hoặc [Gập] cho "Sách" để sao chép, bạn có thể cấu hình [P.chia Sách].

Bản in sẽ được xuất ra sau khi được phân chia cho mỗi sách nhỏ dựa theo số trang nhất định trên mỗi tập. Số trang được gán sẽ khác nhau tùy theo cài đặt.

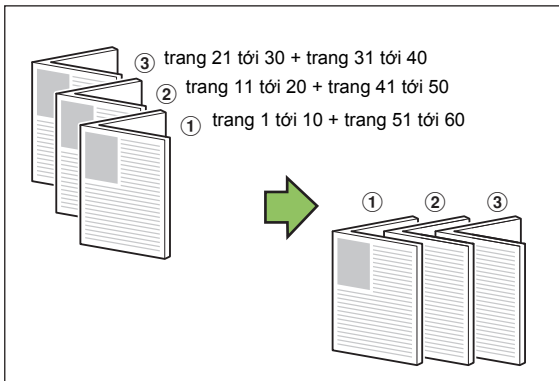
[OFF]

Các trang sẽ được gán sao cho trang nằm đúng thứ tự tự khi đóng nẹp sách nhỏ ở giữa. Khi dữ liệu chứa số lượng trang lớn, sách nhỏ sẽ được xuất ra thành nhiều tập. Các trang sẽ được gán sao cho khi mở các tập này và xếp chồng lên nhau, chúng có thể được đóng nẹp để tạo thành một cuốn sách nhỏ.

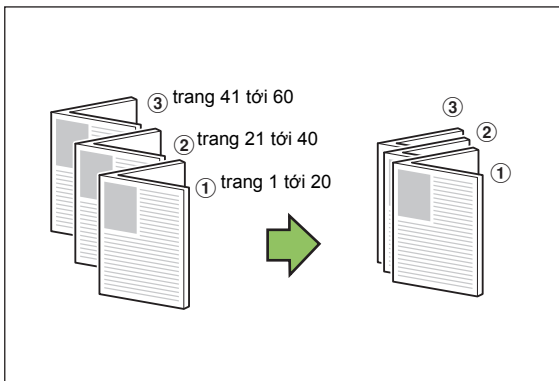
[ON]

Các trang sẽ được gán sao cho khi xếp chồng tất cả các tập xuất ra ở trạng thái đã gập, các trang sẽ nằm đúng thứ tự.

Ví dụ: 60 trang, đặt thành [Gập], phân chia sách [OFF]



Ví dụ: 60 trang, đặt thành [Gập], phân chia sách [ON]



• Ở trạng thái mặc định ban đầu, nhiều tập sẽ được xuất ra khi số trang vượt quá 5 tờ nếu đặt [Đóng nẹp] cho [Sách] thành [Gập] hoặc 15 tờ nếu đặt tùy chọn này thành [Gập + Ghim].

• Ghim dập sẽ không được đưa vào khi máy đang xuất ra nhiều tập.

• Bạn không thể sử dụng đồng thời [P.chia Sách] với [Thêm Bìa]. (tr. 1-27 "Thêm Bìa")

Mép Giữa ([Sách])

Đặt mép giữa ở giữa các phần được gập để các phần được gập không bị che khuất khi gập tờ làm đôi.

Khi đã cấu hình [Mép Giữa], bạn có thể cấu hình [T.độ Thu nhỏ]. Nếu mép giữa bạn đã chỉ định khiến hình ảnh được in không nằm vừa trên tờ, hãy đặt tính năng tự động thu nhỏ thành [ON].



• Bạn chỉ có thể cấu hình mép giữa khi không đặt [T.tự Bỏ cục] thành [OFF] với [Sách] để sao chép và [Gập + Ghim] hoặc [Gập] được chọn cho [Đóng nẹp].

Bản ra sole ([Chương trình])

Ngoài chức năng "Chương trình" (tr. 1-24) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữa các Tập]

Mỗi tập tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Giữa các Nhóm]

Nhóm tài liệu đã in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Bản ra sole ([Phân tách])

Ngoài chức năng “Phân tách” (tr. 1-27) để sao chép, bạn có thể xếp chồng các tập tài liệu đã in hơi tách nhau một chút để tạo sự tách biệt.



- Bạn không thể sử dụng [Bản ra sole] và [B.gốc K.cỡk.hợp] đồng thời. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”)

[OFF]

Không tiến hành điều chỉnh giấy ra.

[Giữ các Làn xếp]

Mỗi tập đã sắp xếp được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

[Sau một Lệnh]

Mỗi lệnh in được xếp thành chồng riêng biệt nhau một chút.

Các khổ giấy có thể điều chỉnh được

- A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap, Kích thước được Chỉ định (203 mm × 182 mm - 297 mm × 488 mm)

1 Chạm vào [Phân tách].

2 Chọn cài đặt điều chỉnh giấy ra.

3 Chạm vào [OK].

Dập ghim/Đục lỗ

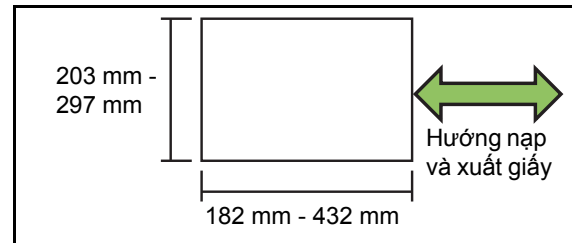
Dập ghim hoặc đục lỗ ở vị trí đã chỉ định.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Dập ghim/Đục lỗ] với [Sách] và [Viền Trang]. (tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-19 “Viền Trang”)
- Không thể dùng chức năng [Dập ghim] và [Ch.tiếp Kh.Giấyra] đồng thời. (tr. 8-43 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)

Các loại giấy có thể dập ghim

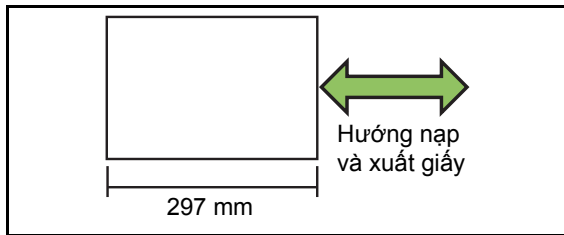
- Khổ giấy: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap, Kích thước tùy chỉnh



- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 210 g/m²
 Khi trọng lượng giấy vượt quá 162 g/m², chỉ có thể dập ghim một tờ làm bìa.

Số tờ có thể dập ghim

- Khi sử dụng giấy có kích thước tiêu chuẩn A4, A4-LEF, B5-LEF (Letter, Letter-LEF): 2 đến 100 tờ
Kích thước khác kích thước trên (A3, B4 (Ledger, Legal)): 2 đến 65 tờ
- Khi sử dụng giấy có kích thước tùy chỉnh
Khi giấy dài hơn 297 mm: 2 đến 65 tờ
Khi giấy rộng và dài hơn 216 mm: 2 đến 65 tờ
Giấy có kích thước tùy chỉnh khác kích thước trên: 2 đến 100 tờ



- Khi lệnh in vượt quá số tờ tối đa có thể dập ghim, bản in sẽ được xuất ra mà không được dập ghim.

Các loại giấy có thể đục lỗ

- Khổ giấy:
2 lỗ: A3, B4, A4, A4-LEF, B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF
4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
- Trọng lượng giấy: 52 g/m² - 200 g/m²

■ Hướng Gốc

[Tr.cùng ởTrên]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc theo hướng có thể đọc bản gốc một cách bình thường.

[Tr.cùng Btrái]

Chọn tùy chọn này khi nạp bản gốc sao cho phần trên cùng của bản gốc được căn chỉnh với mép trái.

■ Rìa đóng sách

Chọn mép đóng nẹp của giấy.

Trái, Phải, Trên cùng

■ Dập ghim

Chọn vị trí dập ghim.

Nếu bạn chọn trái hoặc phải cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], 1 Ghim dập, 2 Ghim dập

Nếu bạn chọn trên cùng cho [Rìa đóng sách], hãy chọn từ các tùy chọn sau:

[OFF], 1 ghim dập bên trái, 1 ghim dập bên phải, 2 ghim dập



- 1 ghim dập bên trái và 1 ghim dập bên phải chỉ hiển thị khi chọn phía trên cùng cho [Rìa đóng sách].

1 Chạm vào [Dập ghim/Đục lỗ].

2 Cấu hình [Rìa đóng sách].

3 Cấu hình [Dập ghim].

4 Chạm vào [OK].

■ Đục lỗ

Chỉ định số lỗ sẽ đục.

[OFF], 2 lỗ, 4 lỗ

1 Chạm vào [Dập ghim/Đục lỗ].

2 Cấu hình [Rìa đóng sách].

3 Cấu hình [Đục lỗ].

4 Chạm vào [OK].

■ Lề đóng nẹp

Bạn có thể chỉ định lề đóng nẹp để ghim dập hoặc lỗ đục không nằm trong khu vực in.

1 Chạm vào [Lề đóng nẹp] trên màn hình [Dập ghim/Đục lỗ].

Màn hình [Lề đóng nẹp] hiển thị.

2 Chỉ định lề đóng nẹp.

- Chọn [Rìa đóng sách].
- Sử dụng [∇], [\blacktriangle] hoặc phím số để nhập độ rộng.
- Nếu thiếu một phần khu vực in do cài đặt lề đóng nẹp, hãy đặt [T.độ Thu nhỏ] thành [ON].

3 Chạm vào [OK].

Gập

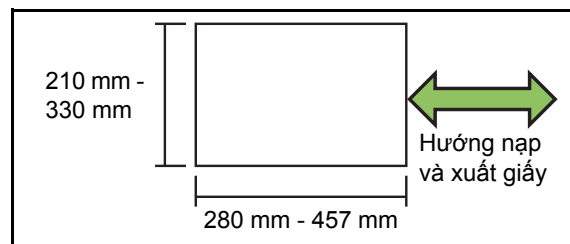
Cấu hình kiểu gập như gập đôi hoặc gập chữ Z.



- Khi đặt [Gập Z Đa Cỡ] cho [Gập] thành [ON], có thể dùng chức năng này cùng với [Dập ghim/Đục lỗ]. (tr. 8-39 “Dập ghim/Đục lỗ”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Gập] với [B.gốc K.cỡk.hợp], [Sách], [Viền Trang], [Lề Đóng nẹp] hoặc [Ngửa lên/Úp xuống]. (tr. 1-13 “B.gốc K.cỡk.hợp”, tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-19 “Viền Trang”, tr. 1-28 “Lề đóng nẹp”, tr. 8-43 “Ngửa lên/Úp xuống”)
- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] và [Gập Ba Bên ngoài] với [Chương trình], [Thêm Bìa], [Phân tách], [Dập ghim/Đục lỗ] và [Ch.tiếp Kh.Giấyra]. (tr. 1-24 “Chương trình”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”, tr. 1-27 “Phân tách”, tr. 8-39 “Dập ghim/Đục lỗ”, tr. 8-43 “Ch.tiếp Kh.Giấyra”)
- Bạn không thể sử dụng [Gập Z Đa Cỡ] cùng với [K.thước Bản t.ạo], [Xóa Bóng Sách], [Chia Trang], [Kết hợp] hoặc [Lập lại Hình ảnh]. (tr. 1-7 “K.thước Bản t.ạo”, tr. 1-13 “Xóa Bóng Sách”, tr. 1-14 “Chia Trang”, tr. 1-15 “Kết hợp”, tr. 1-16 “Lập lại Hình ảnh”)

Các loại giấy có thể gập

- Khổ giấy:
Gập đôi: A3, B4, A4, Ledger, Legal, Letter, Foolscap, Kích thước tùy chỉnh
Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài: A4, Letter
Gập chữ Z: A3, B4, Ledger



- Trọng lượng giấy: 60 g/m² - 90 g/m²

[OFF]

Giấy sẽ không được gập.

[Gập đôi]

Giấy sẽ được gập làm đôi, một tờ mỗi lần.

[Gập Ba Bên trong]

Giấy sẽ được gập làm ba vào bên trong, một tờ mỗi lần.

[Gập Ba Bên ngoài]

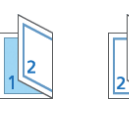


Giấy sẽ được gập làm ba ra bên ngoài, một tờ mỗi lần.

[Gập chữ Z]

Giấy sẽ được gập hình chữ Z, một tờ mỗi lần.

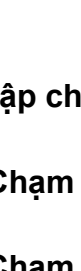
[Hướng Gập]

Cấu hình để gập bề mặt in hướng vào trong hay ra ngoài.

Gập	Hướng Gập
[Gập đôi]	
[Gập Ba Bên trong]	
[Gập Ba Bên ngoài]	

[Rìa đóng sách]

Chỉ định mép đóng nẹp của giấy.

Gập	Rìa đóng sách
[Gập chữ Z]	

[Gập Z Đa Cỡ]

Khi đặt thành [ON], với các bản gốc có hai khổ, giấy lớn hơn sẽ được xử lý gập chữ Z, còn giấy nhỏ hơn sẽ được in mà không gập.

Các khổ giấy có thể kết hợp lẫn lộn cho gập chữ Z là “A4-LEF và A3”, “B5-LEF và B4”, “Letter-LEF và Ledger”.

[T.động Xoay H.ảnh]

Tính năng này tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau cho dù khổ giấy được nạp trong khay phù hợp với kích thước bản gốc được nạp. Thông thường, cài đặt này được đặt thành [ON].

■ Gập đôi, Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài

1 Chạm vào [Gập].

2 Chọn kiểu gập.

3 Chọn [Hướng Gập].

4 Chạm vào [OK].

■ Gập chữ Z

1 Chạm vào [Gập].

2 Chạm vào [Gập chữ Z].

3 Chọn [Rìa đóng sách].

4 Khi bản gốc có kích thước lẫn lộn, hãy chọn [Gập Z Đa Cỡ].

5 Chạm vào [OK].

Sau khi màn hình xác nhận hiển thị, chạm vào [OK] và đặt [T.động Xoay H.ảnh] thành [OFF].

Khay Giấy ra

Chọn khay giấy ra cho bản in.



- Chi tiết về khay hiển thị trên màn hình [Khay Giấy ra] thay đổi tùy theo thiết bị tùy chọn được kết nối.

[Tự động]

Khay thích hợp được chọn tự động.

[1] **Khay Úp xuống**, [2] **Khay Trên cùng**, [3] **Khay Xếp chồng**

Chọn khay giấy ra.

1 Chạm vào [Khay Giấy ra].

2 Chọn khay giấy ra.

3 Chạm vào [OK].

Ngửa lên/Úp xuống

Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.

[Ngửa lên], [Úp xuống]



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ngửa lên/Úp xuống] với [Đóng nẹp] hoặc [Gập] trong [Sách]. (tr. 8-37 “Đóng nẹp ([Sách])”, tr. 8-41 “Gập”)

Ch.tiếp Kh.Giấyra

Khay giấy ra tự động chuyển đổi khi khay đang dùng đầy.

1 Chạm vào [Ch.tiếp Kh.Giấyra].

2 Chạm vào [ON].

3 Chạm vào [OK].



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Ch.tiếp Kh.Giấyra] với [Sách], [Thêm Bìa], [Dập ghim] hoặc [Gập đôi], [Gập Ba Bên trong] và [Gập Ba Bên ngoài] trong [Gập]. (tr. 1-16 “Sách”, tr. 1-27 “Thêm Bìa”, tr. 8-40 “Dập ghim”, tr. 8-42 “Gập đôi, Gập Ba Bên trong, Gập Ba Bên ngoài”)
- Khi cấu hình [Ch.tiếp Kh.Giấyra], [Sắp xếp] được đặt thành [Hủy sắp xếp]. (tr. 1-11 “Sắp xếp”)

Bộ PS

Khi cài đặt bộ PS, bạn có thể in lẫn lộn nhiều loại dữ liệu như biểu mẫu và cơ sở dữ liệu của bản in thử, cũng như in dữ liệu DTP bằng phong chữ PostScript.

Phần này mô tả những hoạt động cơ bản của trình điều khiển máy in cũng như cách sử dụng các chức năng khác nhau.



- Hãy đăng nhập với tư cách người dùng có đặc quyền quản trị (Windows) hoặc với tư cách người dùng gốc (Mac OS hoặc Linux).
- Đóng tất cả ứng dụng đang hoạt động.

Môi trường Vận hành

Yêu cầu về hệ thống để kích hoạt trình điều khiển máy in PostScript 3 được mô tả trong bảng bên dưới.

Bộ nhớ	1 GB trở lên
CPU	Windows hoặc Linux: Intel hoặc CPU hoàn toàn tương thích Mac OS: CPU Intel
Ổ cứng	Dung lượng trống 2 GB trở lên (Đủ để vận hành hệ điều hành)
Màn hình	Độ phân giải 1024 × 768 trở lên

Cài đặt vào Windows

1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Trình hướng dẫn cài đặt khởi động tự động. Nếu trình hướng dẫn cài đặt không khởi động, nhấp đúp vào tệp "Install.exe" trên đĩa DVD-ROM.

2 Chọn ngôn ngữ mong muốn trong menu kéo xuống và nhấp vào [OK].

3 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

4 Nhấp vào [Hoàn tất].

Nếu trình điều khiển máy in được cài đặt đề lên trình điều khiển hiện tại, máy tính sẽ khởi động lại.



- Nếu bạn không muốn khởi động lại máy tính bây giờ, hãy bỏ dấu kiểm khởi hộp kiểm [Khởi động lại ngay] trước khi nhấp vào [Hoàn tất].

5 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.



- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

Dỡ cài đặt khỏi Windows

Sử dụng trình gỡ cài đặt để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in tương thích với PostScript 3.

Dỡ cài đặt trình điều khiển máy in theo cách tương tự như được mô tả trong "Dỡ cài đặt Trình điều khiển Máy in" trong "Hướng dẫn Quản trị".

Cài đặt vào Mac OS

1 Lắp đĩa DVD-ROM đi kèm vào ổ đĩa DVD-ROM của máy tính.

Nhấp đúp vào tệp gói cài đặt trên đĩa DVD-ROM.

2 Nhấp vào [Tiếp tục].

3 Nhấp vào [Cài đặt].

4 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

Trên màn hình xác thực, nhập giá trị cho [Tên] và [Mật khẩu] rồi nhấp vào [Cài đặt Phần mềm].



• Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết thông tin về [Tên] và [Mật khẩu].

5 Nhấp vào [Đóng].

6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.

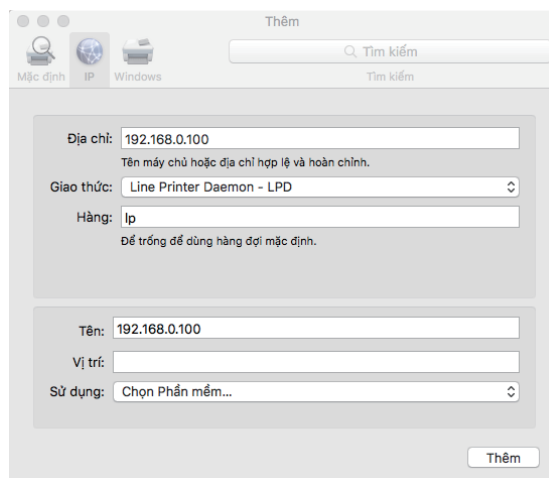


• Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

7 Thêm máy in.

- 1 Mở phần khởi động Mac OS và mở [Ứng dụng] - [Ưu tiên Hệ thống].
- 2 Nhấp vào [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét].
- 3 Nhấp vào nút [+].

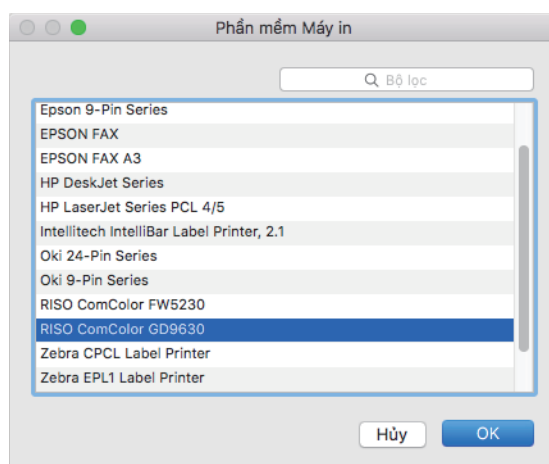
8 Cấu hình hàng đợi.



Trên màn hình [Thêm], nhấp vào [IP] rồi nhập địa chỉ IP và hàng đợi.

Hàng: Nhập "lp" bằng ký tự chữ thường cho hàng đợi.

Sử dụng: Nhấp vào [Chọn phần mềm] để mở màn hình [Phần mềm Máy in]. Chọn trình điều khiển máy in mà bạn đã cài đặt.



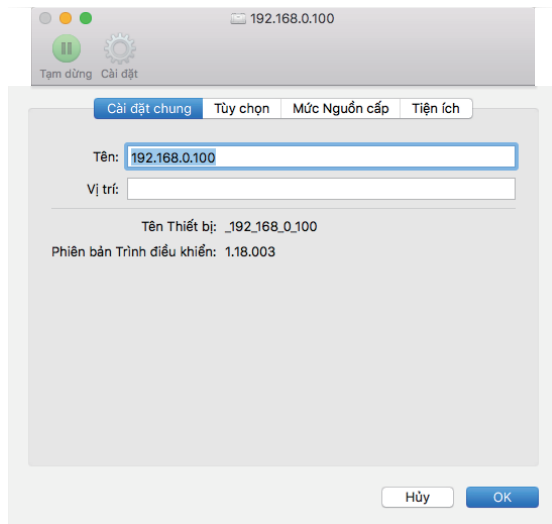
Cài đặt Cấu hình Máy in

Khi bạn sử dụng máy in trong lần đầu tiên hoặc thêm một tùy chọn vào máy, bạn cần đặt cấu hình máy in.

1 Trên màn hình [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét], hãy chọn ComColor GD (tên máy in), sau đó nhấp vào [Mở Hàng In].

2 Nhấp vào [Cài đặt].

Màn hình hàng đợi in của máy in sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra thông tin của máy in bằng cách nhấp vào từng tab.



Tab [Cài đặt Chung]: Bạn có thể kiểm tra tên thiết bị hoặc phiên bản trình điều khiển máy in.

Tab [Tùy chọn]: Bạn có thể kiểm tra và thay đổi cài đặt tùy chọn có trên máy in.

Tab [Mức Nguồn cấp]: Bạn có thể kiểm tra tình trạng của các vật liệu in ấn như giấy hoặc mực.

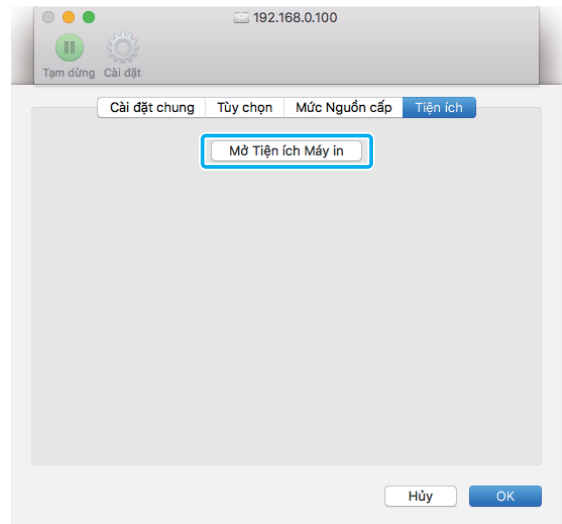
Tab [Tiện ích]: Bạn có thể đặt tùy chọn xác định khu vực mã vạch, mẫu, thư mục dùng chung và cấu hình màu.

3 Đăng ký thư mục.

Bạn có thể đăng ký thư mục (thư mục dùng chung hoặc thư mục cá nhân) để lưu dữ liệu in trên trình điều khiển máy in.

Thư mục được đăng ký tại đây sẽ hiển thị trong [Đầu ra] trên tab [Cơ bản].

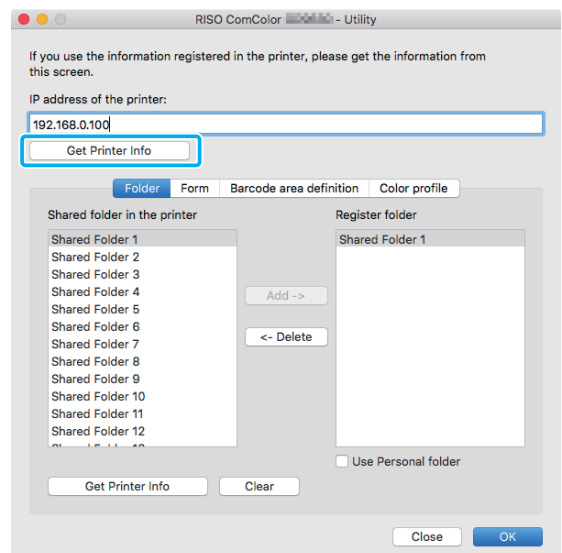
1 Nhấp vào [Mở Tiện ích Máy in] trên tab [Tiện ích].



Màn hình [Utility] hiển thị.

2 Nhập địa chỉ IP trong [IP address of the printer].

3 Nhấp vào [Get Printer Info].

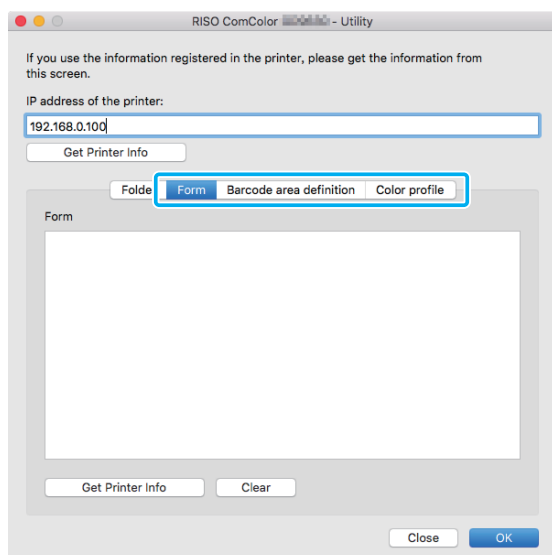


Thông tin về thư mục dùng chung đã đăng ký trong máy in sẽ hiển thị trong [Shared folder in the printer].

4 Chọn thư mục để thêm vào [Register folder] và nhấp vào [Add ->].

5 Đặt thư mục cá nhân.

Chọn [Use Personal folder] khi bạn có thư mục cá nhân.

6 Nhấp vào [OK].**4 Lấy thông tin xác định khu vực mã vạch, mẫu hoặc cấu hình màu khi cần.**

Nhấp vào [Get Printer Info] trên mỗi tab để thu thập thông tin từ máy in.

Dỡ cài đặt khỏi Mac OS**1 Mở phần khởi động Mac OS và mở [Ứng dụng] - [Ưu tiên Hệ thống].****2 Nhấp vào [In & Quét] hoặc [Máy in & Máy quét].****3 Chọn máy in bạn muốn xóa và nhấp vào nút [-].**

- Xóa thư mục và tệp sau khởi ổ đĩa khởi động Mac OS nếu cần:
 - Thư mục [RISO] trong [Thư viện] - [Máy in].
 - Tệp "RSGD****.ppd" trong [Thư viện] - [Máy in]
 - [PPD] - [Nội dung] - [Tài nguyên]

Cài đặt vào Linux

Có thể in từ Linux nếu tệp PPD nằm trong đĩa DVD-ROM được đăng ký vào CUPS cho Linux.



- Trước khi cài đặt, hãy đảm bảo rằng tất cả cài đặt cần thiết về hệ thống Linux được cấu hình đúng cách.
- Quy trình cài đặt vào Linux có thể thay đổi tùy theo môi trường Linux của bạn. Quy trình cài đặt chuẩn được mô tả ở đây.

1 Mở màn hình để đăng ký máy in.**2 Cấu hình máy in.**

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để chọn giao thức (LPD, LPR, v.v..) và nhập địa chỉ IP của máy in.

3 Cấu hình hàng đợi.

Nhập "lp" bằng ký tự chữ thường cho hàng đợi.

4 Chọn trình điều khiển.

Tải đĩa DVD-ROM đi kèm trong ổ đĩa DVD-ROM của máy tính và chọn tệp PPD.

5 Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cấu hình cài đặt.

Nhập tên máy in và thông tin cần thiết khác.

6 Tháo đĩa DVD-ROM khỏi máy tính.

- Cất đĩa DVD-ROM ở nơi an toàn để tham khảo sau này.

Dỡ cài đặt tệp PPD

- 1 Mở màn hình để đăng ký máy in.
- 2 Chọn biểu tượng máy in và xóa đi.

Cách In

In từ Máy tính Windows

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Tổng quan về Thao tác In” (tr. 3-2) trong “In”.

In từ máy Mac

Phần này mô tả quy trình cơ bản để in từ máy Mac.

- Màn hình hiển thị có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành và ứng dụng được dùng cũng như thiết bị tùy chọn được kết nối.
- Một số mục cài đặt có thể không hiển thị tùy theo cách cấu hình cài đặt của quản trị viên. Hãy liên hệ với quản trị viên của bạn để biết chi tiết.

1 Mở màn hình in trong ứng dụng trên máy tính.

Chọn [In] trong menu [Tập].

2 Chọn máy in.

3 Nhấp vào [▼].

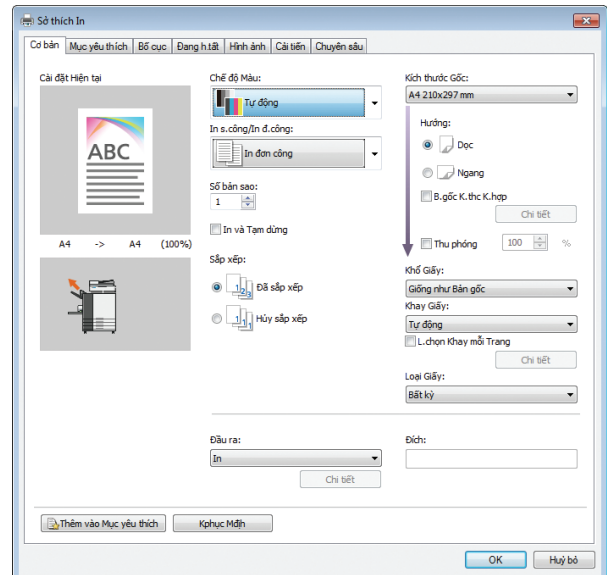
4 Nhấp vào [Hiện chi tiết].

Thay đổi cài đặt.

5 Nhấp vào [In] để tiến hành in.

Cài đặt Trình điều khiển Máy in

Phần này mô tả các mục có thể cấu hình khi cài đặt bộ PS, sử dụng màn hình [Sở thích In] trong Windows làm ví dụ.



- Khi kết nối thiết bị tùy chọn, đầu tiên, hãy cấu hình cài đặt tại [Cấu hình Máy in] trong tab [Môi trường] để sử dụng các chức năng nhất định.
- Khi in từ máy Mac, hãy sử dụng cài đặt hệ điều hành tiêu chuẩn cho [Số lượng bản copy], [Kích thước bản gốc] và [Hướng].

Tab [Cơ bản]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Cơ bản]” (tr. 3-9) trong “In”.

Đầu ra

Chỉ định in dữ liệu gửi từ máy tính hay lưu dữ liệu vào một thư mục trên máy này.
Cũng có thể đăng ký dữ liệu biểu mẫu vào máy.

[In]

In dữ liệu.

[In & Lưu trữ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy và in dữ liệu đó.

[Bộ nhớ]

Lưu dữ liệu bản gốc vào thư mục trên máy. Ngoài ra, hãy tạo tệp PRN để sử dụng trong Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch.

[Biểu mẫu]

Đăng ký biểu mẫu.

Để biết thêm thông tin, hãy xem “Form Overlay” (tr. 8-52) trong tab [Cài tiến].

L.chọn Khay mỗi Trang

Bạn có thể chỉ định khay để sử dụng cho mỗi trang. Khi chọn hộp kiểm này, bạn có thể chỉ định in từ khay nào cho mỗi trang.

[Khay T.ch]

Chỉ định số trang được in từ khay tiêu chuẩn.

[Khay Nạp1]

Chỉ định số trang được in từ khay nạp 1.

[Khay Nạp2]

Chỉ định số trang được in từ khay nạp 2.

[Khay Nạp3]

Chỉ định số trang được in từ khay nạp 3.



- Sử dụng dấu phẩy để phân tách số trang được chỉ định (1,2,3, v.v..) hoặc chỉ định phạm vi trang (như 1-10).
- Nếu không chỉ định khay cho trang cụ thể, trang sẽ được in từ khay chỉ định trong cài đặt [Khay Giấy].
- Khi chỉ định khay cho trang, quá trình xử lý hình ảnh được tiến hành trên trang dựa trên cài đặt trang (loại giấy) của khay được chỉ định.

■ Ví dụ về Cài đặt

Chỉ định khay cho từng trang khi in tài liệu gồm 15 trang

Khay để sử dụng	Giá trị cài đặt
Khay Tiêu Chuẩn hoặc bộ nạp sức chứa lớn	1, 5
Khay nạp 1	6 - 10
Khay nạp 2	11, 13, 15
Khay nạp 3	12

Trang 1 tới 5 được in từ khay tiêu chuẩn hoặc bộ nạp sức chứa lớn, trang 6 tới 10 được in từ khay nạp 1, trang 11, 13 và 15 được in từ khay nạp 2, trang 12 được in từ khay nạp 3, trang 2 tới 4 và trang 14 (các trang này không được chỉ định khay) được in từ khay đã chỉ định trong cài đặt [Khay Giấy].



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [L.chọn Khay mỗi Trang] với [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách], [Xoay H.ảnh], [Thêm Bìa] hoặc [In Giấy Nhiều phần]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”, tr. 3-20 “Xoay”, tr. 3-23 “Thêm Bìa”, tr. 3-30 “In Giấy Nhiều phần”)
- Nếu đang dùng bộ hoàn thiện úp xuống hoặc bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn, bạn không thể sử dụng đồng thời [L.chọn Khay mỗi Trang] với [Bản ra sole]. (tr. 8-7 “Bản ra sole”, tr. 8-24 “Bản ra sole”)
- Nếu đang dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, bạn không thể sử dụng đồng thời [L.chọn Khay mỗi Trang] với [Gập], [Đóng Sách] hoặc [Bản ra sole]. (tr. 8-32 “Gập”, tr. 8-34 “Đóng Sách”, tr. 8-36 “Bản ra sole”)

Tab [Mục yêu thích]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Mục yêu thích]” (tr. 3-14) trong “In”.

Tab [Bố cục]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Bố cục]” (tr. 3-15) trong “In”.



- Cài đặt [Hình mờ] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript.

Dịch Chuyển Hình ảnh

Điều chỉnh vị trí in của hình ảnh.



- Bạn có thể điều chỉnh vị trí in đi lên, đi xuống, sang trái, sang phải tối đa là ± 254 mm theo số gia là 0,1 mm.
- Khi in song công, có thể điều chỉnh riêng mặt trước và mặt sau.

Chọn hộp kiểm [Dịch Chuyển Hình ảnh] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Dịch Chuyển Hình ảnh]. Nhập giá trị vào ô dành cho hướng bạn muốn điều chỉnh.

[Mặt Trước], [Mặt Sau]

Nhập giá trị cho [Ngang] hoặc [Dọc].

[Đặt lại]

Đặt lại giá trị đã nhập về 0 trên mặt trước hoặc mặt sau riêng biệt.

Xem trước

Bạn có thể xem trước vị trí hình ảnh đã điều chỉnh trên mặt trước hoặc mặt sau riêng biệt.

Tab [Đang h.tất]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Đang h.tất]” (tr. 3-20) trong “In”.



- Để biết thêm thông tin về chức năng sau đây khi sử dụng bộ hoàn thiện úp xuống, hãy xem “Bộ hoàn thiện” (tr. 8-2):
[Dập ghim], [Bản ra sole]
- Để biết thêm thông tin về chức năng sau đây khi sử dụng khay xếp chồng, hãy xem “Khay Xếp chồng (Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát / Khay Xếp chồng Rộng)” (tr. 8-14):
[Khay Giấy ra], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]
- Để biết thêm thông tin về chức năng sau đây khi sử dụng bộ xếp giấy sức chứa lớn, hãy xem “Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn” (tr. 8-19):
[Bản ra sole], [Khay Giấy ra], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]
- Để biết thêm thông tin về chức năng sau đây khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng, hãy xem “Bộ hoàn thiện Đa chức năng” (tr. 8-27):
[Dập ghim], [Đục lỗ], [Gập], [Bản ra sole], [Khay Giấy ra], [Ch.tiếp Kh.Giấyra]
- Chức năng [Đang tạo Thư] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript khi dùng Wrapping Envelope Finisher.
- Chức năng [Đóng sách] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript khi dùng Perfect Binder.

Đóng Sách

Tiến hành in song công một loạt các trang và tạo sách nhỏ bằng cách gập đôi giấy. Bạn cũng có thể đóng nẹp sách nhỏ ở giữa bằng ghim dập. Để biết thêm thông tin về đóng nẹp sách nhỏ, hãy xem “Đóng Sách” (tr. 8-34) trong “Thiết bị Tùy chọn”.

Chọn phương thức đóng nẹp sách nhỏ và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Đóng Sách].



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Đóng Sách] với [L.chọn Khay mỗi Trang], [Form Overlay] và [Thứ tự ngược]. (tr. 8-49 “L.chọn Khay mỗi Trang”, tr. 8-52 “Form Overlay”, tr. 8-56 “Thứ tự ngược”)

■ Phân chia Sách

Bản in sẽ được xuất ra sau khi được phân chia cho mỗi sách nhỏ dựa theo số trang nhất định trên mỗi tập. Khuôn trang sẽ khác nhau tùy theo cài đặt.

[OFF]

Các trang sẽ được lên khuôn sao cho trang nằm đúng thứ tự khi đóng nẹp sách nhỏ ở giữa. Khi dữ liệu chứa số lượng trang lớn, sách nhỏ sẽ được xuất ra thành nhiều tập. Các trang sẽ được lên khuôn sao cho khi các tập này được mở ra và xếp chồng lên nhau, chúng có thể được đóng nẹp thành một cuốn sách nhỏ.

[Tự động]

Các trang sẽ được lên khuôn sao cho khi tất cả các tập xuất ra được xếp chồng ở trạng thái đã gập, các trang sẽ nằm đúng thứ tự. Mỗi tập được xuất ra sẽ có 5 tờ khi đặt [Đóng Sách] thành [Gập], còn khi đặt tùy chọn này thành [Gập + D.ghim], các tập được xuất ra sẽ có 15 tờ.

[1 Tờ], [2 Tờ], [3 Tờ], [4 Tờ], [5 Tờ], [6 Tờ], [7 Tờ], [8 Tờ], [9 Tờ], [10 Tờ], [11 Tờ], [12 Tờ], [13 Tờ], [14 Tờ], [15 Tờ]

Khi đặt [Sách] thành [OFF], bạn có thể cấu hình số tờ được phân chia cho các tập. Bản in sẽ được xuất ra sau khi phân chia cho mỗi sách nhỏ dựa theo số trang được cấu hình.

Bạn có thể đặt số trang cho mỗi tập trong phạm vi xuất ra là 1 tới 5 tờ khi đã đặt [Đóng Sách] thành [Gập] hoặc từ 1 tới 15 tờ khi đặt tùy chọn này thành [Gập + D.ghim].



- Ở trạng thái mặc định ban đầu, nhiều tập sẽ được xuất ra khi số trang vượt quá 5 tờ nếu đặt [Đóng Sách] thành [Gập] hoặc 15 tờ nếu đặt tùy chọn này thành [Gập + D.ghim].

- Ghim dập sẽ không được đưa vào khi máy đang xuất ra nhiều tập.

- Khi không đặt [P.chia Sách] thành [OFF], bạn không thể sử dụng [Bìa Sách nhỏ] và [Thêm Bìa].

Tab [Hình ảnh]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Hình ảnh]” (tr. 3-24) trong “In”.



- [Nén Dữ liệu] trong [Chất lượng Hình ảnh] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript.

Hiệu chỉnh Gamma

Điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và giá trị gamma của màu lục lam, đỏ tươi, vàng, đen và xám.

Chọn hộp kiểm [Hiệu chỉnh Gamma] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Hiệu chỉnh Gamma].

[Độ sáng]

Giá trị càng nhỏ, màu càng sáng (càng trắng). Giá trị càng lớn, màu càng tối (càng đen).

Chỉ định giá trị từ -2 đến +2.

[Độ tương phản]

Điều chỉnh tỷ lệ độ sáng so với độ tối. Giá trị càng nhỏ, độ tương phản càng thấp. Giá trị càng lớn, độ tương phản càng cao.

Chỉ định giá trị từ -2 đến +2.

[Lục lam], [Đỏ tươi], [Vàng], [Đen], [Xám]

Hiệu chỉnh giá trị gamma cho mỗi màu.

Giá trị càng nhỏ, màu càng nhạt. Giá trị càng lớn, màu càng sâu. Khi bạn đặt giá trị thành 1,00, giá trị gamma không được hiệu chỉnh và màu không thay đổi.

Chỉ định giá trị từ 0,01 đến 3,00.



- Điều chỉnh màu của bạn dựa trên lời khuyên của quản trị viên.

Hồ sơ Màu

Sử dụng cấu hình màu để quản lý màu.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Hồ sơ Màu] với [Mật độ Bản in]. (tr. 3-24 “Mật độ Bản in”)

Chọn hộp kiểm [Cấu hình Màu] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Cấu hình Màu].

■ Hồ sơ Đầu ra

Bạn có thể chọn [Tự động] hoặc bất kỳ cấu hình đầu ra nào đã được thêm.



- Khi chọn [Tự động], cấu hình đầu ra được cấu hình tự động dựa trên cài đặt loại giấy và độ phân giải.

■ Đang hiển thị Mục đích

Sử dụng phương pháp chuyển đổi màu để tiến hành thay thế màu khi các màu khác nhau được thể hiện bằng cách kết hợp các giá trị số.

Chọn một trong bốn phương pháp chuyển đổi màu khác nhau để tiến hành thay thế màu.

[Cảm giác]

Lưu giữ mối quan hệ trực quan giữa các màu để màu hiển thị tự nhiên đối với mắt người.

- Phương pháp này phù hợp nhất với ảnh chụp và hữu ích khi dữ liệu hình ảnh gồm nhiều màu lệch gam không thể in.

[Độ bão hòa]

Tạo màu sắc sinh động trong hình ảnh.

- Phương pháp này phù hợp nhất với các đồ họa như biểu đồ và đồ thị, trong đó các màu bão hòa sáng có ý nghĩa quan trọng.

[Phép đo màu Tương đối]

So sánh những phần đặc biệt nổi bật trong không gian màu gốc với các phần đặc biệt nổi bật trong không gian màu đích và chuyển đổi tất cả các màu cho phù hợp. Các màu lệch gam được chuyển đổi sang màu có thể tái tạo gần nhất trong không gian màu đích.

- Phương pháp này lưu giữ được nhiều màu của bản gốc trong hình ảnh hơn so với phương pháp [Cảm giác].

[Phép đo màu Tuyệt đối]

Lưu giữ màu không lệch gam và cắt giảm màu lệch gam.

- Phương pháp này đặc biệt hữu ích để xem trước ảnh hưởng của màu giấy lên màu được in.

■ Số giọt Tối đa

Bạn có thể đặt số giọt mực tối đa theo cách thủ công.



- Khi đặt [Số giọt Tối đa] thành [Tự động], số giọt sẽ được cấu hình tự động dựa trên loại giấy. Bình thường, hãy sử dụng [Tự động].

Tab [Cải tiến]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem “Tab [Cải tiến]” (tr. 3-28) trong “In”.

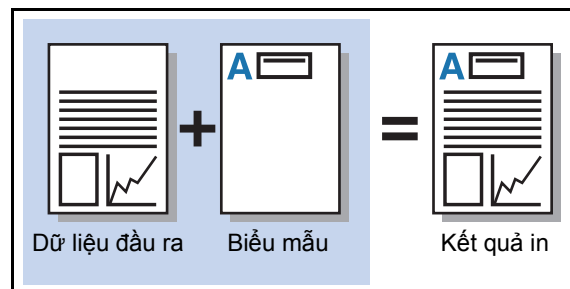


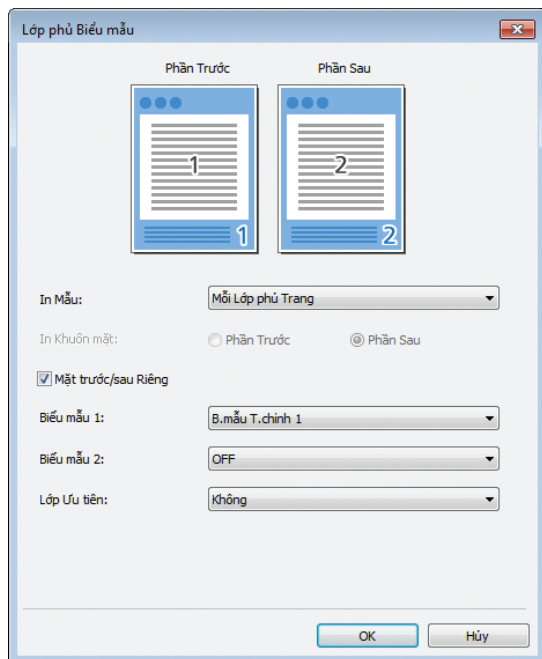
- Cài đặt [Chương trình] và [Phát hiện Trang Trống] không khả dụng đối với trình điều khiển máy in PostScript.
- [Cấu hình Màu] không hiển thị trên màn hình [Phiên bản] của trình điều khiển máy in PostScript.

Form Overlay

Bạn có thể chọn mẫu đã được đăng ký với máy và che phủ lên dữ liệu đầu ra để in.

Chọn hộp kiểm [Form Overlay] và nhấp vào [Chi tiết] để hiển thị hộp thoại [Form Overlay]. Cấu hình cài đặt để che phủ biểu mẫu.



**[In Mẫu]**

Chỉ định có hoặc không in biểu mẫu trên cùng một mặt với dữ liệu đầu ra.

[In Khuôn mặt]

Khi chọn [Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định in biểu mẫu lên mặt trước hay mặt sau.

[Mặt trước/sau Riêng]

Khi in song công, bạn có thể chỉ định các biểu mẫu riêng biệt cho mặt trước và sau.



- Cài đặt này khả dụng nếu chọn [Mỗi Lớp phủ Trang] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] trong [In Mẫu].

[Biểu mẫu 1]

Chọn biểu mẫu để in lên mặt trước hoặc cả hai mặt của dữ liệu đầu ra.

[Biểu mẫu 2]

Chọn biểu mẫu để in lên mặt sau của dữ liệu đầu ra.

[Lớp Ưu tiên]

Khi chọn [Mỗi Lớp phủ Trang], [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định để gán ưu tiên cho biểu mẫu hoặc dữ liệu đầu ra.



- Trước khi dùng các cài đặt này, đầu tiên, bạn phải tạo dữ liệu biểu mẫu trên máy tính và đăng ký trong [Đầu ra] ở tab [Cơ bản]. (tr. 8-49 “Đầu ra”)
- Biểu mẫu được in dựa trên cài đặt về hướng của dữ liệu đầu ra, khổ Giấy và chất lượng hình ảnh.
- Dữ liệu đầu ra với biểu mẫu được che phủ không thể lưu (đăng ký) được.
- Bạn không thể sử dụng chức năng [Form Overlay] với chức năng [B.gốc K.thc K.hợp], [Kết hợp], [Lập lại Hình ảnh], [Sách] hoặc [Đóng Sách]. (tr. 3-11 “B.gốc K.thc K.hợp”, tr. 3-15 “Kết hợp”, tr. 3-16 “Lập lại Hình ảnh”, tr. 3-16 “Sách”, tr. 8-34 “Đóng Sách”)

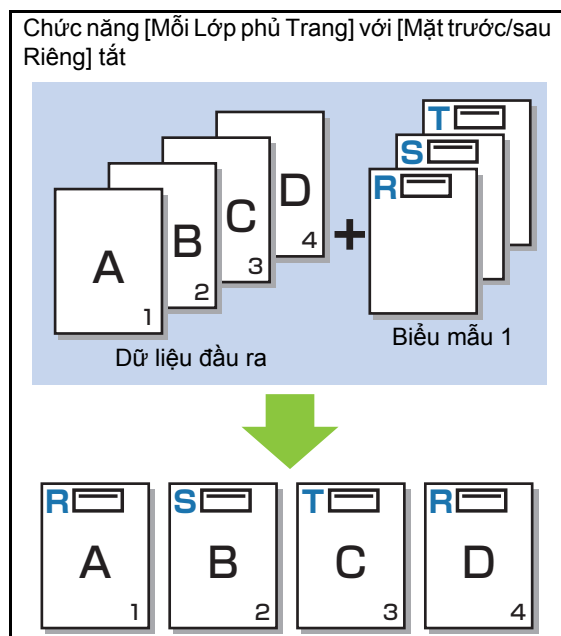
■ In Mẫu

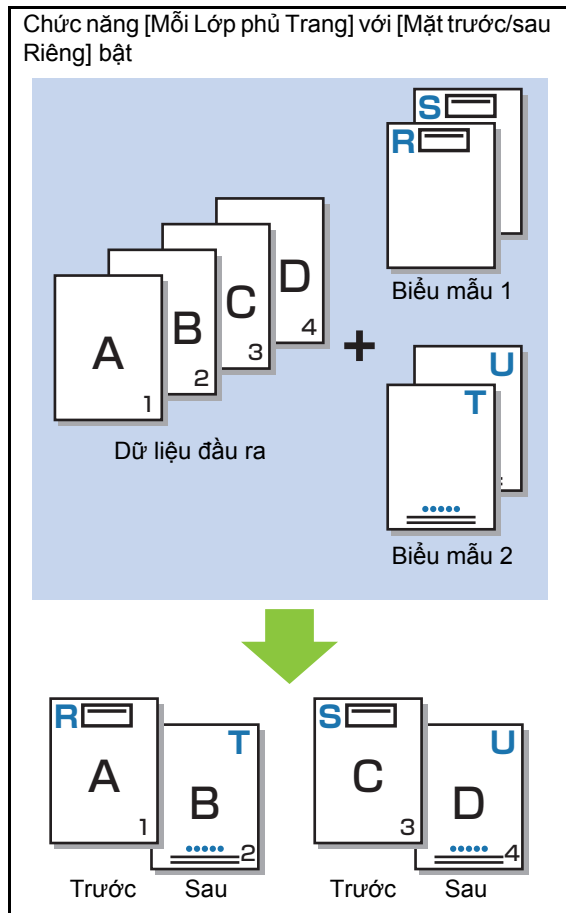
Chọn biểu mẫu lưu trên máy và chọn mặt giấy để in.

[Mỗi Lớp phủ Trang]

In biểu mẫu trên cùng một mặt với dữ liệu đầu ra.

Khi in song công, hãy chọn [Mặt trước/sau Riêng]. Khi chọn hộp kiểm [Mặt trước/sau Riêng], bạn có thể chọn biểu mẫu cho [Biểu mẫu 1] và [Biểu mẫu 2] từ danh sách biểu mẫu.

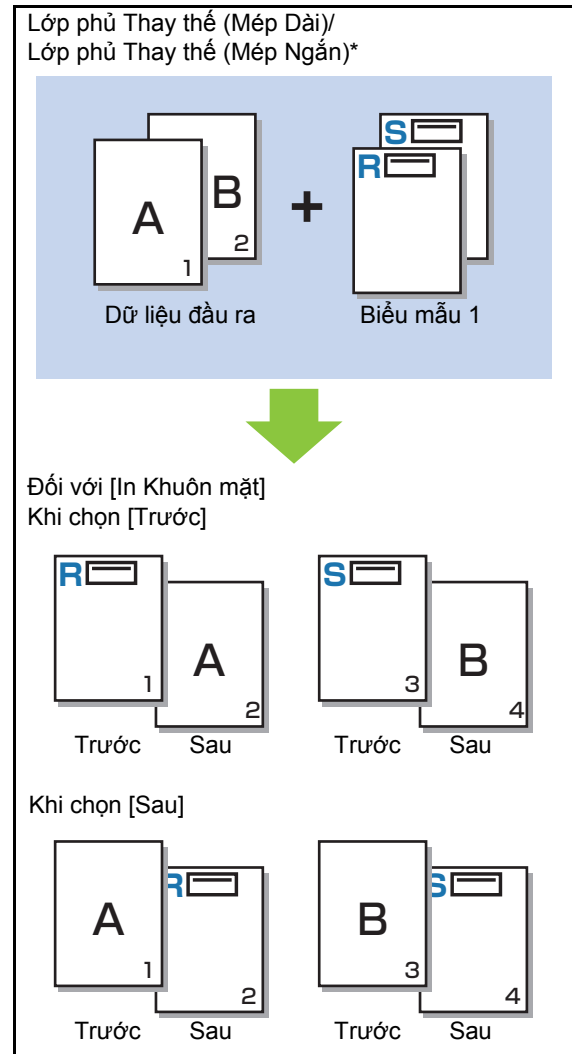




[Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)]

In dữ liệu biểu mẫu và đầu ra lên các mặt khác nhau.

Dữ liệu biểu mẫu được in trên mặt đã chỉ định trong [In Khuôn mặt]. Dữ liệu đầu ra được in thành dữ liệu biến đổi trên mặt còn lại.

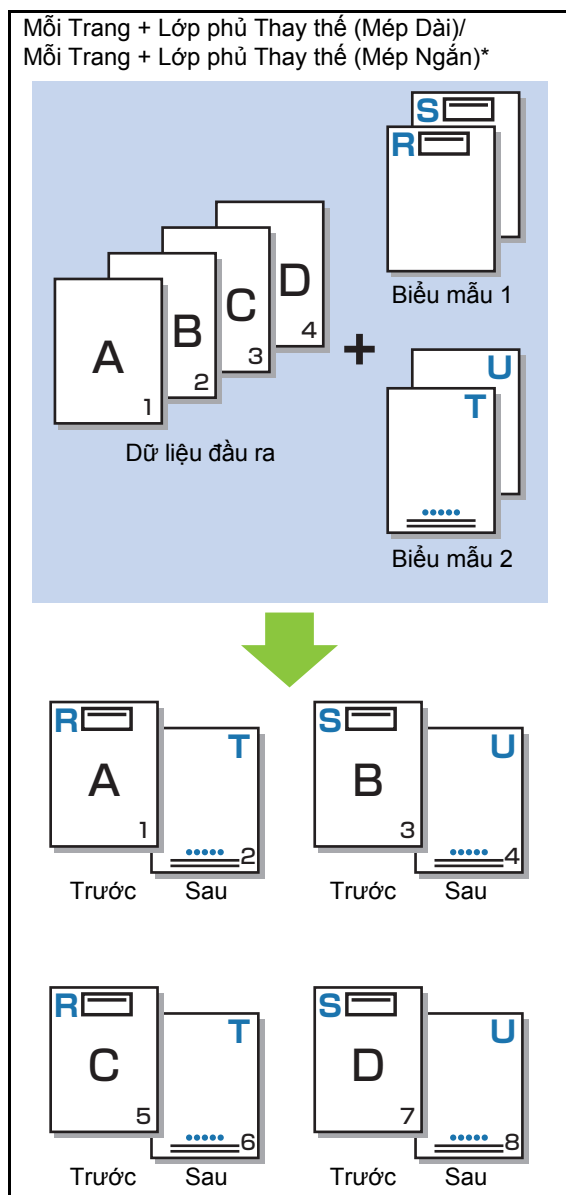


* Hình minh họa là ví dụ về đóng nẹp mép dài.

[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)]

Biểu mẫu được che phủ trên dữ liệu đầu ra trên một mặt và một biểu mẫu khác được in lên mặt còn lại.

Bạn có thể chỉ định các biểu mẫu riêng biệt trong [Biểu mẫu 1] và [Biểu mẫu 2].



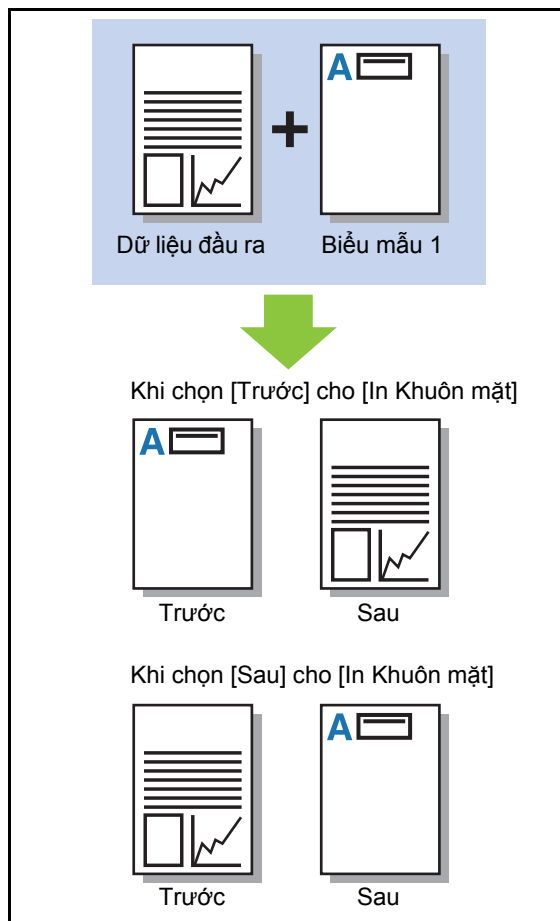
* Hình minh họa là ví dụ về đóng nẹp mép dài.



- Chức năng này không khả dụng khi cấu hình [B.gốc K.thc K.hợp].
- Chức năng này không khả dụng khi cấu hình [Kết hợp].

■ In Khuôn mặt

Khi chọn [Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)]/[Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] trong [In Mẫu], hãy chỉ định in dữ liệu biểu mẫu lên mặt trước hoặc mặt sau giấy.



- Khi chọn [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)], hãy chỉ định mặt để chỉ in biểu mẫu.

■ Lớp Ưu tiên

Khi chọn [Mỗi Lớp phủ Trang], [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Dài)] hoặc [Mỗi Trang + Lớp phủ Thay thế (Mép Ngắn)] cho [In Mẫu], hãy chỉ định để gán ưu tiên cho dữ liệu biểu mẫu hay dữ liệu đầu ra và phủ dữ liệu đó lên dữ liệu còn lại.

[Không]

Dữ liệu đầu ra và dữ liệu biểu mẫu được che phủ.

[Tài liệu]

Ưu tiên được dành cho lớp dữ liệu đầu ra (bản gốc) và dữ liệu ưu tiên được phủ lên trên dữ liệu biểu mẫu.

[Biểu mẫu]

Ưu tiên được dành cho lớp dữ liệu biểu mẫu và dữ liệu ưu tiên được phủ lên trên dữ liệu đầu ra.



- Nếu kích thước hình ảnh của lớp ưu tiên lớn hơn kích thước hình ảnh của lớp không được ưu tiên, bạn có thể không in được hình ảnh của lớp không được ưu tiên.
- Nếu dữ liệu đầu ra và dữ liệu biểu mẫu bao gồm cùng các màu, những phần của hình ảnh có các màu này che phủ có thể không tái tạo được chính xác.

Thứ tự ngược

Khi chọn hộp kiểm này, bản in được in theo thứ tự đảo ngược.



- Bạn không thể sử dụng đồng thời [Thứ tự ngược] với [Sách] hoặc [Đóng Sách]. (tr. 3-16 "Sách", tr. 8-34 "Đóng Sách")

Tab [Môi trường]

Để biết thêm thông tin về từng mục cài đặt, hãy xem "Tab [Môi trường]" (tr. 3-31) trong "In".



- [Loại Giấy Mặc định "Bất kỳ"] và [Liên kết Hệ thống Bên ngoài] không khả dụng với trình điều khiển máy in PostScript.

Cài đặt RISO Console

Bạn có thể sử dụng màn hình [Dữ liệu Biểu mẫu] trong menu [Bộ nhớ].

Màn hình [Dữ liệu Biểu mẫu]

Hiện thị dữ liệu biểu mẫu đã được gửi bằng cách chọn [Biểu mẫu] trong cài đặt [Đầu ra] của Trình điều khiển Máy in RISO ComColor GD PS. Trình điều khiển Máy in RISO ComColor GD PS khả dụng khi cài đặt bộ PS.

[Xóa]

Xóa dữ liệu biểu mẫu đã chọn khỏi danh sách.

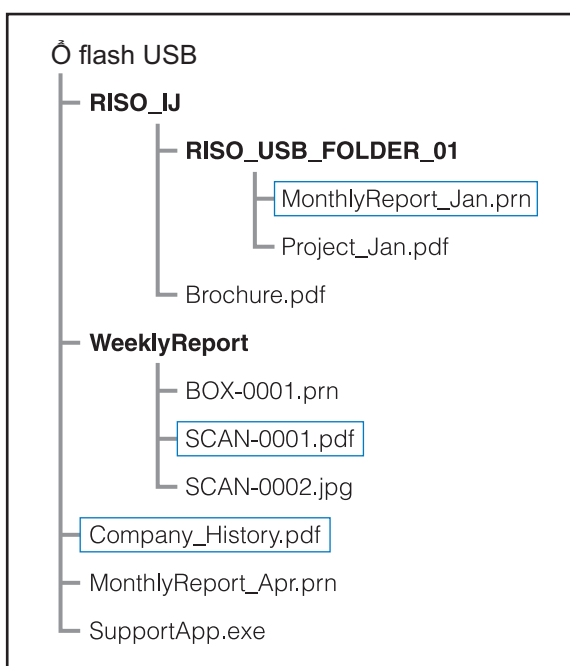
[Chi tiết]

Bạn có thể kiểm tra cài đặt của dữ liệu biểu mẫu đã chọn. Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt.

Tệp Có thể In trong Ổ Flash USB

Khi cài đặt bộ PS, bạn có thể in tệp PRN và tệp PDF lưu trên ổ flash USB.
Các tệp có thể sử dụng được sẽ hiển thị trên màn hình danh sách tài liệu trên máy.

■ Ví dụ về Cấu trúc Thư mục trong Ổ flash USB



Thư mục được chỉ thị bằng phông chữ đậm.
Các tệp bên trong hình chữ nhật được hiển thị trên màn hình danh sách tài liệu.



- Không thể dùng các loại tệp lưu trên ổ flash USB sau đây:
 - Tệp PDF được bảo vệ bằng mật khẩu
 - Tệp PDF có dữ liệu lệnh bị hỏng
 - Tệp PDF được lưu trong thư mục [RISO_IJ]
 - Tệp PRN được lưu ngoài thư mục [RISO_IJ]
 - Một bản gốc chứa hình ảnh có độ phân giải cao hoặc một tập tin có kích thước tập tin vượt quá sức chứa tối đa của máy

Danh sách Cài đặt trong [USB] - [Tải]

Bạn có thể thay đổi cài đặt in cho tệp PDF.

Chọn thư mục trên màn hình [USB] - [Tải] và chạm vào [Mở] để hiển thị danh sách tài liệu bên trong thư mục. Khi bạn chọn tài liệu và chạm vào [Cài đặt In], màn hình cài đặt hiển thị. Các cài đặt có thể cấu hình trên màn hình này được liệt kê sau đây:

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Chế độ Màu	Chọn in màu hoặc in đơn sắc.	tr. 1-7
K.thước Bản t. tạo	Chỉ định mở rộng hoặc thu hẹp hình ảnh gốc trước khi in nếu cần. [Vừa với Giấy] không khả dụng.	tr. 1-7
Chọn Giấy	Thay đổi cài đặt khay giấy, loại giấy và cài đặt kiểm soát nạp theo giấy dùng để in.	tr. 1-8
In s.công/In đ.công	Chỉ định mặt giấy để in.	tr. 3-9
Sắp xếp	Chỉ định phương thức sắp xếp khi in nhiều bản sao.	tr. 1-11
Mật độ Bản in	Chỉ định mật độ bản in.	tr. 1-12
Kết hợp	Lên khuôn các trang liên tiếp nhau trên một tờ.	tr. 1-15
Lặp lại Hình ảnh	Lên khuôn nhiều bản sao của cùng một bản gốc trên một tờ.	tr. 1-16
Sách	Chỉ định cài đặt lên khuôn khi tạo sách nhỏ. Bạn cũng có thể gập đôi các trang và đóng nẹp ở giữa khi bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn được kết nối.	tr. 1-16
Tem	Dán tem số trang, ngày hoặc văn bản trong tiêu đề hoặc chân trang.	tr. 1-17
Thêm Bìa	Thêm bìa trước và bìa sau vào bản in.	tr. 1-27
Phân tách	Chèn tấm nệm. Khi kết nối bộ hoàn thiện úp xuống, bộ xếp giấy sức chứa lớn hoặc bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn, cài đặt điều chỉnh giấy ra cũng khả dụng.	tr. 1-27
Lề đóng nẹp	Chỉ định lề đóng nẹp.	tr. 1-28
Dập ghim/Đục lỗ	Chỉ định cài đặt dập ghim. (Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống tùy chọn)	tr. 8-8
	Chỉ định cài đặt dập ghim và đục lỗ. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn)	tr. 8-39
Gập*	Chỉ định kiểu gập trang in. (Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn với thiết bị gập)	tr. 8-41
In Chậm	Giảm tốc độ in. Điều này cũng giảm mức tiếng ồn do máy gây ra khi in lệnh.	tr. 1-29
Khay Giấy ra	Chọn khay giấy ra cho bản in.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43
Ngửa lên/Úp xuống	Chỉ định xếp chồng các trang theo hướng ngửa lên hay úp xuống trong bộ xếp giấy.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát / khay xếp chồng rộng tùy chọn	tr. 8-17
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43

Mục cài đặt	Sử dụng mục này để:	Xem
Ch.tiếp Kh.Giấyra	Tự động chuyển đổi khay giấy ra khi đầy.	
	Khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát tùy chọn	tr. 8-18
	Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn	tr. 8-26
	Khi dùng bộ hoàn thiện đa chức năng tùy chọn	tr. 8-43
T.động Xoay H.ảnh	Tự động xoay hình ảnh 90 độ khi hướng của bản gốc và giấy không khớp nhau.	tr. 1-30

* [Gập Z Đa Cỡ] trong [Gập] không thể cấu hình được.

Danh sách Phong chữ

Các phong chữ bạn có thể sử dụng được liệt kê sau đây.

Phông chữ PS

■ Phông chữ châu Âu

AlbertusMT
AlbertusMT-Italic
AlbertusMT-Light
AntiqueOlive-Bold
AntiqueOlive-Compact
AntiqueOlive-Italic
AntiqueOlive-Roman
Apple-Chancery
Arial-BoldItalicMT
Arial-BoldMT
Arial-ItalicMT
ArialMT
AvantGarde-Book
AvantGarde-BookOblique
AvantGarde-Demi
AvantGarde-DemiOblique
Bodoni
Bodoni-Bold
Bodoni-BoldItalic
Bodoni-Italic
Bodoni-Poster
Bodoni-PosterCompressed
Bookman-Demi
Bookman-Demilight
Bookman-Light
Bookman-LightItalic
Carta
Chicago
Clarendon
Clarendon-Bold
Clarendon-Light
CooperBlack
CooperBlack-Italic
Copperplate-ThirtyThreeBC
Copperplate-ThirtyTwoBC
Coronet-Regular
Courier
Courier-Bold

Courier-BoldOblique
Courier-Oblique
Eurostile
Eurostile-Bold
Eurostile-BoldExtendedTwo
Eurostile-ExtendedTwo
Geneva
GillSans
GillSans-Bold
GillSans-BoldCondensed
GillSans-BoldItalic
GillSans-Condensed
GillSans-ExtraBold
GillSans-Italic
GillSans-Light
GillSans-LightItalic
Goudy
Goudy-Bold
Goudy-BoldItalic
Goudy-ExtraBold
Goudy-Italic
Helvetica
Helvetica-Bold
Helvetica-BoldOblique
Helvetica-Condensed
Helvetica-Condensed-Bold
Helvetica-Condensed-BoldObli
Helvetica-Condensed-Oblique
Helvetica-Narrow
Helvetica-Narrow-Bold
Helvetica-Narrow-BoldOblique
Helvetica-Narrow-Oblique
Helvetica-Oblique
HoeflerText-Black
HoeflerText-BlackItalic
HoeflerText-Italic
HoeflerText-Ornaments
HoeflerText-Regular
JoannaMT
JoannaMT-Bold
JoannaMT-BoldItalic
JoannaMT-Italic
LetterGothic
LetterGothic-Bold
LetterGothic-BoldSlanted
LetterGothic-Slanted
LubalinGraph-Book
LubalinGraph-BookOblique
LubalinGraph-Demi

LubalinGraph-DemiOblique
 Marigold
 Monaco
 MonaLisa-Recut
 NewCenturySchlbk-Bold
 NewCenturySchlbk-BoldItalic
 NewCenturySchlbk-Italic
 NewCenturySchlbk-Roman
 NewYork
 Optima
 Optima-Bold
 Optima-BoldItalic
 Optima-Italic
 Oxford
 Palatino-Bold
 Palatino-BoldItalic
 Palatino-Italic
 Palatino-Roman
 StempelGaramond-Bold
 StempelGaramond-BoldItalic
 StempelGaramond-Italic
 StempelGaramond-Roman
 Symbol
 Tekton
 Times-Bold
 Times-BoldItalic
 Times-Italic
 Times-Roman
 TimesNewRomanPS-BoldItalicMT
 TimesNewRomanPS-BoldMT
 TimesNewRomanPS-ItalicMT
 TimesNewRomanPSMT
 Univers
 Univers-Bold
 Univers-BoldExt
 Univers-BoldExtObl
 Univers-BoldOblique
 Univers-Condensed
 Univers-CondensedBold
 Univers-CondensedBoldOblique
 Univers-CondensedOblique
 Univers-Extended
 Univers-ExtendedObl
 Univers-Light
 Univers-LightOblique
 Univers-Oblique
 Wingdings
 ZapfChancery-MediumItalic
 ZapfDingbats

■ Phong chữ tiếng Nhật

IPA Mincho
 IPA Gothic

■ Phong chữ PCL

Albertus Extra Bold
 Albertus Medium
 Antique Olive
 Antique Olive Bold
 Antique Olive Italic
 Arial
 Arial Bold
 Arial Bold Italic
 Arial Italic
 AvantGarde-Book
 AvantGarde-BookOblique
 AvantGarde-Demi
 AvantGarde-DemiOblique
 Bookman-Demi
 Bookman-DemiItalic
 Bookman-Light
 Bookman-LightItalic
 Calibri
 Calibri Bold
 Calibri Bold Italic
 Calibri Italic
 Cambria
 Cambria Bold
 Cambria Bold Italic
 Cambria Italic
 CG Omega
 CG Omega Bold
 CG Omega Bold Italic
 CG Omega Italic
 CG Times
 CG Times Bold
 CG Times Bold Italic
 CG Times Italic
 Clarendon Condensed Bold
 Coronet
 Courier
 CourierPS
 Courier Bold
 Courier Bold Italic
 Courier Italic
 CourierPS-Bold
 CourierPS-BoldOblique
 CourierPS-Oblique

Chương 8 Thiết bị Tùy chọn

Garamond Antiqua
Garamond Halbfett
Garamond Kursiv
Garamond Kursiv Halbfett
Helvetica
Helvetica-Bold
Helvetica-BoldOblique
Helvetica-Narrow
Helvetica-Narrow-Bold
Helvetica-Narrow-BoldOblique
Helvetica-Narrow-Oblique
Helvetica-Oblique
Letter Gothic
Letter Gothic Bold
Letter Gothic Italic
Marigold
NewCenturySchlbk-Bold
NewCenturySchlbk-BoldItalic
NewCenturySchlbk-Italic
NewCenturySchlbk-Roman
Palatino-Bold
Palatino-BoldItalic
Palatino-Italic
Palatino-Roman
Symbol
Symbol IPS
Times New Roman
Times New Roman Bold
Times New Roman Bold Italic
Times New Roman Italic
Times-Bold
Times-BoldItalic
Times-Italic
Times-Roman
Univers Bold
Univers Bold Italic
Univers Condensed Bold
Univers Condensed Bold Italic
Univers Condensed Medium
Univers Condensed Medium Italic
Univers Medium
Univers Medium Italic
Wingdings
ZapfChancery-MediumItalic
ZapfDingbats

Chương này mô tả cách thực hiện bảo trì, thay thế hộp mực và chứa thông tin về thông số kỹ thuật, vật tư tiêu hao của máy cũng như phần chỉ mục.

Bảo trì..... tr. 9-2

Phần này giải thích các chức năng khả dụng trên menu [Bảo trì] trên màn hình [Trang chủ1].

Giới thiệu về Hộp mực tr. 9-4

Phần này mô tả cách thay thế hộp mực.

Thông số Kỹ thuật tr. 9-5

Phần này mô tả các thông số kỹ thuật cơ bản của ComColor GD Series và thiết bị tùy chọn.

Vật tư Tiêu hao..... tr. 9-18

Phần này mô tả thông số kỹ thuật của hộp mực và ghim dự phòng.

Chỉ mục..... tr. 9-19



9

Phụ lục

Bảo trì

Bạn có thể thực hiện các điều chỉnh sau trong menu [Bảo trì] trên màn hình [Trang chủ1].



[Vệ sinh đầu in]

Vệ sinh đầu phun mực.

[Nhà Nắp Trước]

Nhà khóa nắp trước trên máy.

[Kiểm soát Dẫn hướng Giấy]

Điều chỉnh vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát hoặc bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn.

[Glue Temperature]

Kiểm tra nhiệt độ của thiết bị dán hồ khi dùng Perfect Binder tùy chọn. Bạn cũng có thể làm nóng trước thiết bị dán hồ.

Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Perfect Binder.

[Maximum Pages per Mail]

Chỉ định số tờ giấy tối đa có thể đưa vào mỗi thư khi dùng Wrapping Envelope Finisher tùy chọn.

Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho Wrapping Envelope Finisher.

Vệ sinh đầu in

Vệ sinh đầu phun mực khi bạn nhận thấy có thay đổi về chất lượng hình ảnh, chẳng hạn như một phần của bản sao bị mờ, có các vạch trắng hoặc màu bị nhạt đi.



- Theo mặc định, thiết bị này được cấu hình để tự động vệ sinh mỗi khi tạo số lượng bản in nhất định.

[Vệ sinh Bình thường]

Vệ sinh để các đầu phun mực không bị tắc.

[Vệ sinh Kỹ càng]

Tiến hành vệ sinh kỹ khi đầu phun mực bị tắc.

1 Chạm vào [Bảo trì] trên màn hình [Trang chủ1].

2 Chạm vào [Vệ sinh đầu in].

Màn hình [Vệ sinh đầu in] hiển thị.

3 Chọn kiểu vệ sinh phần đầu.

4 Chạm vào [OK].

Nhả Nấp Trước

Thông thường, nắp trước của máy được khóa. Khóa sẽ được nhả ra trong trường hợp cần phải mở nắp trước, chẳng hạn như khi giấy bị kẹt hoặc khi hết mực.

Để mở nắp trước trong khi hoạt động bình thường, hãy chuyển tới màn hình [Bảo trì] và chạm vào [Nhả Nấp Trước]. Khóa sẽ được nhả ra và bạn có thể mở nắp trước.

Sau khi nắp này đã đóng lại, khóa sẽ tự động gài ngay khi các hoạt động bắt đầu.

Kiểm soát Dẫn hướng Giấy

Điều chỉnh vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy khi dùng khay xếp chồng tự động kiểm soát hoặc bộ xếp giấy sức chứa lớn tùy chọn.

Bạn cũng có thể tiến hành điều chỉnh thủ công vị trí của bộ phận dẫn hướng bên cạnh và dẫn hướng cuối.

[Tự động]

Vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy được điều chỉnh tự động cho phù hợp với khổ giấy.

[Hẹp hơn]

Vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy được thu hẹp 1 mm mỗi lần vào mặt trong của bộ xếp giấy.

[Rộng hơn]

Vị trí của bộ phận dẫn hướng giấy được mở rộng 1 mm mỗi lần ra mặt ngoài của bộ xếp giấy.



- Bình thường, hãy sử dụng [Tự động].
- Với khay xếp chồng tự động kiểm soát, các bộ phận dẫn hướng sẽ mở rộng khi bạn nhấn nút mở dẫn hướng giấy, chẳng hạn như khi lấy giấy ra. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Khay Xếp chồng (Khay Xếp chồng Tự động Kiểm soát / Khay Xếp chồng Rộng)” (tr. 8-14).

Điều khiển Thủ công Bộ phận Kiểm soát Dẫn hướng Giấy

Bạn có thể mở rộng hoặc thu hẹp vị trí của các bộ phận dẫn hướng từ vị trí được cấu hình bằng tùy chọn [Tự động]. Bạn có thể điều chỉnh riêng lẻ vị trí của bộ phận dẫn hướng bên cạnh và dẫn hướng cuối.

1 Chạm vào [Bảo trì] trên màn hình [Trang chủ1].

2 Chạm vào [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy].

Màn hình [Kiểm soát Dẫn hướng Giấy] hiển thị.

3 Điều chỉnh vị trí của các dẫn hướng giấy.

- Để đưa giá trị đã điều chỉnh về 0 mm, hãy chạm vào [Tự động].
- Giá trị đã điều chỉnh cũng sẽ trở về 0 mm khi nhấn phím [Nguồn] trên bảng vận hành để khởi động lại thiết bị, khi nhấn phím [Đặt lại] hoặc khi thay đổi khổ giấy.

4 Chạm vào [Đóng].

Glue Temperature

Kiểm tra nhiệt độ của thiết bị dán hồ khi dùng Perfect Binder tùy chọn. Bạn cũng có thể làm nóng trước thiết bị dán hồ.

Maximum Pages per Mail

Chỉ định số tờ giấy tối đa có thể đưa vào mỗi thư khi dùng Wrapping Envelope Finisher tùy chọn.

Giới thiệu về Hộp mực

Thay thế Hộp mực

Khi hết mực, thông báo thay thế hộp mực sẽ hiển thị và quá trình in sẽ dừng lại. Hãy thay thế hộp mực có màu được hiển thị.

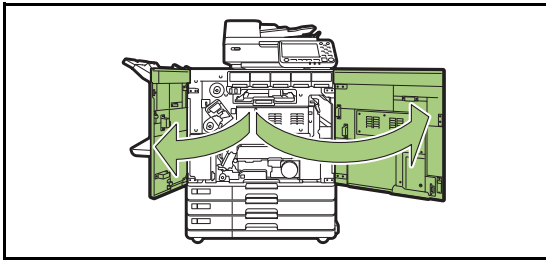


- Không tháo hộp mực nếu thông báo thay mực chưa hiển thị.



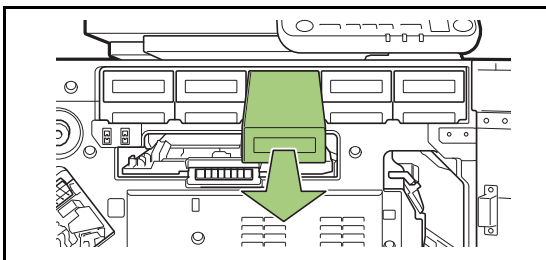
- Khi lượng mực còn lại ở mức thấp, chỉ báo mực còn lại trên màn hình bảng cảm ứng nhấp nháy. Hãy chuẩn bị hộp mực mới cho màu nhấp nháy.

1 Mở nắp trước.



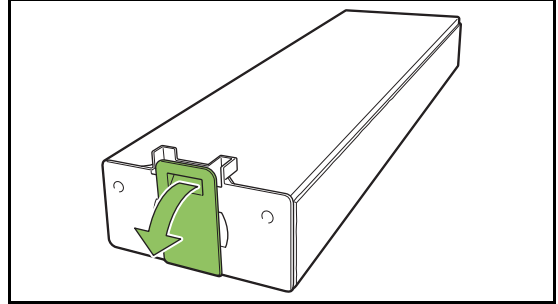
2 Tháo hộp mực được xác định là đã hết.

Xác nhận màu của hộp mực.



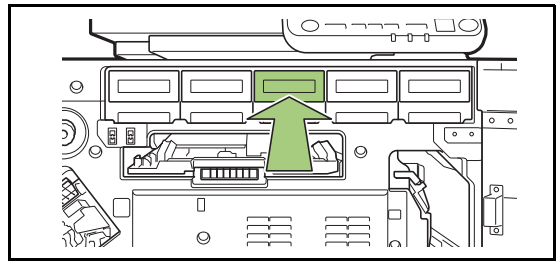
3 Tháo nắp của hộp mực mới.

Gắn nắp đã tháo lên hộp mực cũ.

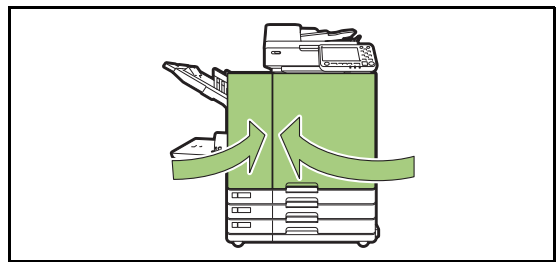


4 Lắp hộp mực mới.

Định vị hộp mực sao cho dấu ▼ hướng lên trên và lắp hộp vào tới khi hộp dừng lại.



5 Đóng nắp trước.



Thông số Kỹ thuật

■ Thông số Kỹ thuật của ComColor GD9630 / GD9630R / GD7330 / GD7330R

Chức năng Cơ bản và Chức năng In

Tên Model	ComColor GD9630/GD9630R: 63A01 ComColor GD7330/GD7330R: 63A03		
Loại	Bảng điều khiển		
Hỗ trợ Màu	5 màu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen, Xám)		
Kiểu In	Hệ thống in phun dòng		
Loại Mực	Mực màu dầu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen, Xám)		
Độ phân giải của bản in	Tiêu chuẩn Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Tinh chỉnh Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)		
Số cấp độ màu xám	Đen: 4 cấp độ màu xám Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 12 cấp độ màu xám		
Độ phân giải Xử lý Dữ liệu	Tiêu chuẩn Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Độ phân giải cao Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Làm nhẵn Dòng 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)		
Thời gian Khởi động	2 phút 30 giây trở xuống (ở nhiệt độ phòng 23 °C)		
Thời gian In Lần đầu ¹	5 giây trở xuống (A4-LEF ⁷)		
Tốc độ In Liên tục ^{2,6}	ComColor GD9630/ GD9630R	A4-LEF ⁷	In đơn công: 160 ppm In song công: 80 tờ/phút
		A4	In đơn công: 120 ppm In song công: 60 tờ/phút
		JIS-B4	In đơn công: 102 ppm In song công: 44 tờ/phút
		A3	In đơn công: 88 ppm In song công: 42 tờ/phút
	ComColor GD7330/ GD7330R	A4-LEF ⁷	In đơn công: 130 ppm In song công: 65 tờ/phút
		A4	In đơn công: 104 ppm In song công: 52 tờ/phút
		JIS-B4	In đơn công: 88 ppm In song công: 42 tờ/phút
		A3	In đơn công: 78 ppm In song công: 38 tờ/phút

Chương 9 Phụ lục

Khổ Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Tối đa: 340 mm × 550 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
	Khay Nạp	Tối đa: 297 mm × 432 mm Tối thiểu: 182 mm × 182 mm
Khu vực Có thể in		314 mm × 548 mm
Khu vực In Đảm bảo ³		Tiêu chuẩn: Lề rộng 3 mm Tối đa: Lề rộng 1 mm
Trọng lượng giấy	Khay Tiêu chuẩn	46 g/m ² đến 210 g/m ² (giấy phẳng)
	Khay Nạp	52 g/m ² đến 104 g/m ² (giấy phẳng)
Dung tích Khay Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Cao tối đa 110 mm
	Khay Nạp	Cao tối đa 56 mm (3 khay)
Dung tích Khay Giấy ra		Cao tối đa 60 mm
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)		RISORINC/C IV
Giao thức được Hỗ trợ		TCP/IP, HTTP, HTTPs (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Giao diện Mạng		Ethernet 1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T (2ch)
Dung lượng Bộ nhớ		4 GB
Ổ Cứng ⁴	Dung lượng	500 GB
	Dung lượng trống Khả dụng	Xấp xỉ 430 GB
Hệ điều hành		Linux
Nguồn Điện		AC 100 V - 240 V, 50 Hz - 60 Hz, 12,0 A - 6,0 A
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 1.200 W
		Sẵn sàng ⁵ : 150 W trở xuống
		Ngủ ⁸ : 4 W trở xuống
		Chờ: 0,5 W trở xuống
Tiếng ồn Vận hành		Tối đa 66 dB (A) A4-LEF (In đơn công) ở tốc độ in tối đa
Mức áp suất âm thanh theo trọng số A ⁹		Tối đa 75 dB A4-LEF (In đơn công) Đơn sắc/Màu: 160 ppm
Môi trường Vận hành		Nhiệt độ: 15 °C đến 30 °C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)
Kích thước (R × S × C)		Thông dụng: 1.220 mm × 725 mm × 1.160 mm Khi đóng nắp và khay: 1.160 mm × 705 mm × 1.015 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 175 kg
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bẩn trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (R × S × C)		Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.220 mm × 1.240 mm × 1.160 mm

1 Trong vòng 10 phút sau lệnh in cuối cùng

2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²) và cài đặt mật độ chuẩn
Biểu đồ được sử dụng: Mô hình đo lường bản in [Mẫu đo lường màu 2 (mô hình tiêu chuẩn JEITA J6)]

3 Lề khi in bì thư là 10 mm.

Khu vực đảm bảo khi in hình ảnh là khu vực nằm trong phạm vi 3 mm tính từ mép giấy.

4 Một gigabyte (GB) được tính là 1 tỷ byte.

- 5 Không có thao tác in và điều chỉnh nhiệt độ
- 6 Tốc độ in liên tục phụ thuộc vào loại thiết bị đầu ra tùy chọn được kết nối.
Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (In đơn công A4-LEF)
Không có điều chỉnh:
160 tờ/phút (ComColor GD9630/GD9630R)
130 tờ/phút (ComColor GD7330/GD7330R)
Có điều chỉnh: 125 tờ/phút
Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (In đơn công A4-LEF)
Không có điều chỉnh:
160 tờ/phút (ComColor GD9630/GD9630R)
130 tờ/phút (ComColor GD7330/GD7330R)
Có điều chỉnh:
110 tờ/phút (ComColor GD9630/GD9630R)
95 tờ/phút (ComColor GD7330/GD7330R)
- 7 LEF nghĩa là "Long Edge Feed" (Nạp mép dài)
- 8 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].
- 9 Khi sử dụng giấy phẳng (62 g/m²)

■ Thông số Kỹ thuật của ComColor GD9631 / GD9631R

Chức năng Cơ bản và Chức năng In

Tên Model		ComColor GD9631/GD9631R: 63A02
Loại		Bảng điều khiển
Hỗ trợ Màu		5 màu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen, Xám)
Kiểu In		Hệ thống in phun dòng
Loại Mực		Mực màu đầu (Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Đen, Xám)
Độ phân giải của bản in		Tiêu chuẩn Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Độ phân giải cao Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)
Số cấp độ màu xám		Đen: 4 cấp độ màu xám Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 12 cấp độ màu xám
Độ phân giải Xử lý Dữ liệu		Tiêu chuẩn Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 300 dpi (hướng quét phụ) Độ phân giải cao Đen: 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Lục lam, Đỏ tươi, Vàng, Xám: 300 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ) Làm nhẵn Dòng 600 dpi (hướng quét chính) × 600 dpi (hướng quét phụ)
Thời gian Khởi động		2 phút 30 giây trở xuống (ở nhiệt độ phòng 23 °C)
Thời gian In Lần đầu ¹		5 giây trở xuống (A4-LEF ⁷)
Tốc độ In Liên tục ^{2,6}	A4-LEF ⁷	In đơn công: 160 ppm In song công: 80 tờ/phút
	A4	In đơn công: 120 ppm In song công: 60 tờ/phút
	JIS-B4	In đơn công: 102 ppm In song công: 44 tờ/phút
	A3	In đơn công: 88 ppm In song công: 42 tờ/phút
Khổ Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Tối đa: 340 mm × 550 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
Khu vực Có thể in		314 mm × 548 mm
Khu vực In Đảm bảo ³		Tiêu chuẩn: Lề rộng 3 mm Tối đa: Lề rộng 1 mm
Trọng lượng giấy	Khay Tiêu chuẩn	46 g/m ² đến 210 g/m ² (giấy phẳng)
Dung tích Khay Giấy	Khay Tiêu chuẩn	Cao tối đa 110 mm
Dung tích Khay Giấy ra		Cao tối đa 60 mm
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)		RISORINC/C IV
Giao thức được Hỗ trợ		TCP/IP, HTTP, HTTPs (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Giao diện Mạng		Ethernet 1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T (2ch)
Dung lượng Bộ nhớ		4 GB

Ổ Cứng ⁴	Dung lượng	500 GB
	Dung lượng trống Khả dụng	Xấp xỉ 430 GB
Hệ điều hành	Linux	
Nguồn Điện	AC 100 V - 240 V, 50 Hz - 60 Hz, 12,0 A - 6,0 A	
Mức tiêu thụ Điện năng	Tối đa 1.200 W	
	Sẵn sàng ⁵ : 150 W trở xuống	
	Ngủ ⁸ : 4 W trở xuống	
	Chờ: 0,5 W trở xuống	
Tiếng ồn Vận hành	Tối đa 66 dB (A) A4-LEF (In đơn công) ở tốc độ in tối đa	
Mức áp suất âm thanh theo trọng số A ⁹	Tối đa 75 dB A4-LEF (In đơn công) Đơn sắc/Màu: 160 ppm	
Môi trường Vận hành	Nhiệt độ: 15 °C đến 30 °C Độ ẩm: 40% đến 70% RH (không ngưng tụ)	
Kích thước (R × S × C)	Thông dụng: 1.220 mm × 725 mm × 1.160 mm Khi đóng nắp và khay: 1.160 mm × 705 mm × 1.015 mm	
Trọng lượng	Xấp xỉ 160 kg	
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bẩn trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.	
Kích thước Khi Vận hành (R × S × C)	Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.220 mm × 1.240 mm × 1.160 mm	

- 1 Trong vòng 10 phút sau lệnh in cuối cùng
- 2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²) và cài đặt mật độ chuẩn
Biểu đồ được sử dụng: Mô hình đo lường bản in [Mẫu đo lường màu 2 (mô hình tiêu chuẩn JEITA J6)]
- 3 Lề khi in bì thư là 10 mm.
Khu vực đảm bảo khi in hình ảnh là khu vực nằm trong phạm vi 3 mm tính từ mép giấy.
- 4 Một gigabyte (GB) được tính là 1 tỷ byte.
- 5 Không có thao tác in và điều chỉnh nhiệt độ
- 6 Tốc độ in liên tục phụ thuộc vào loại thiết bị đầu ra tùy chọn được kết nối.
Khi dùng bộ hoàn thiện úp xuống (In đơn công A4-LEF)
Không có điều chỉnh: 160 tờ/phút
Có điều chỉnh: 125 tờ/phút
Khi dùng bộ xếp giấy sức chứa lớn (In đơn công A4-LEF)
Không có điều chỉnh: 160 tờ/phút
Có điều chỉnh: 110 tờ/phút
- 7 LEF nghĩa là "Long Edge Feed" (Nạp mép dài)
- 8 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].
- 9 Khi sử dụng giấy phẳng (62 g/m²)

■ Máy quét HS7000 (Tùy chọn)

Chức năng Sao chép và Chức năng Quét

Loại		Máy quét kính phẳng với Bộ nạp Tài liệu Tự động (ADF)
Chế độ Quét		Chế độ Sao chép: Màu, Đơn sắc, Tự động, Lục lam, Đổ tươi Chế độ Quét: Màu, Đơn sắc, Tự động, Thang độ xám
Độ phân giải Quét		600 dpi, 400 dpi, 300 dpi hoặc 200 dpi
Diện tích Quét Tối đa		303 mm × 432 mm (khi sử dụng kính tấm ép giấy) 295 mm × 430 mm (khi sử dụng ADF)
Chức năng Sao chép	Độ phân giải Ghi	Tiêu chuẩn: 300 dpi × 300 dpi Tinh chỉnh: 300 dpi × 600 dpi
	Khổ Giấy Sao chép	Tối đa: 303 mm × 432 mm (tương ứng với A3)
	Thời gian Sao chép Lần đầu	Đơn sắc/Màu: 7 giây trở xuống (khi sao chép theo hướng A4-LEF bằng Chế độ Ưu tiên Màu)
	Tốc độ sao chép	Sao chép Đơn công (A4-LEF, bằng ADF): 70 ppm trở lên Sao chép Song công (A4-LEF, bằng ADF): 70 ppm trở lên
	Kích thước Bản tái tạo	50% đến 200% (chế độ Sao chép) 50% đến 200% (Chế độ máy quét, độ phân giải: 200/300 dpi), chỉ 100% (Chế độ máy quét, độ phân giải: 400/600 dpi)
ADF	Loại	Thay thế nguồn bản gốc (có thể quét cả hai mặt tài liệu bằng chế độ quét song công đồng thời)
	Kích thước Bản gốc	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 100 mm × 148 mm
	Trọng lượng giấy	52 g/m ² đến 128 g/m ²
	Dung lượng Bản gốc	Tối đa 200 tờ: 80 g/m ² Cao tối đa 25 mm
Chức năng Quét	Cấp độ Màu xám khi Quét	Đầu vào 10 bit và đầu ra 8 bit đối với mỗi màu RGB
	Tốc độ Quét	Đơn sắc/Màu: 100 ppm * Bản gốc tiêu chuẩn RISO KAGAKU (A4-LEF), 300 dpi, JPEG, PDF, khi lưu trữ vào ổ cứng của thiết bị chính
	Giao diện Mạng ¹	Ethernet 1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T
	Phương thức lưu dữ liệu ¹	Lưu vào ổ cứng của thiết bị chính, máy chủ hoặc ổ flash USB hoặc gửi qua e-mail
	Định dạng lưu dữ liệu ¹	Đơn sắc: TIFF, PDF, PDF/A Thang độ xám/Màu Đầy đủ: TIFF, JPEG, PDF, PDF/A
Nguồn Điện		AC 100 V - 240 V, 1,2 A - 0,6 A, 50 Hz - 60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 100 W
Kích thước (R × S × C)		640 mm × 560 mm × 255 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 25 kg
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.

Kích thước Khi Vận hành (khi được kết nối với thiết bị chính) (R x S x C)	Thông dụng: 1.235 mm x 825 mm x 1.260 mm Khi mở nắp trước và bảng vận hành ở vị trí thẳng đứng: 1.235 mm x 1.345 mm x 1.635 mm
---	--

- 1 Qua bộ điều khiển máy chủ cục bộ

■ Bộ hoàn thiện Úp Xuống G10 (Tùy chọn)

Loại	Thiết bị Bên ngoài
Chức năng Hoàn thiện	Điều chỉnh giấy ra, dập ghim
Khổ Giấy	Không điều chỉnh Tối đa: 340 mm × 550 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
	Điều chỉnh giấy ra Độ rộng giấy có kích thước thông thường: 182 mm × 257 mm - 297 mm × 431,8 mm Độ rộng giấy có kích khác thường: 131 mm × 148 mm - 305 mm × 550 mm
Trọng lượng giấy	46 g/m ² đến 210 g/m ²
Dung tích Khay	Cao tối đa 108 mm
Số Ghim dập Tối đa	50 tờ* A4, A4-LEF, JIS-B5, JIS-B5-LEF, Letter, Letter-LEF 25 tờ* A3, JIS-B4, Ledger, Legal, Foolscap * Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m ²)
Khổ Giấy để Dập ghim	A3, JIS-B4, A4, A4-LEF, JIS-B5, JIS-B5-LEF, Ledger, Legal, Letter, Letter-LEF, Foolscap
Trọng lượng Giấy để Dập ghim	52 g/m ² đến 210 g/m ² (giấy phẳng, giấy tái chế)
Vị trí Dập ghim	1 ở mặt trước (dập ghim tại góc) 1 ở mặt sau (dập ghim tại góc) 2 ở giữa (dập ghim song song)
Nguồn Điện	AC 100 V - 240 V, 1,2 A - 0,6 A, 50 Hz - 60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng	Tối đa 110 W
Kích thước (R × S × C)	760 mm × 680 mm × 585 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 30 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ “2” tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước Khi Vận hành (khi được kết nối với thiết bị chính) (R × S × C)	1.440 mm × 1.240 mm × 1.345 mm

■ Bộ nạp Sức chứa Lớn G10 (Tùy chọn)

Loại	Thiết bị Bên ngoài
Khổ Giấy	Tối đa: 340 mm × 465 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm
Loại Giấy và Trọng lượng	46 g/m ² đến 210 g/m ² (giấy phẳng, giấy tái chế, bì thư, bìa thiệp)
Dung tích khay	Cao tối đa 440 mm
Nguồn Điện	AC 100 V - 240 V, 1,0 A - 0,5 A, 50 Hz - 60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng	Tối đa 100 W
	Sẵn sàng ¹ : 30 W trở xuống
	Ngủ ² : 30 W trở xuống
	Chờ: 0,5 W trở xuống
Tiếng ồn Vận hành	Tối đa 68 dB (A) A4-LEF (In đơn công/ In song công) ở tốc độ in tối đa
Kích thước (R × S × C)	790 mm × 630 mm × 740 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 69 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước khi được kết nối với thiết bị chính (R × S × C)	1.565 mm × 1.240 mm × 1.160 mm

1 Không có thao tác in

2 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].

■ Bộ xếp giấy Sức chứa Lớn G10 (Tùy chọn)

Loại	Thiết bị Bên ngoài
Chức năng Hoàn thiện	Sắp xếp, xếp chồng (điều chỉnh)
Khổ Giấy	Tối đa: 340 mm × 460 mm Tối thiểu: 90 mm × 148 mm Điều chỉnh: 90 mm × 182 mm - 340 mm × 432 mm (Bì thư không được chấp nhận.)
Loại Giấy và Trọng lượng	46 g/m ² đến 210 g/m ² (giấy phẳng, giấy tái chế, bưu thiếp)
Dung tích Khay	Sắp xếp: Cao tối đa 440 mm ¹ Điều chỉnh: Cao tối đa 405 mm ²
Nguồn Điện	AC 100 V - 240 V, 1,4 A - 0,7 A, 50 Hz - 60 Hz
Mức tiêu thụ Điện năng	Tối đa 140 W
	Sẵn sàng ³ : 30 W trở xuống
	Ngủ ⁴ : 30 W trở xuống
	Chờ: 0,5 W trở xuống
Tiếng ồn Vận hành	68 dB (A) trở xuống A4-LEF (In đơn công/In song công) ở tốc độ in tối đa
Kích thước (R × S × C)	1.000 mm × 700 mm × 960 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 135 kg
Thông tin An toàn	Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bẩn trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước khi được kết nối với thiết bị chính (R × S × C)	2.210 mm × 1.315 mm × 1.160 mm

- 1 Cao tối đa 110 mm đối với giấy có kích thước khác thường, bì thư, bưu thiếp hoặc A5
- 2 Không áp dụng cho giấy có kích thước khác thường, bì thư, bưu thiếp hoặc A5, v.v.
- 3 Không có thao tác in
- 4 Khi cài đặt [Tiêu thụ Điện năng (khi Ngủ)] thành [Thấp].

■ Bộ hoàn thiện Đa chức năng FG10 (Tùy chọn)

Loại		Thiết bị Bên ngoài
Loại Khay	Khay Trên cùng	Sắp xếp, xếp chồng
	Khay Xếp chồng	Sắp xếp, xếp chồng (điều chỉnh)
	Khay Sách nhỏ	Sách nhỏ, Gập giấy
Khổ Giấy	Khay Trên cùng ¹	Tối đa: 330 mm × 488 mm Tối thiểu: 100 mm × 148 mm
	Khay Xếp chồng ¹	Tối đa: 330 mm × 488 mm Tối thiểu: 182 mm × 182 mm
	Dập ghim	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 203 mm × 182 mm
	Khay Sách nhỏ ¹	Tối đa: 330 mm × 457 mm Tối thiểu: 210 mm × 280 mm
Trọng lượng giấy	Khay Trên cùng	52 g/m ² đến 210 g/m ²
	Khay Xếp chồng	52 g/m ² đến 210 g/m ²
	Khay Sách nhỏ	60 g/m ² đến 90 g/m ² (bia: 60 g/m ² đến 210 g/m ²)
Dung tích Khay	Khay Trên cùng	Cao tối đa 50 mm
	Khay Xếp chồng	Cao tối đa 200 mm
	Khay Sách nhỏ	Cao tối đa 50 mm
Tốc độ giấy ra	Tốc độ giấy ra tối đa	125 tờ/phút ⁵
	In có dập ghim	80 tờ/phút ⁶ (ComColor GD9630/GD9630R/GD9631/GD9631R) 65 tờ/phút ⁶ (ComColor GD7330/GD7330R)
	Bản ra sole	80 tờ/phút ⁶ (ComColor GD9630/GD9630R/GD9631/GD9631R) 65 tờ/phút ⁶ (ComColor GD7330/GD7330R)
	In sách nhỏ	2 cuốn sách/phút ⁷
Dập ghim	Số Ghim dập Tối đa ²	100 tờ A4, A4-LEF, JIS-B5-LEF, Letter, Letter-LEF 65 tờ A3, JIS-B4, Ledger, Legal, Foolscap
	Khổ Giấy	Tối đa: 297 mm × 432 mm (tương ứng với A3) Tối thiểu: 203 mm × 182 mm (tương ứng với JIS-B5-LEF)
	Vị trí Dập ghim	1 ở mặt trước (dập ghim tại góc), 1 ở mặt sau (dập ghim tại góc ³ , dập ghim song song), 2 ở giữa (dập ghim song song)
Đục lỗ	Số lỗ	2 lỗ, 4 lỗ
	Khổ Giấy	2 lỗ: A3, JIS-B4, A4-LEF, A4, JIS-B5-LEF, Ledger, Legal, Letter-LEF, Letter 4 lỗ: A3, A4-LEF, Ledger, Letter-LEF
	Trọng lượng giấy	52 g/m ² đến 200 g/m ²
Tạo Sách nhỏ (Mép giữa/gập đôi)	Số Tờ Tối đa ^{2 4}	Mép Giữa: 15 tờ (60 trang) Gập đôi: 5 tờ (20 trang)
Nguồn Điện		AC 100 V - 240 V, 50 Hz - 60 Hz, 2,0 A - 1,0 A
Mức tiêu thụ Điện năng		Tối đa 175 W
Tiếng ồn Vận hành (khi sử dụng bộ hoàn thiện đa chức năng)		68 dB (A) trở xuống
Kích thước (R × S × C)		1.120 mm × 765 mm × 1.130 mm

Chương 9 Phụ lục

Trọng lượng		Xấp xỉ 131 kg
Thông tin An toàn		Loại trong nhà, độ ô nhiễm 2*, Ở độ cao 2.000 m trở xuống so với mặt nước biển * Độ ô nhiễm của môi trường sử dụng do bụi bản trong không khí. Độ "2" tương ứng với môi trường trong nhà nói chung.
Kích thước (khi được kết nối với thiết bị chính) (R × S × C)	Có thiết bị gập	Thông dụng: 2.520 mm × 765 mm × 1.160 mm
		Có nắp và khay được mở rộng: 2.520 mm × 1.340 mm × 1.160 mm
	Không có thiết bị gập	Thông dụng: 2.315 mm × 765 mm × 1.160 mm
		Có nắp và khay được mở rộng: 2.315 mm × 1,280 mm × 1.160 mm

- 1 Khi in màu trên giấy dài hơn 432 mm, hình ảnh in vượt ra ngoài 432 mm có thể bị méo.
- 2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²)
- 3 Dập ghim tại góc ở mặt sau chỉ khả dụng với khổ A4-LEF và A3.
- 4 Bao gồm bia được thêm vào.
- 5 A4-LEF
- 6 A4-LEF, một tài liệu 10 trang
- 7 A4-SEF, một tài liệu 60 trang (15 tờ)

■ Thiết bị Gập FG10 (Tùy chọn)

Khổ Giấy để Gập	Gập chữ Z ¹	A3, JIS-B4, Ledger
	Gập ba (Gập Ba Bên ngoài/ Gập Ba Bên trong)	A4, Letter
Trọng lượng giấy để gập		60 g/m ² đến 90 g/m ² (giấy phẳng, giấy tái chế)
Dung tích khay Giấy ra Gập Ba ²		Xấp xỉ 30 tờ
Số tờ mỗi lần gập		1 tờ
Kích thước (R × S × C)		210 mm × 622 mm × 1.002 mm
Trọng lượng		Xấp xỉ 40 kg

- 1 Khi bản in được xuất ra khay xếp chồng, số trang xếp chồng tối đa khác nhau theo khổ giấy.
(Giấy A3: 30 trang, giấy JIS-B4: 20 trang)
- 2 Khi sử dụng giấy phẳng và giấy tái chế (85 g/m²)

■ Bộ PS FG10 (Tùy chọn)

Máy in Tương thích	ComColor GD series
Loại	Tùy chọn RIP
PDL (Ngôn ngữ Mô tả Giấy)	PostScript® Level3 (CPSI:3019) ¹ PDF (1.7) PCL 5c, PCL 6 (PCL XL) ² TIFF (6.0) ³
Giao thức được Hỗ trợ	TCP/IP, HTTP, HTTPS (TLS), DHCP, ftp, lpr, IPP, SNMP, Port9100 (RAW port), IPv4, IPv6, IPSec
Phông chữ Đã cài đặt	PS: 136 phông chữ La Mã và 2 phông chữ tiếng Nhật PCL: 88 phông chữ La Mã

- 1 Công cụ Adobe chính hãng
- 2 RISO sẽ không cung cấp bất kỳ trình điều khiển máy in PCL nào. Đối với bản in PCL, các chức năng khả dụng khác với các chức năng khi in qua trình điều khiển máy in PS. Nếu bạn cần sử dụng các chức năng không khả dụng cho bản in PCL, hãy in qua trình điều khiển máy in PS.
- 3 Đối với bản in TIFF, các chức năng khả dụng khác với các chức năng khi in qua trình điều khiển máy in PS.

Vật tư Tiêu hao

Bạn nên sử dụng sản phẩm vật tư tiêu hao được liệt kê dưới đây.

Thông số kỹ thuật và loại vật tư tiêu hao có thể thay đổi mà không có thông báo.

Để biết thông tin về giá, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của bạn.

Hộp mực

Loại	Màu	Số lượng	Đơn vị
Hộp mực ComColor GD	Lục lam Đỏ tươi Vàng Xám Đen	TÍNH 1.000 ml	1 chiếc
Hộp mực ComColor GD (E)	Lục lam Đỏ tươi Vàng Xám Đen	TÍNH 1.000 ml	
Hộp mực ComColor GD R	Lục lam Đỏ tươi Vàng Xám Đen	TÍNH 1.000 ml	
Hộp mực ComColor GD R (E)	Lục lam Đỏ tươi Vàng Xám Đen	TÍNH 1.000 ml	

Sử dụng hộp mực trong vòng 24 tháng từ ngày sản xuất (khi được bảo quản trong nhiệt độ phòng).

Để đạt chất lượng in tối ưu, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hộp mực càng sớm càng tốt sau khi mua.

Bạn có thể tìm ngày sản xuất trên hộp mực.

Hộp Ghim dập

Ghim dập dự phòng dành cho bộ hoàn thiện úp xuống G10.

Loại	Số lượng
Ghim dập ComColor 50	15.000 Chiếc/Hộp

Chỉ mục

Số

2 mặt/1 mặt 1-11, 2-8

A

ADF 13

B

B.gốc k.cỡk.hộp 1-13, 2-9

B.gốc k.thc k.hộp 3-11

Bì thư

in trên bì thư 32

tạo ảnh bì thư 3-27

Bìa gốc 12

Bìa sách nhỏ 8-35

Bàn trượt chuyên dụng 8-19, 8-23

Bản sắc 3-25

Bản nháp 3-24

Bản ra sole 8-24, 8-36

Bản ra sole (chương trình) 8-7, 8-25, 8-37

Bản ra sole (phân tách) 8-7, 8-25, 8-39

Bản sao bổ sung 1-31

Bản sao mẫu 1-32

Bảng cảm ứng 14, 27

Bảng vận hành 13, 14

Bảo trì 9-2

Biểu tượng lệnh 36

Biểu tượng liên kết FORCEJET™ 15

Biểu tượng ngoại tuyến 15

Bộ hoàn thiện 8-2

Bộ hoàn thiện đa chức năng 8-27

Bộ nạp sức chứa lớn 8-9

Bộ nhớ 3-13

Bộ nhớ, lưu

màn hình chế độ xem 20

Bộ nhớ, tải

màn hình chế độ xem 21

Bộ PS 8-44

Bộ sắp xếp giấy 8-14

Bộ tạo gợn sóng 8-19, 8-20

Bộ xếp giấy sức chứa lớn 8-19

C

Cấp độ quét 1-12, 2-8

Cấu hình màu 3-12

Cấu hình máy in 3-32

Cài đặt trình điều khiển máy in 35

Cần gạt dẫn hướng nạp giấy 13, 8-9

Cần gạt đ.chỉnh á.lực nạp giấy 12, 8-9

Cần gạt điều chỉnh áp lực nạp giấy dẫn hướng bì thư

..... 8-9

Cần gạt điều chỉnh góc dẫn hướng bì thư 8-9

Cần gạt thiết bị gốc ADF 13

Ch.tiếp kh.giáyrá

..... 8-17, 8-18, 8-25, 8-26, 8-37, 8-43

Ch.tiếp khay giấy 1-30

Chất lượng cao 3-12

Chất lượng h.ảnh 1-20

Chất lượng Hình ảnh 3-24

Chủ s.hữu 3-28

Chế độ màu 1-7, 2-7, 3-9

Chia trang 1-14, 2-9

Chỉ định khổ giấy tùy chỉnh 3-11

Chỉ định kích thước tùy chỉnh 3-10

Chỉnh sửa thứ tự nút 1-35

Chọn chế độ xem 3-35, 4-8, 4-10, 5-7, 5-8

Chọn giấy 1-8

Chốt chặn 31

Chương trình 1-24, 3-28

Chức năng dập ghim và hướng nạp của giấy

..... 8-6, 8-31

Công tắc nguồn chính 13

Cổng USB 13

Cỡ trang 2-9

D

D.hướng giấy trog khay t.chuẩn 12, 8-9

Dẫn hướng bì thư 8-9

Dẫn hướng giấy 8-19

Dẫn hướng giấy (bên cạnh) 8-14

Dẫn hướng giấy (cuối) 8-14

Dẫn hướng gốc ADF 13

Danh sách lệnh 36

Dập ghim 8-5, 8-8, 8-30, 8-39

Dịch Chuyển Hình ảnh 8-50

Đ

Đồ tươi 1-7, 3-9

Đã sắp xếp 1-11, 3-10

Đăng nhập 30

Đặt số lượng lớn giấy 8-12

Đen 1-7, 2-7, 3-9

Đèn dữ liệu 14

Đèn lỗi 14

Đèn máy quét 12

Đèn nguồn chính 14

Đích 2-3

Địa chỉ MAC 6-6

Địa chỉ/đích 2-3

Định dạng tệp để lưu dữ liệu đã quét 2-7

Đóng nắp 8-37

Đóng Sách 8-34, 8-50

Độ phân giải 2-8

Độ sáng 3-25

Độ tương phản 3-25

Chương 9 Phụ lục

Đục lỗ 8-32, 8-39

F

Form Overlay 8-52

G

Gập 8-32, 8-41
Gập ba bên ngoài 8-32, 8-42
Gập ba bên trong 8-32, 8-42
Gập chữ Z 8-33, 8-42
Gập đôi 8-32, 8-42
Gập hình chữ Z kích thước kết hợp 8-42
Giấy IJ 3-12
Giữa các lần sắp xếp 3-22
Giữa các lệnh 3-22

H

Hình mờ 3-17
Hủy sao chép 1-3
Hủy sắp xếp 1-11, 3-10
Hiệu chỉnh gamma 1-21, 2-10, 3-25, 8-51
Hồ sơ màu 8-52
Hộp ghim dập 8-2
Hộp mực 9-4, 9-18
Hướng 3-10
Hướng gập 8-33, 8-42
Hướng góc 1-10, 2-8, 8-8, 8-40

I

In chậm 1-29, 3-30
In giấy nhiều phần 3-30
In s.công/In đ.công 3-9
In và tạm dừng 3-10

K

K.thước bản t.tạo 1-7, 2-10
Kết hợp 1-15, 3-15
Khay giấy 3-12
 thay đổi cài đặt khay giấy 1-8
Khay giấy ra 8-17, 8-24, 8-26, 8-37, 8-43
Khay giấy ra gập ba 8-27
Khay giấy ra gốc ADF 13
Khay nạp 13
Khay sách nhỏ 8-27
Khay tiêu chuẩn 12
 thêm hoặc chuyển đổi giấy 33
Khay trên cùng 8-27
Khay úp xuống 12
Khay xếp chồng 8-2, 8-19, 8-23, 8-27
Khay xếp chồng rộng 8-14
Khay xếp chồng tự động kiểm soát 8-14
Khổ giấy 3-11
Khuếch tán lỗi 3-25
Kiểm soát dẫn hướng giấy 9-3

Kiểm soát hình ảnh 1-21, 2-10
Kiểm tra cài đặt 1-32, 2-11
Kiểm tra nạp hai lần 1-8
Kiểm tra số lượng chi tiết 6-7
Kiểm tra trạng thái hiện tại của lệnh 36
Kích thước bản gốc 3-10
Kích thước quét 1-10, 2-7
Kính tấm ép giấy 12

L

L.chọn khay mỗi trang 8-49
L.kết hệ thống bên ngoài 3-36
Lấy bản in ra 8-20
Làm mềm viền 3-24
Lập lại hình ảnh 1-16, 3-16
Lề đóng nẹp 1-28, 8-8, 8-41
Loại bản gốc 1-20, 2-10, 3-24
Loại giấy 1-9, 3-12
Lối tắt ưa thích 16
Lục lam 1-7, 3-9
Lượng mực còn lại 15
Lưu dưới dạng tệp 3-13
Lưu làm mặc định 1-34
Lưu trữ, lưu
 cài đặt 4-5
 lưu tệp 4-8
 màn hình lưu tài liệu 21
 thêm thư mục 4-9
Lưu trữ, tải
 cài đặt 4-7
 sao chép sang thư mục 4-11
 sao chép sang USB 4-11
 tìm kiếm 4-10
 thay đổi cài đặt 4-10
Lưu vào ổ USB 3-13

M

Màn hình bảo trì 25
Màn hình bộ nhớ 20
Màn hình danh sách lệnh đang chờ 19
Màn hình dữ liệu biểu mẫu 8-56
Màn hình đã xong 37, 6-12
Màn hình Hoạt động / Rảnh rỗi 36, 6-12
Màn hình in 19
Màn hình I.kết hệ thống bên ngoài 24
Màn hình menu admin 25
Màn hình menu bảo trì 6-13
Màn hình menu in 6-10
Màn hình menu quét 6-9
Màn hình quét 18
Màn hình sao chép 17
Màn hình T.tin licencse 6-8
Màn hình t.tin ng.dùng 26, 6-7
Màn hình tải 6-11
Màn hình thay đổi cài đặt 20
Màn hình thông tin giấy phép 26
Màn hình thông tin hệ thống 25, 6-6

Màn hình thông tin máy	26
Màn hình trình điều khiển máy in	3-5
Màn hình Trang chủ1	15
Màn hình Trang chủ2	16
Màn hình USB	22
Màn hình Vật tư tiêu hao	6-6
Màn hình vật tư tiêu hao	25
Màu đầy đủ	1-7, 2-7, 3-9
Máy quét	12
Mã PIN	2-9, 3-28
Mã vạch	
cài đặt phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-2
in bản gốc mã vạch	7-8
vận hành Phần mềm Xác định Khu vực Mã vạch	7-4
xác định khu vực mã vạch	3-26
Mật độ bản in	1-12, 3-24
Menu tùy chỉnh	1-33, 2-12
Mép giữa	8-35, 8-38
Mục nhập thư mục	3-34
Mục nhập trên giấy tùy chỉnh	3-32
Mục yêu thích	1-31
chỉnh sửa mục yêu thích	1-33
thêm vào mục yêu thích	1-33, 3-14
Mức màu cơ sở	1-22, 2-10

N

Nạp giấy	
bộ nạp sức chứa lớn	8-10
khay nạp	31
khay tiêu chuẩn	32
Nắp chuyển	8-9
Nắp đệm khay tiêu chuẩn	8-9, 8-11
Nắp ghim dập	8-2
Nắp nhà giấy kẹt	8-2
Nắp phải	8-19, 8-27
Nắp trái	8-19, 8-27
Nắp trước	13, 8-9
Nén dữ liệu	3-24
Ngày/giờ	15
Ngắt sao chép	1-30
Ngửa lên/Úp xuống	8-17, 8-26, 8-43
Nhả nắp trước	9-3
Nhận thông tin về máy in	3-34
Nhận xét lệnh	3-28
Nhập văn bản	28
Nút bảo trì	15
Nút chế độ	15
Nút đẩy ra	8-27
Nút hạ khay tiêu chuẩn	12, 8-9
Nút hạ khay xếp chồng	8-19
Nút khay giấy ra gấp ba	8-27
Nút menu menu admin	15
Nút mở dẫn hướng giấy	8-14
Nút thông tin hệ thống	15

O

Online/Offline	3-35
Overlay	1-23

Ô

Ổ cắm bộ hoàn thiện úp xuống	8-2
Ổ cắm bộ nạp sức chứa lớn	8-9
Ổ cắm bộ xếp giấy sức chứa lớn	8-19
Ổ cắm thiết bị chính	13

P

Phủ men mờ	3-12
Phát hiện trang trống	3-30
Phải sang trái	3-16
Phân chia sách	8-35, 8-38, 8-51
Phân tách	1-27
Phiên bản	3-30
Phím bắt đầu	14
Phím chức năng	14
Phím dừng	14
Phím đánh thức	14
Phím đăng nhập/đăng xuất	14
Phím đặt lại	14
Phím ngắt kết nối	14
Phím nguồn	14
Phím số	14
Phím trang chủ	14
Phím trạng thái lệnh	14
Phím xóa	14
Phương thức xuất giấy ra	3-13, 8-49

Q

Qua máy in dùng chung	3-31
Quét ADF & tạm dừng	1-12

R

Rìa đóng sách	1-27, 3-20, 8-8, 8-33, 8-40, 8-42
RISO Console	
các thao tác bằng nút thông thường	6-5
đăng nhập	6-4
khởi động RISO Console	6-4

S

S.dụng HDD	21
Sàng lọc	3-25
Sách	1-16, 3-16
Sắc độ	3-25
Sắp xếp	1-11, 3-10
Số lượng bản copy	3-10
Số sao	17, 20, 24
Sổ địa chỉ	
chỉnh sửa sổ địa chỉ	2-13
thêm vào sổ địa chỉ	2-12

I

T.động xoay h.ảnh	1-30, 8-42
Tấm nệm	1-25, 3-22
Tìm kiếm	6-5
Tab	3-5
Tab bố cục	3-15
Tab cải tiến	3-28
Tab cơ bản	3-9
Tab hình ảnh	3-24
Tab môi trường	3-31
Tab mục yêu thích	3-14
ch. sửa mục yêu thích	3-14
danh sách	3-14
Tải lệnh đã quét xuống máy tính	6-9
Tải lệnh sao chép tiếp theo	1-3
Tem	1-17, 3-18
Tem ngày	1-18, 3-19
Tem trang	1-18, 3-18
Tem văn bản	1-19, 3-19
Tên chủ sở hữu	2-6
Tên lệnh	3-28
Tên SNMP	3-31
Tên tài liệu	2-6, 4-9, 5-8
Thẻ-IJ	3-12
Thang độ xám	2-7
Thay đổi cài đặt	
khi đang in	3-3
khi đang sao chép	1-4
Thay đổi mật khẩu đăng nhập	30, 6-8
Thêm bìa	1-27, 3-23
Thêm giấy	8-12
Thêm số lượng lớn giấy	8-13
Thiết bị chính	12
Thiết bị gập	8-27
Thu phóng	3-11
Thứ tự ngược	8-56
Tiến hành bảo trì	
khi đang sao chép	1-4
trong khi in	3-4
Tính năng tiết kiệm điện	29
Trái sang phải	3-16
Trên cùng bên trái	1-10
Trên cùng ở trên	1-10
Trên cùng/Dưới cùng	3-16

U

USB, lưu	
cài đặt	5-5
lưu tệp	5-7
màn hình chế độ xem	22
màn hình lưu tài liệu	23
USB, tải	
cài đặt	5-6, 8-58
màn hình chế độ xem	23
màn hình thay đổi cài đặt	24
sao chép sang thư mục	5-9
thay đổi cài đặt	5-9
User name	15

V

Vật tư tiêu hao	9-18
Vệ sinh đầu in	6-13, 9-2
Viền trang	1-19
Vị trí đặt khay xếp chồng	8-2
Vị trí hình ảnh	1-22, 3-19

W

Wake on LAN	3-31
-------------------	------

X

Xem số dư	26
Xem trước khi gửi	2-11
Xem trước khi lưu	4-9
Xoay	3-20
Xóa bóng sách	1-13, 2-9
Xóa địa chỉ hoặc đích	2-13
Xóa mặc định	1-34
Xử lý điểm	1-20, 3-25

